

“HẰNG NHẪN NHỤC
THƯỜNG TÌNH TẤN”

*Tưởng Niệm Tôn Sư Hòa Thượng Luật Sư Thích Đồng Minh
viên tịch ngày 17. 06. 2005 (11. 05 năm Ất Dậu)*

NHIỀU TÁC GIẢ
HOA ĐÀM Kết tập

“HẰNG NHẪN NHỤC
THƯỜNG TINH TẤN”
TƯỜNG NIỆM TÔN SƯ
HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ THÍCH ĐỒNG MINH
viên tịch ngày 17. 06. 2005 (11.05 năm Ất Dậu)

LOTUS MEDIA
PHẬT LỊCH 2565-DƯƠNG LỊCH 2021
Ấn tổng

**“HÀNG NHẪN NHỤC | THƯỜNG TINH TẤN”
TƯỜNG NIỆM TÔN SƯ HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ
THÍCH ĐỒNG MINH**

Nhiều Tác Giả

Kết tập: Hoa Đàm

*Nguồn: (1) Tường Niệm Tôn Sư Hòa Thượng Luật Sư Thích Đồng Minh -
Đệ Tử biên tập, phát hành tại Việt Nam, Phật lịch 2550; (2) Trang nhà Tu
Viện Quảng Đức, Úc Đại Lợi - Mục Nhân Vật Phật Giáo Việt Nam - Thành*

Kính Tường Niệm Cố Hòa Thượng Thích Đồng Minh -

Do Thượng Tọa Thích Nguyên Tạng biên tập

Lotus Media tái bản, Phật lịch 2565

Kỹ thuật: Lotus Media

ISBN: 2370000803740

Ấn tổng

MỤC LỤC

HÓA CHỦ PHẬT HỌC VIỆN <i>Sa môn Thích Trí Giác</i>	11
NHỚ ĐỒNG MINH! <i>Hòa thượng Thích Huyền Tân</i>	13
TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ THÍCH ĐỒNG MINH (1927–2005)	15
ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG TẤN TỤNG HÒA THƯỢNG TÂN VIÊN TỊCH THÍCH ĐỒNG MINH	23
LÀM CHỦ CÁI CHẾT <i>Thích Đức Thắng</i>	27
TÔNG LÂM TÔNG TƯỢNG <i>Thích Thông Huệ</i>	46
CẢM NIỆM TÔN SƯ <i>Thích Đức Thắng</i>	69
NHỮNG LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA ÔN <i>Nguyễn An ghi</i>	74
VẮNG SÁNG BÊN ĐÔI (<i>ghi lại buổi lễ tưởng niệm và cung tiễn Kim quan</i>)	75
NÉN TÂM HƯƠNG DÂNG THẦY <i>Thích Thông Huệ</i> (<i>Tưởng niệm nhân ngày chung thất, cố Hòa Thượng Tuyên luật sư</i> <i>thượng Đồng hạ Minh</i>)	80
ÁNH MẮT SIÊU NHIÊN NỤ CƯỜI THOÁT TỤC <i>Minh Tâm</i> ..	89
NHỚ THẦY <i>Bùi Minh</i>	93

NHỮNG HẠT CÁT BIỂN | *Thích Thiện Đạo*..... 97

HOÀI ÂM (Âm Vang Hoài Niệm) | *Pháp Vũ*..... 101

TREO CAO GƯƠNG LÀNH | *Thích Tịnh Diệu*..... 105

SÓNG LƯỢN LUNG ĐỒI | *Tịnh Minh* 111

MUỘN CHỮ TỎ LÒNG, KÍNH BÚT DĂNG ÔN | *Tâm Nhân*.. 117

CẢM NIỆM CỔ HÒA THUỢNG THÍCH ĐỒNG MINH
Đức Hạnh Lê Xuân Kỳ..... 119

LỄ SỐNG VÀ CÁI CHẾT CỦA MỘT CHÂN NHÂN
Thích Nhật Hiếu..... 129

ĐÔI DÒNG SUY NGHĨ VỀ CỔ HÒA THUỢNG
TUYÊN LUẬT SƯ | *Thích Nữ Thông Nhân* 135

NHỚ VỀ ÔN | *Nguyễn Thị Hoàng Yến*..... 138

NHỚ MÃI LỜI ÔN | *Thích Thánh Trí* 142

NGƯỜI MẤT... BÀI HỌC SỐNG ĐỘNG VẪN CÒN ĐÂY
Thích Nhật Hiếu..... 148

THẦY ĐỒNG MINH NGƯỜI MẸ HIỀN |
Thích Phước Tú 154

VỊ TRÌ LUẬT CỦA THẾ HỆ THỨ HAI
Thích Tâm Nhân..... 156

THẦY | *Phúc Châu* 168

TÂM TÌNH CHIM SẾ | *Phúc Châu*..... 171

CÁNH HẠC BAY XA | *Hoàng Trí*..... 176

TIN ÔN VẮNG BÓNG | *Thích Đạo Khả*..... 180

AN NHIÊN THỊ TỊCH | *Lê Ngọc* 183

MÂY TRẮNG VẪN BAY Thích Thiện Đạo	188
NGƯỜI THỪA HÀNH DI CHÚC Thích Như Giáo	191
THEO DÒNG TƯỜNG NHỎ Bảo Quang	193
BÀI HỌC VỠ LÒNG Nguyên An.....	204
CHUYỆN PHIẾM GIỮA GIỜ Quảng Hạnh.....	208
GHI LẠI CUỘC NÓI CHUYỆN GIỮA THẦY VỚI ĐỆ TỬ Thích Đức Thắng.....	213
QUẬY-MỘT KỶ NIỆM KHÓ QUÊN Nguyên An.....	220
MỘT NGÀY HẦU THĂM THẦY Phước Thắng	223
CẦN KIỂM LÀ BẢN CHẤT VÀ TẬP QUÁN CỦA TA ĐÓ Tịnh Minh.....	226
VIỄN LY ĐẠI MỘNG Tâm Quang Vinh Hào.....	230
TỊNH HÓA NHIỆM MẪU Trần Quê Hương	231
CẢM XÚC TRƯỚC SỰ RA ĐI CỦA ÔN Diệu Tịnh.....	232
TƯỜNG NIỆM THẦY Thanh Vũ	233
TRẦM HƯƠNG TIỀN BIỆT Thanh Vũ.....	235
KÍNH BÀI TIỀN THẦY VỀ TRANG NGHIÊM ĐỘ Hạnh Cơ - Tịnh Kiên.....	236
CUNG TIỀN THẦY Huệ Đắc.....	238
BÁI BIỆT ÂN SỰ Thích Đồng Trí.....	239
NỤ CƯỜI NHƯ THỊ (Viết sau khi đánh lễ Ôn sáng 13-5-ất Dậu)	244
BÓNG AI ĐẸP SẮC VÀNG Tâm Chơn Tôn nữ Thanh Yên.....	246
LỄ VÔ THƯỜNG Nguyên Tấn	247
THƯỜNG TẠI Hạnh Cơ	248

CON THUYỀN NHẸ TÊN NH | Hạnh Cơ 249

NHỚ LỜI ÔN DẠY | Quảng Thanh 250

VỀ THĂM ÔN | Quảng Thanh..... 250

LẠY ÔN | Quảng Thanh..... 250

CỘI TÙNG NGÃ BÓNG | Thích Nữ Như Minh 251

LẠY THẦY | Phước Thắng 251

TRÁI DÒNG TÂM THỨC | Thích Thiện Đạo 252

NỖI BUỒN TIỀN BIỆT ÔN | Nguyễn Thị Hoàng Yến..... 253

ÂN SÂU LẮNG ĐỘNG | Phước Hải..... 254

KHÓC ÔN! | Nguyễn An..... 256

ĐẠI TẶNG KINH LỜI VÀNG ĐỨC PHẬT | Hồ Hương Lộc 258

BÙN KHÔNG NHUỐM ĐƯỢC
Quảng Thế Nguyễn Hoàng Phiệt 261

THIÊN THU MỘT BÓNG HÌNH | Tâm Thanh 262

NGẬM NGÙI | Lê Ngọc 264

TRĂNG TỎA HƯƠNG | Thích Đức Thắng 266

KHÓC THẦY | Thích Đức Thắng..... 266

HẠNH NGUYỄN | Huyền Chi Hựu Huyền..... 267

MỘT ÁNH SAO SA | Hạnh Cơ..... 268

CÁO PHÓ | Thích Đức Thắng..... 274

Điệu văn của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam 276

Điệu văn của Giáo Hội Phật Giáo tỉnh Khánh Hòa 280

Điệu văn của cội Tăng Ni Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức - Nha

<i>Trang, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức - Nha Trang</i>	283
<i>Điều văn của cựu Tăng Ni sinh khóa I, Trường Phật học Khánh Hòa..</i>	288
<i>Điều văn của Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam.....</i>	292
ĐIỆN THƯ	295
VÒNG HOA KÍNH VIẾNG.....	305
DANH SÁCH CÁC PHÁI ĐOÀN KÍNH VIẾNG.....	313

HÓA CHỦ PHẬT HỌC VIỆN

Hải Đức Thiền sư Thích Đồng Minh
Dem thân phụng đạo, nhẹ quên mình
Xi dầu mở hăng nuôi tăng chúng
Giáo dục khai trường dạy học sinh
Giờ học nghiêm trang y mực thước
Bình thường bình đẳng sống an khinh
Giao hảo trên dưới cùng thân mật
Lễ nghĩa thầy trò hợp chữ vinh.

SA MÔN THÍCH TRÍ GIÁC
BÚT HIỆU VĨNH CHÂU
(TRÍCH TƯỜNG VÂN THI NGŨ TẬP 35)



*Hòa Thượng Luật Sư Thích Đồng Minh
(1927–2005)*

Nhớ Đồng Minh!

Đồng Minh từ thuở cách Thiên Lâm
Tháng đợi ngày trông ruột tợ vằm
 Luống tuổi già nua nhớ tử đệ
Nào ngờ ngóng mãi mãi biệt tăm
Vào ra ngơ ngẩn ngày mòn mỏi
 Lui tới bơ phờ há lệ khâm
 Găm lại đạo đời âu cũng thế
Chim non đủ cánh biệt xa xăm.
Hòa Thượng Thích Huyền Tân



TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG LUẬT SƯ THÍCH ĐỒNG MINH (1927–2005)

- Nguyên Phó đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất miền Khuông Việt.

- Nguyên Vụ Trưởng Phật học vụ thuộc Tổng vụ Giáo dục Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

- Nguyên Phó Viện Trưởng điều hành Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức.

- Nguyên Giám học Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang-Khánh Hòa.

- Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

- Trưởng Ban Phiên dịch “Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam” Nha Trang-Khánh Hòa.

Hòa thượng húy Đỗ Châu Lâm, pháp danh Thị Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Thích Đồng Minh. Hòa Thượng sinh năm 1927 (Đinh mão), tại thôn Quan Quang, xã Nhơn Khánh,

huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngài xuất thân từ một gia đình sùng mộ Phật pháp.

Thân phụ Ngài là cụ ông: Đỗ Hoạch Thân mẫu Ngài là cụ bà: Trần Thị Tú

Hòa Thượng là con trai thứ tư, gia đình Ngài gồm có năm người con, hai trai ba gái. Hòa Thượng Thích Đồng Quán là con trai thứ ba.

- Năm 1940, Ngài theo Đại Sư Chơn Quang thế phát tại chùa Khánh Vân, thôn Văn Quang, xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Năm 1943, Ngài thọ Sa di tại Đại Giới Đàn Long Khánh. Kế đó, Thầy Quảng Hạnh đưa Ngài vào Phan Rang cho Ngài đầu sư Ngài Trí Thắng chùa Thiên Hưng, Phan Rang. Sau đó, Hòa Thượng Thiên Hưng cho Hòa Thượng đầu sư với ngài Huyền Tân trụ trì chùa Thiền Lâm, Đắc Nhơn, Phan Rang làm đệ tử, truyền dạy Kinh, Luật, Luận...

- Năm 1947 (lúc đó Ngài 19 tuổi), Ngài thọ Đại giới tại Đại Giới Đàn chùa Thiên Đức, Bình Định, do Ngài Huệ Chiếu làm Đàn Đầu và Hòa Thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp chứng minh. Vì thiếu tuổi thọ Cụ túc Ngài được Bốn sư cho thêm một tuổi và được Hội đồng Thập Sư Giới Đàn chấp thuận.

- Năm 1949, Ngài được Hòa Thượng Bốn Sư cử giữ chức Thủ tọa chùa Thiền Lâm.

- Năm 1950, Ngài được bốn sư cho ra Tăng Học Đường Nha Trang tu học. Tăng học đường Nha Trang vào lúc ấy có tên gọi là “Tăng Học Đường Nam Phần Trung Việt”. Khi vào tu học

tại Tăng Học Đường Nha Trang, Ngài được Ban giám đốc và Đại chúng đề cử giữ chức Thủ chúng để điều hành mọi sinh hoạt của chúng Tăng. Vì thế, Tăng Ni và Phật tử lúc bấy giờ gọi Ngài là “Thầy Thủ”.

- Năm 1954, Ngài được Ban giám đốc Tăng Học Đường cho phép vào Sài Gòn, tìm học một số ngành nghề thế gian, như Y tá, biến chế hóa chất... để bổ sung cho Y phương minh, Công xảo minh... làm tư lương hành đạo sau này.

- Năm 1955, để hoàn tất chương trình Đại học Phật Giáo, Ngài xin ra chùa Từ Quang Huế tham học Kinh, Luật, Luận với Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Hòa Thượng Thích Trí Quang, Hòa Thượng Thích Thiện Siêu.

- Năm 1957, sau khi hoàn tất chương trình Đại học Phật giáo tại Huế, Ngài trở về Nha Trang được Tổng Hội Phật Giáo Trung Phần phân công nghiên cứu, tổ chức, thành lập hăng Vị Trai Lá Bồ-đề để làm kinh tế tự túc cho việc đào tạo Tăng tài. Sau đó, hăng này phát triển mở thêm được hai chi nhánh; một tại Sài Gòn đặt ở chùa Giác Sanh, một tại Huế. Ba cơ sở kinh tế này đã giữ một vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn thu nhập tài chánh để đào tạo Tăng tài vào lúc bấy giờ. Ngài đã đảm nhiệm chức Giám đốc cơ sở sản xuất này, từ khi thành lập cho đến năm 1975 chuyển thế.

Cũng năm này, Tăng Học Đường Nha Trang và Phật Học Đường Báo Quốc Huế hợp lại thành lập Phật học viện Trung Phần, tại chùa Hải Đức Nha Trang (thường gọi là Phật học viện Hải Đức Nha Trang). Ngài được mời giữ chức “Trưởng ban kinh tế tự túc”, và làm Giáo thọ sư giảng dạy thường xuyên tại

Viện và các Phật học viện phụ cận trong những năm sau đó.

- Năm 1963, Ngài là thành viên Ủy ban Bảo vệ Phật giáo tại Nha Trang Khánh Hòa, cùng với Tăng Ni Phật tử vận động tranh đấu, chống lại chính sách độc tài kỳ thị tôn giáo của chính quyền gia đình trị Ngô Đình Diệm.

- Năm 1967, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mời Ngài giữ chức Phó Đại Diện miền Khuông Việt, bao gồm các tỉnh Cao Nguyên Trung Phần.

- Năm 1968, Ngài giữ chức Vụ Trưởng Phật Học Vụ thuộc Tổng vụ Giáo dục Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, lo việc giáo dục, đào tạo Tăng tài, điều phối và chăm sóc các Phật học viện toàn miền Nam lúc bấy giờ.

- Năm 1970, Phật học viện Hải Đức Nha Trang mở lớp chuyên khoa Phật học. Ngài được mời giữ chức Giám Học, thường xuyên đôn đốc việc tu học cho Tăng Ni sinh.

- Năm 1974, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang được thành lập do Hòa Thượng Thích Thiện Siêu làm Viện trưởng, Ngài được mời giữ chức Phó Viện Trưởng điều hành, theo dõi chăm sóc mọi sinh hoạt của Viện.

Từ ngày thành lập Phật học viện đến Viện Cao Đẳng, Ngài và Ngài Trừng San là hai vị trụ lý đắc lực cho Hòa Thượng Giám Viện Thích Trí Thủ.

- Năm 1978, khi Hòa Thượng Thiện Hòa viên tịch, Ngài vào Sài Gòn dự lễ tang. Trên đường trở về, Ngài bị chính quyền bắt tại ngã ba Bình Tuy vì lý do không mang giấy tờ tùy thân. Thế nhưng Ngài bị chính quyền giam giữ trong thời gian suốt hai

năm mà không đưa ra tòa xét xử và, cho ra khỏi tù với giấy tạm tha mang tội danh “*Tội nuôi Tăng, dạy chúng*”. Trong thời gian Ngài bị giam giữ, Ngài dịch bộ luật Tiểu (4 quyển) ra văn vần tiếng Việt và, học thuộc lòng ở trong tù.

Sau khi Ngài ra khỏi nhà tù, Vì bản hoài sách tấn Tăng Ni nghiêm trì giới luật, thể hiện tư cách trưởng tử Như Lai, phụng sự Đạo Pháp, nên Ngài đã dụng công nghiên cứu Luật Tạng.

Và cũng bắt đầu từ năm 1978 đến năm 1992 theo thứ tự thời gian, năm 1982, 1983 Ngài được Hòa Thượng Thích Trí Thủ mời vào Tu viện Quảng Hương Già Lam để an cư và dạy Luật cho chúng Tăng tại đây và Phật học Vạn Hạnh. Sau đó Ngài đã dịch các bộ Luật từ Hán sang Việt gồm có: năm 1987 bộ Trùng Trị (18q), 1988 Tỳ kheo Giới bốn só nghĩa, và theo thứ tự thời gian Ngài dịch 3 bộ luật: Căn bản nhất thiết hữu bộ Tỳ-nại-da (50q) Căn bản nhất thiết hữu bộ Bí-sô-ni Tỳ-nại-da (20q), Sa-di-tắc bộ hòa hê Ngũ phần luật (30q), Tứ phần luật (60q) theo hệ thống Hán tạng trong Đại chánh tân tu Đại Tạng Kinh.

Năm 1991, Ngài được Hội Đồng Phiên dịch Luật Tạng Phật Giáo Việt Nam mời làm thành viên (Do Phân viện nghiên cứu Phật Học Hà Nội thành lập).

Năm 1993, Ngài được cung thỉnh làm Tuyên Luật Sư cho Đại Giới Đàn Trí Thủ I, mở ra tại chùa Long Sơn Nha Trang-Khánh Hòa.

Năm 1995, được sự tài trợ của Hòa Thượng Thích Tịnh Hạnh ở Đài Loan, Ngài tổ chức đào tạo một lớp học tập phiên dịch cho Tăng Ni. Sau đó, tiếp tục hướng dẫn Tăng, Ni, Cư sĩ dịch được nhiều bộ Kinh trong Tạng Đại Chánh Tân Tu. Đồng thời

Ngài đứng ra chứng nghĩa tất cả các bản dịch đó.

Năm 1996, Ngài được cung thỉnh làm Tuyên Luật Sư cho Đại Giới Đàn Thiện Hòa tại Đại Tòng Lâm, Bà Rịa Vũng Tàu.

Năm 1997, Ngài được cung thỉnh làm Tuyên luật sư cho Đại Giới Đàn Trí Thủ II, mở ra tại chùa Long Sơn Nha Trang-Khánh Hòa.

Năm 2001, Ngài được cung thỉnh làm Tuyên luật sư cho Đại Giới Đàn Trí Thủ III, mở ra tại chùa Long Sơn Nha Trang Khánh Hòa.

Cũng trong năm này, Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa cung thỉnh Ngài làm chứng minh và cố vấn cho Tỉnh Hội. Đồng thời, Ban Tăng Sự và Ban Giáo dục Tăng Ni của Tỉnh Hội cũng thỉnh Ngài làm cố vấn cho hai Ban đó.

Năm 2002, theo sự gợi ý của Ngài và được sự hỗ trợ của các Pháp Hữu ở Hải ngoại, Ngài đích thân đứng ra thành lập ban “*Phiên Dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam*”, Ngài giữ chức vụ Trưởng ban, đồng thời Ngài hướng dẫn trực tiếp Tăng Ni, và Cư sĩ phiên dịch. Từ đó đến nay đã dịch được nhiều Kinh sách và lưu hành rộng rãi cả trong nước lẫn ngoài nước.

Năm 2003, Ngài được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam mời giữ chức Phó Viện Trưởng.

Ngoài những Phật sự trên ra, Ngài còn hướng dẫn phiên dịch và chứng nghĩa từ tập 1 đến tập 17 Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh.

Song song với công việc dịch thuật và chứng nghĩa ra, Ngài là vị Giáo Thọ Trưởng Trường Trung Cấp Phật Học Khánh Hòa,

Ni Viện Diệu Quang và giảng luật cho chư Tăng, Ni trong những ngày Bồ Tát thuyết giới tại tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa.

Sau thời gian hai tháng lâm bệnh, mặc dù được Môn đồ, Pháp quyến, cùng các y bác sĩ của bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa và bệnh viện Chợ Rẫy Sài Gòn đã tận tình chạy chữa, nhưng vì duyên đủ để biến hoại, nên Ngài đã an nhiên thị tịch trong tư thế kiết tường vào lúc 18 giờ 35 phút ngày 17 tháng 6 năm 2005 (nhằm ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu) tại chùa Long Sơn, Nha Trang-Khánh Hòa.

- Trụ thế 79 năm, hạ lạp 59.

- Tuy Ngài đã trực vãng Tây phương thượng phẩm thượng sanh, nhưng với gương sáng nghiêm trì giới luật, giới châu thanh tịnh, phạm hạnh thanh cao, tri túc đơn giản, tinh tấn kham nhẫn tu hành, cộng với lòng từ bi, hỷ xả và công nguyện tiếp dẫn hậu lai của Ngài vẫn còn sáng tỏ rạng soi, đáng để cho các hàng Thích tử hậu tấn chúng ta noi theo làm sạch thân tâm, phụng sự đạo pháp, hóa độ quần sanh trong việc tự độ tha.

Thiền Lâm, ngày 04 tháng 8 năm 2005 nhân ngày chung thất trai tuần.

MÔN ĐỒ PHÁP PHÁI ĐỆ TỬ

phụng soạn



ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG
THÍCH TRÍ QUANG
TẤN TỤNG HÒA THƯỢNG
TÂN VIÊN TỊCH
THÍCH ĐỒNG MINH

PHIÊN ÂM

Đồng Minh tỳ kheo thiện qui chân tế
PHỤNG CÚNG CHÚNG TRUNG TÔN¹
THIỆN THUẬN GIẢI THOÁT GIỚI²

¹ “*Chúng trung tôn*” là bậc có giới đức cao tốt, được tôn quý, kính trọng nhất trong đại chúng. Ở đây có ý nói, Hòa thượng Đồng Minh là bậc đạo cao đức trọng hiếm có trên đời, được tất cả mọi người đều tôn quý.

² Chữ “*thiện*” trong câu chữ Hán có nghĩa là trọn vẹn, không có chút lỗi lầm, sơ sót nào. Từ “*thuận giải thoát giới*” trong câu chữ Hán là ý nghĩa của tiếng Phạn “*ba-la-đề-mộc-xoa*”, tức giới luật. Giới luật có công năng phòng hộ thân tâm, diệt trừ mọi phiền não, làm cho người tu hành giải thoát ba cõi. Chữ “*thuận*” tức là tùy thuận. Giới luật thuận theo quá giải thoát, cho nên nói là “*tùy thuận giải thoát giới*”, hay “*thuận giải thoát giới*”. Câu này nói lên cái thấy tinh tường của tác giả về Hòa thượng Đồng Minh, và đó là lí do tại sao trong câu đầu tác giả đã xưng tụng Hòa thượng là bậc “*Chúng trung tôn*”.

BÌNH TỬ BẤT KHỔ THÂN³
THỊ THẮNG DỊ THỰC TƯỚNG⁴

Nhị ngũ tứ cửu
TRÍ QUANG *ti kheo tấn tụng*

DỊCH NGHĨA

*Tỳ kheo Đồng Minh an tường về cõi Chân-tịnh
Kính cúng dường bậc Chúng trung tôn
Người đã trọn vẹn tùy thuận giới giải thoát
Cả bệnh hoạn và sự chết đều không làm khổ được thân tâm*

³ Hai tháng trước ngày viên tịch, Hòa thượng Đồng Minh lâm trọng bệnh. Tuy thân bị bệnh (một chứng bệnh mà nếu là người thường thì đau đớn dần vật dữ dội) nhưng tâm Ngài vẫn an nhiên tự tại, đi đứng ngồi nằm thư thái, phong độ hoan hỷ thường xuyên. Biết trước giờ phút lâm chung sẽ đến nhanh chóng mà tâm không sợ sệt, không bị thế gian thường tình làm cho chướng ngại tuệ giác; cứ thế an tường, cho đến giây phút cuối cùng xả bỏ báo thân. Câu này tác giả đã nói lên sự thật về đạo phong cao cả của một bậc chứng đạt.

⁴ Cái nhân khi đã chín muồi, kết trái, thì gọi là “dị thực”. Chữ “thắng” nghĩa là tốt đẹp vượt trội hơn hết. Trong thuật ngữ Phật học, chữ “thắng” thường được dùng để chỉ cho sự toàn thiện, toàn bích, trang nghiêm tốt đẹp vượt trội thế gian; ở đây được tác giả dùng để chỉ cho đạo phong toàn bích, cao vợi của Hòa thượng Đồng Minh. Chữ “tướng” ở đây có thể chỉ cho cái thân tướng hữu hình (có thể trông thấy bằng nhục nhãn), mà cũng có thể chỉ cho cái thân tướng vô hình (chỉ có thể trông thấy bằng tuệ nhãn hay đạo nhãn) của một người. Hòa thượng Đồng Minh đã gieo trồng thiện căn từ bao đời trước để đến đời này có được cái báo thân toàn thiện, kiêm đủ các đức tính bi trí dũng, một đạo phong cao vợi của bậc chân tu; đó quả thật là một “thắng dị thực tướng” hiếm thấy trên đời.

Đó là tướng dị thực thù thắng

Phật lịch 2549

Tỳ kheo TRÍ QUANG kính tiến lời tụng

Hòa Thượng Thích Đồng Minh vốn là môn hạ từng theo học kinh luận đại thừa với Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Quang. Nay Ngài đã “thiện qui chân tế”, lại được bậc Thầy của mình đem cả chân tình xưng tán, thật đáng coi là việc “vị tăng hữu” trên đời. Cao quý thay, thượng trí thầy trò! Thắng diệu thay, tấm gương tròn đầy trong sáng!

Vậy xin mạo muội diễn dịch bài tụng trên ra mấy vần lục bát như sau:

Cúng dường bậc Chúng trung tôn

Giới nghi nghiêm mật sạch không lỗi lầm

An nhiên bệnh tử tới gần

Thường tịch quang độ chân thân hiện bày

Miền Tây Gia-nã-đại,

ngày Đầu tháng Cuối năm 2005 (PL. 2549)

Cư sĩ Hạnh Cơ



LÀM CHỦ CÁI CHẾT

THÍCH ĐỨC THẮNG

Sau khi nghe Thượng tọa Nguyên Giác trình lên những hiện tượng đã xảy ra và những giờ phút lâm chung trước khi ra đi vĩnh viễn của Thầy tôi, Hòa Thượng Thích Trí Quang đã đi điệu cho Thầy bốn câu kệ nói lên tất cả cuộc đời của Thầy đã thể hiện trong việc sống-bệnh-chết của chính mình:

Phụng cúng Chúng Trung Tôn

Thiện thuận giải thoát giới

Bệnh tử bất khổ thân

Thị thắng dị thực tướng.

Đối với, trên cúng dường chư Phật, dưới dưỡng hóa chúng Tăng không lúc nào ngơi nghỉ trong suốt cả cuộc đời của Thầy, còn tự chính Thầy trong việc tu tập thì khéo thuận theo giới giải thoát mà an thân lập mệnh cho mình trong cuộc sống, nên đến khi vô thường bệnh tử kéo đến thì không làm khổ được thân Thầy, đó chính là tướng quả báo thù thắng. Đó là những gì Hòa Thượng Thích Trí Quang đã ưu ái tán dương cuộc sống

đối với Thầy, điều này hình như chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy Hòa Thượng đã tán dương bất cứ vị nào khi qua đời như vậy ngoài câu điếu thông thường “A-di-đà Phật”. Và Thượng tọa Tuệ Sỹ, tuy Thầy không ra được lại Nha Trang thăm Thầy chúng tôi lần cuối cùng, trước giờ phút ra đi vĩnh viễn, là vì đang bị quản chế, nhưng vẫn liên hệ thường xuyên với chúng tôi. Thầy đã nhờ Thượng tọa trụ trì Quảng Hương Già Lam Thích Nguyên Giác đọc trước Kim Quan Thầy chúng tôi bốn chữ dành để viếng cho Thầy: “TỊNH NHƯ BĂNG TUYẾT”.

Đó là những gì Thầy đã thể hiện trong cuộc sống của chính mình qua pháp tu thanh tịnh hóa ba nghiệp thân- khẩu-ý của Thầy được thể nghiệm qua bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi theo Giới luật của đức Thế Tôn trong hiện quán, cộng với bốn tâm vô lượng được Thầy kết hợp một cách nhuần nhuyễn vào trong cuộc sống của mình. Từ sự thực hành đúng giáo pháp trong cuộc sống như vậy để đưa đến một cái chết theo ý muốn trong an nhiên tự tại, đó là những biểu hiện giá trị của sự nhiệm mầu đối với giáo pháp đức Thế tôn để lại. Qua cuộc sống tịnh như băng tuyết và trước cái chết Thầy đã làm chủ theo ý muốn của Thầy một cách an nhiên tự tại đã cho chúng ta biết được mọi giá trị linh nghiệm về những lời dạy của đức Thế tôn, nếu chúng ta biết áp dụng khéo cơ trong tu tập thì cuộc sống sẽ trở nên an lạc và tự tại.

Như mọi người ai cũng biết, cũng thấy, cũng nghe về cuộc sống tri túc của Thầy: Hơn ba mươi năm một đôi dép cao su, ba y thay đổi, ngày một bữa Ngọ và hai bữa tiểu thực cùng chúng Tăng đúng giờ đúng giấc tại trai đường chùa Long Sơn, và

những vật dụng cần thiết cho một cuộc sống đơn giản nếu không muốn nói là thô sơ thiếu thốn đối với một Thầy tu bình thường theo đức Phật quan niệm. Trong phòng Thầy ngoài tủ vừa để thờ kính vừa để kinh sách, một giá để chuông, một chiếc bàn gỗ thô sơ cũ kỹ, một chiếc ghế gỗ, một chiếc giường gỗ ngủ đã ngả màu và một chiếc võng gai đu đưa trong phòng, ngoài ra thì không còn gì nữa. Khi nào có khách thì Thầy tiếp ngoài hành hiên nơi đặt những băng ghế gỗ dài và cũng chính nơi thoáng mát này Thầy làm việc cho mỗi ngày (giờ nào việc nấy) trong việc dịch Kinh Luật và chứng nghĩa. Đó là cuộc sống của Thầy sau ngày miền Nam Việt nam mất, còn trước đó thì Thầy ở trong một cái cốc đơn sơ trên một ngọn đồi với một người thị giả. Ngày hai buổi mang dù đi làm kinh tế cho chúng Tăng, ngoài công việc này Thầy còn bỏ thì giờ ra để dạy dỗ chúng Tăng, lúc đó còn là một Phật học viện. Cuộc sống của Thầy rất có giờ giấc: Lúc nào làm việc, lúc nào giảng dạy, lúc nào ngủ nghỉ, lúc nào thư giãn, lúc nào thể dục, lúc nào ăn uống, lúc nào lễ Phật thì đâu vào đấy không sai một tí nào, ngoại trừ những trục trặc xảy ra ngoài ý muốn. Chúng tôi có điểm phúc được gần gũi hầu Thầy trong vòng sáu năm hơn từ cuối năm 1963 đến 1969. Mặc dù là đệ tử của Thầy, nhưng sau năm 1969 chúng tôi phải vào Già Lam Sài Gòn để học Đại học và cho đến ngày hôm nay chúng tôi vẫn ở Sài Gòn. Vì hoàn cảnh xã hội nên chúng tôi không ở gần Thầy, kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian hầu cạnh bên Thầy, nói là hầu Thầy chứ thật ra hồi đó Thầy đi làm cả ngày, chỉ có gặp hầu Thầy vào buổi tối không thôi. Việc hầu Thầy thật ra ngoài việc giặt giũ áo quần hai ngày một bộ đồ nâu sồng, quét nhà quét sân, tưới

cây ra thì chúng tôi không còn làm gì cả ngoại trừ việc học hành theo chương trình giáo dục của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất vào lúc bảy giờ dành cho các Phật học viện, học Tăng phải học song song cả hai chương trình nội điển và ngoại điển cùng lúc. Cuộc sống của Thầy vào lúc ấy thật là đơn giản, đơn giản hơn cả bây giờ nữa: Vào lúc đó mỗi tối Thầy đi nghỉ đúng 9 giờ và 4 giờ 30 sáng (giờ lúc đó, bây giờ là 3 giờ 30) là dậy, tự thân nấu nước châm trà uống và sau tụng kinh lễ Phật, là làm vệ sinh cá nhân; đến 6 giờ 30 sáng dùng điểm tâm cùng Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm tại cốc Ngài và sau đó là mang dù đi xuống hăng Vĩ Trai lá Bồ-đề làm kinh tế tự tức cho chúng Tăng, đến 10 giờ 30 về dùng ngộ trai cùng Hòa Thượng, rồi nghỉ trưa và đúng 2 giờ 30 là đi làm việc, 4 giờ 30 về dùng tiểu thực, thư giãn cho đến 9 giờ đi nghỉ. Ngoài ra Thầy còn những giờ đứng lớp dạy cho học Tăng, những môn như Duy Thức học, Nhân Minh luận Phật giáo và những môn khác nữa nếu Phật học viện cần Giáo thọ sư cùng những công tác Phật sự giáo dục lúc bảy giờ của Giáo hội. Nhìn chung cuộc sống tri túc đơn giản của Thầy trước kia và bây giờ chúng vẫn không có gì khác nhau; tuy nhiên về mặt làm việc thực hành thì khác: Trước kia Thầy bỏ thì giờ làm kinh tế nuôi dưỡng chúng Tăng thì bây giờ thay vào việc làm kinh tế Thầy bỏ công ra nghiên cứu dịch thuật kinh luật nhiều hơn và nhất là vấn đề phối hợp hành trì giới luật với việc áp dụng bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm) được Thầy đem ra áp dụng thực hành trong hiện quán qua cuộc sống một cách triệt để hơn qua tinh tấn nhẫn nhục. Thầy luôn tự nhủ phải tự thắng chính mình và trong đó có cả việc tự thắng với bệnh tật cùng cái chết, không để chúng

chi phối cuộc sống trong hiện quán của Thầy. Thầy đã bị bệnh Tiểu đường hơn mười lăm năm trời, cộng thêm bệnh áp huyết cao nữa, nhưng đối với Thầy bệnh tật cũng chỉ là một món thuốc hay để trị căn bệnh tham vọng phát sinh như điều thứ nhất thuộc 10 điều tâm niệm trong **luận Bảo Vương Tam-muội** đã dạy: *“Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh tật, vì nếu không bệnh tật thì tham dục dễ sinh.”* Vì vậy cho nên Thầy đối với bệnh tật tự coi đó như là một liều thuốc để trị bệnh vậy, nên trong cuộc sống của Thầy đối với bệnh tật không là gì, hơn nữa Thầy coi đó như là một thứ duyên đủ để hình thành định lý Duyên khởi biến dịch qua chuyện sống-bệnh-chết được luật tắc vô thường chi phối thì, cứ để chúng tự nhiên như nhiên đến và đi như chính nó. Vì vậy theo Thầy, nếu phát hiện có bệnh thì chữa, còn việc tuyên giảm, hay nặng nhẹ gì đó thì, cứ tùy theo chúng mà thân ngũ uẩn này phải chịu không sao hết, chứ việc gì phải đi kiểm tra sức khỏe để ngăn ngừa các thứ bệnh nếu có làm gì! Do Thầy lúc nào cũng có quan niệm lạc quan như vậy, nên khi bệnh ung thư đa ổ của gan Thầy phát tác thì, lúc đó mới phát hiện ra mà đi chữa trị thì chúng đã thuộc vào thời kỳ chót rồi. Có lẽ bệnh nan y này có được là do biến chứng của bệnh tiểu đường mà ra, theo lời của các Bác sĩ chữa trị nói.

Hàng năm cứ vào những ngày cuối tháng 2 âm lịch mỗi năm Thầy vào Sài Gòn để dự lễ húy kỵ Hòa Thượng Già Lam Thích Trí Thủ. Năm này cũng vậy Thầy đã vào Sài Gòn dự lễ ngày 01-03-Ất Dậu (09-04-2005); nhưng thần sắc vào lúc bấy giờ của Thầy không còn trong sáng nữa, ai cũng nhận thấy và biết như vậy. Sau đó Thầy trở về lại Nha Trang, và cũng từ đây sức khỏe

của Thầy bắt đầu giảm hẳn, tự Thầy cảm thấy trong người bất ổn, ăn uống khó khăn hơn. Mãi cho đến vào buổi chiều ngày 18-04-2005 (tức ngày 10-03-Ất Dậu) Thầy bị buồn nôn khi dùng tiểu thực. Các thầy thị giả đã nhanh chóng liên hệ với cô Yến y tá, lo chăm sóc bệnh cho Thầy biết hiện tình của những hiện tượng vừa xảy ra chiều nay của Thầy, khi dùng tiểu thực cho chị biết và nhờ chị liên hệ với bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa xét nghiệm để tìm rõ căn bệnh. Sáng ngày 19-04-2005 (11-03-Ất Dậu), quý Thầy cùng Phật tử quyết định đưa Thầy đi bệnh viện tỉnh Khánh Hòa. Sau khi các Bác sĩ chụp hình, xét nghiệm, chẩn đoán xong, họ nghi Thầy bị u gan và đề nghị đưa Thầy vào Sài Gòn để kiểm tra cho chính xác hơn. Lập tức cùng ngày, quý Thầy đưa Thầy vào Sài Gòn và, nhờ Thượng tọa Thích Phước Trí chùa Vạn Phước giúp đỡ đưa Thầy vào bệnh viện Chợ Rẫy. Thầy nhập viện sáng ngày 20-04-2005 (12-03-Ất Dậu). Sau khi lập mọi thủ tục xét nghiệm, qua sự trung gian của Thầy Phước Trí và được sự giúp đỡ của chính Bác sĩ Giám đốc bệnh viện, nên mọi thủ tục rườm rà được bỏ qua và Thầy được dùng các máy móc hiện đại để kiểm tra, xét nghiệm. Sau đó các Bác sĩ hội chẩn đồng đưa đến kết luận:

1. Bệnh tiểu đường tuýp 2
2. Huyết áp cao
3. Nghi, K di căn gan đa ổ.

Sau nhiều lần xét nghiệm chẩn đoán nhưng tập thể Bác sĩ ở đây vẫn chưa dám xác định là bệnh của Thầy chính xác là ung thư gan đa ổ. Vì qua những bức phim chụp có thể kết luận được là như vậy, nhưng qua những xét nghiệm máu vẫn thấy máu mang âm tính, nên họ chưa dám xác quyết. Cầm lòng

không đậu, chúng tôi liên hệ với Bác sĩ Khoáng ở bệnh viện An Bình, Bác sĩ trước kia đã trị bệnh thận cho Thượng tọa Tuệ Sỹ và, Hòa Thượng Thích Chí Tín, chúng tôi đem tất cả những hồ sơ bệnh án của Thầy về những kết luận của các Bác sĩ bệnh viện Khánh Hòa và bệnh viện Chợ Rẫy cho Bác sĩ Khoáng xem qua. Bác sĩ thưa, “*chúng con sẽ giúp đỡ bằng cách chờ ngày chủ nhật, bệnh nhân có quyền về nhà thăm, chờ Ôn qua bệnh viện An Bình, Chúng con sẽ chờ ở đây và đích thân đưa Ôn đi xét nghiệm.*” Sau khi chụp hình xét nghiệm xong, Bác sĩ đưa ra kết luận cũng giống như các Bác sĩ ở chợ Rẫy và Nha Trang, nhưng Bác sĩ có lưu ý một nghi ngờ về những hang ổ ở trong gan có thể là do các vi khuẩn của những con sán tạo thành vết (ổ) và xin các Bác sĩ ở Chợ Rẫy khám xét lại về những nghi ngờ này, nếu những vết (ổ) này không phải do sán lá gan hay nấm tạo ra thì đích thị là bị K di căn gan đa ổ!

Sau khi chúng tôi đem những hồ sơ đã nhờ Bác sĩ Khoáng khám nghiệm cho các Bác sĩ bệnh viện Chợ Rẫy xem lại thì Bác sĩ Đào, người trực tiếp coi sóc bệnh tình cho Thầy đã vui vẻ đồng ý là sẽ làm theo yêu cầu của Bác sĩ Khoáng, vì theo như lời Bác sĩ Đào thì Bác sĩ Khoáng là Thầy của Bác sĩ trước đây. Sau đó Thầy được đưa đi làm tất cả các xét nghiệm trở lại và chuyển các hồ sơ này qua bên khâu chuyên môn về ung bướu của bệnh viện, cuối cùng ở đây họ kết luận một cách chắc chắn là Thầy đã bị ung thư gan đa ổ. Theo Bác sĩ Khoáng và các Bác sĩ ở đây thì tối thiểu trong vòng năm tháng và tối đa là mười tháng nữa Thầy sẽ ra đi.

Qua gần chín ngày ở bệnh viện Chợ Rẫy, các bác sĩ đã tận tình chữa trị nhưng bệnh Thầy vẫn không thuyên giảm. Vào

sáng ngày 28-04-2005 (20- 03-Ất Dậu), các bác sĩ bên khoa ung bướu bệnh viện Chợ Rẫy cho khám nghiệm lần chót, nhưng thật ra họ đã có kết luận rồi, chỉ chờ Thầy qua khám nghiệm qua loa gì đó rồi cho Thầy về phòng và yêu cầu người có trách nhiệm về việc nuôi bệnh Thầy vào văn phòng để họ cho biết kết quả chính xác và yêu cầu chúng tôi ký vào các thứ giấy tờ cần thiết và cho làm giấy xuất viện luôn.

Trưa hôm đó chúng tôi cùng các thầy thị giả bàn với nhau về việc đưa Thầy về Nha Trang, cuối cùng chúng tôi đã quyết định đưa Thầy về bằng máy bay trong đó có tôi và thầy Nguyễn An sẽ theo hầu Thầy. Còn ngoài Nha Trang, thầy Minh Thông sau khi về Nha Trang có việc Phật sự trên đường đem xe vào đón Thầy ra, giữa đường thì hay tin Thầy sẽ về bằng máy bay nên đã trở lại đón Thầy và chúng tôi tại phi trường Cam Ranh. Sau khi bàn bạc xong chúng tôi liên hệ với Hòa Thượng Đức Chơn nhờ mua cho ba vé máy bay đi Nha Trang vào ngày mai, nhưng cuối cùng không được phải nhờ đến Thượng tọa Thích Phước Trí và cũng nhờ Thầy, chiều cỡ 4 giờ mang xe đến đón Thầy về chùa Già lam thăm Hòa Thượng Thích Trí Quang cùng Tăng chúng Già Lam. Chiều hôm đó Thầy về tu viện Quảng Hương Già Lam để thăm Ôn Trí Quang và quý Thầy lần cuối.

Đúng 4 giờ 30 sáng hôm sau Thượng tọa Phước Trí cho xe xuống Già Lam đón Thầy và chúng tôi ra phi trường Tân Sơn Nhất để đáp máy bay về Nha Trang. Sau khi Thầy được ngồi trên xe lăn theo lối đi đặc biệt dành cho người bệnh, và sau đó Thầy và chúng tôi gặp lại trên phi cơ. Suốt trong thời gian hơn nửa tiếng đồng hồ ngồi trên phi cơ, Thầy vẫn vui vẻ tuy là có

hơi mệt, sau khi phi cơ đáp xuống phi trường Cam Ranh, Thầy cũng được một chiếc xe lăn, do nhân viên phi trường đưa ra tận dưới thân phi cơ để đón Thầy vào và, đưa ra tận xe đón Thầy. Sau khi lên xe Thầy được để nằm trên một chiếc ghế dài thoải mái trên xe. Khi xe ra khỏi cổng phi trường, xe dừng lại và diu Thầy đi tiểu, sau đó lên xe và tiếp tục về đến Nha Trang. Tại chùa Long Sơn, Hòa Thượng Thích Chí Tín, quý Thầy, các học Tăng và một số Phật tử đã có mặt tại đây để chờ đợi đón Thầy. Thầy ngồi đây hàn huyên tâm sự cùng Hòa Thượng Chí Tín và chư Tăng cùng Phật tử cỡ nửa tiếng đồng hồ, sau đó Thầy được chư Tăng và các Thầy thị giả đưa lên phòng chỗ ở của Thầy.

Chúng tôi ở lại tại đây cho đến ngày Thầy ổn định tất cả là ba ngày, sau đó Thầy đã kêu chúng tôi vào bảo Đức Thắng thôi về trong đó lo việc đi, ở đây Thầy đã được quý Ôn quý Thầy, các y, bác sĩ tận tình giúp đỡ rồi đừng lo gì hết. Khi nào cần thì sẽ nói quý Thầy ở đây kêu ra. Sáng hôm sau chúng tôi từ giả Thầy về lại Sài Gòn và nhờ quý Thầy thị giả và cô y tá ở đây, khi nào Thầy có việc gì gấp quan trọng thì cho chúng tôi biết vì lúc bấy giờ chúng tôi đang ở trong thời gian an cư kiết hạ cấm túc, nên việc đi đứng hạn chế tối đa. Trong thời gian chúng tôi ở Già Lam thỉnh thoảng vài ba hôm thì liên hệ với các thầy thị giả, để hỏi thăm bệnh tình của Thầy nặng nhẹ như thế nào.

Từ ngày Thầy trở về lại Nha Trang, ở đây quý Thầy đã kết hợp với các Bác sĩ Đông-Tây y, tiếp tục điều trị cho Thầy. Mặc dù quý Thầy cùng với các Bác sĩ hết lòng chữa trị, nhưng bệnh của Thầy vẫn không thuyên giảm. Một hôm bất chợt chúng tôi gặp thầy Tâm Nhân từ Nha Trang vào và cho hay là bệnh tình

của Thầy hiện đang trở nên nặng hơn. Thầy không đi lại được nữa, cho dù có người dìu. Bây giờ muốn cho Thầy đi đâu thì phải đặt Thầy lên một cái ghế có bánh xe mà đẩy đi chứ không còn đi lại hoặc dìu đi như trước kia được nữa, sau đó thầy đi lo một số công việc khác cho Ôn.

Cũng ngày hôm đó 13-06-2005, tức là ngày 07-5-Ất Dậu, sau khi thầy Tâm Nhân đi lo công việc cho Ôn thì Đức Thắng nhờ thầy Quảng Tiến đi mua cho ba vé tàu lửa cho tôi, Thông Đạt, cùng Thông Trí đi Nha Trang vào cùng ngày hôm đó. Sáng ngày 14-06-2005 tức là ngày 08-05-Ất Dậu chúng tôi đã có mặt tại chùa Long Sơn, Nha Trang. Ba anh em chúng tôi lên hầu thăm Thầy, khi mở cửa bước vào phòng Thầy, chúng tôi thấy Thầy hiện đang nằm trên võng cùng ba thầy thị giả vây quanh, Thầy im lặng không nói gì. Chúng tôi vội quỳ xuống gần võng, miệng không mở được lời nào, nước mắt cứ như từ đâu tuôn trào ra, tôi cầm lòng không được và cứ như thế để cho dòng nước mắt tự do tuôn chảy. Đúng là Thầy không còn bao nhiêu ngày nữa rồi! Thầy cũng không nói lời nào và khóe mắt của Thầy cũng đang rung rung có lẽ vì xúc động, thầy thị giả lấy khăn lau mắt Thầy. Sau đó chúng tôi thay đổi nhau hầu Thầy, lúc này giọng nói và âm thanh phát ra của Thầy bắt đầu lơ lờ hơi khó nghe một chút, đó là ngày 15-06- 2005. Sang qua ngày 16-06-2005 vào lúc hơn 2 giờ chiều Thầy tỏ ra mệt nhiều và hơi khó thở, lúc này nhịp đập của tim trở nên loạn xạ hơn. Chúng tôi cho thầy Minh Thông và cô y tá Nguyễn Thị Hoàng Yến đang túc trực biết tình trạng của Thầy vừa xảy ra như vậy, nhờ thầy và cô y tá liên hệ với Bác sĩ bệnh viện Khánh Hòa đến khám, đo và điều chỉnh lại nhịp đập của tim giùm. Sau khi Bác

sĩ đem máy móc lên khám, đo và cho biết kết quả của những hiện tượng của nhịp đập con tim như vậy là do độc tố của căn bệnh gan đã xông đến tim, nên tim không còn giữ được chức năng điều hòa nữa, có thể một trong hai ngày nữa chúng sẽ lên đến não và lúc đó Thầy sẽ bị hôn mê trong vòng hai ngày và ra đi luôn. Bác sĩ và cô y tá báo họ đã chuẩn bị thuốc giảm đau cho Thầy, khi nào cơn bệnh lên cơn đau đớn thì họ tiêm thuốc vào để giảm đau. Lúc này chúng tôi thấy nguy cơ Thầy sẽ đi sớm không là bao, nên chúng tôi gọi phone vào Sài Gòn báo cho thầy Trụ trì Già Lam Thích Nguyên Giác và nhờ trình lên Hòa Thượng Thích Trí Quang, HT. Thích Đức Chơn, Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, thầy Lê Mạnh Thát cùng quý vị quen biết ở Sài Gòn. Đêm hôm đó, thân Thầy không còn làm chủ được mọi kiểm soát của đại tiện và tiểu tiện nữa; có điều là vì lúc này Thầy không ăn uống gì nhiều ngoài nước mật ong pha loãng với nước thỉnh thoảng cho Thầy uống, nên vẫn còn việc đi tiểu. Mấy hôm trước thì khi nào muốn đi tiểu thì Thầy kêu các vị thị giả hầu cận bên Thầy dìu Thầy đi hoặc ẵm lên ghế đưa vào toilet, nhưng hôm nay mặc dầu Thầy vẫn rất tỉnh táo đối với mọi việc, nhưng khi biết muốn đi thì Thầy kêu đã không kịp rồi hấn tự động ra. Vì vậy cho nên chính tôi thỉnh thoảng cứ năm mười phút là vào phòng Thầy để kiểm soát và phát hiện những trường hợp như vậy là kêu các vị thị giả thay đồ rồi lau cho Thầy ngay.

Sang ngày 17-06-2005, cũng như mọi ngày thường lệ, khuya Thầy thức vào lúc 3 giờ 30 và, lúc này các thầy thị giả cũng dậy theo Thầy để làm mọi thủ tục hằng ngày, và vây quanh bên Thầy chuyện trò, nhưng rất tiếc là lúc này Thầy không còn nói

được nhiều như trước đây, và giọng nói cũng trở nên rất khó nghe hơn, vì lưỡi của Thầy đã bị độc tố xâm chiếm tạo thành những vết thương làm cho lưỡi bị tê liệt một phần nào đó, nên Thầy nói không được rõ ràng lắm. Có việc gì cần lắm Thầy mới nói, còn không thì thôi. Như thường lệ đúng 6 giờ sáng đưa Thầy ra bao lơn trước thư viện Thầy trò và mọi người quây quần ở đây, chuyện trò thăm hỏi nhau sau một ngày đã qua và chúc một ngày mới an lành. Sau khi Thầy điểm tâm bằng súp xay nhuyễn, hay các thức ăn mềm cùng trái cây, chúng tôi và các vị thị giả đưa Thầy vào, nhưng riêng ngày hôm qua và hôm nay Thầy không ra ngoài mà dùng điểm tâm tại phòng luôn. Hôm nay trong người Thầy có hơi khác lạ, Thầy luôn biết mọi biến chuyển trong thân mình. Chúng tôi đôi khi sợ Thầy đau đớn vì cơn bệnh hành hạ, có hỏi Thầy:

“Thầy có đau đớn gì không?”

Thầy đáp:

“Thật ra, có đôi lúc nó đau râm râm, chứ không đau lắm.”

Nhiều lúc chúng tôi nghĩ rằng: Có thể vì Thầy sợ chúng tôi lo lắng nên trả lời như vậy, để chúng tôi yên lòng khỏi lo. Nhưng thật ra chúng tôi rất lo về tình trạng đau đớn của cơn bệnh nan y quái ác này, thường hành hạ bất cứ bệnh nhân nào, lỡ đã cướp mạng chúng. Như chúng ta thường thấy thường nghe các Bác sĩ, y tá và mọi người nói về chúng, chúng thường hành hạ nạn nhân trước khi nạn nhân qua đời, nên chúng tôi thường theo dõi Thầy trong lúc đang ngủ. Vì chỉ có lúc này cơn bệnh nổi lên mới có thể hiện ra cho chúng tôi biết được, khi Thầy đang ngủ không làm chủ được xác thân trong lúc ngủ say. Nhưng rõ ràng không hề cho thấy bất cứ một hay hai ba lần gì đó vô tình

cho chúng tôi biết trong lúc Thầy ngủ, vì chúng tôi luôn túc trực và thay đổi nhau để thức theo dõi Thầy trong lúc ngủ. Do vậy nên chúng tôi mới tin thật là Thầy không nói dối để cho chúng tôi an lòng khỏi lo! Cho đến giờ phút này, cái giờ phút mà các Bác sĩ và y tá bảo là chất độc của con bệnh ung thư này đã xâm nhập vào đến tim Thầy, chúng đang tạo ra những hiện tượng làm cho nhịp đập của tim không tự chủ được nữa và chỉ còn một vài ngày nữa là công lên não làm cho Thầy hôn mê trước khi mất. Cho nên họ đã chuẩn bị cho Thầy những thứ thuốc tốt nhất trong việc làm giảm cơn đau. Nhưng cho đến giờ này vẫn chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng Thầy bị đau đớn và sẽ bị hôn mê, Thầy vẫn sáng suốt trong mọi trường hợp, trong mọi ý nghĩ, chỉ có hiện tượng mệt đang xuất hiện, và lời nói của Thầy không còn được rõ cho lắm vì những vết thương bệnh đã và đang xuất hiện trong lưỡi Thầy. Nhân trong lúc Thầy còn đang sáng suốt chúng tôi có đưa ra vấn đề mà trước đây Thầy đã dặn dò kỹ thắc về việc hậu sự cho Thầy, với Hòa Thượng Thích Chí Tín trụ trì chùa Long Sơn, và cũng đã dặn dò chúng tôi trước đây vài ngày. Chúng tôi đưa ra trường hợp Giáo hội hiện tại có thể làm theo ý của họ, nếu không có di chúc của Thầy, điều họ đã tự ý làm như đám tang của Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm, nên chúng tôi có trình những ý nghĩ đó với Thầy! Thầy đã gật đầu đồng ý là họ sẽ làm như vậy, nhưng trong lúc này Thầy không còn đủ sức để cầm viết, viết bản DI CHỨC được. Lúc này chúng tôi gợi ý là chúng con có thể làm bản THỪA HÀNH DI CHỨC và, được sự đồng ý và chữ ký đóng dấu của Hòa Thượng Thích Chí Tín và sẽ đem lên Thầy ký vào bản Thừa Hành Di Chúc này thì, Thầy gật đầu

đồng ý. Sau khi chúng tôi lập xong bản Thừa Hành Di Chúc đã được Hòa Thượng Thích Chí Tín ký và đóng dấu, chúng tôi đem lên Thầy ký vào để chứng minh và ấn chứng. Trong lúc Thầy ký chúng tôi cũng chụp hình để làm bằng, vào lúc bấy giờ là 9 giờ 25 phút ngày 17-06-2005 tức là ngày 11-05-Ất Dậu. Sau khi dùng bữa trưa xong Thầy nghỉ trưa cỡ nửa tiếng đồng hồ, sau đó bảo thị giả đưa Thầy xuống võng. Lúc này Thầy và các thầy thị giả nói chuyện vui với nhau, tinh thần lúc này của Thầy tỏ ra tỉnh táo hơn bao giờ hết, hình như Thầy đang hồi dương theo như từ mà người đời thường nói, tiếng nói của Thầy lúc này cũng rõ ràng và có lực. Đúng 13 giờ 30 Thầy cho thị giả kêu tôi vào để Thầy dặn dò. Khi Đức Thắng vào ngồi bên cạnh võng Thầy, Thầy bảo:

“Những gì đáng dạy thì Thầy đã dạy rồi. Hôm nay Đức Thắng ra đây cũng khá lâu bốn năm ngày rồi, thế là cũng đủ rồi. Thôi Đức Thắng hãy vào lại Sài Gòn mà lo các công tác Phật sự khác.”

Lúc đó vì để làm yên lòng Thầy, Đức Thắng đã thưa với Thầy:

“Dạ vâng, ngày mai hay một gì con sẽ trở vào Sài Gòn lại. Thầy an tâm đi!”

Sau đó, Thầy có nhắc đến Tâm Hạnh, nhưng khi chúng tôi nhờ thầy thị giả đi kêu thầy Tâm Hạnh đến thì Thầy nằm im lặng không nói gì hết vì Thầy đã mệt trở lại. Lúc này Thầy nằm im không nói gì, mắt ngó lên tường và trần nhà ở trước mặt, nơi chúng tôi đã thiết trí sẵn hình tượng đức Phật A-di-đà theo ý Thầy. Lúc này sức khỏe Thầy tỏ ra yếu dần trở lại và, thị lực của Thầy cũng bắt đầu bị thu hẹp, khoảng cách của tượng Phật cũng dần dần sát gần hơn. Vị trí ban đầu của tượng Phật bây giờ Thầy không còn thấy nữa và Thầy đã ra dấu hiệu cho

chúng tôi để tượng Phật sát gần hơn và gần hơn nữa. Mãi đến lúc 16 giờ 30 Thầy bảo đưa Thầy lên giường và cũng từ đó Thầy ra hiệu ngưng dùng các loại thuốc, rồi Thầy nằm nghiêng theo dáng đức Phật nhập Niết-bàn, chánh niệm niệm Phật. Trong lúc này chúng tôi và tất cả quý Thầy thị giả đều ngồi vây quanh giường Thầy im lặng chánh niệm thâm niệm Phật. Đến 18 giờ hơn Thầy tỏ vẻ muốn uống nước và các vị thị giả đặt Thầy nằm ngửa một tí để dùng nước xong lại trả lại vị thế kiết tường nằm nghiêng phía tay phải như cũ và cũng kể từ đây Thầy ra hiệu là không dùng nước nữa. Lúc này nhịp đập của tim qua hơi thở của Thầy bắt đầu yếu đi, thưa ra dần và cho đến lúc đúng 18 giờ 35 phút chiều Thầy hắt hơi thở cuối cùng một cách nhẹ nhàng ra đi vĩnh viễn. Thầy đã an tường xả bỏ báo thân trong tư thế kiết tường, giữa âm vang niệm Phật của Tứ chúng.

Qua bảy mươi chín năm thác tích bụi trần, trong đó hơn sáu mươi năm thừa hành Phật sự. Đối với bản thân, Thầy lúc nào cũng giữ gìn giới châu thanh tịnh, liên tục tinh tấn nhẫn nhục nghiêm khắc với chính mình nhằm thanh tịnh hóa ba nghiệp thân khẩu ý qua cuộc sống, cộng với lòng từ bi, hỷ xả và, cuộc sống đơn giản tri túc của Thầy trong công phu tu tập, đã biến Thầy thành Người sạch như băng tuyết, hay như từ mà đức Từ phụ thường dùng để chỉ cho các vị Tăng tu hành phạm hạnh giới châu thanh tịnh vào lúc bấy giờ là “Tăng vô sự” nó được thể hiện qua việc làm chủ cuộc sống hằng ngày và trong việc làm chủ lấy cái chết của mình trong tư thế kiết tường lúc ra đi của Thầy, chúng tôi đã nói lên tất cả những gì chúng tôi muốn nói. Đó chính là cái kết quả nhiệm mầu của giáo pháp đức Phật đã

thể hiện qua việc làm chủ được cái chết chính mình qua bốn sự kiện vi diệu nhiệm mầu được chúng tôi sẽ đúc kết sau đây:

1/ *Hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ nhất:* Qua hình ảnh cái chết trong tư thế kiết tường qua tình giác theo ý muốn của chủ nhân đã biến cái xác thân này trở thành phụ thuộc vào ý chí. Ở đây nếu Thầy muốn ngồi trong tư thế kiết già để xả bỏ báo thân cũng được, hay bất cứ tư thế nào nếu Thầy muốn. Đây là hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ nhất.

2/ *Hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ hai:* Tuy thân đã cưu mang một căn bệnh hiểm nghèo nan y quái ác của thế gian, nhưng nhờ Tâm Thầy đã làm chủ được cuộc sống trong hiện quán nên Thầy đã thắng khỏi bệnh tật, không bị bệnh tật làm cho thân thể Thầy đau đớn như người thường qua cơn bệnh ung thư gan (đa ổ này), thắng luôn cả thời gian theo các Bác sĩ thì bệnh của Thầy thời gian tối thiểu là 5 tháng và cho đến tối đa là 10 tháng, nhưng mà ở đây từ khi phát hiện ở giai đoạn cuối của cơn bệnh cho đến ngày Thầy ra đi là 2 tháng đúng và Thầy thắng luôn cả sự hôn mê sẽ xảy ra sau một vài hôm nữa, thời gian hôn mê phải trải qua hai ngày tối thiểu theo các Bác sĩ chuyên môn và kinh nghiệm về bệnh này, nhưng hiện tượng này lại không xảy ra.

3/ *Hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ ba:* Vì trong lúc ra đi thân thể Thầy không bị co giật như những hiện tượng bình thường của người đời, nên da thịt gân cốt trong cơ thể Thầy vẫn mềm nhũn mặc dù có hơi lạnh của một tử thi đáng lý phải cứng đờ sau khi qua đời, nhưng thân thể Thầy mềm nhũn như người còn sống. Đó là hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ ba mà chúng

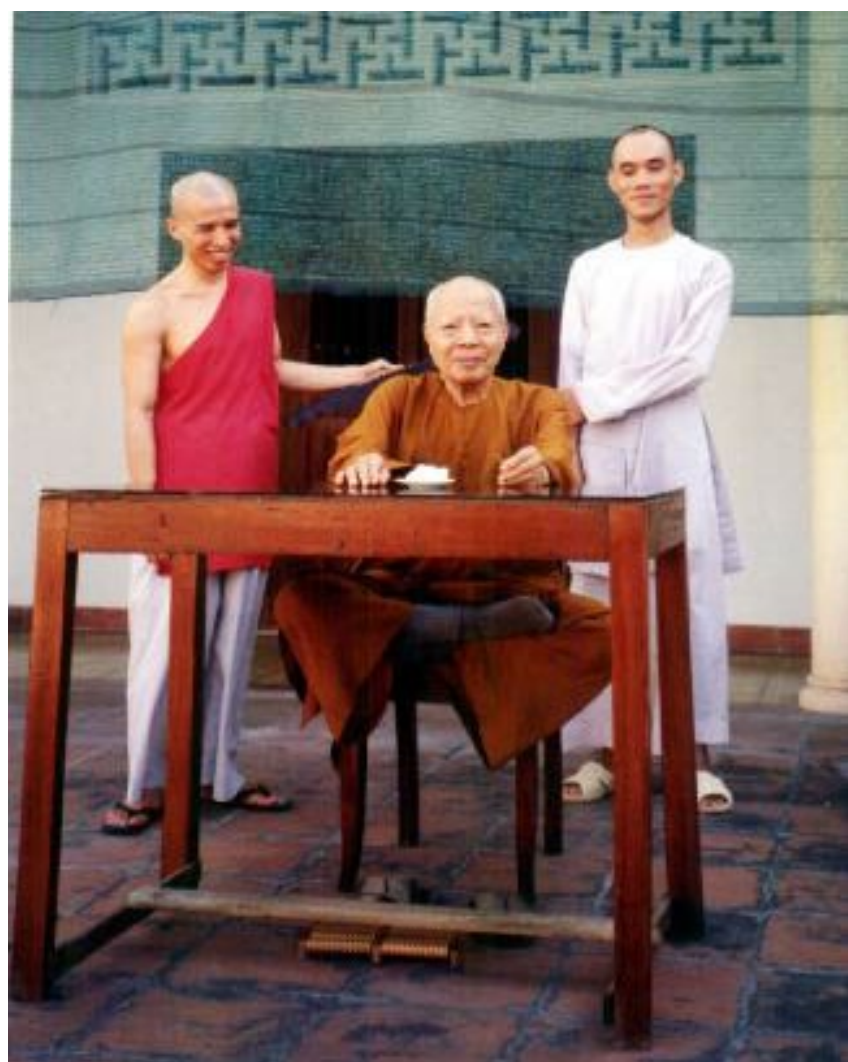
tôi và mọi người ở đây, chưa từng nhìn thấy bao giờ mà nay đã nhìn thấy tận mắt tận tay qua việc lau người thay pháp phục cho Thầy trước giờ nhập kim quan.

4/ *Hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ tư*: Ngoài ba kết quả đưa đến hiện tượng vi diệu nhiệm mầu như trên về chính bản thân Thầy ra, còn có một hiện tượng vi diệu nhiệm mầu thứ tư do thiên nhiên mang lại vào lúc trước giờ nhập kim quan Thầy độ một vài phút đã xảy ra một trận mưa nhẹ năm mười phút rồi ngưng ngay, tại chính chùa Long Sơn, còn các nơi khác của Nha Trang có hay không thì chúng tôi không biết. Hiện tượng mưa này mọi người đều gọi là: “*Hiện tượng trời đất cảm động rơi lệ.*” Hiện tượng này nói ra có vẻ là tán dương hơi quá, hay mê tín dị đoan; nhưng trên thực tế vào lúc trước giờ nhập kim quan cho Thầy đã xảy ra như vậy. Vì hiện tượng mưa vào mùa này tại Nha Trang nói ra đúng là chuyện hy hữu, khó tin vì mùa này là mùa hè nóng bức, trước đó không mưa sau đó không mưa! Nhưng đó là một sự thật.

Qua bốn sự kiện vi diệu nhiệm mầu có được về việc ra đi của Thầy, cho chúng ta thấy rằng: Đây chính là cái kết quả tất yếu của công hạnh tu hành phạm hạnh, sạch như băng tuyết của Thầy mang lại như bốn câu kệ mà Hòa Thượng Thích Trí Quang đã ân cần, cẩn trọng khi đi viếng tiễn biệt lần cuối cùng đối với Thầy. Chúng là tấm gương sáng để các hàng Thích tử hậu bối và các hàng Phật tử chúng ta noi theo những giá trị có thể có được, nếu chúng ta biết cách thực hành đúng theo pháp Phật đã dạy. Tùy theo từng căn cơ của mỗi người mà theo đó học tập thực hành áp dụng vào trong cuộc sống của chính mọi người thì, những điều vi diệu nhiệm mầu của những lời dạy

đức Đạo sư sẽ mang lại ngay cho mọi người những giá trị thực tiễn rõ ràng trong thực nghiệm hiện tiền cho chính cá nhân mỗi người, mà còn được nhơn thiên cung ngưỡng cúng dường và cảm động đến cả trời đất nữa.

Thích Đức Thắng



TÔNG LÂM TÔNG TƯỢNG

THÍCH THÔNG HUỆ

Kính bạch giác linh Thầy,
Viết về cuộc đời Thầy với những dữ kiện người thật việc thật, thì chỉ cần dựa vào tài liệu sẵn có. Nhưng nói lên được đức độ và công hạnh của một bậc Tông lâm Tông tượng, với 79 năm mang thân ngũ uẩn trong đó hơn 60 năm thừa hành Phật sự, thì ngôn từ đã không còn đủ khả năng diễn đạt. Nhưng dù sao, bằng tấm lòng của một đệ tử trong Tông môn muốn báo đáp thâm ân tác thành giới thân huệ mạng, dù chỉ trong muôn một, con mạn phép sử dụng ngọn bút vụng về, vẽ lại chân dung người Thầy vô cùng quý mến của chúng con. Ngưỡng mong Thầy từ bi tha thứ cho những sai sót con có thể mắc phải trong bài viết này. Và cung kính lạy Thầy, vì sự nghiệp “*thượng cầu hạ hóa*”, sớm hồi nhập Ta-bà, để muôn loài chúng sinh đều thấm nhuần ơn pháp vũ.

Nam mô từ Lâm Tế Chánh tông, tứ thập nhị thế Thiền Lâm đường thượng, hỷ thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh Tôn sư giác linh thù từ chứng giám!

I-NHỮNG NGÀY THƠ ẤU.

Năm Đinh Mão (1927), nơi một làng quê nghèo của huyện

An Nhơn tỉnh Bình Định, có một cậu bé ra đời.

Cha mẹ đặt tên là Đỗ Châu Lâm, nhưng ở nhà thường gọi là Cu Quất. Cậu là người con thứ tư trong gia đình có năm người con (hai trai ba gái), cũng được xem là con trai út. Nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ chú phải tảo tần nuôi mấy chị em. Cậu bé thông minh lại hiếu học, nên người mẹ dù vất vả cũng cho con cắp sách đến trường. Không phụ lòng thân mẫu, cậu đỗ bằng Yếu Lược năm mới 11 tuổi. Đây là sự kiện trọng đại, không chỉ đối với gia đình mà còn với cả làng xã thời ấy.

Truyền thống nhiều đời tin sâu Tam Bảo, trong dòng họ có nhiều vị xuất gia, nên từ nhỏ cậu thường được theo mẹ đến chùa tụng kinh lạy Phật. Cậu đặc biệt kính trọng Hòa Thượng Hòa Thượng Thích Trí Thắng, người chú đã được phong chức Tăng Cang, đang tu tại chùa Khánh Vân-Bình Định, do Đại sư Chơn Quang trụ trì.

Năm cậu 12 tuổi, anh Bốn của cậu (nay là Hòa Thượng Thích Đồng Quán) xuất gia tại chùa Khánh Vân. Chúng tử Phật pháp sâu dày, cậu bé Quất từ lâu đã muốn vào ở chùa, thấy thân quen từ lọ tương đến cái chuông cái mõ. Bây giờ người anh thương yêu của cậu đã làm tiểu đệ, cậu càng mong được đi tu. Nhà sinh hai trai, lẽ ra phải ít nhất một người lập gia đình để có con nối dõi. Bất hiếu tam, vô hậu vi đại, trong ba tội bất hiếu, không người nối dõi tông đường là tội nặng nhất. Nhưng bà mẹ là một Phật tử thuần thành, thấy con còn bé mà đã có ý chí xuất trần, nên hoan hỉ gửi đứa con trai còn lại vào nương nhờ cửa Phật. Thế là từ tuổi 13, cậu bé Quất trở thành chú tiểu, làm quen với muối dưa, tập sống đời thiếu dục tri túc, theo Hòa

Thượng Trí Thắng học oai nghi tế hạnh. Cuộc đời chú gắn bó với thiền môn từ đó.

Một năm sau, Hòa Thượng Trí Thắng về Phan Rang, trụ trì tại chùa Thiên Hưng. Chú tiểu 14 tuổi cũng quấy gói theo Thầy, sớm tối không rời, chuyên cần công phu bái sám. HT biết chú là pháp khí nên đặc biệt giáo dưỡng chú chu đáo, có phần nghiêm khắc, cốt đào luyện chú sớm nên người. Ngọc bắt trác bất thành khí, viên ngọc quý phải nhờ tay người thợ tài hoa gọt giũa mới thành món trang sức hiếm có. Chú tiểu như tờ giấy trắng, được bàn tay họa sư Trí Thắng vẽ những nét đầu tiên điêu luyện, khởi đầu cho sự nghiệp vẻ vang sau này.

Năm 16 tuổi, chú thọ Sa-di tại Đại giới đàn Long Khánh. Một cơ duyên lạ đến với chú: Đệ tử lớn của Hòa Thượng Trí Thắng là thầy Huyền Tân từ Huế về trụ trì Sắc tứ Thiền Lâm tự Phan Rang. HT đưa chú Sa-di mới thọ giới đến đánh lễ thầy Huyền Tân, xin làm đệ tử. Từ hôm ấy, chú gắn bó cùng Sư phụ Huyền Tân nơi Tổ đình Thiền Lâm, và tôn Hòa Thượng Trí Thắng làm Sư ông.

II- THỌ ĐẠI GIỚI.

Bản tính chăm chỉ cẩn thận, luôn chu toàn mọi việc được phân công, thêm cần cù chịu khó tu học, chú Sa-di trẻ được Sư phụ Huyền Tân thương mến. Mới 19 tuổi, chú được Sư phụ trình lên Hội đồng Thập sư Đại giới đàn chùa Thiên Đức, xin thêm 1 tuổi cho đủ tuổi thọ giới Cụ túc. Thế là, dưới sự chứng minh của Quốc sư Phước Huệ chùa Thập Tháp, HT Đàn đầu là Ngài Huệ Chiếu, tân Tỳ-kheo Thích Đồng Minh đầy đủ giới thể, giới tướng trang nghiêm, nhận lãnh trách nhiệm tác Như-

Lai sứ hành Như-Lai sự. Thầy chính thức nối dòng Lâm-Tế Chúc-Thánh, đời thứ 42, một dòng Thiền do Thiền sư Minh Hải khai sáng, nối tiếp truyền thừa đã 400 năm với sự nghiệp rạng rỡ, trong đó viên ngọc sáng nhất là Hòa Thượng Thích Quảng Đức cùng trái tim bất diệt.

Từ đó, thầy Đồng là cánh tay đắc lực của Sư phụ Huyền Tân, lần lượt được Sư phụ giao nhiệm vụ Thị giả rồi Thủ khố, Thủ tọa. Trong thôn Đắc Nhơn, mọi người đều tôn xưng Thầy là “Anh Thủ”. Danh xưng này theo Thầy mãi về sau; khi Thầy làm Thủ chúng ở Tỉnh hội Phật giáo Phan Rang, Nha Trang và Phật học viện Trung phần, chỉ thay bằng “Thầy Thủ” hay “Ông Thủ”.

Thời gian mười năm chịu ơn giáo dưỡng của Bốn sư tại Tổ đình Thiền Lâm (1947-1957), Thầy đã trang bị đầy đủ tư lương cho bước đường hành đạo về sau, theo tinh thần “*Tu Bồ-tát đạo hành Bồ-tát hạnh*”. Ngoài hai thời khóa tụng và bộ kinh Tam Bảo, Thầy còn học thêm các kinh Địa Tạng, Thủy Sám, Tứ Thập Nhị Chương, Lăng Nghiêm trực chỉ... toàn bằng chữ Hán. Từng học tại Tăng Học Đường Nam phần Trung Việt (Nha Trang) trong 4 năm, Thầy lại được Ban Giám đốc Học đường (bấy giờ là Hòa Thượng Trí Thắng và Hòa Thượng Huyền Tân) cử vào Sài Gòn học các ngành nghề: Điều dưỡng, lái xe, tốc ký, bào chế dược phẩm và chế biến hóa chất. Một lần nữa chúng tỏ trí thông minh hơn người, Thầy tốt nghiệp cả 6 bằng với điểm số rất cao, đặc biệt đậu thủ khoa ở hai ngành dược phẩm và hóa chất. Sau đó Thầy ra Huế tham học với các ngài Đôn Hậu, Thiện Siêu, Trí Quang để hoàn tất chương trình Đại học Phật giáo. Như thế là, mười năm miệt mài đèn

sách, vừa học tập vừa tu hành, vừa nghiên tầm Phật học vừa rèn luyện nghề nghiệp thế gian, chồi non xanh mượt ngày nào đã trở thành một cây cao tươi tốt, hứa hẹn sẽ tặng cho đời những bông hoa thơm ngát và những quả chín ngọt ngào. Cây được vun trồng tưới tắm tại Tổ đình Thiền Lâm của Tông môn, nhưng hương thơm của hoa và vị ngọt của quả xin bình đẳng dâng hiến cho bốn phương tám hướng!

Năm 1957, bằng số vốn Phật học và thế học tương đối hoàn chỉnh, Thầy trở về chùa Long Sơn-Nha Trang, bắt đầu công cuộc hành đạo dưới nhiều hình thức: Vừa là nhà kinh tế tài hoa của Phật giáo, vừa là nhà mô phạm mẫu mực của các Tăng Ni sinh, là trụ cột đắc lực của Tỉnh hội Khánh Hòa, lại là dịch giả các kinh, luật Hán tạng. Ở lĩnh vực nào, với tài trí xuất cách, với đạo hạnh tỏa sáng, với nhiệt tình và ý chí kiên định, Thầy đều là đầu tàu gương mẫu. Lúc này, thầy Đồng vừa tròn 30 tuổi.

III-KINH TẾ TỰ TÚC.

Phật giáo phát xuất từ hiện thực sinh động của vũ trụ vạn loại, và trở lại phục vụ cho cuộc sống sinh động ấy. Bằng tinh thần nhập thế của Phật giáo Bắc truyền, tinh thần “Một ngày không làm một ngày không ăn” của Tổ sư Thiền tông Bá Trượng, việc làm kinh tế tự túc cũng được xem như một pháp môn hành trì. Mặt khác, trong công cuộc đào tạo Tăng tài-từ thuở nhỏ còn là tân Tỳ kheo đến lúc trưởng thành trên đường đạo, chưa kể đến tâm sức trí lực của chư Tôn đức, chỉ nói về tài lực, cũng đã là vấn đề nan giải. Muốn thực hiện tốt công tác trọng đại này, không thể chỉ nhờ sự hỷ cúng của đàn-na tín thí

vốn không đều đặn và kịp thời, mà cần có nguồn kinh phí tương đối dồi dào và ổn định. Nhận thức rõ điều này, chư vị Tôn túc trong Giáo hội đã cùng họp bàn, cân nhắc và cuối cùng mạnh dạn vạch ra một hướng đi mới: Xây dựng một mô hình kinh tế tự túc chủ động, quy mô và bền vững. Thật ra, mô hình này đã được thực hiện khá thành công ở Nhật Bản, Hàn Quốc vào những thập niên cuối của thế kỷ 20; nhưng trong giai đoạn giữa thế kỷ ấy tại Việt Nam, có ý tưởng táo bạo như thế, quả không phải là chuyện thường.

Năm 1957, một cơ sở sản xuất nước tương (xì-dầu) ra đời tại Nha Trang, mang tên “Hãng Vị Trai Lá Bồ Đề”. Giám đốc hãng kiêm Trưởng ban Bào chế là “Thầy Thủ” Thích Đồng Minh. Với tài trí và nhiệt tình của tuổi trẻ, lại hết mực thanh cao, Thầy Thủ đã điều khiển guồng máy kinh tế cho Giáo hội thành công ngoài mong đợi. Chỉ trong ba năm, cơ sở đã lập thêm hai chi nhánh ở chùa Giác Sanh (Sài Gòn) và Từ Đàm (Huế). Trong thời gian này, hãng xì-dầu Con Mèo của một người Hoa cũng rất nổi tiếng. Chủ hãng nhận ra đối thủ cạnh tranh đáng gờm của mình, đến tận nơi thương lượng cùng quý Thầy, đề nghị mua lại cơ sở với giá thật hậu hĩnh. Nhiều vị tán đồng vì thấy lợi ích trước mắt là quá lớn, chỉ riêng Thầy cùng Hòa Thượng Thiện Minh không chấp thuận, vì tiên đoán rằng tương lai tốt đẹp của cơ sở mình. Thời gian sau cho thấy quyết định của hai Thầy là đúng đắn.

Ngoài sản xuất nước tương, thầy Thủ còn chỉ đạo việc chế biến xà-phòng, thuốc tẩy, làm nhang và đèn cây. Vừa làm vừa học vừa dạy nghề cho Tăng Ni sinh, nhiều lần thất bại trong thí nghiệm được xem là tiền đề cho những thành công rực rỡ về

sau, từng bước Thầy đã làm cho thương hiệu “Lá Bồ Đề” có chỗ đứng vững chắc trong thị trường. Cơ sở đã ký nhiều hợp đồng với cơ quan nhà nước, cung cấp hàng vạn tấn xà-phòng, nước chấm, đậu khuôn... , sản xuất meo nắm và nắm rơm, rượu 90° dùng trong công nghiệp. Tiếng lành đồn xa, nhiều phái đoàn đã đến tham quan hoặc tìm đối tác, trong đó có ngài Chủ tịch nước Cộng Hòa Nhân Dân Lào và phái đoàn hóa chất Hà Nội-Hải Phòng. Tiến sĩ Hoán, trưởng đoàn hóa chất, ngạc nhiên về kiến thức khoa học sâu rộng của vị tu sĩ bề ngoài có vẻ chân chất giản dị. Ông muốn thử tài Thầy nên đề nghị Thầy chế biến cát lồi tại chỗ. Không có ý khoe tài, nhưng lúc cần cũng phải cho người biết khả năng, Thầy thực hiện thao tác một cách thành thạo trước các nhà khoa học trong đoàn, và cuộc thử nghiệm được hoàn thành tốt đẹp. Tiến sĩ Hoán vô cùng kính phục, gợi ý cùng Thầy nên đưa cơ sở sản xuất lên Đại xá nghiệp, và hứa sẽ làm cố vấn khoa học cho cơ sở tương lai. Rất tiếc là nhân duyên chưa hội đủ, Tiến sĩ từ trần sau đó vài năm và hăng Vị trai cũng giải thể, sau 20 năm hoạt động (1957-1977).

Trong thời kỳ kinh tế tự túc, nhờ Hòa Thượng Trí Thủ và HT. Thiện Hòa tin tưởng cho phép, Thầy được quyền sử dụng nguồn tài chánh để làm nhiều việc lớn cho các Phật học viện (PHV). Hoạt động kinh tế là hoạt động tích lũy để làm giàu, nhưng riêng Thầy, bằng chánh mạng, chánh nghiệp, đã tích lũy tài sản một cách lương thiện và sử dụng tài sản ấy cho tập thể Tăng già, chứ không một mảy may tơ hào cho cá nhân. Trong tay có rất nhiều của cải tự do thu xuất, thế mà trong ngần ấy năm, Thầy luôn giữ đúng phẩm chất đạo đức của một người tu

chân chính. Cuộc sống của Thầy lúc nào cũng đơn giản trong phong cách, đạm bạc trong ăn uống, cần kiệm trong y phục. Đơn giản cần kiệm đến độ trong phòng riêng không có vật gì đáng giá, dùng một đôi dép trong suốt hơn 30 năm trường!

Một lần nọ, đại diện một hãng mì ăn liền của người Hoa đến liên hệ với Thầy, xin dùng nhãn hiệu “Lá Bồ Đề” và trả tiền bản quyền. Thầy đã trả lời với vị Giám đốc hãng: *“Chắc ông cũng là con nhà Phật. Ông đem gieo rắc Bồ-đề là tốt rồi, vậy tôi không lấy tiền gì hết”*. Thầy chấp nhận cho sử dụng bản quyền, và thương hiệu “Mì ăn liền Lá Bồ Đề” đã một thời rất nổi tiếng. Các vị làm kinh tế đều biết, một thương hiệu có uy tín được chủ nhân của nó bảo vệ như thế nào. Vậy mà, đối với người không quen biết lại khác quốc tịch, nhưng vì là Phật tử, nên Thầy sẵn sàng biểu không một nhãn hiệu đã cầu chứng, chỉ với mục đích duy nhất là để “gieo rắc Bồ-đề”!

Một vị Thượng tọa đã viết về Thầy: *“Có ý tưởng thông thoáng về kinh tế tự túc trong thiền môn đã là chuyện khó, thực hiện ý tưởng ấy càng khó, và thành công trong việc thực hiện càng là việc khó muôn phần. Vậy mà Thầy đã thực hiện thành công, lại thành công rực rỡ. Một nhân tài kinh tế của Phật giáo như Thầy quả là ít có”*. Nhân tài kinh tế như thế đã ít có, sử dụng tài ấy để phục vụ lợi ích chung, còn cuộc sống riêng mình thì luôn giản đơn đạm bạc, sự thanh cao trong sáng ấy chẳng phải tầm thường!

IV-SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.

Theo phương châm *“Tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức”*, suốt đời Thầy xem việc giáo dục và đào tạo Tăng tài là bốn phận chính. Dù có lúc do hoàn cảnh, tạm thời phải bôn ba nhiều nơi

học hỏi và làm các nghề thế gian, nhưng bản thân Thầy luôn là nhà giáo dục. Ngay khi nhận trách nhiệm quản lý các cơ sở sản xuất, Thầy vẫn đồng thời dạy dỗ Tăng Ni sinh; và những lợi tức trong kinh tế cũng chỉ dành trang trải phí tổn cho việc giáo dục đào tạo.

Năm 1957, Tăng học đường Nha Trang và Phật học đường Báo Quốc Huế sáp nhập thành PHV Trung Phần (còn gọi là PHV Hải Đức Nha Trang). Đại Đức 30 tuổi Thích Đồng Minh được công cử giữ trách nhiệm Giáo thọ chính thức, bắt đầu sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp. Một kỷ niệm trong đời dạy học, Thầy không quên và chắc nhiều người chứng kiến vẫn còn nhớ mãi: Đó là lần thuyết giảng của Thầy tại làng An Truyền huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên Huế. Phái đoàn được cung nghinh từ bến đò Bến Ngự bởi hàng trăm đoàn sinh Gia đình Phật tử cùng các cư sĩ quỳ mọp hai bên đường. Sự tiếp đón trang trọng này làm vị Giáo thọ trẻ tuổi Đồng Minh xúc động. Tự nhiên dòng nước mắt lăn dài trên má. Thầy vội lau nhanh, nhưng nhiều Phật tử đoàn sinh đã nhìn thấy. Ngay từ buổi đầu đã có sự đồng cảm giữa Thầy và trò, nhất là sau khi Thầy lên pháp tòa sau lời giới thiệu của Hòa Thượng Thiện Siêu, dùng ánh mắt từ hòa nhìn khắp lượt thính chúng. Buổi giảng hôm ấy thành công không ngờ, và ghi mãi dấu ấn khó phai cho người trong cuộc.

Thật ra từ năm 18 tuổi, Thầy đã có nhiều dịp làm quen với công tác giảng dạy, vừa học tập kinh nghiệm của các vị tôn túc vừa tự mình thực hiện. Thỉnh thoảng, các ngài Đôn Hậu, Trí Thủ từ Huế vào Phan Rang, đến Tổ đình Thiền Lâm thăm Ôn Huyền Tân. Thầy làm thị giả đứng hầu Bốn sư, nghe các Ngài

giới thiệu nhau: Đây là Ngài Giảng sư, đây là Ngài Giám luật... Không hiểu sao Thầy lại thích danh xưng “Giám Luật”, như có túc duyên với Luật học từ bao đời. Từ đó, Thầy chú tâm nghiên cứu và giảng dạy về Luật học. Chủ trương dạy dỗ đồ chúng bằng khẩu giáo và cả thân giáo, Thầy rất nghiêm cẩn giữ gìn giới luật trong suốt cuộc đời.

Một điểm đặc biệt của Thầy từ lúc trẻ, là nghiêm khắc với chính mình, nhưng từ bi độ lượng với người khác. Nhiều học tăng mới tiếp xúc với Thầy lần đầu, thấy Thầy có vẻ xa cách lạnh lùng, xưng với hống danh “Kỷ luật sắt”. Nhưng thật ra, đằng sau vẻ lạnh lùng ấy là cả một biển tình thương mênh mông ấm áp. Nhiều Tăng Ni sinh ở PHV Hải Đức và Ni viện Diệu Quang vẫn nhớ phẩm chất sư phạm của Thầy là tinh thần khô hài, cách triển khai bài giảng rất linh hoạt, cách sử dụng từ ngữ thật giản dị có pha chút dí dỏm, khiến những bài Luật học khô khan trở thành dễ thuộc khó quên, những giờ lên lớp bỏ buộc trở nên hào hứng sinh động, đầy ắp tiếng cười sáng khoái. Hình ảnh Thầy cặm cùi bao tập, viết nhãn vở cho học trò-chỉ thấy những thầy giáo làng ngày xưa đối với lớp vỡ lòng, nay gặp lại nơi một vị tôn túc-thật là hình ảnh thân thương hiếm có. Thầy san sẻ cho mọi học trò của Thầy vị ngọt của giáo pháp và tình cảm Sư-Đệ thấm thiết, mà không cần sự đền đáp của bất cứ ai.

Phật Đản năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm, ra lệnh triệt hạ cờ Phật giáo. Mùa pháp nạn bắt đầu. Đại đức Thích Đồng Minh, với tư cách thành viên Ủy ban Bảo vệ Phật giáo tại Nha Trang, cùng Tăng Ni Phật tử tranh đấu chống chính sách kỳ thị tôn giáo và đàn áp Phật giáo đồ, theo phương châm bất

bạo động. Ngọn đuốc thiêng Quảng Đức dẫn đầu ngọn lửa vị pháp thiêu thân, thắp sáng cả năm châu, đánh thức lương tri của toàn thể giới. Một triều đại tưởng chừng hùng mạnh bền lâu, đã bị sụp đổ vì không hợp lòng dân, không thuận lý đạo. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất ra đời. Viện Hóa Đạo chỉ định Thầy làm Phó Trưởng miền Khuông Việt gồm các tỉnh Cao nguyên Trung phần, sau đó làm Trưởng miền, khi Thượng tọa Trưởng miền Thích Quang Phú từ chức. Một năm sau, Ngài Trí Quang đề bạt Thầy làm Vụ trưởng PHV, điều hành 22 PHV gồm 996 Tăng Ni sinh, một chức vụ quan trọng nhất trong đời tu của Thầy.

Trong thời kỳ này, nội bộ Phật giáo có sự phân hóa. Một số Tăng Ni sinh có tâm hướng ngoại. Riêng Thầy vẫn giữ vững hoài bão giáo dục đào tạo Tăng tài. Bài thơ Thầy đăng trên báo Hoàng pháp có tính dí dỏm nhưng lại là lời thơ kêu gọi thống thiết:

Viện quý Tú lo tu Viện cần Tú có tu

Viện thương tu thiếu Tú Viện ngán Tú không tu.

Chư tôn đức trong Giáo hội bấy giờ hết lòng ủng hộ chương trình chuyên khoa của PHV do Thầy khởi xướng. Ba lớp chuyên khoa đầu tiên ở Hải Đức (Nha Trang), Huệ Nghiêm (Sài Gòn) và Thập Tháp (Bình Định) ra đời. Thầy lần lượt giữ chức Giám học, Phó Viện trưởng điều hành Viện Cao đẳng PHV Hải Đức, là một trong hai trụ lý đặc lực cho HT Giám viện Thích Trí Thủ. Dù công việc bận bịu đến mấy, Thầy không bao giờ xao lãng những giờ lên lớp, những thời công phu, những buổi quá đường. Thói quen đứng giờ từng phút một của Thầy là một trong những đức tính mà ai cũng nể phục

nhưng không phải ai cũng làm theo được. Câu nói thời danh của Thầy: “*Cánh khổ là nấc thang của bậc anh tài, là kho tàng của người hiểu biết, là hố thẳm của kẻ ươn hèn*” cũng là câu châm ngôn hướng dẫn Thầy và môn đệ vượt qua mọi biến động của hoàn cảnh. Đối với các học Tăng, Thầy vừa là thầy là cha, vừa là bạn là đồng sự, luôn có mặt luôn sát cánh trước những thuận nghịch của dòng đời và đổi thay của lòng người. Nhiều vị dù đã trưởng thành thính thoảng gặp chuyện không vui, vẫn về ngồi dưới chân Thầy để được Thầy khuyên bảo sách tấn. Nhìn gương mặt tươi tắn, ánh mắt độ lượng, nụ cười vừa chúm chím vừa bí ẩn vừa đầy ý nghĩa, vị ấy thấy vui đi bao ưu tư khúc mắc. Và khi lạy Thầy từ giã, vị ấy ra về với một sức mạnh mới, một niềm tin mới, để có thể gánh vác trọng trách tương chừng quá sức kham nhẫn của mình!

Sau khi các cơ sở sản xuất ngừng hoạt động (1977), Thầy có thời gian toàn tâm toàn ý cho công tác giảng dạy và dịch thuật. Các Tự viện ở Nha Trang và một số nơi ở Sài Gòn như Quảng Hương Già Lam, Vạn Hạnh... thường có bóng Thầy trong lớp học. Thầy cũng được tôn cử làm Tuyên Luật Sư cho các Đại giới đàn Trí Thủ, Thiện Hòa, từ đó nhiều giới tử trở thành những cây xanh lá, tương lai của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sau này.

Năm Thầy 70 tuổi (1997), Giáo hội PGVN tấn phong Thầy lên Hòa Thượng và suy tôn vào Hội đồng Chứng minh Trung ương. Sau đó, Thầy lại được suy cử làm Chứng minh và Cố vấn cho Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Trải qua nhiều chức danh lớn trong Đạo pháp, trở thành Bạc cao Tăng thạc đức của Giáo hội, nhưng đối với Thầy, tất cả chỉ là hoa đốm giữa hư không. Người tu chân chính không màng danh lợi, biết thân tâm cảnh là duyên hợp tạm có, không bất biến, không thường hằng. Thầy làm mọi Phật sự với tinh thần vô ngã vị tha, chỉ với mục đích duy nhất: Giác ngộ và Giải thoát khỏi ba cõi trầm luân. Bài thơ khai bút Xuân Bính Tý (1997) Thầy viết khi đến tuổi “cổ lai hy” cho thấy ý chí của Thầy:

*Tuổi Đinh Mão năm nay bảy chục,
Trải thời gian gạn đục lắng trong.
Quyết tâm rửa sạch cõi lòng,
Mới mau ra khỏi cái vòng tử sinh.*

V-SỰ NGHIỆP DỊCH THUẬT

Cuộc đời Thầy có duyên gắn bó với Luật học từ thuở theo hầu Bốn sư. Trong công phu tu hành, trong công tác giảng dạy và trong sự nghiệp dịch thuật, Thầy đều lấy Luật làm căn bản, như từng tâm niệm: “*Thế sống chết với Luật học*”.

Bộ luật đầu tiên Thầy được tiếp xúc là bộ Trùng Trị của Trí Húc Đại Sư viết bằng chữ Hán, Thầy học với ngài Đôn Hậu từ năm 1953. Sau đó, lại được nhiều lần học với ngài Trí Thủ, nên lúc nào rồi rảnh, Thầy lại giở ra xem. Đây là một trong những dịch phẩm Thầy tâm đắc nhất khi phiên dịch.

Năm 1972, Thầy vào chùa Già Lam chủ trì an cư cho chúng phổ thông, để Hòa Thượng Trí Thủ về Nha Trang phụ trách chúng chuyên khoa. Suốt ba tháng tạm trú tại phòng của HT, có máy điều hòa xua hết cái nóng bức mùa hạ, Thầy ngồi

ngiên cứu tạng Luật đều đặn 12 giờ mỗi ngày. Đọc đến đâu, Thầy thông suốt đến đó, không biết mỏi mệt mà thấy thích thú vô cùng. Khi được giải nhiệm chức vụ Trưởng phòng Bào chế của các Hợp tác xã Bồ Đề tại Nha Trang, Huế, Sài Gòn (1988), Thầy có nhiều thời giờ rảnh, càng chú tâm vào việc phiên dịch.

Phương pháp làm việc của Thầy chia làm nhiều bước một cách khoa học: Trước tiên, Thầy đọc qua tác phẩm một lần để hiểu toàn bộ nội dung. Kế đến, Thầy đọc lại lần thứ hai thật kỹ, chữ nào không hiểu là Thầy tra cứu và ghi chép cẩn thận. Bước thứ ba Thầy bắt đầu dịch. Sau khi dịch xong tác phẩm, Thầy đọc lại bản dịch mà không nhìn vào nguyên tác, để sửa chữa và bổ sung về văn phạm, ngữ pháp. Tiếp theo, Thầy đối chiếu bản dịch với nguyên tác, xem trong lúc thêm bớt câu chữ, có đi lệch với nguyên văn chữ Hán không. Khi đã chép lại bản thảo sạch sẽ, Thầy lại nhờ huynh đệ dò lại từng câu, đối chiếu với bản chữ Hán để chắc chắn không có sự sai sót. Bản dịch hoàn chỉnh được đánh vi tính thành sáu bản, gửi đến sau nơi nhờ lưu giữ.

Khi Viện Nghiên cứu Phật học Thành Phố HCM thành lập, Thầy đã dịch xong 3 bộ: Bộ luật Tiểu 4 quyển (dịch thuộc lòng ra văn vần), Bộ Trùng Trị Tỳ Ni 18 quyển và Tỳ kheo Giới bốn Sớ nghĩa. Tất cả các bản dịch, Thầy dâng cúng cho Viện Nghiên cứu tùy nghi sử dụng. Năm 1991, Phân viện Nghiên cứu Hà Nội ra đời tại chùa Quán Sứ, Thầy được mời vào Ban Phiên dịch. Thầy đã tích cực làm việc, góp công lớn trong việc dịch thuật và xuất bản tập I bộ luật Tứ phần (gồm 15 trong số 60 quyển).

Những năm cuối đời, dù cơ thể mang nhiều bệnh tật, Thầy

vẫn hăng say đóng góp tài trí của mình cho Giáo hội. Ngoài trách nhiệm Trưởng ban Phiên dịch Pháp tạng PGVN, Thầy còn làm Cố vấn chỉ đạo Ban Phiên dịch Đại tạng kinh và Trưởng ban Bảo trợ Phiên dịch Pháp tạng. Ở cương vị nào, Thầy cũng chu toàn hết mực.

Nhờ có Thầy với kinh nghiệm phong phú, với uy tín lớn lao đối với Tăng ni Phật tử trong và ngoài nước, Ban Phiên dịch đã hoạt động hiệu quả. Cụ thể là 17 tập trong Đại chính Tân tu Đại tạng Kinh đã được dịch và chứng nghĩa, chỉ trong vòng 3 năm.

Sự nghiệp tu học và hành đạo của Thầy đồ sộ như thế, thật khó có người sánh kịp. Nhưng khi có ai ngỏ lời ca tụng, Thầy chỉ một nụ cười mỉm bảo rằng, đó chỉ là nhờ nhân duyên lớn được gần gũi học tập nhiều vị chân tu thạc đức, từ khi đồng chơn nhập đạo đến lúc trưởng thành. Thật vậy, từ năm 13 tuổi, Thầy đã vào chùa Khánh Vân của Đại sư Chơn Quang, được Hòa Thượng Trí Thắng và sau đó Hòa Thượng Huyền Tân giáo dưỡng. 19 tuổi, Thầy được Bốn sư cho thêm 1 tuổi để thọ giới Cụ túc, dưới sự chủ trì của Hòa Thượng Phước Huệ và Hòa Thượng Huệ Chiếu là hai vị Đại lão Hòa Thượng đạo cao đức trọng. Khi ra Huế, Thầy lại được học với các bậc thạch trụ tông lâm chấn hưng Phật giáo Việt Nam như các ngài Thiện Siêu, Trí Quang, Đôn Hậu. Lúc làm việc, Thầy thân cận với Hòa Thượng Trí Nghiêm, Minh Châu là những vị chân tu nổi tiếng của PGVN ngày nay. Như thế, được sự thân cận, giáo dưỡng, thương yêu của trên mười bậc Cao tăng thạc đức, phước báo này của Thầy thật rộng lớn ít ai bằng. Có lẽ nhờ noi gương các Ngài nên cuộc đời Thầy cũng tỏa sáng giới đức, để

đến lượt Thầy, trở thành một cây cao bóng cả của PGVN.

VI- BỆNH TẬT VÀ VIÊN TỊCH.

Năm 61 tuổi, Thầy tình cờ phát hiện mình bị cao huyết áp và đục thủy tinh thể (cườm mắt). Năm năm sau, Thầy mắc thêm bệnh Tiểu đường. Theo lời khuyên của bác sĩ điều trị, Thầy kiên trì dùng thuốc hàng ngày, cử kiên đúng cách. Thời gian làm việc giảm bớt, từ 8 giờ còn 4 giờ mỗi ngày.

Khi Thầy dịch vừa xong bộ Ngũ phần luật thì bệnh Tiểu đường tạm ổn. Lượng đường huyết còn cao nhưng không ở mức độ nguy hiểm, thần sắc vẫn tươi nhuận. Thường ngày, ngoài giờ làm việc, Thầy thích ngồi trên xích đu, một tay cầm quạt phe phẩy, tay kia luôn có chuỗi hạt đen tuyền.

Ngày 9/4/2005, sau khi vào Sài Gòn dự lễ húi kỵ Ôn Già Lam, Thầy tự nhiên thấy trong người khó chịu, ăn uống kém hẳn. Bệnh viện tỉnh Khánh Hòa khám và chẩn đoán “nghi K gan đa ổ/ Tiểu đường type 2 + Cao huyết áp” và chuyển Bệnh viện Chợ Rẫy. Tại đây sau khi xét nghiệm cần thiết, chẩn đoán K gan được xác định. Thầy biết được, điềm nhiên bảo rằng: “Mười lăm năm tôi bị bệnh Tiểu đường, chữa trị chừng ấy là vừa, mọi việc không cần thiết nữa”. Ý Thầy muốn nói, với Thầy thì 79 tuổi là đủ, không nên sống đến 80, tuổi ngang bằng đức Phật.

“Ung thư gan”, câu phán quyết của Bác sĩ như một lệnh tử hình! Cái chết được báo trước, không phải tính bằng năm mà bằng ngày bằng tháng. Sức khỏe Thầy suy sụp nhanh chóng, chỉ mới chín ngày nằm viện mà da đã vàng đậm, không tự đi được phải có người dìu. Mọi người đều bàng hoàng lo lắng, chỉ có Thầy vẫn bình tĩnh lạc quan. Nụ cười mỉm đặc biệt vẫn

thoáng hiện khi có người đến thăm kể chuyện vui. Khi hơi khỏe lên chút ít, Thầy vẫn có những câu khuyên bảo khi nghe trò tâm sự. Trước khi về lại Nha Trang, Thầy còn đến Già Lam xin gặp Ôn Tri Quang lần cuối. Hai vị tôn túc nói chuyện với nhau rất lâu, và khi chia tay Ôn bảo Thầy: *“Đồng Minh về chào bốn đạo đi là vừa”*. Đại sư biết rằng, lần chia tay này là vĩnh viễn!

Trở về chùa Tỉnh hội Long Sơn (Nha Trang), nơi gần bó cùng Tăng chúng trên 50 năm, Thầy được quý thầy và các Y Bác sĩ tận tình thuốc thang chăm sóc. Thầy biết bệnh tình không qua khỏi, nên sắp đặt mọi việc chu đáo, dặn dò nhắc nhở không sót một ai, kể cả những đệ tử từ lâu ở xa không gặp. Về hậu sự, Thầy nhờ Hòa Thượng Thích Chí Tín, trụ trì chùa Long Sơn, viết theo lời ủy thác của Thầy: *“Lễ tang đơn giản, thời gian trong vòng 36 tiếng đồng hồ. Không xây tháp, dùng tịnh tài này để ấn tống kinh sách”*. Chữ ký của Thầy bên trái tờ di chúc, lập ngày 17/6/2005, ngằn nghèo run rẩy nhưng vẫn toát lên sự rắn rỏi của một ý chí vững vàng trước ngọn cuồng phong bên lề cửa tử. Đến phút cuối, Thầy vẫn chỉ một lòng nghĩ đến việc chung, mà không hề muốn thọ nhận điều gì cho riêng mình!

10 giờ sáng ngày hôm ấy, Thầy tiếp thầy Thích Nguyên Giác, trụ trì Quảng Hương-Già Lam. Nằm trên chiếc võng quen thuộc, Thầy dặn dò nhiều điều và nhận tịnh tài cúng dường. Sau đó, Thầy nằm yên, chánh niệm tỉnh giác trong tiếng niệm hồng danh đức Phật của Tăng Ni Phật tử.

14 giờ 30, Thầy bảo đưa từ võng lên giường, nghiêng về bên phải theo tư thế kiết tường, tư thế nằm thường ngày của Thầy khi ngủ. Sau câu nói khẽ với thị giả: *“Tôi không uống nước và*

uống thuốc nữa”, Thầy im lặng, không cử động, hơi thở đều đặn nhẹ nhàng nhập Kiết tường tam muội!

Có thể nói, giờ phút xả báo thân là giờ phút được tôn vinh của một Bậc xuất trần Thượng sĩ. Giữ nguyên tư thế kiết tường, Thầy làm chủ thân tâm, tự tại trước bờ sinh tử. Cái đau thể xác do bệnh tật nghiệt ngã không làm ảnh hưởng định lực, Thầy nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, thể nhập Pháp thân thường trụ. Bấy giờ là 18 giờ 45 phút, ngày 17/6/2005 (11/5 Ất Dậu), trụ thế 79 năm, 60 hạ lạc.

Sự ra đi của Thầy là một sự mất mát không gì bù đắp nổi. Đất nước mất đi một nhân tài, dân tộc Việt Nam mất đi một người con ưu tú. Phật giáo Việt Nam mất đi một thạch trụ vững chắc, Giáo hội mất đi một cánh tay đắc lực. Tăng Ni Phật tử mất một người Thầy-người Cha-người Anh hết lòng vì đàn hậu lai. Ban Phiên dịch Pháp tạng mất đầu tàu gương mẫu trong công tác dịch thuật đầy khó khăn trở ngại. Tông môn không còn nữa cội tùng già từ bao lâu tỏa mát nơi Tổ đình Thiền Lâm Tự. Tuy vậy, tấm gương công phu đạo hạnh của Thầy vẫn mãi chói sáng cho muôn đời sau noi theo. Thầy sinh ra từ vùng địa linh nhân kiệt, nơi vua Quang Trung dấy nghiệp đánh đuổi ngoại xâm, viết nên trang sử vẻ vang hào hùng của đất nước. Thầy được giáo dưỡng tại Tổ đình Sắc tứ Thiền Lâm tự-Phan Rang, nơi nắng gió khô hanh, nơi ngọn lửa nóng bức, biến vàng trong quặng thành khối vàng ròng tinh khôi quý giá. Thấp sáng ngọn đuốc Thiền Lâm-Tế, Thầy về nhập chúng Long Sơn Nha Trang, nơi hội tụ nhiều bậc Cao tăng thạch đức. Mỗi đạo tình keo sơn Trí Nghiêm-Chí Tín-Đồng Minh-Thiện Bình trên đôi Trại Thủy kết dệt từ bao đời kiếp, chung vai chung sức trong

sự nghiệp hoằng hóa lợi sanh, mãi mãi là một bản đạo ca làm rung động lòng người! Suốt cuộc đời, Thầy không mong cầu điều gì cho bản thân, mà chỉ lấy trọng trách đào tạo Tăng tài làm sự nghiệp lợi tha, lấy việc nghiêm trì giới luật làm công phu tự lợi. Không quản thành bại, không ngại khen chê, phấn đấu không mệt mỏi vượt qua mọi khó khăn bên ngoài và mọi trở ngại bên trong thân tâm, để đến lúc cuối, Thầy thanh thản ra đi trong tư thế kiết tường!

Suốt 79 năm trên sân khấu cuộc đời, tuy Thầy đóng khá nhiều vai diễn, nhưng lúc nào cũng sáng ngời một hình ảnh của bậc chân tu. Theo đạo đức Khổng Mạnh, mẫu người quân tử là “*Phú quý bất năng dâm, Bần tiện bất năng di, Uy vũ bất năng khuất*”. Những đức tính ấy, nơi Thầy có đủ: Đối với tiền tài danh lợi, Thầy không ham muốn dù tự tay làm ra thật nhiều của cải; cả đời sống thiếu dục tri túc, thậm chí trước khi nhắm mắt còn dặn dò làm lễ tang đơn giản để dành tiền in kinh sách. Đối với nghèo hèn hoặc trước hoàn cảnh khó khăn, Thầy không động tâm, chỉ một đức hy sinh kham nhẫn. Đối với uy vũ, chỉ một nụ cười mỉm cũng đủ hóa giải mọi điều. Nhưng hơn thế nữa, là một người tu Phật thực hành công hạnh Sa-môn, Thầy luôn tinh tấn trong công phu, nhiệt tình trong các Phật sự và dốc hết sức mình trong công cuộc đào tạo đội ngũ kế thừa. Bàn thờ của Thầy chỉ đặt một chữ **XÁ**, như nhắc nhở Thầy buông xả mọi phân biệt chấp trước, buông xả mọi ham muốn trần gian và cuối cùng, buông xả báo thân một cách an nhiên tự tại. Cuộc đời Thầy thật vô cùng trong sáng đẹp đẽ như viên ngọc quý không tỳ vết; bản thân viên ngọc dù trải qua bao lần bị giữa mài đau đớn, vẫn hoan hỉ vì đã góp phần

làm đẹp cho đời!

Trong buổi lễ phúng điếu, nhiều người xúc động khi nghe bài điếu văn của Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa:

*... Không thần thông phép lạ
 Chẳng mật ngữ linh phù
 Chỉ nhất tâm khổ hạnh công phu
 Bốn chúng thấy trang nghiêm khế thủ.
 Thân tứ đại ba y là đủ
 Ngày hai thời tịnh chỉ công phu.
 Tiền rừng bạc biển cho dù,
 Trên tay Thầy một chuỗi xâu Bồ-đề!*

Đại sư Trí Quang thường rất ít khen ai, cũng ít khi viết kệ phúng điếu, nhưng Ngài đã phá lệ tặng Thầy những lời trân trọng:

*Phụng cúng chúng trung tôn
 Thiện thuận giải thoát giới
 Bệnh tử bất khổ thân
 Thị thắng dị thực tướng.*

Khen cho vị Tăng khéo thuận giới giải thoát, bệnh chết không làm khổ thân, đó là tướng thù thắng của quả dị thực. Lời khen thật quý giá và nói lên đầy đủ công hạnh trong sự nghiệp giáo dục cùng những điều vượt thường của Thầy trong giờ phút lâm chung.

Ngày tiễn đưa kim quan Thầy, cả một rừng người tham dự và bao nhiêu nước mắt tiếc thương. Mọi người đều khóc, chỉ riêng Thầy mỉm cười. Có phải người chân chính nào cũng đều thể hiện tinh thần “*Khi sinh ra, ta khóc trong khi mọi người cười. Phải*

sống thế nào để khi mất đi, ta cười trong khi mọi người khóc”? Di thể Thầy được thanh nghiêm nhập tháp gần bảo tháp cổ Đại lão Hòa Thượng. Thích Trí Nghiêm. Lúc còn sinh tiền, hai vị tôn túc đã làm việc cùng nhau, sát vai nhau vượt qua bao khó khổ. Ngày nay, nhục thân hai vị lại cùng nằm bên nhau trong lòng đất đôi Trại Thủy-Nha Trang, như một sự nghỉ ngơi bình yên sau bao năm phụng sự chúng sanh báo đền ơn Phật.

*Thầy giờ thượng phẩm đăng lâm,
Nụ an nhiên ấy trong ngần như như.
(Đạo-Quang)*

Cố Hòa Thượng Luật Sư Thích Đồng Minh đã “*thượng phẩm đăng lâm*”, nhưng hình ảnh Thầy vẫn luôn sống mãi trong lòng tứ chúng, vẫn sáng ngời trong tâm tưởng của hàng môn đệ. Đặc biệt là những người con xuất thân từ Tổ đình Thiên Hưng và Tổ đình Thiền Lâm-Phan Rang, dù đang còn làm Phật sự tại quê hương hay như những cánh chim trưởng thành bay đi tám hướng, vẫn luôn nhớ ơn Thầy đã làm rạng danh Tông phái. Để thể hiện lòng thành kính tri ân ấy, chúng ta nguyện làm như Thầy đã làm, nói như Thầy đã nói, nghỉ như Thầy đã nghỉ; nguyện noi theo chí hướng của Thầy suốt đời rèn luyện thân tâm, hết lòng phụng sự cho dân tộc và đạo pháp, góp phần thanh tịnh quốc độ. Những di ngôn của Thầy sẽ luôn như những lời sách tấn, những viên diệu dược chữa trị tâm bệnh cho chúng ta trên bước đường hành đạo nhiều cạm bẫy chông gai. Và trước khi chia tay với Thầy, chúng ta hãy đọc lại trang Hồi ký có bài thơ Thầy viết lúc 8 giờ 30 ngày mừng một Tết Bính Tý (1997):

Khai thần bút, minh niên Bính Tý,

Từ Thị Ngài hoan hỷ càng thêm.
Con nguyên suốt cả ngày đêm,
Tinh tấn tịnh lự trang nghiêm đời mình.
Sống tri túc an bình thiếu dục,
Của người cho, đúng lúc mới tiêu.
Việc cần không kể bao nhiêu,
Lợi đời lợi đạo dầu nhiều vẫn vui.
Nay tự nhủ đôi điều nên nhớ,
Đừng bội lòng, đừng chớ nói suông.
Luôn luôn nghĩ đến vô thường,
Mạng sống nào khác như sương đầu cành.
Bệnh, lão, tử đến nhanh như chớp,
Mới đây mà lớp lớp ra đi.
Xoay qua xoay lại đã già,
Nay đà bảy chục thật là quá mau!
Vòng luẩn quẩn trước sau đều thế,
Có chi đâu mà để nói năng?
Chơn như Phật tánh vĩnh hằng,
Quy nguyên là đích, tuệ đang dẫn đầu.

THIỀN THẤT VIÊN GIÁC

Viết nhân ngày Tiểu tường Cố Hòa Thượng Luật sư thượng Đồng hạ Minh.



CẢM NIỆM TÔN SƯ

THÍCH ĐỨC THẮNG

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật
Kính bạch Giác linh Thầy,

Những điều này đáng ra môn đồ pháp phái đệ tử chúng con đã bộc bạch với Thầy trong thời gian cử hành tang lễ; nhưng vì hoàn cảnh vào lúc ấy không cho phép chúng con được quyền làm việc này, nên phải mãi đến hôm nay, tại Tổ đình Thiền Lâm nhân ngày chung thất trai tuần Thầy, chúng con mới đủ duyên để làm được cái quyền này.

Kính bạch Giác linh Thầy,

Môn đồ pháp phái đệ tử chúng con thường nghe: Cha mẹ tác tạo ra tấm thân ngũ uẩn chúng con, Thầy Tổ tác thành Giới thân Tuệ mạng cho chúng con. Nhưng sắc thân năm uẩn này thì luôn biến dịch từ khi mới sinh ra cho đến khi khôn lớn hiểu biết và, cho đến lúc về già đã biến dịch đổi thay theo sự chi phối của luật vô thường, chúng tùy thuộc vào thời gian qua sự sinh diệt biến dị của nhân duyên sinh khởi; trong khi tánh giới của pháp thân tuệ mạng thì bất sinh bất diệt, vượt qua khỏi sự chi phối của không gian và thời gian. Qua đó, chúng con cảm nhận rằng ân đức tác thành giới thân tuệ

mạng, chúng con không thể nào dùng bút mực để diễn tả lên giấy trắng mực đen, hay bày tỏ bằng ngôn ngữ lời nói để thể hiện lòng tín thành báo đáp ân Thầy trong muôn một!

Bảy mươi chín năm thác tích bụi trần, trong đó hơn sáu mươi năm thừa hành Phật sự:

Đối với bản thân, Thầy lúc nào cũng giữ gìn giới châu thanh tịnh, liên tục tinh tấn nhẫn nhục nghiêm khắc với chính mình nhằm thanh tịnh hóa ba nghiệp thân khẩu ý qua cuộc sống, cộng với lòng từ bi, hỷ xả và, cuộc sống đơn giản tri túc của Thầy trong công phu tu tập, đã biến Thầy thành Người sạch như băng tuyết, nó được thể hiện qua việc làm chủ cuộc sống hằng ngày và, trong việc làm chủ lấy cái chết của mình trong tư thế kiết tường lúc ra đi của Thầy; chúng đã nói lên tất cả những gì chúng con muốn nói.

Đối với mọi người, Thầy luôn luôn khiêm cung, từ hòa, nhỏ nhẹ, rộng lượng trong giao tiếp qua kham nhẫn và hỷ xả. Thầy vì lòng từ bi mà hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp nghiên cứu dịch thuật, giáo dục cùng việc nuôi dạy đào tạo Tăng tài cho mai hậu. Thầy không ngại tuổi già sức yếu, tù tội, bệnh hoạn vây quanh đã vì tương lai Phật pháp, vì dân hậu tiến mà dang tay gánh vác, hướng dẫn, bảo bọc từ miếng cơm manh áo cho đến việc truyền trao giáo pháp cao minh của đức Từ Phụ cho Tăng chúng. Thầy đáng xứng danh là bậc long tượng trong chốn Thiền môn, Người vừa thể hiện thân giáo vừa thể hiện ngôn giáo một cách sinh động qua cuộc sống và trong dạy dỗ. Qua đó chúng con và mọi người đã học được rất nhiều bài học Phật pháp từ đơn giản được thể hiện qua cuộc sống chính bản thân Thầy đến ý nghĩa sâu xa qua sự giảng dạy sinh động di dóm trong ví dụ, đã làm cho chúng con nắm bắt một cách nhanh chóng những cốt lõi cơ bản trong lối trình bày. Đó là những gì môn đồ đệ tử chúng con lúc nào cũng nhớ nghĩ đến Thầy, điều mà chúng con viết về Thầy chúng đã thể hiện qua những nhận xét của Hòa Thượng Thích

Trí Quang sau khi nghe tin Thầy an nhiên thị tịch trong tư thế kiệt tường như hình ảnh đức Đạo sư nhập Niết-bàn. Hòa Thượng đi điều cho Thầy bốn câu kệ, mà trước nay Hòa Thượng chưa từng đi cho bất cứ Hòa Thượng, Thượng tọa, Đại đức chúng Tăng nào, chúng nói lên tất cả cuộc đời của Thầy đã thể hiện trong sanh-bệnh-tử của chính mình:

Phụng cúng chúng Trung tôn

Thiện thuận giải thoát giới

Bệnh tử bất khổ thân

Thị thắng dị thực tướng.

Có lẽ nhờ nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp, nên chúng con đã gặp Thầy, được làm môn đồ pháp phái đệ tử của Thầy. Chúng con được hân hạnh hầu cận bên Thầy một thời gian khá lâu; những gì đáng dạy thì Thầy đã dạy cho chúng con vừa khẩu giáo vừa thân giáo. Có những lúc chúng con lầm lỗi vấp ngã, Thầy như một người cha vực dậy, nghiêm khắc chỉ dạy ngay đến cả roi vọt; nhưng sau đó Thầy như là một người mẹ hiền bỏ qua mọi chuyện, an ủi, khích lệ chúng con. Cho dù sau này vì nhân duyên chúng con ít gần gũi bên Thầy để được đích thân quỳ gối bên Thầy, nghe những lời dạy từ Thầy, hay được nghe những buổi giảng của Thầy về kinh-luật-luận như trước kia về khẩu giáo; nhưng chúng con cũng có thể học được Phật pháp từ nơi thân giáo của Thầy. Hình ảnh nghiêm từ như người cha khả kính của Thầy được thể hiện qua bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi của giới thân thanh tịnh oai nghiêm, những lời động viên, khuyến khích học hành đối với chúng con tuy có ít ỏi; nhưng đó là những động cơ thúc đẩy mạnh mẽ đã làm tăng lòng tin tâm nơi chúng con đối với giới pháp và những lời dạy của đức Phật. Thầy như một từ mẫu, không riêng gì đối với môn đồ pháp phái đệ tử chúng con tại Tổ đình, mà nhất là đối với Tăng chúng tại các Phật học viện, Thầy lúc nào cũng lo lắng đến việc tạo dựng kinh tế tự túc cho chúng Tăng, để

cho chúng Tăng khỏi tự lo cho mình về miếng cơm manh áo, mà chỉ tâm vào việc tu học. Thầy đã vất vả chạy xuôi chạy ngược các tỉnh trong khắp cả nước từ Quảng Trị cho đến Cà Mau để lo về giáo dục và, lo về kinh tế cho chúng Tăng trong các Phật học viện vào lúc bấy giờ (trước năm 1975). Hơn nữa, nhờ giới đức từ bên trong Thầy lan tỏa ra đã khiến cho những người chung quanh khi tiếp xúc với Thầy luôn luôn mang lại cho họ niềm an lạc hoan hỷ yên ổn.

Ăn đức vô lượng vô biên ấy đối với môn đồ pháp phái đệ tử Thiền Lâm nói riêng, chúng Tăng cả nước nói chung và, nhất là Tăng Ni Nha trang, chúng con chưa kịp báo đáp thì than ôi! Thầy chợt ngã bệnh trong vòng hai tháng đúng và, đã vĩnh viễn ra đi mãi mãi. Thế là từ nay:

*Trượng thất Long Sơn vắng bóng Thầy,
Trăng dòm song cửa lạnh lò hương
Mùi thơm giới đức còn quanh quẩn
Gió thoảng vô thường vắng tiếng chuông!
Chốn Tổ Thiền Lâm lá rụng đầy
Gót hài ký ức nệm xanh rêu
Ảnh chìm long vị Người không thấy
Chim lạc đường mây khăn tiếng kêu!
Hải Đức Già Lam hoa lá lay*

Nguyệt tà hương quện gió đưa sang Mùi hương đạo hạnh như còn mãi Thiền thất lạnh lòng trăng tỏa hương.

Kính bạch giác linh Thầy,

Thầy thường dạy chúng con “*Vô thường thị thường.*” Hãy nắm lấy tinh túy cốt tủy của nó mà làm chủ sống chết. Tuy chúng con biết thế nhưng trước cảnh sinh ly tử biệt, trước sự ra đi của Thầy chúng con không làm sao cầm được nước mắt, chúng con mất đi trái tim nhân hậu Bồ-tát hạnh của Thầy, chúng con biết nương tựa vào đâu

trong những lúc như lúc này?

Hôm nay nhân ngày lễ chung thất Thầy, chúng con kính bộc bạch lên Thầy những gì chúng con muốn bộc bạch trong những ngày lễ tang của Thầy, nhưng chưa đủ duyên để trình lên Thầy. Nay chúng con quỳ trước linh đài, thành kính nguyện noi gương Thầy trên bước đường phụng sự đạo pháp và dân tộc; trong đó việc đào tạo Tăng tài tiếp Tăng độ chúng cho mai hậu và, nghiên cứu phiên dịch kinh tạng là ước nguyện chính của Thầy trong sự nghiệp giáo hóa độ sinh. Chúng con nguyện sẽ noi theo và thực hành lấy “*Trí tuệ làm sự nghiệp*” cho chúng con như Thầy thường dạy. Và nhân đây chúng con xin kính ngưỡng mong Thầy vì sự nghiệp “Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh” mà Thầy hồi nhập ta-bà để hướng dẫn dắt chúng con chuyển phàm thành Thánh, chuyển mê khai ngộ. Chúng con xin thành tâm kính lạy giác linh Thầy chứng giám và, cảm niệm thâm ân giáo dưỡng của Thầy đối với môn đồ pháp phái đệ tử chúng con.

Nam mô từ Lâm Tế chánh tôn tứ thập nhị thế Thiên Lâm đường thượng hựu thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh tôn sư giác linh thù từ chúng giám.

Thay mặt môn đồ pháp phái

Đệ tử Thích Đức Thắng



Hòa thượng dạy Luật cho lớp Hán Nôm nâng cao tại Quảng Hương Già Lam (1995)

NHỮNG LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA ÔN

Hai tuần lễ sau khi từ bệnh viện Chợ Rẫy-Sài Gòn trở về, cảm thấy sức khỏe suy yếu, nằm dưỡng bệnh trên võng giữa quý Thầy thị giả, Ôn từ hòa dạy: “Tiền như rắn độc, các Ông hãy cẩn thận. Giờ nào việc nấy, chỗ nào vật ấy. Một điều nữa, sau khi Tui mất, Tui thích nằm nghiêng bên phải, các Thầy nên để như vậy; không nên xây tháp, để tiền đó ấn tống kinh sách, cúng dường các chùa. Hãy cố gắng tinh tấn, tinh tấn.”

Thị giả của Ôn, Nguyên An kính thuật.

VÀNG SÁNG BÊN ĐỒI

(ghi lại buổi lễ tưởng niệm và cung tiễn Kim quan)

*Vô thường thị thường như bọt nước
Tịch diệt phi diệt ánh mây trời
Sáu mươi năm bố pháp giữa cuộc đời
Một mai sớm sáng ngời lối cũ.*

Đêm trăng 14, ngôi chùa Long Sơn im lìm trong sự huyền ảo lạ thường. Bầu trời đêm tuy đẹp nhưng chìm bên trong nó một màu trắng tiếc nuối đau thương. Suốt ngày hôm ấy, ngày cuối cùng trong chương trình Tang lễ để thập phương Tăng tín quy tụ về bên linh đài của bậc Long Tượng Thiền môn, khung cảnh buổi lễ trở nên ấm cúng hơn. Đông đảo các Phái đoàn trở về phúng viếng đánh lễ. Các buổi lễ theo truyền thống trong đêm cuối cùng đã gây nhiều xúc động lòng người, đặc biệt là lễ tưởng niệm ân sư của tứ chúng môn đồ trong đêm tiễn biệt. Bao nhiêu lớp người còn ở lại, niên cao lập trường là thế, chí nguyện kiên cường là thế, nhưng trước giờ phút “bên Thầy” cuối cùng, không ai có thể cầm được dòng nước mắt đau thương. Mỗi lời phát ra trên máy đều là tấm chân tình thống thiết, bao lời lẽ bộc bạch trong các bài cảm niệm dâng Thầy đều

khuyến lòng người chùng xuống để nước mắt tự do tuôn trào. Mà không tuôn trào sao được khi từ giờ phút ấy trở đi, tất cả mọi giới Tăng tín ngưỡng vọng Thầy chỉ còn được quý lạ, thưa trình trước chân dung từ ái, với nụ cười thường tại như nhiên.

Lễ tiền Thầy, từng người, từng người dâng trọn tấm lòng quy kính, đánh lễ chiêm ngưỡng, hữu nhiều kim quan. Bước chân đi nhiều xong rồi mà sao cứ muốn lùi lại, bước ra thêm một bước nặng nề làm sao, vì ai cũng muốn gần bên Thầy thêm nữa, thêm nữa và nếu được thì mãi mãi dừng lại lúc này là điểm phúc tràn đầy. Nhưng ý muốn là thế mà thời gian thì vẫn cứ trôi, cái lễ thường tình không thể làm ngơ phò mặc. Mỗi bộ phận trách nhiệm trong Tang lễ phải trở về chuẩn bị chu toàn cho lễ Nhập tháp hôm nay. Trên thư viện trường Trung Cấp, đèn vẫn sáng, máy móc vẫn hoạt động liên tục, các biên tập viên gần như thức trắng để kịp ra bài cho Bản Tin 2. Ngoài sân, quý chú Tăng sinh khẩn trương hoàn thiện các nghi trượng cho Đoàn cung nghinh, các em Đoàn sinh cũng nhanh chóng hoàn tất phần việc của mình để cúng dường lễ cung tống kim quan. Mọi công việc đều diễn ra khẩn trương mà lặng lẽ, vội vã nhưng thành tâm, tất cả đều hướng trọn về ngày hôm nay, ngày quan trọng nhất, đau thương nhất, ngày đàn con theo gót hài Thầy về bảo địa miền trường.

Đúng theo chương trình Tang lễ, sáng nay, đúng 6 giờ, sau buổi dâng trà, lễ thỉnh kim quan nhập bảo tháp được trân trọng thông báo bằng ba hồi chuông lệnh trầm hùng. Lễ trường trang nghiêm rực rỡ sắc vàng, màu giải thoát thiêng liêng, màu Tôn sùng cung kính. Lễ cung tiền Thầy sắp được khai diễn.

Sau khi Ban Tổ Chức cung thỉnh Hòa Thượng Chứng Minh và chư Tôn thiền đức an tọa nghiêm tòa, từng mục lễ hành chánh theo thứ tự diễn ra trong hương trầm nghi ngút, trong ánh nến lung linh và trong bao tiếng nấc nghẹn ngào. Trên linh đài, ánh mắt Thầy vẫn từ hòa nhìn xuống, nụ cười trên môi vẫn an nhiên như đã thể nhập vào trong miên viễn ngàn đời. Có lẽ, Thầy cũng đang sẻ chia tâm tình cùng bao thế hệ.

Trước hết là Tiểu Sử Thầy đậm màu xuất thế độ sinh, chuyên tinh giới luật. Mỗi giai đoạn cuộc đời là gắn liền những dịch phẩm như ngọc quý trân châu, mỗi sự kiện liên quan đều toát ra tinh thần lợi tha vô ngã. Tiếp đến là Diễn Văn tưởng niệm của Giáo Hội Trung Ương, mỗi lời mỗi chữ đều không rời tâm niệm tán thán ca dương; biển ngầu từng đôi, mỗi câu đều thấm đượm tình Linh Sơn cốt nhục. Là bạn hữu Đồng song, là Đạo Sư nhiều thế hệ, là người truyền trao khuôn vàng thước ngọc cho nền tảng giới luật Phật giáo nước nhà, dù ở địa vị nào, sự tịch diệt của Thầy đều để lại một khoảng trống to lớn không sao bù đắp. Phần lễ hành chánh tưởng niệm được chấm dứt sau lời tri ân của Ban Tổ Chức.

Sau khi Triệt Linh Sàng, một phần lễ tuy ngắn gọn nhưng hết sức mầu nhiệm và thiêng liêng–Lễ Phất Trần. Hòa Thượng Chứng Minh vận hồng y, đầu đội mào Quan m, tay run run phất nhẹ quanh kim quan như trợ duyên cho nhục thân pháp hữu được thanh tịnh vô trần. Mà cũng chỉ nhục thân mới có khái niệm “vô trần”, chứ pháp thân thường tại y nhiên của Thầy vốn đã vô sanh bất diệt từ vô thủy vô chung, như lời pháp ngữ: “Vô thường thị thường, Thế Tôn thượng Song Lâm tịch diệt; tịch diệt phi diệt, Đạt Ma tăng chích lý Tây quy. Sanh

tùng hà lai, tử tùng hà khứ... Hòa Thượng giác linh nhất tánh trạm nhiên, vạn duyên không tịch, thác ngũ ấm chi phi hữu, liễu tứ đại chi bốn không, thuận thế vô thường yếm quy chơn giới, thân Đàm Hoa ưu thủ độ, thực thiện quả ưu Kỳ viên; trượng bằng nhất lữ chơn hương, dụng trợ Tam Thừa diệu vức.” Đúng vậy, sự xuất hiện nơi cõi Ta-bà của Thầy như dấu ấn của một lần độ sanh trong công hạnh Bồ-tát Đại thừa, thì làm gì còn có ngũ ấm, tứ đại chỉ là không. Nhưng phương tiện hóa thân theo quốc độ, Thầy mượn thân cây Ưu Đàm để kết trái ra hoa, khi nguyên lực mãn duyên thì hương Đàm một phần lưu vạn thế, một phần về bảo sở Kỳ Viên.

Thời điểm kim quan của Thầy bắt đầu dịch chuyển là lúc mà cả ba cõi nhơn thiên rung động, trời rơi hoa năm sắc cúng dường. Tiếng niệm Phật miên man, du dương, khi trầm hùng khi cao vút lên ngàn mây quện cùng nhạc trời hòa tấu. Từng lớp người tay chấp hoa sen tạo nên cảnh Liên Trì nơi Cực Lạc, hướng về kim quan ánh mắt không rời. Xung quanh Thầy, bốn vị Thiên vương nhất tâm túc trực, tay che thiên cái hầu Thầy về đến chốn vân du. Sáng nay, trời không mưa cũng chẳng chút mây mù, nhưng khắp không gian đều ướt đẫm bởi từng dòng vũ lệ trào tuôn.

Con đường kim quan Thầy đi qua là cả một lộ trình của những tấm lòng tiếc thương và kính trọng. Suốt trên lộ trình ấy, Đoàn người lặng lẽ đi vào khung cảnh mà cách đây hơn hai năm, cũng con đường này, cũng tâm niệm này, chúng con đã một lần khóc thương kính tiễn một bậc Thạc Đức quy Tây. Tăng Ni và Phật tử Khánh Hòa chúng con sao mà có quá nhiều nỗi niềm mất mát, tủi thân như thế! Đôi Trại Thủy lại thêm

một lần chứng kiến cảnh đàn con theo chân Phụ Tử về bên thảo am Hoàng Trúc. Kim quan Thầy từ từ, từ từ khuất dần vào lòng kim tĩnh, hàng ngàn Tầng Ni Phật tử như cúi đầu lặng xuống trong hơi thở thiền tư. Kể từ đây, Thầy an nhiên cùng *“Kính ca miền tĩnh lặng, chuông thoảng lời không hư, nhân duyên vô lượng nghĩa, danh tướng vào thiền thu.”* (Phạm Thiên Thư). Toàn khu vực đồi núi từ Long Sơn qua Hải Đức, Linh Phong bao ánh mây lành vẫn vũ, khí thiêng hội tụ, làm nên cảnh Cực Lạc hiện tiền. Ngày mỗi ngày những ánh sáng vô biên, thấp lên mãi bên Thầy nơi chốn cũ.

Nam mô Đức Phật, kính lạy Thầy! Chúng con như muốn dừng lại ngay giây phút này mãi mãi và mãi mãi và bài viết này cũng xin dâng theo Thầy đến cõi bất diệt vô ưu, bởi tâm thức chúng con không thể đủ sức tỉnh giác để có một lời kết văn đúng nghĩa.

Bây giờ là 8 giờ 30' sáng ngày rằm tháng 5 năm Ất Dậu.

Đệ tử Đạo Quang kính ghi

NÉN TÂM HƯƠNG DÂNG THẦY

THÍCH THÔNG HUỆ

*(Tưởng niệm nhân ngày chung thất,
cố Hòa Thượng Tuyên luật sư thượng Đồng hạ Minh)*

Năm 1982, Bốn sư của con-Hòa Thượng thượng Đồng hạ Hải, trụ trì Sắc tứ Thiền Lâm tự Phanrang-Viên tịch, trụ thế 63 năm. Ngày ấy con chỉ là một chú Sa-di mới nhập môn tại Tổ đình Thiền Lâm. Hầu hạ Bốn sư vồn vện hai năm, con như chú chim non mất mẹ khi Bốn sư qua đời. Mang tâm trạng một trẻ mồ côi, con đánh lễ Thầy, vị sư bá trong tông môn, không hiểu số phận mình sẽ ra sao trong tương lai sắp đến.

May mắn cho chúng con biết đường nào, chính Thầy đã dang rộng vòng tay, để chúng con được nương nhờ sự bảo bọc của Thầy. Bốn huynh đệ chúng con, từ giờ phút thiêng liêng quỳ dưới chân Thầy để được làm đệ tử Y Chỉ Sư, đã có một tổ ấm bình an và vững chãi. Ánh mắt hiền hòa, nụ cười đầm ấm thân thương của Thầy xoa dịu biết mấy nỗi đau côi cút của chúng con. Thế là từ nay, huynh đệ chúng con đã được cội tùng Thầy

che chở, được tình thương Thầy ban bố, được ơn đức Thầy thấm nhuần để có thể bước tiến trên đường tu.

Những lần Thầy từ Nha Trang về Tổ đình Thiền Lâm, đối với con là những ngày hạnh phúc, vì được hầu cận Thầy, nghe lời Thầy chỉ dạy việc tu hành, về oai nghi tế hạnh mà người tu cần gìn giữ. Thầy ít khi nói chuyện gì khác ngoài vấn đề tu học. Câu thường dạy của Thầy là *“Còn trẻ học chết bỏ, trưởng thành làm việc chết bỏ, lớn tuổi tu chết bỏ”*.

Có dịp gần gũi, hàng đệ tử chúng con cảm mộ nhiều đức tính quý báu nơi Thầy. Thầy không nói nhiều, nhưng những gì Thầy dạy, Thầy đã thực hiện trước tiên. Nổi bật là sự mộc mạc giản dị, từ tiện nghi vật chất đến lối sống hằng ngày, từ lời lẽ nói năng đến cách giao tiếp. Người đã từng là Giám đốc hãng vị trai Lá Bò Đề. Lo sinh kế cho biết bao Tăng Ni sinh, trong tay từng có rất nhiều tiền bạc, thế mà trong phòng riêng chẳng có gì đáng giá: chiếc bàn gỗ thường, nơi Thầy làm việc hằng ngày; cái tủ thờ chỉ đặt một chữ “Xá”; chiếc võng bện bằng xơ dừa, trên tường nơi hai đầu võng có hai câu *“Thường tinh tấn”* và *“Hàng nhẫn nhục”* như những lời nhắc nhở thường xuyên. Sự giản dị biểu hiện cả trong di chúc, Thầy dặn dò làm lễ tang đơn giản trong vòng 36 tiếng đồng hồ, không xây tháp, dành tịnh tài để ấn tống kinh sách.

Có thể nói rằng, đời Thầy lấy việc đào tạo Tăng tài làm Phật sự. Mọi hoạt động của Thầy, trừ việc giảng dạy đến dịch thuật, từ việc làm kinh tế đến giữ những chức vụ quan trọng trong Giáo hội, Thầy đều nhằm mục đích bồi dưỡng cho lực lượng thừa kế!

Thầy còn là người rất trọng tình trọng nghĩa. Những lần hầu thăm Thầy, con hay được nghe nhắc đến Sư ông Thiền Lâm với lòng hiếu kính và biết ơn vô hạn. Xuất gia tại Tổ đình Thiền Hưng, thờ Hòa Thượng. Trí Thắng làm Bốn sư, sau đó Thầy được Hòa Thượng đưa về Tổ đình Thiền Lâm làm trưởng tử của Sư ông Thiền Lâm. Thầy luôn luôn tinh tấn tu hành. Làm tròn phận sự, nên được Sư ông giao chúc Tri khố và Thủ tọa. Trong thời gian Sư ông mang trọng bệnh, Thầy đã thay mặt Sư ông điều hành mọi việc chu toàn. Sau này, dù đang ở đâu, Thầy vẫn để tâm đến sự phát triển của Tông môn, đến việc tu học của các môn đệ trong nước và hải ngoại, cả đến sức khỏe và đời sống của những Phật tử ngày xưa thường lui tới Tổ đình, khi Thầy còn là một tu sĩ trẻ. Những năm gần đây, sức khỏe Thầy không được tốt, lại phải đảm trách nhiều Phật sự lớn, nên Thầy ít về Phan Rang. Tuy vậy, thỉnh thoảng Thầy lại gọi con lên, chỉ đạo những việc cần thiết trong Tông môn, giao nhiệm vụ thủ quỹ khi trùng tu lại Tổ đình. Điều này con cảm nhận rằng, dù hiện tại Thầy là vị cha lành của Tăng Ni Phật tử khắp nơi, nhưng trong lòng Thầy vẫn dành một vị trí đầm ấm thân thương cho cội nguồn Thiền Lâm tự!

Sau đây, xin trích nguyên văn bài thơ do Thầy trước tác, nói lên tấm lòng quý mến của Thầy đối với người pháp đệ đồng sư:

CẢM NIỆM

*Thầy Đồng-Hải, người em tôi quý mến,
Kể từ khi Thầy đến chốn Thiền Lâm,
Thầy xuất gia với tất cả thiện tâm,
Tránh ngũ trước âm thầm cầu giải thoát.*

Thầy không phải trong giới người mẫn đạt,
 Thầy không ưa hoạt bát để hơn ai,
 Thầy cần cù tu học suốt đêm ngày,
 Thầy coi ngó từ củ khoai buồng chuối.

Sống giản dị với tương dưa rau muối,
 Không đua đòi theo đuổi cảnh phồn hoa,
 Gặp ăn ngon mặc đẹp Thầy tránh xa,
 Mãi lui thủi trong chùa với vườn rẫy.

Thầy ý thức ngũ trần là cạm bẫy,
 Nên luôn luôn rún rẩy lúc đương đầu,
 Tôi biết Thầy tính đó đã từ lâu,
 Tôi tin chắc trước sau Thầy như một.

Tôi đi học vào năm năm-mươi-mốt,
 Công việc chùa giao hết nốt cho Thầy,
 Thầy trông nom quán xuyến đến hôm nay,
 Từ bếp núc, vườn soi tới bàn Phật.

Đâu vào đó thì chung đều tươm tất,
 Công đức Thầy quả thật tôi phải khen,
 Đối với tôi Thầy xứng đáng người em,
 Với môn đệ là người anh đáng kính.

Cảm niệm ngày Tiểu tường Thầy Đồng-Hải 21/7 Giáp Tý (1983)
 Pháp huynh **Thích Đồng Minh**

Một đức tính hiếm có của Thầy mà chúng con suốt đời phải noi theo, là tinh thần hỷ xả. Chỉ cần nhìn vào khuôn mặt vui tươi và nụ cười mỉm của Thầy, những người mới tiếp xúc lần đầu tiên đã thấy Thầy gần gũi biết bao. Lời Thầy dạy sinh động dí dỏm, lúc tiếp xúc nói chuyện thính thoảng thêm một tràng

cười giòn giã sáng khoái, nên dù nội dung câu chuyện có nghiêm túc khô khan đến mấy vẫn làm người nghe cảm thấy mát lòng. Càng về già, Thầy càng bao dung tha thứ mọi lỗi lầm của người, không hề giận ai, chê trách ai. Đặc biệt, Thầy không bao giờ phân biệt đối xử theo tông phái hoặc xuất thân; ai có tâm cầu thị, nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành đều được Thầy thương mến và hết lòng dạy dỗ. Thầy thường nhắc nhở: *“Pháp Phật là những phương thuốc điều trị tâm bệnh cho chúng sanh, tùy bệnh mà dùng thuốc cho đúng. Thuốc tây y hay đông y đều dùng được, miễn nó lành bệnh là thuốc hay rồi”*.

Bản thân Thầy tu theo Luật tông, nhưng khi con xin Thầy được tòng học lớp tu Thiền tại Thiền viện Thường Chiếu (1986-1991)*, Thầy đã vô cùng hoan hỷ hứa khả. Do tình thân lâu nay giữa Thầy và Hòa Thượng. Thường Chiếu, Thầy viết thư giới thiệu cho con, báo con trình lên Hòa Thượng. Nhờ thư ấy, Hòa Thượng, Thường Chiếu liền cho con nhập chúng tu học, và thâu nhận con làm đệ tử Y Chỉ sư như sở nguyện, mở ra một trang mới cho đời tu của con từ lúc ấy cho đến bây giờ.

Ngày từ Thường Chiếu về Nha Trang, con đến đánh lễ Thầy. Thầy rất hoan hỷ và lại ban cho con những lời khuyên quý giá về việc tu hành và giảng dạy, đặc biệt là sự hài hòa giữa các Tông phái. Đời Thầy là cả một kho kinh nghiệm sống, Thầy đã sử dụng kinh nghiệm tự thân để dẫn dắt chúng con trên bước đường hoằng pháp lợi sanh. Những quyển sách con viết, trước khi ra mắt người đọc, con đều trình lên Thầy xem qua. Bằng

* Khóa 3 tu Thiền, do HT. Thích Thanh Từ - Viện trưởng các Thiền viện Thường Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu... đảm trách hướng dẫn.

tấm lòng người đi trước hướng dẫn đàn hậu học, Thầy đọc rất kỹ và đóng góp cho con nhiều ý kiến bổ ích, để con rút ra những ưu khuyết điểm làm kinh nghiệm cho những lần viết sau. Lúc nào đến thăm Thầy, con cũng cảm nhận ở Thầy một tình thương bao la, luôn luôn nâng đỡ sách tấn và sửa chữa lỗi lầm cho đàn hậu tấn. Nhiều người mang tâm trạng chán nản nặng nề do những chướng duyên trên đường đời và đường đạo, nhưng chỉ cần vài câu nói đơn giản của Thầy người ấy đã thấy thanh thản, tự tin ở chính mình và lại vững tiến trên bước đường tu học.

Thầy thường nói, Thầy chịu ơn giáo dưỡng của Sư Ông và của rất nhiều bậc tôn túc khác, nên Thầy phải đem hết sức lực và khả năng của mình để phục vụ tất cả mọi người. Khánh Hòa là nơi đất lành chim đậu, Thầy có duyên gắn bó sự nghiệp đào tạo của mình ở đây. Nhiều vị Tôn túc Tăng Ni hiện đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong các tỉnh thành Giáo hội đã từng qua những lớp đào tạo của Thầy, được Thầy đối xử bằng một tình thương bình đẳng.

Từ lúc khoác y Nam tông, Thầy bắt đầu nghiên cứu, dịch thuật chuyên sâu vào Luật tạng. Bản thân Thầy là tấm gương sáng về nếp sống mẫu mực, giờ giấc đúng đắn, giới luật nghiêm cần. Thầy thường dạy: *“Giờ nào việc nấy, chỗ nào vật ấy”*, *“căn bản của người xuất gia là đừng để vướng nhiễm ngũ dục. Đối ngũ dục có thể làm thước đo đạo lực của người tu”*. Một câu nói của Thầy được xem là câu nói thời danh: *“Cánh khổ là nấc thang của bậc anh tài, là kho tàng của người hiểu biết, là hố thẳm của kẻ uơ hèn”*. Chính vì nếp sống mẫu mực ấy mà Thầy được tôn là Hòa Thượng Luật sư, và được suy tôn làm Tuyên luật sư cho nhiều

Đại Giới đàn. Những năm gần đây, Thầy lại giữ trọng trách Phó viện trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, phụ trách ban phiên dịch Hán tạng. Với cương vị này, Thầy ra sức đào tạo bồi dưỡng kinh nghiệm dịch thuật cho các thành viên trong ban, hết lòng thương yêu tiếp dẫn đàn hậu tấn khiến mọi người đều được lợi lạc.

Thuận theo lẽ vô thường, có sinh ắt có già-bệnh-chết. Mười lăm năm mắc bệnh mãn tính, nhưng không ai thấy căn bệnh đã ảnh hưởng đến sức khỏe của Thầy thế nào, vì Thầy vẫn làm việc hăng say, nụ cười vẫn tươi tắn, giờ giấc sinh hoạt vẫn điều đặn, cho đến khi căn bệnh ung thư quái ác xâm nhập lúc nào nay lộ diện, sức khỏe Thầy mới suy sụp nhanh chóng.

Chỉ trong hai tháng, kể từ lúc phát hiện triệu chứng đến khi Thầy viên tịch; nhưng đó là một quá trình dài đằng đẵng đối với người phải đương đầu với chứng bệnh ngặt nghèo. Người bệnh, thông thường phải chịu nhiều đau đớn về thể xác, căng thẳng về tinh thần, lo sợ cho tương lai, tiếc nuối cho những công việc còn dang dở... Nhất là những người đang mang trọng trách như Thầy—công trình dịch thuật Luật tạng và Pháp tạng chưa hoàn thành, thì phải có nội tâm là cả một trường tranh đấu?

Nhưng thật sự không như thế! Chúng con lúc nào cũng thấy rõ sự bình ổn trong thân tâm Thầy, nụ cười Thầy vẫn nở trên môi khi nghe kể chuyện vui. Định lực nào giúp Thầy không chế được cơn đau của ung thư trong giai đoạn cuối? Trí tuệ nào soi sáng tâm Thầy để chuẩn bị bước qua bờ sinh tử một cách an nhiên? Chỉ có định huệ của một bậc chân tu hiện ra nơi đời

tiếp Tăng độ chúng mới có thể tự tại trước vô thường và cuối cùng, nằm trong tư thế kiết tường viên tịch!

Sự ra đi nhanh chóng của Thầy làm chấn động hàng tứ chúng trong và ngoài nước. Môn đồ pháp quyến chúng con mất một cội tùng già từ lâu là chỗ nương tựa vững chắc. Tăng Ni Phật tử mất một tấm gương sáng ngời về đức độ và tài năng. Giáo hội mất một cánh tay đắc lực trong sự nghiệp đào tạo Tăng tài. Ban phiên dịch Hán tạng mất một vị Thầy nhiều kinh nghiệm và tâm huyết. Nỗi đau lòng bằng nỗi mất mát không gì thay thế hôm nay?...

... Mà thật ra, Thầy đã đi về đâu nhỉ?

Vô sở tùng lai diệt vô sở khứ. Pháp thân thường trụ không đến không đi, thì có gì là sinh diệt còn mất? Cho nên, Thầy đang hiện diện ở mọi nơi. Thầy có mặt trong từng chiếc lá cánh hoa, trong từng đám mây tia nắng. Thầy có mặt trong mỗi chúng con, từng dòng máu hơi thở luân lưu trong cơ thể mỗi người. Thân chúng con là sự nối tiếp, kế thừa của thân Thầy; và tâm chúng con, khi tĩnh lặng mà thường biết, vẫn cùng tâm Thầy tương ưng, có bao giờ vắng thiếu? Vì thế Thầy ơi, mỗi ý nghĩ lời nói của chúng con đều có Thầy chứng minh, mỗi Phật sự chúng con làm đều có Thầy hỗ trợ, mỗi bước đi trên lộ trình tâm linh nhiều chông gai thử thách, chúng con đều có Thầy động viên khích lệ và kịp thời uốn nắn những sai lầm. Và dưới sự hiện diện chứng minh miên viễn của Thầy, chúng con nguyện sẽ tự đứng lên và bước đi bằng đôi chân của chính mình, luôn luôn noi gương Thầy “*học, tu và làm việc chết bỏ*” để không phụ công ơn cao cả của Thầy. Về sau, bất cứ sự thành

công nào của chúng con dù nhỏ hay lớn, cũng đều có phần đóng góp tích cực từ Thầy—phải thế không thừa Thầy, vị Thầy vô cùng quý kính của chúng con.

Thiền thất Viên Giác

Tháng 6 năm Ất Dậu (2005)

Thích Thông Huệ

ÁNH MẮT SIÊU NHIÊN NỤ CƯỜI THOÁT TỤC

MINH TÂM

Kính dâng Giác Linh Hòa Thượng Thích Đồng Minh

50 năm chẵn—đúng nửa thế kỷ trôi qua. Hình ảnh vị tu sĩ trẻ tuổi nói giọng Bình Định giảng pháp mà tôi được nghe ở Huế, ở quê tôi. Khuôn hội An Truyền, cách thành phố Huế 7 km. Vị giảng sư trẻ tuổi ấy là thầy Đồng Minh, buổi giảng đầu tiên trong đời làm giảng sư của Thầy.

Năm ấy (1955) thầy Đồng Minh mới 29 tuổi, còn con là huynh trưởng gia đình Phật tử Minh Tâm, tiền thân của GDPT An Truyền ngày nay. Con mới 17 tuổi, điều khiển hàng ngũ để đón “*thầy Thiện Siêu*” (danh xưng lúc bấy giờ) theo sau thầy Thiện Siêu là vị tu sĩ trẻ ấy, là Thầy.

Chúng con, mấy trăm hội viên và đoàn sinh GDPT đã chuẩn bị trước đó cả tuần, sự chuẩn bị chu đáo và long trọng ít nơi nào có được. Tất cả đường làng ngõ xóm đều được quét dọn sạch sẽ, có nhiều nhà Phật tử treo đèn kết hoa để đón, hương án thiết lập ngay ở bên mà quý Thầy sẽ bước từ dò lên bờ, các em oanh vũ cầm hoa, hương, đèn, trầm và các đạo hữu quỳ dọc

hai bên đường đi, chuông trống, lễ nhạc trỗi lên trầm hùng như một lễ hội rước Phật, nghinh thần.

Con hết sức ngạc nhiên khi thấy vị tu sĩ trẻ tuổi ấy nước mắt chảy ròng và lấy khăn lau liên tục chỉ vì thấy cuộc đón rước trang nghiêm long trọng quá thấy cảm xúc mà không cầm được nước mắt.

Khi lên pháp tòa đôi mắt Thầy còn ướt khi nhìn xuống thánh giả nghiêm trang lắng nghe, trong đó có con.

Đôi mắt ấy, nụ cười ấy, hình ảnh ấy ghi đậm nét trong lòng con trong buổi sơ ngộ.

Đến năm 1961 khi con hành điệu với Chính Sún, làm thị giả cho các Ôn Trí Nghiêm và Ôn Trí Quang thỉnh thoảng Ôn Thiện Minh, Tâm Châu về ở lại tại chùa Long Sơn (Nha Trang) thì vị Thầy dễ thương ấy, ánh mắt hiền từ ấy, nụ cười hoan hỷ ấy lại gần chặt hơn, sâu đậm hơn vào tâm khảm con vì hằng ngày Thầy trò thường gặp mặt.

Một lần, 1970 con được Thầy gọi từ Tuy Hòa vào Nha Trang để dạy bảo, khi nghe anh em chúng con: Thiện Đạo, Tâm Thủy, Nguyên Đức và M. T chống chọi với sóng gió ở trường Bồ Đề Tuy Hòa, ánh mắt ấy lần này quá nghiêm nghị và sau đó khi con phủ phục y giáo phụng hành thì ánh mắt và nụ cười ấy lại truyền cho con thêm nghĩa sống, lúc này con mới nhận ra. Ánh mắt của Thầy đại từ bi nhưng không thiếu đại hùng, đại lực.

Năm 1976 khi con đã nghỉ nghề gõ đầu trẻ ở Bồ Đề Phan Thiết, Thầy lại nhấn con ra Nha Trang để truyền nghề làm xà

phòng, Thầy dạy: “Tu sĩ là người có trí tuệ, phải nhìn rộng thấy xa, phải kham nhẫn chịu khó, thời nào cũng sống được, việc gì cũng làm được, phải chứng minh cho mọi người biết rằng chúng ta không phải là kẻ ‘ngồi mát...’, như họ lầm tưởng”. Con lại may mắn là môn đệ làm xà phòng của Thầy, nhưng chưa thi thố tài năng thì đã đi nghỉ mát ở trại giam Phan Thiết và ánh mắt và con người Thầy xuất hiện thoáng qua phòng giam của con liếc vào mà cười, nụ cười truyền cho con một sức mạnh, một nghị lực, một ý chí kiên cường giúp con chịu đựng hơn 5 năm lao lý vì mỗi lần chán nản, lo buồn thì nụ cười ấy giúp con vượt qua tất cả. Thầy cũng vào tù như con!

Lần cuối cùng trong bệnh viện Chợ Rẫy, khi tâm sự, Thầy trò xác minh một sự kiện vô cùng bí mật và quan trọng trong cuộc vận động 1963 của PG liên quan đến giáo sư Bửu Hội, con của sư bà Diệu Huệ, cháu sư bà Diệu Không. Thầy lại rung rung nước mắt “Vụ việc tôi cũng suy nghĩ mấy chục năm nay, chơn giả khó phân, nay M. T xác định sự thật qua lời dạy của Ôn là như vậy là đã giải được nghi vấn trong lòng”.

Con ôm chân Thầy xoa bóp, Thầy im lặng rồi cười, nụ cười muôn thuở khó phai mờ trong tiềm thức của con!

Thầy ơi! Con nhớ và ghi lại vào kỷ niệm của Thầy trong con, để tiếc nuối nhớ thương Thầy. Thầy thích đọc Phật Ân của con, khen Phật Ân đúng hướng, con nhớ lắm đôi mắt và nụ cười của Thầy, đôi mắt từ bi “Từ nhĩn thị chúng sanh” và nụ cười hoan hỷ “Từ nhĩn vi tiếu”. Lạy Thầy, Thầy Đồng Minh của con!

Phật Ân tự, ngày măn hạ 16/7. 2549

Minh Tâm



NHỚ THẦY

BÙI MINH

À , thì ra tôi đã gặp Thầy tại Huế, vào những năm 57, 58 tại chùa Từ Đàm, chứ không phải chỉ gặp sau này vào những năm cuối 60. Điều này tôi phát hiện, là nhờ bài Thầy viết trong tập Kỷ yếu về Thầy Thiện Siêu.

Trong quan hệ cá nhân, giữa người và người, Thầy đáng làm gương mẫu cho chúng ta. Đối với những bậc Trưởng thượng, vào hàng tiền bối của Thầy, như các Hòa Thượng Tây Thiên, Trí Thủ, Đôn Hậu hoặc trẻ hơn như các Hòa Thượng Thiện Siêu, Trí Quang, và nhiều vị khác, lúc nào Thầy cũng tôn kính trong tâm tư, cũng như biểu hiện trong cử chỉ, trong lời nói, dù rằng có những vị trình độ kiến thức Phật giáo không bằng Thầy.

Có một vị tiền bối của Thầy, xuất sắc trong hành động, bản lĩnh trong xử thế, bất khuất trước cường quyền, nhưng đối với giới luật nhà Phật có điều không ổn nhưng Thầy vẫn kính trọng. Theo Thầy, để xét giá trị một người, chúng ta đem bỏ hai phần ưu và khuyết vào hai giá cân khác nhau, xem phần nào trội hơn, chứ nhân vô thập toàn.

Vào đầu năm 60, Thầy Thiện Châu và Thầy được phép đi học tại Đại học Nalanda ở Ấn Độ. Nhưng cuối cùng Thầy không đi, vì Thầy của Thầy là Thầy Huyền Tân cần sự có mặt của Thầy ở trong nước, để giúp đỡ Thầy Huyền Tân. Thế là vì kính yêu Thầy của mình mà Thầy ở lại. Vào thời buổi đó ít có người được đi học nước ngoài như ngày nay, cho nên đó là một “hiện tượng”, một “vinh dự” lớn, nhiều người ao ước nhưng Thầy đã từ bỏ.

Ngược lại các vị cũng đặt nhiều kỳ vọng ở Thầy. Và quả thật, các vị đã không thất vọng. Đối với những Tăng Ni, vì lòng trần còn nặng, không thể sống mãi cuộc đời tu hành mà hoàn tục thì Thầy cảm thông, không “lên gân” chân tu mà coi thường. Thầy thấm nhuần câu “hoa xoài, trứng cá” trong nhà chùa. Thầy vẫn mời họ cộng tác trong công việc, như các Tăng sĩ T. Đ, G. T, B. Q...

Tại hăng Vị trai nơi Thầy làm Giám đốc, mọi người làm việc với Thầy đều vừa kính vừa sợ, vừa yêu quý Thầy. Trong điều khiển Thầy có ân, có uy. Sau 75, phần vì thời cuộc, phần vì bản nguyện Thầy thôi không làm việc sản xuất, mà lo việc dịch Kinh điển.

Đầu tiên Thầy dịch Luật, có nhiều người cho việc làm của Thầy là lỗi thời. Trong một xã hội người ta đua đòi chữ nghĩa, đua đòi bằng cấp, đua đòi quyền hành, chạy theo tiền bạc mà coi thường nhân cách, coi thường đạo đức, điều này cũng tác động vào chùa chiền, là nơi đối với Phật tử, tượng trưng cho đạo đức, thì quả thật việc làm của Thầy là “lỗi thời”, là “ngược dòng”. Trong một lá thư gửi tôi, Thầy có viết như thế. Để bày

tỏ sự tán dương việc làm của Thầy, tôi có gửi Thầy một lá thư khá dài, và cuối thư tôi có mấy “câu thơ” vui liên hoàn như sau:

Thầy Đồng Minh
 Không dịch Kinh
 Mà dịch Luật
 Người bảo trật
 Thầy mỉm cười
 Há không người
 Tận trời Tây
 Van nỉ Thầy
 Cứ dịch Luật
 Đâu có trật?
 Thầy Đồng Minh
 (không dịch Kinh
 Mà dịch Luật...)

Mà dịch Luật ít có người xứng đáng bằng, hay hơn Thầy. Thầy nổi tiếng là người nghiêm trì và gương mẫu trong việc giữ giới.

Trong lúc Thầy làm Giám đốc, hăng vị trai có một bà khách hàng muốn được Thầy ưu đãi, bèn dùng sức quyến rũ của phụ nữ. Thầy nghiêm sắc mặt lại, và nhẹ nhàng bảo: “Bà để cho tôi thành Hòa Thượng”. Và Thầy đã thành Hòa Thượng.

Cách đây hai năm, tôi có về nước. Thầy bảo tôi nên ra Huế một chuyến, vì đã lâu tôi không ra Huế, nơi đã xây dựng một phần con người tôi. Tôi dạ, và thưa với Thầy, tôi sẽ làm theo lời Thầy. Nhưng rồi, vì những việc linh tinh, tôi không đi Huế như đã hứa với Thầy. Tôi tự nhủ, tự lừa dối mình là để lần về

nước sau, sẽ mời Thầy cùng đi, có sao. Nhưng Thầy không còn nữa. Đó là một điều làm tôi ân hận, ray rứt mãi. Điều ân hận nữa, sau khi nghe Thầy Phước Đường báo, Thầy bị chứng bệnh hiểm nghèo, tôi gọi về chùa Long Sơn và gặp Thầy Thiện Bình. Thầy Thiện Bình cho tôi số điện thoại của một Thầy ở gần phòng Thầy. Tôi gọi liên tiếp mấy ngày, đều không có người gỡ máy.

Thế rồi, tôi được tin Thầy từ giã chúng ta. Cơ hội cuối cùng được nói chuyện với Thầy, cũng không có được.

Kính thưa Thầy,

Thầy đã ra đi, nhưng lời Thầy vẫn còn vang vọng, hình ảnh Thầy vẫn còn in sâu vào những người đã học với Thầy, hoặc quen biết Thầy. Và đức hạnh Thầy sáng chói. Việc làm của Thầy-việc phiên dịch-sẽ lưu truyền hậu thế.

Bùi Minh

NHỮNG HẠT CÁT BIỂN

THÍCH THIỆN ĐẠO

Thầy Minh Thông!

Nghe tin Thầy bị bệnh, nên vội viết đôi lời về thăm và chúc mau bình phục để tiếp tục công việc thế cho Sư phụ-Thầy, nhắc viết bài cho tập kỷ yếu Sư phụ-Tôi muốn viết cái gì đó rất đặc sắc về Sư phụ mà sao ghen quá không viết được. Hình như sự mất mát cao cả đó cứ ám ảnh tôi hoài. Thật khó gặp được người Thầy như Sư phụ.

Thời gian sau này, Sư phụ có nhiều ưu ái với tôi, đặc biệt là những lời nhắc nhở những cử chỉ gần gũi mỗi khi gặp-Nhớ lại, khi tôi sắp rời Phú Yên vào Đồng Nai theo như lời dạy của Hòa Thượng Bốn Sư, tôi vào Nha Trang vấn an sức khoẻ Sư phụ và xin lời chỉ giáo. Sư phụ đã thông cảm hoàn cảnh của tôi ở Phú yên, nên đã chỉ dạy phân tích: *“Đất nào cũng đất, nhưng đất nào dễ canh tác và cho hoa màu tốt thì cù cày. Đất nào đã bạc màu sỏi đá thì làm chi phí công uống giống. Người dân tộc rất giỏi việc chọn đất, chúng ta nên học tập họ.”*

Lời nói thật đơn giản, nhưng thực tế và sâu sắc biết bao.

Giống thì ai cũng có như nhau, nhưng kết quả thu hoạch thì mỗi người mỗi khác, kẻ bội thu, người mất mùa. Phải chăng Sư phụ muốn nhắc nhở chúng ta, những người làm nghề nhân giống Phật, cần phải nắm vững phương pháp nhân giống và chọn đất thích hợp để khỏi bị tiêu ma bại chủng, uống phí một đời chơi néo nhân gian.

Lần trước, khi Sư phụ ở bệnh viện về, tôi từ Biên Hoà ra Nha Trang thăm Sư phụ. Lúc này sức khoẻ Sư phụ có vẻ tiến triển, Sư phụ nói cười vui vẻ. Nhân lúc chuyện trò, Sư phụ nhìn tôi: *“Thầy đã đọc tiểu phẩm Chuyển hóa Tâm Thức của cậu, viết gọn nhẹ mà vui vui, được, được...”* Rồi Sư phụ nằm xuống võng, nhìn lên trần nhà, đoạn xoay lại hỏi tôi: *“Cậu mày có thân với cô Trí Hải hay sao mà viết bài trong tập kỷ yếu của Cô? Thầy phục cô Trí Hải ở sự uyên bác và cung cách sống của Cô. Có một không hai trong làng Ni lưu hiện đại. Nghe nói trong lúc lâm nạn Cô đang thiền định”*. Sau vài phút im lặng, Sư phụ nói tiếp: *“Ở chỗ nào đó, Thầy nhớ hình như Thiện Đạo có viết ‘Chưa bao giờ bị lầm lạc, lầm lỗi gì đó’. Thầy lưu ý chỗ này*

– Ông giải thích cho tôi nghe.”

Mới nghe tôi lạnh cả người. Sao Sư phụ để ý từng câu từng chữ. Tôi nhận ra đây là chỗ cẩn thận sâu sắc của Sư phụ. Tôi nhớ câu viết đó ở đâu, rồi thưa với Sư phụ: *“Con nhớ ra rồi, con viết ‘Chưa bao giờ bị lầm lạc’ chứ không phải là ‘lầm lỗi’”*. Nghe xong Sư phụ nói: *“Được rồi, chưa lầm lạc thì được, nhưng chưa lầm lỗi thì không ổn. Cứ viết nhiều lên sẽ khá, và cũng là dịp để ‘rút ruột nhà tơ’ như người ta thường nói”*.

Thấy Sư phụ nói chuyện hơi nhiều, sợ Sư phụ mệt, nên tôi

xin cáo lui. Tiếng võng kéo kẹt lại nhẹ nhẹ vang lên...

Thầy Minh Thông! Sự tế nhị và sâu sắc của Sư phụ in như những hạt cát này, óng ánh lung linh bên bờ biển cả. Biển cả có lúc yên lúc động, nhưng những hạt cát vàng vẫn long lanh bất động bên sóng nước lao xao. Sự sâu sắc về từ ngữ của Sư phụ được thể hiện qua nhiều góc độ. Có lần Sư phụ nhận xét phê phán về từ ngữ mà cụ Nhất Hạnh đã dùng trong chuyến hồi hương vừa qua của phái đoàn văn hóa Phật giáo có tầm cỡ quốc tế, sao lại dùng chữ không ổn, không biết cố ý hay vô tình.

Tôi nhớ năm đi dự Đại hội kỳ III Trung ương giáo hội tại Hà Nội, Sư phụ có kể câu chuyện trong tù, lạ mà sâu. Sư phụ nói *“Các cậu có biết tại sao người Tàu họ có tập quán, gặp giấy rác có in chữ Tàu thì lượm đốt, chứ không vứt bậy bạ. Tôi hỏi một ông Tàu Chợ Lớn cùng chung bị giam, ông ta bảo: Đó là cách tôn trọng và bảo tồn văn hoá. Nếu cứ vứt bừa chỗ ô uế thì còn gì là giá trị của chữ nghĩa Thánh hiền. Cho nên tôn trọng người xưa, tôn trọng văn hoá dân tộc là phải giữ chu đáo cẩn thận từng trang sách cũ, xem thường sách vở người xưa là thiếu lòng tự trọng, thiếu văn hoá với tổ tiên. người Tàu họ vì đại thật”*.

Lạy Phật! Kể chuyện về Sư phụ thì vô cùng. Anh em chúng ta có chút duyên được gần Sư phụ, nhưng làm sao để xứng đáng với tình thương của Sư phụ. Tôi thấy có nhiều anh em gần Sư phụ rất lâu, nhưng tâm hồn lại rất xa với Sư phụ có lẽ Sư phụ cũng chỉ cười hoan hỷ.

Thầy Minh Thông! Với hạnh nguyện sắc son với đạo pháp, với đàn hậu học, tôi nghĩ rằng Sư phụ đã trở lại với chúng ta ở một dạng thức nào đó để tiếp tục sự nghiệp bị bỏ dở, và cũng

để hoàn thành hạnh nguyện chỉ pháp để giác ngộ an lạc cho mọi người.

Chùng ấy thôi, Thầy có thể thấp hương trước hương án của Sư phụ, bộc bạch hộ tội những lời tâm sự rong rêu dâng lên Sư phụ, như là chút tình bé nhỏ của đứa học trò chưa tròn chữ nghĩa, chưa trọn ân tình chưa xong sự nghiệp mà đã bạc đầu.

Cuối cùng, chúc Thầy vạn sự thắng duyên, để hoàn thành nhiều sở nguyện, để

báo đáp ân sư và chu toàn trách nhiệm trong niềm hỷ lạc vô biên.

Thân mến

Thích Thiện Đạo

HOÀI ÂM

(*Âm Vang Hoài Niệm*)

PHÁP VŨ

Con không nghĩ là mình sẽ xa Thầy mãi mãi như thế. Giờ đây tất cả chỉ còn là những ký ức.

Mỗi đêm về, con dong rui trong niềm phân hợp của sự tương chiếu, giao nhau giữa niềm vui và nỗi nhớ. Vui vì điểm phúc có Thầy, và nhớ vì giờ đây, con đã vĩnh viễn không còn Thầy bên cạnh...

“... Mỗi đêm về,
nghe đời gõ nhẹ hồn tôi.
Từng bước thông dong,
lời nói bắt đầu lên ngôi
Trong mắt tôi,
lệ thu âm thầm nhỏ!
Trên bãi biển,
sóng bạc đầu từ đó
Chùm lấy đầu tôi,
với những tảng mây trắng bay...”
(Bài ca số 7-Pháp Vũ)

Xin kính dâng lên Thầy cả ý niệm con. Những vầng thơ sau đây là những tiếng thì thầm trong tim con chưa kịp bộc bạch. Dù đã muộn nhưng mong rằng, giác linh Thầy trên cao sẽ minh chứng cho lòng con.

Hoàng hôn nhường lối đêm về,
Chim kêu riu rít, đề huề gọi nhau.
Sương giăng kín lối trước sau,
Phòng khuya lạnh lẽo, canh thâu nhớ Thầy.
Nhớ Thầy, khoé mắt cay cay,
Ước niệm đông đầy, lời dạy ân sư.
Tấm lòng rộng mở nhân từ,
Đời Thầy son sắt, tâm tư rạch ròi.
Thoáng nhìn, nghiêm khắc hần hoi,
Nội tình trẻ thấu, sáng soi tình người.
Con thương, con nhớ nụ cười,
Nhớ khi bên cạnh, Thầy tươi chuyện trò.
Thấy con khó dạy Thầy lo,
Thầy buồn, Thầy lặng, Thầy lo sớm chiều.
Sức yếu, Thầy nghĩ đủ điều,
Đa đoan công việc, nay chiều thêm con.
Giận con, Thầy vẫn vuông tròn
Con ngấm, con biết lòng con dại khờ.
Rồi khi Thầy giận làm ngơ
Đêm về con nhớ, con mơ một mình.
Thầy ơi! Thầy chớ làm thinh
Gió lạnh, thu tàn, con tính sao đây!/?
Nhớ khi những lúc trước đây,
Thầy thương, Thầy trách, Thầy rầy, Thầy la.

*Dù cho ở tận phương xa
Lòng con cũng sẽ lân la bên Thầy.
(Chùm thơ Thạch thất-Pháp Vũ)*

Lời chúc thọ chưa dâng, Thầy đã xả báo thân, về nơi tịnh cảnh. Rồi thì, một ngày nào đó, con và Thầy sẽ gặp lại nhau. Chỉ tiếc rằng khi Thầy ra đi, những đêm giông, ai là người lắng nghe, cảm thông cho lòng con trẻ.

*“Và rồi, cánh chim kia tung cánh.
Để lại đằng sau những dấu chân,
bên bờ cát thẳm.
Dòng nước vẫn cứ trôi,
mọi vật chẳng dường thay đổi,
Chỉ có cánh hoa kia,
thiếu bóng dáng bầu Trời”.
(Dư âm-Pháp Vũ)*

*Nguyện cầu hồng ân Thầy soi sáng,
làm ấm tâm hồn con.
“... Đồi mấy khi ai hiểu cho con
Đỏ hoe đôi mắt vì con dại
Cả trăm tiếng “Thầy ơi” không bằng một
Chỉ một lời Thầy thôi
Con nhớ mãi, Thầy ơi”.
(Lời xưa-Pháp Vũ)*

Thành phố hai mùa-11.09 Ất Dậu

Pháp tử Pháp Vũ



TREO CAO GƯƠNG LÀNH

THÍCH TỊNH DIỆU

Người nào khi các căn không còn rong ruổi theo cảnh trần, căn trần sẽ không còn tác động nhau để sanh ra vọng thức, thì tám thức sẽ trở thành bốn trí, tâm thể của người này ví như một tấm gương sáng lớn. Tất cả vạn loại chúng sanh nào tốt, xấu, thiện, ác lao xao ảo hoá ẩn hiện trong đó mà tâm thể của người tu ấy vẫn như như bất động.

Trong bài viết này, chúng tôi xin nêu một vài kỷ niệm có liên quan đến Hòa Thượng để góp phần trong kỷ yếu “Tưởng niệm Hòa Thượng Đồng Minh”. Mặc dù biết đó là những ảo tưởng, ảo ảnh, ẩn hiện trong tâm thể, mặc sức mà nói có nói không:

“Có thì có tự may mắn.

Không thì cả thế gian này cũng không.

Kìa xem bóng nguyệt lòng sông.

Ai hay không có có không là gì”.

Khoảng năm 1965 với thầy Tịnh Nghiêm vào học lớp “Phật học chuyên biệt” ở Phật học viện Huệ Nghiêm rồi thì vào Đại học Vạn Hạnh, lại ra Huế dự khóa nội trú Liễu Quán. Khi mãn khóa này với một số anh em phát tâm làm giáo thọ Phật học viện, trong thời gian này Hòa Thượng Đồng Minh đã làm Phật học vụ.

Vì có thư mời của Phật học viện Liễu Quán—thư giới thiệu của Tổng vụ giáo dục và tiếp điện tín của Đại đức Đồng Minh nên Ngài Mật Nguyên có văn thư bổ nhiệm các học tăng khóa Liễu Quán, trong đó có Tịnh Diệu vào làm giáo thọ tại Phật học viện Liễu Quán Ninh Thuận.

NGÀY THÀNH LẬP BAN PHIÊN DỊCH PTPGVN

Gặp Hòa Thượng Đồng Minh lần đầu khi từ Huế vào Nha Trang ngày 26. 10. 1971 sau đó được Hòa Thượng thân hành đưa vào nhận trách nhiệm tại Ninh Thuận. Điều đặc biệt khi đến Phật học viện Liễu Quán lại được gặp Hòa Thượng Huyền Tân đang làm giám viện ở đây, Hòa Thượng là bốn sư của Ngài Đồng Minh.

Lúc đầu khó khăn Hòa Thượng giám viện từ chùa Thiền Lâm đến Phật học viện ở chung vài ba tuần. Được tiếp xúc đàm đạo với Hòa Thượng là một hạnh phúc lớn vì trong câu chuyện của Hòa Thượng chúng ta được học hỏi rất nhiều, rồi Hòa Thượng cũng phải về chùa, Ngài Đồng Minh thỉnh thoảng ghé qua.

Việc dạy giáo lý cho mấy chú hàng tuần trong học viện, chùa Diệu Ấn và trường Bồ Đề đều phải đảm trách, việc sinh hoạt của Phật học viện nào lo ăn ở, tu học thực hiện nhiệm vụ một mình thật nhiều khê. Hòa Thượng Đồng Minh sợ tôi không kham nổi nên sau đó có cử thầy Tâm Minh vào hỗ trợ nhưng không biết sao thầy lại đi trước.

Từ năm 1971 đến năm 1974 mãn khóa học trung cấp phổ thông này, thời gian chúng tôi ở đây phải cố quen dần với cái nắng, gió, khô hanh, sự ngoại hộ của Phật tử lúc ấy cũng rất hạn chế mà hoàn thành trách nhiệm Phật sự, nhờ vào đức tánh

biết dùng người, tin người của Hòa Thượng, sự cần mẫn sẽ chia, người nào được Hòa Thượng tin giao cho nhiệm vụ, đều tự tin vượt qua mọi chướng duyên.

Khi mãn khóa ở Phật học viện Liễu Quán, Hòa Thượng Đồng Minh mời ra Phật học viện Hải Đức Nha Trang. Qua biến cố 1975 được an cư kiết hạ tại Hải Đức. Lúc này Tuệ Sỹ làm quản chúng nội trú, Tịnh Diệu làm quản chúng ngoại trú còn lãnh thêm chức Tri chung, giữ giờ giấc cho đại chúng trong mùa an cư kiết hạ. Tôi nhớ có chi tiết nhỏ, khi cử làm Tri chung, tôi không có đồng hồ nên từ chối, Hòa Thượng liền cời đồng hồ đang đeo tay trao cho và bảo: “*Có đồng hồ đây*”—cách hành xử thật dứt khoát và chân tình không ai có thể từ chối được. Trong ba tháng với việc đánh chuông báo chúng. Hôm họp chúng bị Hòa Thượng nêu lỗi: *Không khai kiếng giờ Bố Tát*. (mỗi nửa tháng một lần).

Tịnh Diệu thưa! *Không biết có giờ Bố Tát để Khai Kiếng?* Hòa Thượng nghe nói thế thì cười và bỏ qua. Cũng trong mùa An cư được tăng sai theo Hòa Thượng Trí Nghiêm đến Ni viện và Chùa Linh Sơn cho Chư Ni thọ an cư. Sau đó làm giáo thọ dạy ba tháng an cư tại Ni viện Diệu Quang Nha Trang.

Khi có Trường cơ bản Phật học, Hòa Thượng lại quan tâm tiến cử và đảm bảo với nhà trường để quý thầy mà Hòa Thượng thấy có khả năng được vào giảng dạy những môn mà đáng lẽ Hòa Thượng phải phụ trách. Thậm chí có những môn khó như các bộ luận, bản thân chúng tôi đôi khi chưa được học nhưng khi Hòa Thượng đã tin mà giao cho dạy, tuy gặp khó khăn nhưng phải cố gắng tự tin nghiên cứu giảng dạy không dám từ chối.

Sau này Hòa Thượng nhận công tác phiên dịch tại Nha Trang, nt đã tận dụng tất cả nhân sự ở đây và các tỉnh phụ cận. Từ các Thượng tọa đến mấy chú đang học Trung cấp kể cả cư sĩ, ai có khả năng, có thiện chí Ngài đều kêu gọi khích lệ rồi thân hành chứng nghĩa, sửa chữa tạo nên một ban phiên dịch đông đảo đã phiên dịch từ tập 1 đến tập 17, “*Đại Chính Tân Tu*” để hoàn thành bộ Đại tạng kinh Việt Nam.

Hòa Thượng còn lập một ban bảo trợ cho việc phiên dịch Đại tạng kinh được sự hưởng ứng nhiệt tình của Tăng Ni Phật tử trong và ngoài nước, giúp in ấn và hỗ trợ tài chính cho việc phiên dịch.

Qua việc tu và hành đạo của Hòa Thượng chúng ta thấy: Khi Ngài phát nguyện làm kinh tế tự túc để đào tạo tăng tài thì Ngài rất giỏi về kỹ thuật và kinh doanh thành công.

Khi nhận trách nhiệm Phật học vụ, lo việc dạy việc học cho Tăng Ni, các Phật học viện toàn quốc do biết dùng người, tin người nên có nhiều vị cùng với Ngài phối hợp đào tạo tăng tài tại các Phật học viện rất có hiệu quả.

Trong lĩnh vực phiên dịch, Ngài tự thân nhận lãnh dịch Tạng luật, đồng thời chứng nghĩa cho các bản dịch về Kinh luận để mong được sớm hoàn thành phần lớn Bộ Đại Tạng Kinh Việt Nam mà đã bao đời Tăng Ni Phật tử ước mơ.

Thời gian Ngài sắp tịch chúng tôi ghé thăm Hòa Thượng hai lần, vì ở xa nên có dịp họp Tăng sự và giới đàn mới vào Nha Trang. Khi họp xong chúng tôi vào thăm Hòa Thượng lần đầu, Ngài ra ngoài phòng ngồi nói chuyện với chúng tôi về “*Cửa thuộc năm nhà*” nhắc nhở chúng tôi thực hành hạnh xả là bước

cuối của phép tu “*Thất Giác Chi*” mà Ngài đang hành trì.

Lần sau vào thăm chỉ có tôi và Thầy Tịnh Nghiêm, lúc này Ngài đã yếu nhiều đang nằm trên võng ở trong phòng, chúng tôi muốn được ngồi bên Ngài đôi phút không thừa thính gì. Hòa Thượng có nói vài câu khuyến tấn nhưng lúc này lời nói nhỏ và quá yếu, chúng tôi sợ ngồi lâu làm Hòa Thượng mệt, nên đánh lễ và ra về.

Khi được tin Hòa Thượng viên tịch trong tư thế kiết tường như hình ảnh Đức Phật nhập Niết-bàn năm xưa. Thực bâng hoàng xúc động nhưng lại nghĩ: “*Hòa Thượng dùng tư thế nằm kiết tường khi tịch là để làm bài học cụ thể về công hạnh làm chủ thân tâm của mình trong mọi sinh hoạt đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, ngủ, giờ nào việc đó rất nghiêm túc của Ngài. Đó là làm chủ trong sinh hoạt bình thường để có thể làm chủ trong lúc già, đau, bệnh và nhất là khi chết. Đã làm chủ và tỉnh giác trong mọi thời, mọi lúc ở đời này thì khi bước sang đời sau vẫn tự chủ, tỉnh giác vượt khỏi sự chi phối của lẽ vô thường sống, chết nên gọi là Nhập Niết Bàn.*”

Hôm Tăng Ni Phật tử Vạn Ninh vào làm lễ nhập kim quan và đánh lễ thọ tang rất sớm. Trong thời gian tang lễ, riêng bản thân tôi muốn biểu lộ lòng tôn kính mến nhớ Hòa Thượng mà không biết viết gì, chỉ làm được một bài thơ bốn câu xin ghi lại làm lời kết cho bài viết này:

*Treo cao gương lành
Gương lành đại trí nêu cao
Chúng sanh vạn loại lao xao ảo hình
Múa may nháy nhót sinh linh
Tất cả hiện rõ sự tình trong gương*

Tu viện Giác Hải kính viếng

Tắm lễ này đã gởi cúng vào chùa Thiền Lâm–Ninh Thuận để nhớ mãi một vị Thầy đức độ, đạo hạnh tinh nghiêm vì sự nghiệp đào tạo tăng tài–Đã vào cảnh “Tịch Diệt Vi Lạc” (Vắng lặng làm vui).

Cuối hạ Ất Dậu 2005

Thích Tịnh Diệu

SÓNG LƯỢN LUNG ĐỒI

TỊNH MINH

*Tưởng niệm Giác linh Hòa Thượng. Thích Đồng Minh,
Phó Viện Trưởng Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam,
Trưởng ban phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam*

Non nửa thế kỷ qua (1957–2005), phần lớn Tăng, Ni sinh tu học tại các Phật học viện miền Trung và miền Nam đều thọ hưởng ân đức dưỡng dục của Hòa Thượng Thích Đồng Minh, đặc biệt là những anh chị em tu học ở Phật học viện Hải Đức và Diệu Quang, Nha Trang. Những giờ lên lớp của Hòa Thượng quả thật đã để lại trong lòng học trò những ấn tượng vô cùng thú vị và hiệu quả.

Những môn Thầy-xin được gọi như vậy để bày tỏ chút tình nồng ấm mà tôi đã được Thầy thương yêu dưỡng dục trong tám năm trời-thường giảng dạy là: bộ Luật trường hàng, Nhân minh luận, Duy thức tam thập tụng, Duy thức phương tiện đàm, Kinh di giáo, Kinh phát bồ đề tâm văn v. v... , nhưng hình như Thầy khoái dạy bộ Luật tỳ ni nhứt dụng thiết yếu, Nhân minh luận, và Duy thức học nhất. Những ai đã học với Thầy thì khó có thể không thuộc lòng bộ luật: Tỳ ni, Sa di, Oai nghi, Cảnh

sách bằng chữ Hán, và danh hiệu 100 pháp trong Bách pháp minh môn. Cách dạy của Thầy cực kỳ sống động và đạt chất lượng. Thầy không dạy nhiều, chỉ năm mười câu mỗi khi lên lớp, nhưng định nghĩa, giải thích, minh họa, triển khai sự kiện và ngữ nghĩa rất mực phong phú, khiến học viên nào cũng nắm vững vấn đề, thuộc ngay tại lớp, và thấy lâng lâng trong lòng khi ra về. Đó là mục tiêu giảng dạy của Thầy. Thuộc lòng và thuộc lòng. Thầy muốn trang bị hành lý tương đối đầy đủ cho Tăng Ni sinh lên đường, tiếp nối tôn chỉ “*Duy Tuệ Thị Nghiệp*” của đức Thế Tôn. Thầy đã gieo vào đầu óc, tâm tư, tình cảm học trò của Thầy những nét giáo điển cơ bản, vững chắc, thú vị mà suốt đời họ không sao quên được.

Nghệ thuật giảng dạy đương đại là ứng dụng phương pháp phát vấn (communicative approach), tức là nêu vấn đề cho cả lớp thảo luận. Mục đích là phát huy ý thức tập thể, kích thích năng lực sáng tạo, và thể hiện bản lĩnh tự tin trước cộng đồng sinh hoạt. Nếu học tập trong môi trường như vậy, học viên sẽ dần dần nâng cao khả năng lý luận, biến hóa, linh hoạt, sôi nổi trong từng chủ đề hay tình huống. Học kinh văn giáo điển, nhất là luật tạng, có phần nghiêm trang mầu mực hơn, nhưng Thầy mỗi khi lên lớp là mang theo tiếng cười sảng khoái cho học trò, bất cứ dạy môn nào. Trong giờ học, Thầy hay hỏi bất tử, gây ngạc nhiên, lúng túng cho những ai tỏ ra chú quan, giải đãi. Có lần đang giảng Nhân minh luận, bỗng nhiên Thầy hỏi:

- Chú L., “*Tiền lộ mang mang vị tri hà vãng*” là gì?

L. đang thì thầm nói chuyện với anh bạn bên cạnh, giật mình đứng phắt dậy,

đáp giọng Quảng Ngãi:

- Bạch Thầy, “Tiền lộ moang moang vị tri hà vãng” là “Đường đời
mịt mờ vạn nẻo về mô!”⁵

Cả lớp cười ầm lên. Có anh thắm ý, cười nghiêng qua ngả về,
và Thầy cũng đứng cười hề... hề... hề... , rung cả hai vai.

Một lần khác, trong giờ dạy luật, Thầy đang hưng phấn đi đi
lại lại trước bảng, giảng đoạn: “Phù xuất gia giả, phát túc siêu
phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma
quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu...”⁶ với cách minh họa
(illustration) quyết liệt nhưng rất có duyên: mỗi bước đi, Thầy
nhấc chân lên cao một chút rồi từ từ thả xuống, cho thấy đã là
người xuất gia tu hành, làm đệ tử Phật, thì mỗi bước chân đi
phải vươn tới phương trời siêu việt. Bỗng dưng Thầy dừng lại,
quay nhìn xuống lớp, chỉ tay hỏi:

- Chú H. , “Tam đồ bát nạn cu ly khổ” là gì?⁷

⁵ Lời của một bài hát được giới trẻ ưa thích ở thập niên 60.

⁶ Đã là người xuất gia thì mỗi bước chân đi phải vươn tới phương trời siêu
việt, tâm tánh và hình tướng khác với thế tục, phát huy dòng giống thánh
nhân, hàng phục ma quái, nhằm đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi.

⁷ Tam đồ: hỏa đồ, huyết đồ, đao đồ, tức là ba cõi hình phạt nghiêm ngặt: địa
ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bát nạn: tám chướng nạn. Người nào rơi vào một
trong tám nạn này thì khó mà tu hành thành đạt. 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3.
Súc sanh, 4. Bắc cu ly châu (nơi cực kỳ sung sướng), 5. Vô tướng thiên (cõi
trời không còn tư duy), 6. Manh lung ám á (đuối đuối tâm ngọng), 7. Thế trí
biện thông (giỏi biện thuyết chuyện thế sự), 8. Tiền Phật hậu Phật (trước
Phật và sau Phật). Vậy “Tam đồ bát nạn cu ly khổ” là vượt thoát ba đường
ác, tám cảnh khổ.

H. đứng lên cười bẽn lẽn, nhìn qua nhìn lại ra dạng cầu cút, rồi đưa tay gãi gãi mang tai, ấp úng đáp:

- Bạch Thầy... “Tam đồ bát nạn cu ly khở” là... “Đã là cu ly thì ở đâu cũng khở”.

- Hừ!... Biết vậy mà vẫn muốn làm cu ly!

Cả lớp được dịp phát cười sảng khoái. Có anh cười quá trớn, vừa sặc vừa ho, nước mắt nước mũi chảy ra tèm lem, làm cho nhiều anh khác rung chân, vỗ đùi, cười to hơn nữa! Ngồi mơ màng, tán tâm tạp thoại là bị Thầy “chiếu tướng” như vậy đó!

Trong tác phẩm The Art of Teaching (Nghệ thuật giảng dạy), Gilbert Highet lý luận rằng giáo viên dạy giỏi phải hội đủ bốn yếu tố:

1. Quán triệt bộ môn giảng dạy.
2. Đam mê nghề nghiệp.
3. Nhiệt tình công tác.
4. Yêu thương học trò.

Quán triệt bộ môn thì tự tin trên bục giảng. Đam mê nghề nghiệp thì luôn cải tiến kỹ năng và đổi mới phương pháp. Nhiệt tình công tác thì được tập thể quý mến. Yêu thương học trò thì được học trò và xã hội kính trọng. Ngoài ra, một trong những phẩm chất quan trọng nhất của người giáo viên dạy giỏi là tinh thần khôi hài. Và mục đích chính của sự khôi hài là tạo mối quan hệ mật thiết giữa thầy và trò (The real purpose of humor is to create a close relationship between teacher and students).

Trong năm yếu tố nêu trên, Ôn Đồng Minh không những có đủ mà còn vượt trội. Ôn mê dạy học. Ôn đã suốt đời cống hiến

trí tuệ và nghị lực cho sự nghiệp đào tạo Tăng Ni theo hạnh nguyện “*tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức*”. Có lần Ôn tâm sự rằng trong chín năm kháng chiến chống Pháp, Ôn đã tham gia phong trào xóa nạn mù chữ bằng cách mở lớp học miễn phí tại chùa, dạy cho những con em nghèo khổ trong làng. Sau ngày giải phóng 1975, có những quan chức chính quyền đến thăm Thầy, ngồi bệt dưới đất, vò hai đầu gối Thầy mà thốt ra những lời thắm thiết: “*Nhờ Thầy mà con có được ba chữ trong bụng. Hồi đó con biết đọc, biết viết, biết cộng trừ nhân chia là nhờ ơn Thầy*”. Đấy!... Công hạnh của Ôn là vậy đấy! Tháo nào có một đạo sa sút tinh thần, gặp Ôn tại chùa Già Lam, tôi tâm sự:

- *Con chán dạy học quá rồi Ôn ơi! Xin Ôn cho con lời khuyên!*

Ôn cười chúm chím, nụ cười đầy ẩn tượng đối với những ai dù chỉ một lần gặp Ôn, nói:

- *Nếu như tôi có một điều ước, thì tôi ước làm ông cai giữ trường hơn là làm giám đốc ngân hàng.*

Ôn ơi!... Chính nhờ lời động viên vi tế đó mà con còn được hân hạnh ngắm nhìn những tia nắng vàng lung linh trên hoa lá trước sân trường. Xin cảm ơn và đánh lễ Ôn! Nay Ôn không còn nữa. Ôn đã “*quá không tâm vào tam muội vĩnh hằng*”, nhưng âm ba của Ôn, từ lưng đồi Trại Thủy Nha Trang, vẫn vang vọng, ngân xa, lan tỏa và thấm đẫm vào lòng Tăng Ni, Phật tử khắp bốn phương trời. Hy hữu thay!



MUỘN CHỦ TỎ LÒNG, KÍNH BÚT DÂNG ÔN

TÂM NHÂN

“Lòng khó tỏ bày trời tựa biển
Hồn nên tan biến khói in trăng.”

Núi ẩn non thần,
sông Côn nước thánh,
muôn thuở danh lam thắng cảnh.
Dòng thiên Bình Định
nghìn thu tục diễm thừa đăng.
Thuở thiếu thời quên đời phố thị,
chí xuất trần thoát tục ly hương,
tay nài theo Thầy gọi bóng Thiền Lâm,
“mười năm đèn sách”,
sau tham phương học đạo du hoá đó đây.

Rồi một phút chân tâm sáng tỏ,
ngẫm mà lo cho sự thịnh suy Tăng-già,
nên nghiêm tịnh giới phẩm,
truyền trao Học xứ độ Tăng,
tài bồi hiền nhân, gánh vác trách nhiệm lịch sử,

phiên Kinh dịch Luật.

Một đời lấy giới luật làm Thầy,
như Bắc quốc có Ngài Đạo Tuyên
thì nơi trời Nam có Ôn mình vậy!

Thế là, Công hạnh viên mãn,
Đạo nghiệp vuông tròn,
cơ tình ghi công bất hủ,
Tứ chúng nhớ đức vô biên.
Giờ thì nổi bước theo Tổ,
treo bình Đông độ, quảy dép về Tây.
Thôi từ đây, thuyền Từ rời bến mê,
bờ Giác là trạm cuối.

Song, *“hoa Đàm tuy hoại, hương khí chưa tan;
cỏ hương chưa tàn, hồn thiêng còn sống.”*
Khói lạnh tan trong màn sương bạc
Phòng Ôn lặng bóng một vầng trăng.

khẩu bá

Đệ Tử Tâm Nhãn

CẨM NIỆM CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG MINH

ĐỨC HẠNH LÊ XUÂN KÝ

Nhớ lại năm xưa, 1951, trong mái ấm đại gia đình TĂNG HỌC ĐƯỜNG Nha Trang lúc bấy giờ, trên có cố Hòa Thượng đốc giáo kiêm giáo thọ Thích Định Tuệ, quí ngài quản nhiệm kinh tế và trường sở, là cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh và Hòa Thượng Thích Từ Mãn (hiện đang là Viện chủ chùa Linh Sơn Đà Lạt, 2005), Hòa Thượng Thích Chí Tín (hiện đang trụ trì chùa Long Sơn, Nha Trang); dưới có cố Hòa Thượng Thích Đồng Minh làm Thủ Chứng, vai trò trong trách vụ chăm sóc học chúng về mặt sinh hoạt đời sống đạo, đúng theo nội quy tu tập.

Chúng tăng của thuở ban đầu Tăng Học Đường được thành lập tại Nha Trang do Tổng Trị Sự Phật Giáo Trung Phần chủ trương cho mục đích đào tạo tăng tài. Do vậy số lượng tăng chúng chỉ được trên 20 vị, gồm các thầy Tỳ Kheo trẻ và Sa Di ở lứa tuổi 13-15. Những Sa Di ở tuổi thiếu niên này được mọi

người gọi là Chú Diệu.

Lớp tiểu Sa Di hồi đó được 11 chú, các thầy Tỳ Kheo được 10 vị, kể cả Hòa Thượng Đồng Minh. Tôi là một trong số 11 chú Sa Di. Mười một chú Sa Di của thời ấy, nay hơn một nửa trong Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam tại Hoa Kỳ và Canada (Edmonton), do Hòa Thượng Đồng Minh gửi thư triệu tập, mặc dù anh em chúng tôi không còn hình thái trưởng tử Như Lai nữa, mà chỉ là người nghệ sĩ rong chơi giữa biển đời để góp nhặt lá vàng trong cơn lốc mùa thu sinh tử làm hành trang giải thoát. Nhưng vì do tình huynh đệ keo sơn của dòng họ Thích với nhau, cũng như ân sâu nghĩa nặng với thầy và làm người con Phật phải có bốn phận duy trì và phát triển chánh pháp luôn được trường tồn trong thế gian, cho nên anh em cự học tăng Tăng Học Đường Nha Trang chúng tôi ở hải ngoại liền đáp lời kêu gọi của thầy lập Ban Bảo Trợ một cách hăng hái không do dự.

Trong ba thứ tình: huynh đệ (anh em), ân nghĩa, bốn phận Phật tử, thì tình huynh đệ có năng lực siêu xuất cao vời hơn hết và chắc chắn hơn hết để thành công trong mọi lãnh vực đạo hay đời. Thứ đến là tình ân nghĩa trò đối với thầy, đệ tử với bổn sư. Trong tình anh em đó, tình người anh đối với người em được xem là cao hơn em đối với anh, gọi là nước mắt chảy xuống. Tôi muốn nói Hòa Thượng Thích Đồng Minh đích thực là một người anh, một bậc thầy khả ái, khả kính, đối với tôi nói riêng, nói chung đối với những cự học tăng Tăng Học Đường Nha Trang và các Phật học viện khác luôn luôn nhớ đến thầy, không muốn xa thầy. Bởi vì ngoài cái tình chân thật ra, Thầy còn có tấm lòng Bồ-tát trên mọi lãnh vực đào tạo tăng

tài, trong đó chăm lo vật chất cho tăng sinh, dạy Kinh Luật cho Tăng Ni sinh, xây dựng cơ sở trường ốc, phiên dịch Pháp Tạng. Tất cả đạo hạnh, đạo tình ấy của Thầy làm cho tâm tư các đệ tử học tăng luôn luôn hướng về Thầy dù ở đâu, trên quê hương hay hải ngoại, sau khi thành đạt ra trường hay bởi biến cố nào đó mà xa Thầy. Do vậy, riêng tôi có những thời gian từ 1960 đến 1974, tôi xa Thầy, Thầy xa tôi, bởi môi trường Phụng Sự Đạo Pháp khác nhau trên mọi nẻo đường quê hương từ đạo ấy. Nhưng lòng tôi luôn mong ước gặp Thầy, vì vậy cứ mỗi độ cuối năm, ngày về cội ở Hải Đức hay hội họp bất thường ở Già Lam, tôi cố gắng về để gặp Thầy hàn huyên tâm sự. Nói rõ hơn, lòng tôi luôn luôn muốn được sống bên Thầy, không muốn xa Thầy, có chăng là việc chẳng đáng dừng.

Thế rồi, than ôi, giữa thời gian đất nước đổi thay vào mùa xuân 1975, tôi và Thầy xa nhau. Xa lần này gần như vĩnh biệt, hết cơ hội trực diện hình hài, chỉ gặp nhau bằng dòng tư tưởng, tư duy, vì hình hài tôi phiêu bạt (nhưng không giang hồ) do cái nghiệp làm lực sĩ rừng măng, múa cước với cỏ cây, đốn gốc rong rêu nơi đất tổ sơn khê, bình nguyên nước bạc đen sì gót chân hơn thập niên mà như giấc mộng, nặng quai qua cầu. Rồi tình cờ tôi được đến vùng SAO BẠCH, xứ người làm cho tôi rộn rã bước chân sớm chiều, nhưng lại làm cho tôi tỉnh giấc hồn đau. Lần này tôi xa Thầy thật vì bản thân không còn trên quê mẹ, cách nhau nửa vòng trái đất, xa Thầy nửa vành trăng khuyết, nửa phần trăng non. Còn Thầy đang hiện hữu nơi đất mẹ trong trạng thái an nhiên tĩnh tọa trước Tam Tạng Giáo Điển hai buổi sớm chiều nơi am thiền Long Sơn xưa, nay hơn 30 năm kể từ ngày tôi được khoác chiếc áo lực sĩ rừng măng, rồi

chiếc áo SAO BẠCH cho đến nay, 2005. Với thời gian dài đăng đăng mốc meo như vậy mà tình huynh đệ giữa thầy và lớp đệ tử năm xưa, chúng tôi là đệ tử Lợi (Hạnh Cơ), đệ tử Đường (Quảng Thành), đệ tử Ký (Đức Hạnh), đệ tử Cảnh (Nguyễn Phương), đệ tử Trí (Nguyễn Lượng), đệ tử Hòa (Nguyễn Thuận), v. v... không bị rơi một giọt tình nào, vẫn luôn luôn được đầy tràn, sâu đậm thêm tận đáy lòng, rực sáng như trăng rằm đêm xuân, bình minh mùa hạ, do tình người của Thầy thật là người và thật là Tăng Bảo, là chất liệu bảo vệ và nuôi dưỡng tình của chúng tôi ngày một thêm nảy nở, không mất, không suy giảm.

Vì thế, mỗi lần tôi nhận những lá thư Thầy từ Nha Trang gửi qua Mỹ bằng bưu điện hay có khi thư tay, cũng như một số dịch phẩm mà thầy đã dịch xong như Luật Tứ Phần v. v... , lần nào nhận được thư Thầy, sách Thầy, lòng tôi vui mừng lớn, rất rào lên cao, rồi nức nở, tình mặc qua từng giây phút trước những trang thư. Trong những giây phút tình mặc này, tâm ý Thiên Mã của tôi, nó vươn cao chân, vượt qua Thái Bình Dương, đáp xuống miền quê hương cát trắng, rồi khúc khích vó ngựa chậm rãi đi về Long Sơn cổ tự, là cái nôi của bọn đệ tử chúng tôi ở tuổi đại khờ năm xưa được lớn khôn, nhất là Bồ-tát đạo, từ đó trong bàn tay nuôi nấng, giáo dục của các Hòa Thượng Định Tuệ, Thiện Minh, Từ Mãn, Chí Tín, mà trực tiếp hơn hết là cố Hòa Thượng Đồng Minh. Do vậy, làm sao tôi có thể quên được nhiều kỷ niệm tại cái nôi Long Sơn (Phật Học Đường Nha Trang) năm xưa, tâm ý Thiên Mã của tôi, nó liền đi thăm lại từng hình ảnh sinh hoạt giữa các tăng sinh và thầy Thủ chúng Thích Đồng Minh, mà chúng tôi thường gọi bằng tiếng gọi thân thương “anh Thủ”. Trong tất cả hình ảnh ấy, có

những hình ảnh khó quên, như những ngày Chủ Nhật trong mùa Xuân Nha Trang là mùa bắt đầu nắng nóng, anh Thủ dẫn đàn em của anh tắm biển. Sau những giờ phút tắm hả hê, lúc mặt trời lên cao, cùng nhau ngồi nghỉ dưới bóng dừa, được anh Thủ cho mỗi đứa được ăn một cây cà rem.

Chủ Nhật nào không đi tắm biển, anh Thủ tổ chức cho tăng sinh đi du ngoạn ở Hòn Chồng cả ngày, mang theo xôi đậu xanh và đậu hủ kho. Tại Hòn Chồng, anh Thủ và đại chúng tắm biển cho đến gần giờ Ngọ, anh em chúng tôi ăn ngọ. Sau đó anh Thủ và chúng tôi cùng nhau kẻ nằm, người ngồi trong hốc đá. Tại đây, anh Thủ kể chuyện vui, làm cho cả bọn điệu và các thầy lớn cười ngất lên, anh Thủ thì cười rung cả đôi môi rộng sang trọng của anh.

Vào mùa hạ là mùa an cư, mùa thu có sóng lớn, mùa đông có gió bắc se lạnh, cho nên tăng sinh không đi đâu, nhưng vẫn được anh Thủ tổ chức cho các môn chơi như bóng bàn, bóng chuyền. Một đội bóng chuyền toàn là các thầy lớn, còn các chú đệ tử thì chơi bóng bàn. Bóng bàn không có gì đáng nói, nhưng đội bóng chuyền rất đáng nói, vì được tiếng là nhất, nhì ở thành phố Nha Trang. Vì vậy, đội bóng Hải quân lên gặp thầy Thủ, xin đấu. Sau đó đội chùa thắng đội Hải quân 2 hiệp (đấu 3 hiệp).

Nghe đội bóng chuyền chùa thắng đội Hải quân, đội bóng của chúng sinh La San bên Hòn Chồng liền đến gặp anh Thủ xin đấu. Anh Thủ đồng ý, sau đó cả hai đội chùa và La San huê nhau. La San thắng hai, đội chùa thắng hai trong bốn hiệp đấu.

Một hình ảnh khác, hầu như tất cả tăng sinh của Phật Học

Đường Nha Trang thời đó dù còn trong nước hay ở hải ngoại hôm nay luôn luôn còn nhớ, đó là hình ảnh bọn điệu chúng tôi, khi thì 4 chú, khi thì 3 chú, bị anh Thủ Đổng Minh bắt nằm thẳng ro xuống sàn nhà, xuôi hai tay bên hông, úp mặt sát đất để anh Thủ cúng đường Tam Bảo bằng 3 roi, chỉ 3 roi thôi về những tội đáng ăn đòn, như cãi lộn nhau trong lúc chơi bắn bi v. v... Nơi hình ảnh này, tâm ý Thiên Mã của tôi vẫn còn nghe lời anh Thủ Đổng Minh nói lớn: *“bỏ, bỏ roi đầu, ba roi khác để cúng đường Tam Bảo”*, một khi trong ba, bốn chú điệu chúng tôi có một đứa ngẩng đầu lên, ẹo mình, nghiêng cổ, mếu máo ra tiếng *“đau quá, đau quá!”* khi roi đầu tiên vừa đáp xuống hông, tức thì anh Thủ dừng tay, nói *“bỏ, bỏ roi đầu...”*.

Với vai trò Thủ Chúng trong một Tu viện Phật giáo, là trách vụ giáo dục, đào tạo tăng tài thành người Tăng Bảo lý tưởng có đủ ba thứ thân giáo, khẩu giáo và ý giáo (thông đạt kinh điển). Cho nên chức vụ Thủ chúng của cố Hòa Thượng Đổng Minh, ngoài thân giáo bằng tình cảm thương yêu bộc lộ ra, ngài còn có thân giáo nghiêm nghị, nếu không nói là khắt khe đối với Tăng sinh để kiến tạo môi trường sống lục hòa thật nghiêm túc đầy đạo vị Thiền môn. Qua đây, tâm ý Thiên Mã của tôi bỗng thấy lại thân giáo nghiêm khắc của Hòa Thượng Đổng Minh đối với Tăng sinh bằng nhiều phương pháp sách tấn Tăng sinh trên bước đường học vấn về Phật học và văn hóa. Chẳng hạn, ngài ra lệnh gắt gao bọn điệu chúng tôi đang học ở lớp 4, 5, cấp tiểu học, rồi lên trung học cấp một ở lớp 6, 7, 8 trở lên tại trường Trung Tiểu học Bồ Đề là phải chiếm vị thứ từ một xuống năm, không được dưới vị thứ năm.

Về phần học và tu tập Phật pháp, ngoài học giáo lý với các vị

giáo thọ ra, tất cả Tăng sinh lúc bấy giờ thường xuyên được Hòa Thượng Đồng Minh trợ duyên bằng nhiều cách, nào là kiểm tra sách vở, nhắc nhở học bài, công phu, tịnh độ, sám hối, tụng giới. Hoặc, hôm nào không nhắc nhở, Hòa Thượng kể cho đại chúng nghe một câu chuyện luân lý xã hội, câu chuyện đạo. Tất cả các câu chuyện ngài kể đều chứa đựng tư tưởng lành mạnh mang tính cách giáo dục tư tưởng Tăng sinh.

Tất cả những việc vừa kể trên, mà cố Hòa Thượng Đồng Minh đã thực hiện đối với Tăng sinh trong vai trò Thủ Chúng, đó là cách giáo dục trong việc đào tạo tăng tài của bậc Tăng Bảo có đủ 3 yếu tố Giới, Định, Huệ. Có thể nói đó là một thứ tình yêu xuất thế gian, là sản phẩm của 3 thứ Giới, Định, Huệ, mà Hòa Thượng Đồng Minh đã có trong lòng thật dạt dào bao la và bình đẳng đối với tất cả Tăng sinh nói chung khi còn làm Thủ Chúng hay chức vụ Phó Giám Viện Cao Đẳng Phật học viện Hải Đức, lòng ngài đều mong muốn tất cả Tăng sinh phải được thành người Tăng có đủ tài, đức song toàn.

Sở dĩ cố Hòa Thượng Đồng Minh có nhiều phương pháp đào tạo tăng tài như vậy, là do tâm ngài vốn có sẵn Tăng Tài! Trong đó, không những chỉ có sự dẫn thân trong các việc kiến tạo cơ sở vật chất, giảng luận khế lý Kinh, Luật cho Tăng sinh, mà còn là thái độ hành xử trực diện với các thể hệ Tăng sinh trong các Phật học viện trước 1975 trong mọi sinh hoạt bằng ngôn từ rất là văn hóa, nếu không nói là tế nhị ở âm điệu vui tươi, khảng khái, tình cảm, mang tính chất giáo chỉ vô tướng. Tuy nhiên lời giáo chỉ ấy có lúc cũng được thể hiện bằng ngôn ngữ thực thể hữu tướng qua văn thư. Chẳng hạn Hòa Thượng đã nhiều lần giáo chỉ cho riêng tôi và các pháp hữu khác ở Cali và

Edmonton Canada qua nhiều thư để dặn dò công việc bảo trợ pháp tạng cũng như có lời khuyến tu...

Vạn lần các Tăng sinh tiếp xúc với Hòa Thượng hay Hòa Thượng tiếp xúc với Tăng sinh, là vạn lần mang tính chất giáo chỉ vô tướng qua ngôn từ rất là văn hóa Việt Nam và Đạo pháp. Dù vạn lần tiếp xúc với các Tăng sinh trong môi trường thuận duyên, an bình hay bất an, tôn chỉ đào tạo tăng tài của Hòa Thượng không mất, vẫn có ít hay nhiều qua ngôn ngữ giáo chỉ. Ngay cả trong lúc bản thân ngũ uẩn của Hòa Thượng bị đau đớn bởi bệnh gan hoành hành như vậy, mà thân tâm ngài vẫn tỉnh thức an nhiên, vui cười tự tại, nói lời giáo chỉ về các việc tu tập ba pháp Giới–Định–Huệ, cũng như phải tiếp tục công trình phiên dịch Pháp tạng một cách khăng khải với một một số Tăng, Ni xa gần, quyến thuộc... đến thăm.

Cho nên nói đến cố Hòa Thượng Thích Đồng Minh là nói đến hai công hạnh bậc nhất “Đào Tạo Tăng Tài và Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam” qua quá trình phiên dịch Kinh, Luật, Luận bằng ngoại ngữ ra Việt ngữ. Hai công hạnh bậc nhất đó mà cố Hòa Thượng Đồng Minh đã hết lòng thực hiện trong thời gian vừa qua, gần nửa thế kỷ, thứ nào cũng có thành quả cả phẩm và lượng, chứ không thể bị hời hợt.

Sở dĩ hai thứ ấy được thành quả lớn như vậy, là do tâm ngài luôn hằng chuyển ở vị trí Tánh Không, Vô Ngã. Rõ thực như vậy, cả cuộc đời tu hành của ngài vừa qua, ngoài một hai bộ quần áo bạc màu nâu sồng, y hậu Cà Sa, bình bát ra, ngài không có một thứ tư hữu nào cả! Để chứng minh rõ nét điều đó qua lời ngài di chúc với chư tăng cơ hữu và thị giả trước khi

viên tịch vài hôm trong lúc sức khỏe bị xuống cấp. Ngài nói: “Nhục thân được lưu lại không quá 36 giờ, tang lễ đơn giản, không xây tháp, số tịnh tài do các pháp hữu trong Ban Bảo Trợ nước ngoài cho tôi để chữa bệnh còn lại, xin sung vào quỹ in kinh sách”.

Theo lời di chúc, quý Thầy đã thực hiện những gì Ngài đã dạy trước kia, khi thấy Ngài sắp sửa đi về cõi Phật, quý Thầy để Ngài nằm nghiêng bên phải, bàn tay phải mở ra đỡ lấy dưới tai phải và khi tấn liệm vô quan cũng được nằm nghiêng như vậy.

Với vị Tăng Bảo có nhiều Bồ-tát nguyện, hành Bồ-tát đạo trên con đường xây dựng Đạo Pháp, có nhiều thành quả lớn lao như cố Hòa Thượng THÍCH ĐỒNG MINH, thì dù cho có viết ra đến hàng vạn lời trên hàng ngàn trang giấy cũng vẫn chưa nói hết quá trình công phu tu tập và hành Bồ-tát đạo của NGÀI!

San Diego, California, ngày 27 tháng 8 năm 2005

Đức Hạnh Lê Xuân Ký

Cựu Tăng sinh Tăng Học Đường-PHV Hải Đức Nha Trang-Già Lam Sài Gòn; Phó Tổng Thư Ký Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam tại Hoa Kỳ



Jōng Minh 61 tūā?

LỄ SỐNG VÀ CÁI CHẾT CỦA MỘT CHÂN NHÂN

THÍCH NHẬT HIẾU

Giờ phút mà mãi mãi chúng con sẽ không còn nhìn thấy chân dung từ hòa thân thương của Ôn, giờ cung tiễn nhục thân nhập kim quan đã đến. Muôn ngàn đệ tử xuất gia và tại gia đang nhòa lệ phủ phục trước kim đài. Phút giây tiễn biệt nghìn trùng xa cách, cảnh vật như đứng lại, thời gian như ngừng trôi. Mọi người như chết liệm trong nỗi buồn thất quần con tim.

Giữa tháng năm oi ả nắng hạn, bỗng không gian trở nên tối sầm, sầm chớp vang rền, nổi gió đổ mưa. Đất trời Nha Thành âm đạm, phải chăng trời người đều đồng cảm và san sẻ trong nỗi đau thương, nỗi buồn tiễn biệt một bậc Chân nhân vào cảnh giới thiên viên.

Ngẫm lại, chúng con có cảm giác tóc lông dựng ngược, khi ôn lại những gì mà mình đã mục thị diện kiến. Cuộc đời của Ôn có bốn điều phi thường để biểu thị trọn vẹn đức tính của một

bậc Chân nhân¹ siêu xuất ứng thân thị hiện:

1. Biểu hiện tính uyên bác thông tuệ và thắng nhân:

Bác lãm đa văn, có nhiều đóng góp lớn trong sự nghiệp giáo dục đem lại lợi lạc cho Đạo lẫn đời. Có vị trí lớn trong xã hội và có uy đức lớn trong giáo pháp, trong lãnh vực “tuệ nghiệp”. Với 79 năm trụ thế thì đã có 59 hạ lạc; đặc biệt, có bề dày 55 năm trong sự nghiệp giáo dục, cũng như đóng góp trong công tác văn hóa Phật giáo nước nhà, qua việc đảm nhận các chức vụ hàng đầu trong giáo dục Phật giáo, trong việc giảng dạy các Phật học đường, trong việc trước tác và dịch thuật; nhất là công tác phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam mà Ôn đang lãnh đạo và trực tiếp thực hiện.

2. Biểu hiện tính tri túc:

Nếp sống hiền triết: thanh cao, bình dị, vô cầu... với một con người có tất cả nhưng xả bỏ tất cả. Một con người thoát tục, sống trong danh lợi mà chẳng màng lợi danh. Ngót 30 năm đi một đôi dép cao su, trước ngày ngã bệnh chừng 01 năm trở lại, Ôn không có Thị giả phục vụ riêng; việc độ nhật hàng ngày đều cùng với chúng Tăng tại trai đường; trong phòng ở chỉ một vài vật dụng: sách vở, bình thủy nước, bàn thờ một chữ “Xá” với lư hương, cái giường cũ kĩ và chiếc bàn viết lách. Mỗi tháng trở lại đây, bệnh Ôn trở nặng. Quý Phật tử thấy phòng Ôn nóng bức vì ở áp sát trần; năn nỉ mãi Ôn mới cho bắt máy điều hòa. Ôn nằm xuống không thứ chi đáng giá về vật chất. Với một con người từng làm giám đốc một hãng sản xuất lớn, từng

¹ Bậc Thánh Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát,...

có nhiều chức phận hàng đầu trong Giáo hội, thế nhưng cuộc sống Ôn vẫn bình dị thế thôi. Ngay cả lời di chúc chỉ vắn vắn 3 điều: nhờ Ôn trụ trì và Tăng chúng bốn tự lo liệu; lễ tang diễn ra trong 36 tiếng Đồng hồ; và hạn chế tối đa về tốn kém, không xây tháp để tiết kiệm tiền dùng cho việc ấn tống Kinh. Ôi! Sống đã giản dị, chết càng bình dị.

3. Biểu hiện tính kham nhẫn:

Bất động, bình tĩnh trong mọi tình huống, dầu thời suy cuộc biến, dầu nghèo khó, dầu bệnh đau, dầu cái chết đến với mình trong đường tơ kẽ tóc.

Cuộc đời của Ôn là thế hệ của những lớp người đi trước, sống trong cuộc quốc biến thời suy, sống trong cảnh bom rơi đạn nổ; cái chết cận kề như vắn cân treo sợi tóc. Trước bao nguy cơ đe dọa của bom đạn, của bố ráp hận thù trong các kỳ pháp nạn, Ôn vẫn kiên cường bất khuất trước mọi chương duyên. Ôn kể, cuộc đời tôi 03 lần hủy thân cúng dường Tam bảo vì chí cầu Phật pháp nhưng không chết. Ôn nhận xét, dám sống để đương đầu hiểm nguy chứ không trốn chạy, dám chết vì bảo vệ chân lý Tôn thờ... đều được xếp vào hạng người có bản lĩnh. Ôn kết luận, sống phải biết chịu đựng, kham nhẫn. Điều ấy không phải lời hí luận trong các cuộc vui trà dư tửu hậu, mà đó là những điều được minh chứng nơi chính bản thân Ôn. Phút cuối cuộc đời, đau nặng nhưng Ôn vẫn bình thản, vui vẻ, không một biểu hiện phản ứng phản nản gì về đau nhức, mỏi mệt. Ôn bình thản đến mức như đã chuẩn bị kỹ cho cuộc hành trình cuối cùng trong dòng sống hữu vi.

4. Biểu hiện thiên tướng:

Không biểu hiện nghiệp tướng như người bình thường: mê sáng, rên rĩ... các hung tướng khác trong khi sinh tử, mà điềm tĩnh an nhiên thị tịch trong tư thế cát tường. Đặc biệt thiên tướng² xuất hiện: trời đất biểu hiện u buồn và người người xót thương trong lúc nhập kim quan.

Qua đó, có thể nhận chân, thái độ của người tu chúng ta đối với sự sống và cái chết đầy nghị lực và trí tuệ. Một bậc chân tu như Ôn không hề nao núng trước sự sống chết mà sẵn lòng đón nhận, xem đó là thông lệ ngàn xưa. Vì rằng trong sanh có cái tử, trong cái diệt có cái bất diệt. “Sanh diệt diệt di, tịch diệt vi lạc”. Vạn Hạnh thiền sư cũng dạy:

*“Thân như điện ánh hữu hoàn vô,
Vạn vật xuân vinh, thu hựu khô;
Nhậm vận thanh suy vô bố úy,
Thanh suy như lộ thảo đầu phô.”*

(Thân như bóng chớp chiều tà,
Xuân hoa tươi tốt, thu qua rụng rời;
Sá chi suy thanh việc đời,
Thanh suy như hạt sương rơi đầu cành).

Bình tĩnh, thanh thản, điềm nhiên trước cuộc đời dâu bể, sanh diệt, còn mất, thanh suy,... Người đời hoang mang không hiểu rõ đằng sau cái chết kia là cái gì, hoặc là vực thẳm hố sâu đen ngòm không đáy, hoặc đã chết đi rồi chắc hẳn còn chi, hoặc nghiệp di ác báo đưa ta vào nơi tăm tối. Nhưng không, với người hiểu Giáo pháp, chết chỉ là một sự thay đổi cuộc sống.

² Khi sinh, trời người hòa vui; khi chết, trời người xót thương

Nếu chúng ta có một cuộc sống tốt bằng trang nghiêm thiện nghiệp, thì cũng chính là đã có một sự chuẩn bị tốt cho kiếp sống tương lai. Con đường Sinh thú của chúng ta sẽ là thiện thú (thiên, nhân, hoặc các thế giới thánh thiện). Nên biết rằng không phải chết là đi vào con đường đoạn diệt. Như Mãn Giác thiền sư cũng đã dạy:

*“... Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai”.*

*(Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai).*

Thật vậy, chết là bắt đầu cho sự sống mới. Là vật chất vận động, chỉ thay đổi trạng thái vận thôi. Nhưng là một sự thay đổi tốt hay xấu còn tùy thuộc vào những điều kiện tác động. Túc sống gieo thiện nhân, chết gặt thiện quả. Với đức Phật Đại Giác và các bậc Chân nhân thì có cái nhìn trước sự sống chết của cuộc đời đầy tích cực và lạc quan:

“Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”.

(Sanh diệt diệt di, tịch diệt vi lạc).

Với nhãn quan được soi sáng của Giáo pháp, chúng ta nhận chân được rằng, bậc Chân nhân siêu quần không phải là những vị thánh siêu phàm trên tận trời xanh, thế nhân không thể thấy mặt biết tên, mà chính là những con người bằng xương bằng thịt hiện hữu trước ta, nhưng rất đổi phi thường về nhân cách như bốn đức tính biểu hiện phi thường của bậc Chân nhân.

Điều đó đã xác chứng trọn vẹn nơi Hòa Thượng Luật sư. Sự kiện đến và đi của các bậc Chân nhân như Ôn là sự kiện “trụ

động thiên địa”. Sự ra đi mà cả trời người cảm thấy mất mát, tiếc thương.

Cần bái

Đệ tử Thích Nhật Hiếu

ĐÔI DÒNG SUY NGHĨ VỀ CỐ HÒA THUỢNG TUYÊN LUẬT SƯ

THÍCH NỮ THÔNG NHÂN

Sau khi tốt nghiệp Cao cấp Phật học năm 1992, con trở về Tổ đình chùa Linh Sơn để đánh lễ Ni trưởng Bốn sư và Ban trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa. Lần đầu, con may mắn được Ôn gọi lên hỏi chuyện. Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt con là một nhà Sư áo vàng, bên cạnh Sư một quyển kinh chữ Hán dày cộm, chỉ chít những dòng chữ li ti. Ngoài ra, còn có một quyển tự điển cổ ngữ cũng dày không kém. Ôn ngồi lặng lẽ một mình ở góc hành lang tầng một dãy nhà Tây chùa Long Sơn. Song, điều đáng ghi nhớ nhất là nét mặt hiền hòa, đức độ, bao dung, và những lời dạy chân tình của bậc Thầy mang nhiều hạnh nguyện lợi tha.

Thế rồi, sau 11 năm xa cách, con lại trở về Tổ đình chùa Linh Sơn để đền đáp công ơn Ni trưởng Bốn sư trong muôn một. Lên đánh lễ Ôn lần này, con được Ôn khuyên tham gia vào Ban phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam do Ôn làm

Trường ban. Khác với lần trước, bây giờ mọi vật quanh Ôn đều thay đổi. Ôn đã chuyển sang dãy nhà Đông chùa Long Sơn. Nơi Ôn đọc sách và tiếp khách không phải hành lang mà là sân thượng có mái che thoáng mát và rộng rãi hơn nhiều. Ôn cũng không ngồi lặng lẽ một mình mà quanh Ôn cả một ê-kíp làm việc theo kiểu hiện đại. Song, bản thân Ôn vẫn hết sức đơn sơ và giản dị; Ôn vẫn từ hòa, độ lượng, và bao dung như thuở nào. Lúc đầu, con hay thắc mắc, làm sao Ôn có thể tập hợp được quanh mình toàn là những vị tri thức và những người thị giả đầy nhiệt thành như vậy chứ? Một lý do quá đơn giản nhưng mãi đến bây giờ con mới hiểu hết, đó là lòng độ lượng bao dung và hào quang trí tuệ của Ôn. Ánh hào quang trí tuệ này giúp Ôn nhận biết được tâm tư nguyện vọng của hàng Tăng sĩ trẻ có học vấn, ham hiểu biết, thích làm việc, mà không có điều kiện vươn cao hơn. Nếu việc học dừng lại thì họ sẽ cảm thấy mình là kẻ vô dụng, không làm được gì cho Phật pháp trong hạnh nguyện hoằng hóa độ sanh. Dưới hào quang từ bi của Ôn, đã đem lại cho hàng Tăng sĩ trẻ sự an vui, khinh an và giải thoát. Hai chữ “hào quang” đó, chính là đức độ, là đạo đức gương mẫu đến tuyệt đỉnh, đã cảm hoá được hàng Tăng ni có cùng nguyện vọng như Ôn. Họ tập trung quanh Ôn và cảm thấy mình được tắm trong dòng suối mát ngọt ngào đến thư thái. Thật là “Đất lành chim đậu”.

So với những Tăng sĩ trong Ban phiên dịch, thiết nghĩ con có duyên gặp Ôn trước nhưng không có duyên làm việc chung với Ôn. Người cuối cùng Ôn nhận vào Ban phiên dịch lại chính là con. Tuy chỉ có tám lần hầu chuyện với Ôn và thời gian cũng không dài lắm, song con vẫn nhận ra được nơi Ôn đức độ

lượng rất cao. Khi hầu chuyện, Ôn bỏ qua mọi câu nệ hình thức, làm cho con có thể diễn tả hết tâm tư của mình mà không hề sợ bị bắt lỗi.

Qua những lần hầu chuyện diện kiến Ôn, con biết đã gặp được một vị Bồ-tát. Nhưng tiếc thay, Ôn đã xả Báo thân để trở về với Pháp thân thường trụ quá nhanh, làm cho con không còn cơ hội tiếp nhận những lời dạy đầy tâm huyết của Ôn nữa. Song, con nghĩ rằng có duyên gặp còn hơn không và như vậy cũng là điểm phúc cho con lắm rồi.

Sự ra đi đột ngột của Ôn, lúc đầu con hơi bị choáng, sau đó con trấn tĩnh trở lại; bởi vì, con biết rằng Ôn chỉ mất đi Ứng hoá thân trong cõi tạm này nhưng hào quang trí tuệ và đức độ bao dung của Ôn vẫn còn mãi trong lòng những người học Phật.

Chính hạnh nguyện và việc làm của Ôn là động lực thúc đẩy cho thế hệ hậu sinh như con vững bước trên con đường học đạo. Con nguyện noi theo gương Ôn, tiếp bước con đường mà Ôn đã vạch ra.

Nha Trang, Linh Sơn Ni Tự

Thích Nữ Thông Nhân

NHỚ VỀ ÔN

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Nguống bạch Giác linh Ôn,
Giờ đây, khi con viết lên những dòng suy nghĩ hồi tưởng thì Ôn đã tiêu diêu miền Lạc cảnh. Cuộc đời của con thật sự may mắn và diễm phúc, được chăm sóc hầu bệnh cho các Ôn, từ thầy Giám sự (thầy Trùng San), Ôn Trí Nghiêm, Ôn Trụ trì và rồi bây giờ là Ôn (Hòa Thượng Tuyên Luật sư). Những lời giảng giải của Quý ôn là bài học đáng giá ngàn vàng, vì nó minh chứng bằng cả cuộc đời tu niệm. Ở cõi Niết-bàn, mong hai Ôn¹ rủ lòng từ bi phù hộ cho chúng con cùng pháp giới chúng sinh luôn phát thiện tâm, hành thiện hạnh và hưởng thiện quả trong Pháp mầu của đức Phật Như Lai.

Khi đi đây đó, nhiều người cho biết, Nha Trang nói chung và Long Sơn nói riêng, thật diễm phúc có ba vị Hòa Thượng² đức

¹ HT. Trí Nghiêm và HT. Đồng Minh

² HT. Trí Nghiêm, HT. Chí Tín, và HT. Đồng Minh.

độ phạm hạnh. Lúc đó, chúng con thật sự cảm thấy vinh dự và hạnh phúc vô cùng. Nhưng giờ này, chúng con cảm thấy bơ vơ, khi hai Ông đã viên tịch. Cuộc đời Quý ôn chính là hiện thân của Bồ-tát ở giữa đời, nhân cách và nghị lực của quý Ông thường nhân khó ai sánh kịp:

Ông Trí Nghiêm 07 năm ngoạ bệnh (1996-2003) mà vẫn bình thản vui vẻ với đệ tử và mọi người, không một tiếng rên rĩ than thở. Ông thường dạy: *“Các con là tín nữ đệ tử tại gia của đức Phật. Các con phải biết nương về Tam bảo thì không bị rơi vào đường ác. Đệ tử Phật phải giống Phật, phải biết tác phước hành thiện; nếu hành thiện nhân thì sẽ gặt thiện quả.”* Lời dạy này lúc nào cũng ở trong lòng con, và sẽ theo con suốt cuộc đời.

Năm ngoái (2004), Ông Trụ trì đau nặng phải nhập viện, tuổi già sức yếu thêm bệnh đau nhưng vẫn bình thản trước cảnh bệnh tật, vẫn ôn tồn vui vẻ với mọi người, vẫn bố thí giúp đỡ người nghèo. Ông Đồng nói: *“Ai gặp được Ông Trụ trì chính là gặp được Bồ-tát; phước đức Ông Trụ trì lớn lắm!”* Bệnh thế, nhưng gặp Bác sĩ vẫn vui vẻ kể nhiều chuyện hài ngụ ngôn mang tính giáo dục sâu sắc. Con nhớ có lần ở bệnh viện An Bình, Bác sĩ Khoáng cùng đoàn Bác sĩ đến khám và thăm hỏi. Bác sĩ hỏi Thầy cảm thấy trong người có khỏe không? Y-bác sĩ và nhân viên bệnh viện phục vụ có tốt không? Ở đây, Thầy có cảm thấy thoải mái không? Ông đáp: *“Cảm ơn Bác sĩ, mọi việc đều tốt, nhưng có điều tôi thắc mắc và không cảm thấy thoải mái tí nào. Tại sao người ta hay tham muốn tóm thâu cho nhiều, thậm chí muốn chiếm hữu cả thế giới làm của riêng, muốn làm bá chủ hoàn cầu? Như tôi, khi già, cái thân này muốn giữ và muốn làm chủ nó cũng khó. Nó muốn cháy lúc nào thì cháy, tôi không thể làm chủ được nó (!)”* Mọi

người cười ngặt nghẽo và cảm thấy thấm thía. Bác sĩ hỏi, Thầy suốt đời tu hành, tội con nguống mộ lắm, nhưng đời còn nhiều lỗi lắm, chưa học đạo được. Ôn dạy: “Ở đời ai mà không tội, người nào lại không lỗi? Nếu không bị tòa án thế gian xử, thì cũng bị tòa án nghĩa địa xử. Ai cũng phải chết, nên biết sống sao cho phải lẽ, để khỏi phải ân hận dưới chốn u đồ.” Các Bác sĩ nhận xét, “lời nói Thầy tu đức hạnh có khác, thật mộc mạc nhưng đầy sức thuyết phục”. Thế nên Ôn (Đồng) thường dạy, Ôn trụ trì là mẫu người cho chúng ta tôn kính và học hỏi.

Kính bạch Giác linh Ôn,

Thời còn sinh tiền, Ôn nổi tiếng là bậc nghiêm trì giới luật. Nhìn thấy chư Tăng Ni chí thành hướng về Ôn; là Phật tử, chúng con chỉ tôn kính chào bái từ xa. Rồi thời gian Ôn đau, chúng con mới có dịp tiếp xúc qua nhiệm vụ chăm sóc bệnh. Thế mới biết, Ôn thật sự nhân từ như một người cha già đối với con thơ, chỉ dạy chỉ li về nếp sống của người Phật tử tại gia, phải sống như thế nào mới là Phật tử chánh tín Tam bảo. Thế rồi, khi sức khỏe đến phút tàn hơi, Ôn mới dạy, các Thầy thi giả để cho Phật tử làm phước. Có phải chăng đây là biểu hiện một “bậc Ứng cúng” ra đời tạo phước lành cho chúng sinh.

Cuộc đời quý Ôn hết sức bình dị. Mùa thu năm Tân tỵ (2001), nhằm ngày vía đức Quán Thế m (19/09. L), gia đình con tổ chức lễ an vị Phật nhà mới. Con thỉnh hai Ôn. Ôn dạy: “Cúng là kính, là tâm thành; không phải mâm cao cỗ đầy”. Thật diễm phúc cho con, cả hai Ôn đều vui vẻ nhận lời. Ôn tác lễ yếm tâm tôn tượng Phật bằng câu thần chú Bát-nhã. Ôn dạy: “Con nên biết, ba đời chư Phật đều y vào Bát-nhã này mà đạt đến vô quái ngại và chứng đắc Vô thượng Bồ-đề”. Ôn Đồng còn dạy: “Đi

đứng gì cũng phải niệm sáu chữ ‘Nam Mô A-di-đà Phật’, đỡ chân trái niệm ‘Nam’, bước chân phải niệm ‘Mô’...”; còn Ôn Trụ trì cho lộc bằng ít Kinh sách, trầm và nhang thơm. Buổi lễ đơn giản nhưng thật trang nghiêm, hai Ôn niệm hương chú nguyện an vị Phật. Đây là điều diễm phúc nhất của đời con, niềm hạnh phúc được cung đón Nhị vị Hòa Thượng đức độ khả kính quan lâm tư xá, trong tâm tư “Tăng áo Phật lai”.

Ngưỡng bạch Giác linh Ôn,

Những ngày được gần Ôn thật ngắn ngủi, nhưng chúng con học được rất nhiều nơi Ôn về bài học tu tập cũng như làm người. Tài sản của Ôn chỉ là chữ nghĩa tri thức, đệ tử và thân quyến của Ôn cũng chỉ là đàn học trò bốn phương tham học. Cuộc sống của Ôn thật bình dị, tâm lượng của Ôn thật bao la, tri thức của Ôn thật uyên bác, đạo hạnh của Ôn thật cao vời... Đây cũng chỉ là những dòng cảm nhận tận đáy lòng của con, thật sự không bút mực nào tả xiết. Những dòng chữ này được phát xuất từ tâm tư hồi tưởng về thâm ân của Ôn đã cho chúng con bài học làm người, cũng như bài học “*lập địa thành Phật*” trong hành trình hướng đến mục tiêu giác ngộ giải thoát.

Tâm Thành Kính Lễ Giác Linh Ôn

Phật tử Nguyễn Thị Hoàng Yến

NHỚ MÃI LỜI ÔN

THÍCH THÁNH TRÍ

Trong giới học tăng chúng ta, có lẽ không ai mà không có những kỷ niệm đẹp, những nhân duyên lành đầu tiên đáng nhớ trong cuộc đời xuất gia của mình. Đối với tôi, thật là một điểm phúc lớn lao, một nhân duyên may mắn khi được diện kiến, hầu chuyện và gần gũi cố Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh mà tôi thường gọi là “Ôn Đồng”.

Cứ mỗi năm đến mừng một tháng ba âm lịch là kỷ niệm ngày cố Hòa Thượng Già Lam viên tịch, từ Tổ đình Long Sơn, Ôn Đồng cùng với ít nhất là hai thị giả đi vào Già Lam để dự lễ huý nhật. Nhân duyên đầu tiên đưa tôi đến đánh lễ Ôn là thầy Tâm Tịnh (pháp hữu của thầy Nguyên An-thị giả Ôn). Cùng thầy Tâm Tịnh lên Tổ đường để đánh lễ Ôn, tâm trạng tôi lúc đó vừa vui sướng, vừa hồi hộp lo sợ. Vui sướng vì lâu nay tôi đã nghe được danh thơm và công hạnh của Ôn chứ chưa từng được diện kiến mà nay đã đầy đủ duyên lành được diện kiến Ngài nên niềm hân hoan dâng lên tận đỉnh. Hồi hộp lo sợ vì phải đối diện trước một bậc cao Tăng thạch đức, tôi phải bày tỏ cử chỉ như thế nào đây để biểu hiện trọn vẹn lòng tôn kính.

Những tưởng những hồi hộp lo sợ đó làm cho tôi mất bình tĩnh, nhưng ngược lại khi được diện kiến Ngài, với khuôn mặt đầy phúc hậu, với ánh mắt đầy từ hòa, với hình dáng uy nghiêm và đức độ, chất phác và giản dị, tôi nhận được từ trường đức độ ấy nên lòng tràn ngập niềm hỷ lạc. Niềm hỷ lạc chiếm ngự trong tâm tôi nên những lo âu, hồi hộp ấy tan biến từ khi nào mà tôi không hề hay biết.

Theo thường lệ trước khi cử hành lễ hỷ nhật Hòa Thượng Già Lam, tối ngày hôm trước đó tu viện có tổ chức một buổi họp mặt những anh em cựu học tăng thời học ở Hải Đức cũng như những anh em học tăng đang trú ở Già Lam. Buổi họp mặt đó gọi là Ngày Về Cội, tức ôn lại những kỷ niệm hay bày tỏ lòng tri ân của những ai từng thọ ân cố Hòa Thượng Già Lam. Trong ngày về cội đó, Ôn là người chứng minh tối cao. Trong suốt bốn năm tôi có nhân duyên là được tu viện chia cho nhiệm vụ dẫn thỉnh và thế là tôi lại có dịp để gần gũi Ngài hơn nữa.

Trước ngày Ôn viên tịch khoảng gần một năm, Hòa Thượng Thích Chí Tín, trú trì chùa Long Sơn-Nha Trang, nhập viện tại bệnh viện An Bình TP. HCM. Ôn là người đã đưa Hòa Thượng Chí Tín vào nhập viện và trong suốt thời gian hơn một tháng Hòa Thượng Chí Tín nằm viện, ngày nào Ôn cũng có mặt ở bệnh viện để chuyện trò, an ủi Hòa Thượng Chí Tín trong những lúc đau đớn cũng như khi vui khỏe. Tình cảm ấy sao mà sâu đậm thế! Nghĩa cử ấy sao mà cao thượng đến thế! Từ khi xuất gia đến giờ, tôi chưa bao giờ gặp trường hợp như vậy. Tình Linh sơn cốt nhục, tình pháp lữ lương bằng ấy là bài học sống đã in sâu vào tâm thức mà suốt đời tôi phải ghi nhớ.

Trong dịp này, cũng có nhiều lần tôi được đi theo Ôn đến thăm Hòa Thượng Chí Tín. Ngồi trên xe, tôi đã được nghe rất nhiều câu chuyện lý thú về Cố Hòa Thượng Già Lam mà Ôn đã kể. Và hầu như lúc nào cũng vậy, được hầu chuyện với Ôn là tôi lại được nghe Ngài kể chuyện về Cố Hòa Thượng Già Lam. Ban ngày, Ôn đến bệnh viện thăm Hòa Thượng Chí Tín, ban đêm, Ngài về Già Lam nghỉ.

Cứ mỗi khuya đến giờ chư Tăng lạy Phật hay tụng chú Lăng nghiêm, Ôn từng bước từng bước nhẹ thiền hành từ Tổ đường ra Chánh điện. Tuổi Ngài đã gần bát tuần nên cặp mắt không còn sáng như xưa nhưng Ngài vẫn thấy biết rõ những ai lạy Phật, những ai tụng kinh. Có một câu chuyện cũng khá vui là buổi sáng đó Ôn chuẩn bị về lại Nha Trang thì tôi theo Ôn lên phòng Thầy trụ trì để Ôn chào về, sau khi chào xong, trên đường đi xuống cầu thang thì Ôn và tôi gặp một chú điệu. Ôn hỏi tôi: *“Có phải đây là điệu ở chùa Già Lam không?”*, tôi đáp: *“Bạch Ôn, dạ phải.”* Ôn liền chỉ mặt chú điệu và nói rằng: *“Tôi ở đây đã hơn một tháng nhưng chỉ thấy điệu tụng kinh được hai buổi công phu khuya thôi đấy”*. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ biết rằng Ôn đã tinh vi, đã quan tâm đến sự sinh hoạt của chúng đến mức nào. Qua đó, tôi đã chứng nghiệm được sự chăm lo cho đời sống Tăng chúng của Ôn khi Ôn còn giữ chức vụ Giám học tại Phật học viện Hải Đức Nha Trang.

Sáng hôm Ôn về lại Nha Trang, tôi cùng thầy Tâm Tịnh lên Tổ đường để thăm viếng. Sau khi thăm viếng xong, chào Ôn để về lại phòng, tôi được Ôn vỗ vào vai và bảo: *“Thôi, tôi biết rồi đó, Thánh Trí cố gắng tu tập”*. Ôi! Câu nói ấy của Ôn đã làm cho tôi hạnh phúc vô cùng và tôi đã cảm nhận được sức mạnh

của phước báo mà mình đang có. Tuy câu nói đơn giản, nhẹ nhàng nhưng đấy chính là kim chỉ nam, là tư lương để sách tấn tôi trên bước đường tu học. Và hơn bao giờ hết, đối với tôi, câu nói ấy là khuôn vàng thước ngọc mà Ngài đã ẩn chứng cho tôi.

Lần húy nhật năm nay, Hòa Thượng cũng vào trước vài ngày nhưng Ngày Về Cội, Ôn đã không đi nhiều tháp Cổ Hòa Thượng Già Lam được vì sức khỏe của Ngài hơi thuyên giảm. Và đấy cũng chính là lần cuối cùng, Ôn vĩnh viễn không còn đi nhiều tháp Cổ Hòa Thượng Già Lam nữa.

Trở về Nha Trang vài ngày, sau lễ húy nhật Cổ Hòa Thượng Già Lam, Ôn lại phải trở vào Sài Gòn để nhập viện. Chiều hôm đó chúng tôi đến thăm Ôn liền và Ôn cười, nói rằng: *“Mấy Thầy đừng lo, tôi chưa chết đâu”*. Với hình ảnh đơn sơ giản dị, với lời nói chất phác chân tình của Ôn đã làm cho tôi cảm thấy an ổn hơn khi phải lo ngại về bệnh duyên của Ngài.

Những tướng bệnh tình của Ôn sớm hồi phục để trụ thế lâu dài ngỏ hầu làm lợi lạc quần sanh, nào ngờ thuận thế vô thường, Ngài đã vĩnh viễn ra đi:

*Ra đi đi mãi không về,
Để hàng tứ chúng ngẩn ngơ lệ sầu.*

Kính bạch giác linh Ôn!

Xuất thân từ chốn Tổ Thiên Lâm, Người đã trở thành bậc pháp khí của đại thừa, bậc long tượng của thiền môn. Cuộc đời hành đạo của Người đã bao trùm hết ý nghĩa: *“Tổ ẩn trùng quang, rừng thiền hoa nở, hương giới bay xa”*. Để rồi từ đấy, tấm gương đức hạnh ấy tung bay khắp nơi trong lòng nhân thế như Pháp cú diễn tả: *“Hương các loài hoa thơm, không bay ngược chiều*

gió; chỉ hương người đức hạnh, ngược gió bay muôn phương”.

Ôn đã ra đi vào cõi vô trần ly cấu, vô tung bất diệt nhưng hình ảnh của Ôn vẫn còn in mãi trong tâm thức của chúng con. Thật là:

*Bí thảo điêu tàn du vị tử,
Đàm hoa lạc khứ hữu dư hương*.*

Kính bạch giác linh Ôn!

Chúng con vẫn biết: “Sắc tướng vốn không, mượn cảnh huyễn độ người như huyễn; tử sanh nào có, nương thuyền từ vượt kẻ trầm luân”. Nhưng làm sao chúng con tránh khỏi sự bàng hoàng thốn thức, vì từ đây, chúng con vĩnh viễn không còn nhìn thấy hình ảnh của bậc Thầy khả kính nữa. Long Sơn, Thiền Lâm còn đó; Già Lam còn đây nhưng hình bóng của Tôn sư đâu còn. Đau xót từ đây nổi bơ vơ chiều vắng lạnh, nào thiền sàng đâu nữa bậc cao minh! Than ôi, giờ này:

Trăng Lãng già im bóng, Mây Linh Thúu ngừng trôi, Bát Nhã thuyền rời bến, Hương sen tỏa ngát miền.

Những ngày hè đã đi qua, tiết trời chuyển sang thu mát mẻ, vật êm đềm u tịch, những chiếc lá vàng theo từng cơn gió thổi, vài cánh chim lạc đàn bay lượn trên bầu trời xanh... , mùa Vu lan báo hiếu lại về với người con Phật. Hòa quyện vào không khí chung của mùa hiếu hạnh ấy, con mạo muội viết lên những kỷ niệm về lời dạy của Ôn.

* Tạm dịch: Cỏ Bí (Bí-sô, Tỳ-kheo) dấu tàn nhưng chẳng mất, hoa đàm tuy rụng vẫn còn hương.

Ngưỡng mong Ôn thù từ chúng giám cho con. Với lời dạy ấy, con nguyện khắc cốt ghi tâm để tiến tu đạo nghiệp hầu báo đáp thâm ân trong muôn một.

Thích Thánh Trí

NGƯỜI MẤT... BÀI HỌC SỐNG ĐỘNG VẪN CÒN ĐÂY

THÍCH NHẬT HIẾU

Ngưỡng bạch Giác linh Ôn,
*“Dẫu biết rằng sinh ký, tử quy; Pháp hữu vi duyên sinh tan
hợp.”*

Thế nhưng, chúng con vẫn không khỏi chạnh lòng nước mắt chảy ngược dòng, khóc thương tiễn biệt Ôn. Ôn ra đi trong lúc đệ tử chúng con còn thơ dại, chưa trưởng thành trên nẻo đạo và đường đời. Nhưng bù lại những ngày được gần gũi bên Ôn, chúng con học hỏi được nhiều điều, từ bài học thân giáo đến bài học khẩu giáo do Ôn truyền trao. Cuộc đời Ôn quả là một bài học vô tận cho đàn hậu học chúng con noi bước.

Ngưỡng bạch Giác linh Ôn,

Chúng con đã từng nghe Ôn dạy: *“Công việc của Thầy tu có gì khác hơn là học tập giáo pháp, tu hành giáo pháp và rao giảng giáo pháp. Muốn vậy phải dùi mài kinh sử chữ nghĩa, trau dồi phẩm hạnh*

giới đức. Nên biết, giáo dục đời vốn ‘Dĩ văn tải đạo’. Không tu học thì không thể tự độ cũng như độ tha. Nhưng công việc này còn khó hơn mò kim đáy bể, đãi cát tìm vàng. Nếu không có ý chí thì không thể nào thực hiện”. Hầu hết các tác phẩm của các tác giả có thẩm quyền học thuật, Ôn đều đọc, trong khi đọc ghi chú chi li. Ôn nhận xét: “Thầy N quá giỏi nên việc trước tác cũng như dịch thuật không ai đủ tư cách để chứng nghĩa, rà soát lại giúp Thầy, nên khi ấn hành mắc phải nhiều sai sót. Ngay cả Thầy M, được thiên hạ suy tôn là nhà Văn bản học (Textology), tôi vẫn thấy xuất hiện lỗi văn bản, nhưng không đáng kể, như: khi bình về kệ Thị tịch của Vạn Hạnh thiền sư, Thầy lại cho rằng, Bài kệ Thị Tịch này gồm 4 câu và 28 chữ... Lấy đầu ra ‘4 câu và 28 chữ’ trong một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt. Thật ra, 4 câu gồm có 28 chữ, cũng như 28 chữ này nằm trọn trong 4 câu”. Từ đó, Ôn đưa ra nhận định, có các lý do để sai sót: một, do ngẫu hứng văn chương, nên bàn tay không theo kịp khối óc; hai, do tư kiến chủ quan; ba, do trong quá trình kỹ thuật xử lý khuôn in. Nói chung, sản phẩm chữ nghĩa phải xem như đứa con tinh thần của người trước tác, phải được cư mang đúng mức về chiều sâu của chất sống nội tâm, cũng như chiều rộng của tri thức uyên bác. Có như thế mới trở thành tác phẩm có giá trị vượt thời gian.

Ôn nhận xét: “Quá thật là khó, nhưng không có sự khó khăn nào ở đời mà người ta không thực hiện được, chỉ có đủ ý chí không thôi”. Ôn khích lệ: “Bỉ ký trượng phu ngã diệc nhi”. Thật vậy, với sự khích lệ ấy đã là nguồn động viên hiệu quả vô cùng. Nhiều Tăng Ni sinh chỉ mới ở trình độ Trung cấp mà cũng đã làm quen với công việc trước tác dịch thuật. Một số đã và đang đi vào con đường chuyên môn. Cũng vì lý do này mà mái trường

Trung cấp PHKH đã được chư Tôn đức khắp mọi miền đất nước gởi gắm niềm tin, cho đệ tử mình đến thọ học. Kết quả ấy, ngày nay đã được dư luận giới học giả chuyên môn đánh giá cao về Ban Dịch Thuật Khánh Hòa trong các tập san báo cáo khoa học hiện tại.

Ở công việc mò kim đáy bể này, thật sự đã phản ánh trọn vẹn đức tính kiên nhẫn của Ôn. Từ công tác chữ nghĩa, cũng như việc thừa thượng tiếp hạ. Qua bàn tay diu dặt của Ôn đã giúp nhiều thế hệ trưởng thành và đang kế thừa dần sự nghiệp của tiền nhân trong việc truyền thừa Phật pháp xuyên qua giáo dục đào tạo.

Từ ý nghĩa trên, Ôn dạy, Thầy tu không có sự nghiệp gì hơn ngoài “tuệ nghiệp”. Sự nghiệp ấy chính là *“học hành, tu tập và phụng sự”*. Làm việc phải tận lực hết sức, phải cân nhắc hết sức, nhằm phát huy tối đa hiệu quả và hạn chế tối đa sai sót; nhất là không cho phép một nhà giáo dục Phật pháp bất cẩn ở tư cách ứng xử, cũng như sai sót ở tri thức truyền trao. Ôn dạy: “Hành thử thời, tri thử sự” (Làm việc gì khắc ghi việc ấy).

Không những uyên bác về chữ nghĩa mà cả về cuộc sống sinh hoạt của Ôn chuẩn mực như một chiếc đồng hồ điện tử đã được lập trình sẵn giờ giấc. Ôn khẳng định: *“Với tôi, giờ là giờ; trước một phút không phải là giờ, sau một phút không phải là giờ. Giờ nào việc đó; vật nào là chỗ đó”*. Thật sự, một con người hết sức chi li mẫn mực. Nhưng không vì thế mà trở thành người khó gần. Ôn từng nói: *“Nước trong không có cá. Thầy khó không nuôi được đệ tử. Hãy dễ dãi với người và nghiêm túc với mình”*. Nhiều lúc, chúng con cảm thấy lúng túng trong việc hành xử, gặp Ôn

tâm sự. Ôn dạy: “Kiếm đâu ra một Niết-bàn ở ngoài trần thế. Ông không từng nghe, cõi này là thế giới của phàm thánh đồng cư sao? Có gì phải bất mãn. Nhẫn khổ hạnh bậc nhất. Chịu khó ở với chúng; mình giúp người, người giúp mình, trợ duyên cho nhau. Không gì hạnh phúc và phước báo hơn là phục vụ cho chúng tăng và chịu đựng được chúng tăng. Dù có nhiều điều bất như ý, nhưng cũng phải hòa hợp với chúng, vì ‘tăng ly chúng tăng tàn’”.

Điểm đáng nhớ, phương pháp truyền đạt của Ôn thường dùng cách ngôn ngắn gọn và đôi khi có pha chút dí dỏm, nhưng mang lại ấn tượng sâu sắc cho người nghe, dễ hiểu và dễ nhớ. Mùa hè năm 1994, một chú tiểu mượn xe gắn máy tập đi, đụng một anh thanh niên gãy chân. Nhân đó, Ôn dạy: “*Cơ giã nguy dã*” (cơ giới có tính nguy hiểm). Người đụng người chỉ u đầu, nhưng xe đụng người thì gãy chân.

Nhớ đến Ôn, nhớ đến những lời dạy sống động như còn vang vọng đâu đây. Những lời dạy như vậy còn nhiều và nhiều lắm; mỗi ngày mỗi chuyện, không bút mực nào diễn tả hết, và cũng không sao diễn tả nổi những giai thoại vượt ngoài ngôn ngữ tư duy thông thường, mang tính “*ý tại ngôn ngoại*”. Một Thầy vì không hiểu thuật ngữ Phật học, khi đánh máy kinh văn, hiểu nhầm nên sửa, rồi khoe, kinh có nhiều lỗi con đã sửa rồi. Xem xong, Ôn thản nhiên đáp, ông thuộc hạng người kì đến nỗi “*ché rơm bó trấu*”! Quả thật, một bậc Thầy lão luyện trong lãnh vực ứng đối cũng như vận dụng chữ nghĩa. Khi xưa Ôn dạy Kinh Bách dục, những mẫu chuyện ngụ ngôn Phật giáo kể về cái gốc nghềch, về người ngu. Những câu chuyện ngộ nghĩnh cộng thêm tính hóm hỉnh hài hước, Ôn đã cho Tăng Ni sinh những trận cười ra nước mắt.

Ngũỡng bạch Giác linh Ôn,

Ôn dạy, thế gian là vô thường huyễn mộng, là duyên sinh vô ngã, là “*hòa hợp giả-tương tục giả*”, là chợt đến rồi chợt đi. Cuộc đời của Ôn cũng chính là hiện thân của chân lý ấy, chân lý của vô thường thị thường, và cũng là chân lý của Pháp thân thường trụ. Chân lý của cái mất cái còn đan chéo gọi nhớ ngùi thương. Còn đâu, hình ảnh cặm cùi sớm hôm bên án sách dịch kinh, chứng nghĩa... còn đâu những buổi giáo giới chúng Tăng đầy sống động... còn đâu những câu chuyện ngụ ngôn dí dỏm đầy tính giáo dục. Tất cả chỉ còn lại kí ức với cảnh cũ người xưa, để lại khoảng không gian xa mờ.

“*Dền Thiên thất châu đêm quạnh vắng,*

Án kinh buồn đơn tẻ bóng trăng;

Ôn giờ chính lý Tây quy,

Ngàn thu cách biệt, chia ly dậm trường.”

Ôn mất, bài học sống của Ôn còn đây. Gác kinh, án sách, bút nghiên... còn đó; nhưng giờ người đã về đâu? Về với bản thể y nguyên, về với chân như thường tại, hay về lại với chúng con cùng chúng sinh trong ứng thân thị hiện muôn vạn nhiệm mầu để thực hiện bao bản hoài giáo thế độ nhân?

Thành kính đánh lễ tiễn biệt Giác linh Ôn.

Cẩn bái

Đệ Tử Thích Nhật Hiếu



THẦY ĐỒNG MINH NGƯỜI MẸ HIỀN

THÍCH PHƯỚC TÚ

Kính bạch Giác linh Thầy!
Đáng lẽ ra con phải xưng Thầy là Ôn hay là Giác Linh
Hòa Thượng nhưng con cảm thấy quá xa lạ nên con
xin mạo muội được gọi là Thầy.

Kính Giác linh Thầy!

Nếu cố Trưởng Lão Hòa Thượng ân sư Thích Trí Thủ là
người cha sinh ra bao thế hệ Tăng Ni truyền thừa mạng mạch
Như Lai;

Cố Trưởng lão Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm và cố Trưởng
lão Hòa Thượng Bốn sư Thích Thiện Siêu là những vị Thầy
đem giáo pháp giảng dạy cho Tăng chúng có được kiến thức về
đạo, về đời để dẫn dắt thế hệ kế tiếp;

Cố Giác linh Hòa Thượng Thích Trừng San là người trực tiếp
điều hành dẫn chúng tu tập, giúp cho Phật học viện Hải Đức
Nha Trang đào tạo nhiều thế hệ Giảng sư-Trú trì-Chánh đại
diện các tỉnh hội Phật giáo và Hiệu trưởng trường Bồ-Đề; thì
Thầy Đồng Minh là người Mẹ hiền, một nắng hai sương tạo

dựng kinh tế cho Tăng chúng tu học bằng việc làm mở ra hăng Vị Trai Lá Bồ Đề, Hương giải thoát và Đèn cây Giác Ngộ từ chùa Giác Sanh Sài Gòn đến Nha Trang.

“Có thực mới vực được đạo.”

Câu nói tuy đơn sơ, nhưng qua sinh hoạt của các tu viện, các Phật học viện, đặc biệt là tại Phật học viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang nơi chúng con tu học mới thấy được giá trị của câu nói ấy.

Trước Giác linh của Thầy, trong khung cảnh trang nghiêm, hương trầm quyện tỏa kim quan Thầy làm cho chúng con liên tưởng đến những năm 1964 đến 1968 thời kỳ cực thịnh của Phật học viện Nha Trang.

Hình ảnh của Thầy sáng đi chiều về trong việc điều hành hăng Vị Trai quanh năm suốt tháng để có tiền nuôi Tăng chúng, nhưng Thầy không bao giờ xao lãng những giờ lên lớp dạy dỗ chúng Tăng, những thời công phu bài sám, những buổi Quá Đường đầy ắp cúng. Càng nghĩ lại chúng con cảm thấy quá hạnh phúc và những kỷ niệm khó phai trong suốt cuộc đời khi ra làm việc Đạo, giờ thì Thầy đã ra đi.

*“Còn đâu nữa những ngày đầy hạnh phúc
Thầy bên trò, trò bên Thầy những lúc công phu
Giờ nằm đó trong kim quan lạnh lẽo
Lạnh vào hồn đẽ nát trái tim con”.*

Lắng Lòng Tưởng Niệm, Một Lạy Kính Dâng, Ngưỡng Mong Giác
Linh Thầy Thủy Từ Chứng Giám

Thích Phước Tú

VỊ TRÌ LUẬT CỦA THẾ HỆ THỨ HAI

THÍCH TÂM NHÂN

Sau khi ở bệnh viện Chợ Rẫy trở về, bệnh tình của Ôn mỗi lúc càng nặng, khi ấy nhiều vị Tôn túc lên thăm và thưa thỉnh Ôn viết lại tiểu sử của mình. Ôn mỉm cười lắc đầu, nói nhẹ nhẹ:

“Lúc Phật nhập diệt, Ngài có viết gì về mình đâu...”

Ôn đã khước từ tất cả thì có thích gì sự xưng tụng, do vậy mà học trò cũng tỏ lòng tôn kính đức khiêm cung của Ôn, không dám tự mình đặt tiêu đề cho bài viết, chỉ mượn cách gọi của bậc Tiên bối ghi trong Tự ngôn bản Việt dịch Tứ phần luật:

“... Tăng-già đang trên chiều hướng tục hóa, có nguy cơ trở thành một cộng đồng ô hợp tồn tại chỉ vì quyền lợi vật chất thế gian. Trên những lối đi đầy gai góc của rừng Thiền bấy giờ, vẫn luôn luôn ẩn hiện những dấu chân Long Tượng dẫn bước tìm lại lối mòn cổ đạo đồng thời thuận hướng với trào lưu lịch sử của đất nước và nhân loại. Đó là những bước đi tái khai phá, dò dẫm một cách thận trọng. Trong trào lưu lịch sử đó, Hòa Thượng là vị trí luật của thế hệ thứ

hai; thể hệ mà căn bản của cơ chế Tăng-già Việt Nam đã tương đối ổn định lần hồi.”

Ôn đã ra đi mãi mãi, không bao giờ viết gì về mình nhưng một đời trì giới, dịch luật, và đưa con thuyền Chánh pháp vượt qua bao lớp sóng phế hưng vẫn còn in đậm trong tư duy của những người học trò, đệ tử... Nhiều người đã viết về Ôn, viết rất nhiều, viết như minh chứng tâm nguyện Ôn còn thấp sáng cho nhiều thế hệ kế tục con đường Ôn đi.

Nhân kỷ niệm huý nhật lần thứ ba của Ôn (huý thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh, viên tịch ngày 11. 5. năm Ất Dậu-2005), học trò có đôi dòng tưởng niệm về Ôn.

Tôi là người học trò gặp Ôn vào một thời điểm muộn màng, tuổi đời Ôn đã xế chiều, lúc này Ôn như người “qui ẩn”, công việc hằng ngày chỉ là chứng nghĩa kinh, luật. Năm đó (năm 1996), tôi là Tăng sinh năm thứ ba trường Cơ bản Phật học Khánh Hòa (nay là trường Trung cấp), trong lòng thích dịch kinh mà ngần ngại mình còn nhỏ không dám nhận kinh để dịch, mới xin Ôn vào phụ đọc những bản kinh mà dịch giả đã dịch, tôi đọc Ôn dò chánh văn, cho quen cách dịch của người khác. Cứ mỗi chiều, từ 2 giờ đến 4 giờ, tôi đọc bản Việt, Ôn dò bản Hán. Lúc đó thầy Nguyên An là học Tăng cùng khoá với tôi cũng tham gia công việc như tôi. Mỗi tuần tôi đọc thứ ba, năm, bảy, thầy Nguyên An đọc thứ hai, tư, sáu. Làm được một thời gian thì thầy Tuệ Sỹ ra tù (năm 1998), về lại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang. Ôn quá vui mừng, vui mừng vì cứ ngỡ người học trò cũ của mình đã đi theo dòng định mệnh của lịch sử dân tộc, sẽ không bao giờ gặp nhau nữa; nay bất chợt hội

ngộ như thế, Ôn tạm gác việc đọc kinh lại, chiều chiều qua Hải Đức chuyện trò với thầy Tuệ Sỹ (thầy trò gặp nhau chỉ một thời gian, cho đến khi thầy Tuệ Sỹ vô hỷ Già-lam, Sài Gòn). Tôi đâu ngờ đó cũng chính là ngày mà tôi bắt đầu mò mẫm dịch thuật và theo phụ Ôn làm việc cho đến khi Ôn viên tịch. Không biết Ôn sợ chúng tôi lãng phí thời gian hay như thế nào, mà Ôn bảo thầy Tâm Hạnh đưa kinh cho tôi và Nguyễn An dịch. Ôn nói nửa đùa nửa thật:

“Người đời sợ bệnh SIDA, còn tui sợ mấy người tu ăn ở không lắm!”

Có thể đối với thiên tài “quê hương” của họ là thời gian, còn quan niệm của Ôn chắc nghĩ rằng sự nhàn rỗi dễ bị phóng tâm giải đãi, buông lung!

Gần 10 năm theo phụ tá, hầu cận bên Ôn, điểm lại nhiều khoảnh khắc khó quên, bao hoài niệm ưu tư bàng bạc, có nhiều chuyện muốn viết, nhưng viết về cuộc đời học luật, truyền giới, dạy luật của Ôn thật khó. Vì là đứa con út của thời đại, khi gặp được Ôn như gặp lại người cha đã già; nếu dôi lại bóng hình hành cước hoằng pháp một thời của Ôn thì chỉ có thể dựa vào vài tư liệu, hay lời tự thuật chính Ôn viết, in trong các tập Luật cáo bản do Ôn dịch. Song cũng thú vị là có lần nghe Ôn kể nhân duyên Ôn để tâm chuyên sâu nghiên cứu luật học.

Cứ mỗi chiều sau giờ cơm, Ôn nằm đu đưa đón gió trên chiếc võng trước phòng (ở dãy nhà Đông chùa Long sơn), thỉnh thoảng tôi lên ngồi chuyện vãn với Ôn. Câu chuyện bắt đầu như thế nào tôi không nhớ rõ lắm, bây giờ tôi kể lại chỉ là sự ráp nối mập mờ mới thành ý tứ. Ôn kể, lúc tác pháp yết-ma Bồ-

tát, hay tự tứ, an cư... hay buổi lễ gì đó liên quan đến luật, Ôn Trí Thủ làm mà Ôn thắc mắc không hiểu, sau đó Ôn hỏi lại, Ôn Trí Thủ giải thích. Ôn hiểu ra, hơi mắc cỡ, từ đó Ôn dặn lòng phải cần nghiên cứu thêm về luật.

Khi ấy trình độ học Phật, hiểu luật của tôi còn non nớt, như mấy cụ xưa hay nói *“Người ta ăn cơm đã ba đời trào (triều), còn ông thì ở ngoài rào mới vô...!”*, cho nên thuật ngữ về luật, Ôn Trí Thủ làm gì, hay tác pháp yết-ma thế nào, Ôn kể qua tôi đứng dậy như “trí tuệ đầu gối” rớt xuống hết, hoặc trả lại cho Ôn. Giờ viết lại chỉ nhớ mang máng như thế. Ôn còn kể, trước đó Ôn chuyên về Duy thức nhưng Duy thức là một bộ môn chế sợi tóc ra hàng ngàn, phức tạp, rối rắm nên Ôn bỏ và thích nghiên cứu luật hơn...

Sau này tôi tự ngẫm suy, chuyện tâm tình thầy trò thì Ôn kể vậy, ví như có đứa bé hỏi một vị thầy: Vì sao thầy đi tu? Vị thầy trả lời đơn giản cho nó dễ hiểu: À! thầy đi tu vì thầy thích đời sống trong chùa. Cứ để sau này nó lớn khôn, tìm hiểu Phật pháp, khắc nó tự biết: đằng sau sự *“thích đời sống trong chùa”* kia là những người đang tìm lẽ huyền vi tịch tĩnh an lạc, vượt ra ngoài sự bức bách thống khổ của kiếp nhân sinh...

Chuyện Ôn kể cũng thế, chỉ đúng một phần, một phần còn lại là bốn phận của một tỳ-kheo phải có trách nhiệm với sự thịnh suy của dòng họ Như Lai, và sự giải thoát của bản thân, bắt buộc phải học luật, hành trì luật. Như trong lời tựa bản Việt dịch luật Tỳ-kheo giới bốn sở nghĩa, Ôn ghi:

“Đời sống của người xuất gia nói riêng, của Tăng chúng nói chung là đời sống giới luật. Phi điều này ra không còn gì để đáng đề cập, dù

vẫn còn dưới hình thức: Tâm hành dị tục.”

Trong bài “Một thời truyền luật” (in trong Đặc san Về cội, PL. 2552–DL. 2009, Tu viện Quảng Hương Già-lam ấn tặng), thầy Tuệ Sỹ viết:

“Thế hệ thứ nhất được nói đó, trong Nam, là các Trưởng lão Hành Trụ và Thiện Hoa, ngoài Trung có Trưởng lão Đôn Hậu và Trí Thủ. Ngoài Bắc, tôi chỉ biết được Trưởng lão Bình Minh qua bản dịch Yết-ma chỉ nam mà thôi. Tuy nhiên, qua các câu chuyện kể của Trưởng lão Đức Nhuận, chùa Giác Minh Saigon, tôi biết thêm một ít về Tổ Tuệ Tạng, mà truyền thừa trực tiếp về luật là ngài Bình Minh miền Bắc và ngài Thiện Hòa miền Nam. Tổ là một trong các bậc Tôn Túc hàng đầu khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo.” Và chính thầy cũng viết trong lời tựa luật Tứ phần: *“Hòa Thượng (Ôn Đồng Minh) là vị trì luật của thế hệ thứ hai.”*

Vậy Ôn nối tiếp mạng mạch, kế thừa “thế hệ thứ nhất” ra sao? Theo lời Ôn ghi trong lời tựa bản luật Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu:

“Ngay sau khi thọ đại giới, phần giới bốn của bộ Luật tôi tiếp thu từ Bốn sư của tôi và chính đây là nền tảng mà thầy tôi đã thiết lập cho tôi.

Sáu năm sau, tôi đến Nha Trang, đến với Tăng Học Đường tại chùa Long Sơn, trụ sở Tỉnh hội Phật học Khánh Hòa. Tôi nhớ rõ năm ấy là năm 1953, và càng nhớ rõ hơn Hòa Thượng Giám Luật Thích Đôn Hậu từ Tổng Trị Sự Huế vào phụ trách dạy Luật cho trường hạ: Ngài dạy phần Giải thích và Tướng trạng của tỳ, những điểm căn bản của bộ Luật. Đây là dấu ấn đức hạnh như tên gọi của ngài đã đặt lên tôi nói riêng, cho quý thầy từ bốn tỉnh: Khánh Hòa,

Ninh Thuận, Bình Thuận và Đà Lạt Tuyên Đức nói chung về tu học tại Tăng Học đường trong mùa an cư năm đó.

Sau đó vài năm, cứ mỗi mùa an cư, tại Phật Học Viện Trung phần, chùa Hải Đức Nha Trang, Hòa Thượng Luật sư Thích Trí Thủ đều giảng dạy những vấn đề thiết yếu: Khai, Giá, Trì, Phạm của bộ Luật cho quý thầy sau những ngày hoằng hóa khắp nơi quy tụ về an cư tu học, cũng như cho anh em học Tăng đang học tập tại Phật Học Viện. Có đến 20 mùa an cư, tại trú xứ này, tôi được gần gũi ngài Hòa Thượng Giám viện Thích Trí Thủ để tiếp thu những điều Tác-Trì và kiến thức Luật học của ngài.

Kiến thức sâu rộng về Luật học là một lẽ, còn việc vận dụng vào đời sống thực tế vào việc hành trì là một lẽ khác, nhất là về mặt kiết giới và trị phạm, cần có sự linh hoạt và thực tiễn để Luật học không trở thành cứng nhắc. Do vậy, cần có sự vận dụng uyển chuyển theo sự phát triển của xã hội, song vẫn bảo đảm đúng pháp, đúng luật, đúng như lời Phật dạy. Nói khác hơn, phải nắm thật chắc mọi tinh hoa đã được tập thành trong Luật tạng để việc áp dụng không rơi vào lệch lạc và sự hành trì không vướng bận chi ly.

Ngài Hòa Thượng Luật sư Thích Thiện Hòa đã tập thành được những tinh hoa ấy... Tôi đã trực tiếp học ở ngài các vấn đề quan yếu về Tác-Trì. Ngài đã chỉ ra tính cách sâu sắc của Luật học mà đằng sau nó là sự giải thoát, điều sau cùng của một Tỳ-kheo phải đạt được.

(...)

Tôi cũng được sự chỉ định của Hòa Thượng Thích Trí Thủ vào Sài Gòn dạy Luật cho lớp Cao Đẳng chuyên khoa tại Quảng Hương Già-Lam, cũng như tại Phật học Vạn Hạnh trong hai mùa an cư 1982 và 1983.

Còn tại trú xứ chùa Long Sơn, Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa, tôi được sự giao phó của Hòa Thượng Giám Luật Thích Trí Nghiêm giảng giải đến các đề tài về Luật học sau những lần chúng Tăng tập hợp Bố-tát. Cũng tại trú xứ này, qua suốt các mùa an cư của thập kỷ 80 cho đến tận hôm nay, tôi đảm trách thuyết trình các vấn đề chuyên biệt của giới luật, sự vận dụng và hành trì trước Tăng, Ni thuộc thành phố Nha Trang...”

Gần như cả một đời học tập, nghiên cứu và hoằng truyền luật tạng của Ôn đã được cô đọng trong lời tựa trên. Có lẽ Ôn đã thể hiện phần nào trong vai trò “*vị tri luật của thế hệ thứ hai*” – tương tục thấp sáng ngọn đèn của “*thế hệ thứ nhất*”.

Hạnh nguyện và tâm huyết của Ôn chưa dừng hẳn lại đó, trong lời tựa các bản luật cảo bản khác Ôn còn viết: Sau năm 1975, Ôn tự thấy đã mãn nguyện suốt chặn đường dài 20 năm đóng góp được nhiều lợi ích cho Phật pháp, sau đó giải thể cơ sở sản xuất cang thuận duyên cho Ôn thực hiện hoài bão dịch thuật Luật tạng.

Năm 1987, Ôn bắt đầu dịch luật. Bộ đầu tiên Ôn dịch là Tỳ-kheo giới bốn sở nghĩa (Sa-môn Truyền Nghiêm tập thuật, 2 quyển). (Bộ luật này do Kỳ túc Luật sư Hòa Thượng Thích Phúc Hộ trao tặng Ôn, lúc Ôn dạy luật cho các tân Tỳ-kheo nhân mùa an cư 1964, tại Phật học viện Hải Đức, Nha Trang). Sau đó, Ôn trình tự dịch tiếp: *Trùng trị tỳ-ni sự nghĩa tập yếu* (19 quyển, bản Biệt hành), *Sa-môn Trí Húc biên soạn; Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tỳ-nại-da* (50 quyển); *Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ Bí-sô-ni tỳ-nại-da* (20 quyển); *Tứ phần luật* (60 quyển); *Di-sa-tắc bộ hòa hê ngũ phần luật* (30 quyển). Ôn còn

dịch thuộc lòng bộ *Luật tiểu* (04 quyển) ra văn vần trong thời gian bị quản chế tại Nha Trang, và soạn thêm *Nghi thức truyền giới*.

Nhìn lại quãng đời của Ôn làm tôi nhớ câu “danh ngôn” mà Ôn thường dạy cho Tăng, ni: “*Nhỏ học chết bỏ, lớn làm việc chết bỏ, già tu chết bỏ*”, hay “*Không có việc gì khó chỉ làm Phật mới khó*”. Ôn nói không có gì văn chương, triết lý, thật mộc mạc bình dị, nhưng nó hàm tàng cả một ý chí sắt đá, một nghị lực phi thường, nó kết tinh qua nẻo đường đầy gian truân thử thách, bao thăng trầm biến dịch trong cuộc đời Ôn. Tuy nhiên cái đáng nói ở đây là sống cho đúng với tinh thần giới luật mới khó, và giữ giới thanh tịnh đến trọn đời càng khó hơn (“*Giới thọ hữu hà nan, nan dã chung thân trì tịnh giới*”—thọ giới có gì khó, cái khó là giữ được tịnh giới trọn đời). Cái khó mà Ôn làm được thì nó trở thành cái dễ, nên Ôn mới dám nói như vậy. Có một vị Tôn túc như chứng nhân cùng thời với Ôn, viết lời cảm niệm về Ôn: “*Ai cũng biết giới luật là nền tảng của Phật pháp, là nhân tố đưa đến giải thoát, nhưng nghiêm trì giới luật tinh chuyên, suốt đời không tỳ vết, thì quả thật không phải là dễ. Vậy mà cuộc đời của Thầy hình như trôi đi suôn sẻ, tĩnh lặng như mặt nước hồ thu. (...) Rồi những nội dung Luật học như khai giá trị phạm, danh chứng tánh tướng, ngũ thiên thất tụ... dần dần được huân tập, biến thành huyết quản của Thầy lúc nào không biết. Có lẽ chính những tinh hoa của giới luật là dưỡng chất đã nuôi lớn pháp thân tuệ mạng của Thầy. Cho nên càng phiên dịch Luật tạng, Thầy càng hưởng được nhiều pháp lạc. (...) Vì vậy mà thành phố Nha Trang đã có lúc trở thành trung tâm truyền bá Luật học cho cả nước, ai có nghi ngờ điểm nào trong giới luật đều có thể về đây tham vấn.*” (Hòa Thượng.

Thích Phước Sơn viết trong bài “Ấn hoại văn thành” [khuôn in hoại rồi, nét đẹp hiển lộ], đăng trên báo Giác ngộ và đặc san Về cõi, PL. 2552).

Lúc Ôn còn sinh tiền, nhiều người đến hỏi về luật thì có, nhưng tôi chỉ nhớ một chuyện do Ôn kể lại:

Có một Phật tử ở nước ngoài về, ghé thăm Ôn rồi hỏi:

– Thưa Hoà thượng, sao con thấy mấy sư miền dưới lại hút thuốc, ăn trâu?

Ôn cười nói:

– Trong luật Phật chế thế này, (Ôn đọc âm Hán) “*Tuy thị ngã sở chế nhi ư dư phương bất dĩ vi thanh tịnh giả, giai bất ứng dụng. Tuy phi ngã sở chế nhi ư dư phương tất ứng hành giả giai bất đắc bất hành.*” (Ôn giải thích)–Tuy là điều chính Ta chế cấm, mà nơi khác không cho đó là thanh tịnh, đều không nên dùng. Và tuy chẳng phải là điều chính Ta chế cấm, mà nơi khác thấy cần nên làm, thì không thể không làm. Do đó, mấy ông sư kia sống theo tập tục, văn hoá, truyền thống địa phương, mấy ống mà không ăn trâu, không hút thuốc là không phải mấy ông sư.”

Ôn nói:

– Tui giải thích xong, bà Phật tử đó khoái quá, lấy ra một ít tịnh tài cúng dường cho tui in kinh.

Ôn cười hà... hà... Ôn vừa cười vừa nói:

– Biết luật cũng “lợi hại” thiệt!

Nguyên văn trong luật, sau này Ôn viết cho tôi ghi lại, và tôi tìm được trong luật Ngũ phần quyển 22, tạng Đại chánh tập 22, số 1421, trang 153a14.

Trước khi Ôn lâm trọng bệnh, vào mùa an cư Phật lịch 2548 (năm 2004), Ôn dựa vào tập Yết-ma yếu chỉ (Hòa Thượng. Thích Trí Thủ giảng thuật) soạn ra nghi thọ Y Ca-thi-na (y công đức), khởi xướng lại Lễ dâng y vào ngày 15 tháng 7 m lịch, nhân dịp mùa an cư viên mãn. Vì Ôn nghỉ lâu nay hệ phái Phật giáo Bắc phương ở một số tỉnh thành tại Việt Nam không thấy tổ chức buổi lễ này. Riêng hệ phái Khất sĩ và Phật giáo Nam phương tại Việt Nam có tổ chức đều đặn sau mùa an cư theo truyền thống riêng. Năm đó, buổi lễ diễn ra tại chánh điện chùa Long Sơn Nha Trang thật linh thiêng và trang nghiêm. Phật tử vân tập về rất đông. Rất tiếc Ôn chỉ dự được một lần, lần đó đã để lại điểm son cuối cùng trong sự nghiệp hoằng truyền luật học của Ôn. Năm sau, năm 2005, thầy Tuệ Sỹ cũng dựa vào nghi thức của Ôn, tổ chức tại chùa Quảng Hương Già-lam cho đến nay.

Trong những ngày bệnh tình nguy kịch, sức khỏe càng yếu dần, thời gian sự sống đang đi giật lùi, vậy mà Ôn vẫn điềm nhiên; Ôn dạy tôi ra thư viện trường Trung cấp tìm lại bộ “*Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết-ma huyền ty sao*” (bản Hán chép tay) và tập “Hoằng giới đại học chi thư” (bản Hán in gỗ) (những sách này do trước đây Ôn tặng cho thư viện), mỗi loại photo thành ba, tặng cho thư viện trường 1 bộ, thư viện Ban phiên dịch 1 bộ và cho thầy Minh Thông 1 bộ, còn bộ gốc để lưu.

Ôn nói tâm nguyện của mình là muốn dịch tiếp bộ “*Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết-ma huyền ty sao*”, nhưng gặp phải bệnh duyên không dịch được, thôi để hậu thế làm.

Không biết sau này hậu thế có ai dịch hay không thì chưa biết

được, song chúng ta nên hiểu rằng: bản hoài của chư Tổ thuộc thế hệ thứ nhất, hay Ôn là thế hệ thứ hai có nói gì, hay không nói gì trước giờ phút cuối vẫn là tâm truyền:

“Giới luật là thọ mạng của Tăng-già. Giới luật còn thì Phật pháp còn.”

Chùa Long Sơn, Nha Trang, mùa An cư PL. 2554–DL. 2010.

Thành kính cẩn niệm

Thích Tâm Nhãn



THẦY

PHÚC CHÂU

Chỉ một từ “Thầy” thôi cũng hiện ra đầy đủ trong tâm trí nhỏ nhoi của tôi tất cả về những ngôn từ, hình dáng, đạo tình về bậc Thầy khả kính.

Lần đầu tiên gặp Thầy, tôi đã chết khiếp vì sợ, bởi dáng vẻ uy nghiêm của Thầy. Hồi đó Thầy được mệnh danh là “Kỷ luật sắt”. Ai đi học trễ tự động ngồi xuống đất (không được ngồi vào ghế), không cần biện minh, vì Thầy thường bảo: “*Mọi việc đều có lý do*”. Và Thầy đã từng phát nguyện: “*Đánh diệu cúng dường chư Phật*”. Vốn là người nhút nhát, làm sao tôi không sợ Thầy cho được? Tôi đâu biết rằng Thầy chỉ dơ cao nhưng đánh khẽ.

Thời gian dần trôi, tôi đã bớt “sợ” Thầy phần nào, vì trong hình tướng bên ngoài tưởng như lạnh lùng, như xa cách ấy lại ẩn chứa tấm lòng bao dung đôn hậu, nhân ái vị tha. Từ môn Luật học dường như “khô khan” khó học, được Thầy truyền đạt một cách linh động bằng những lời giản dị pha chút dí dỏm. Nào là Chỉ trì-Tác phạm, nào là Tánh giới-Giá giới... tất cả đều “*tùy chúng sanh tâm ứng sở tri lượng*”... nhờ sự dạy dỗ của

Thầy đã làm cho những người nghe tiếp nhận thật dễ chịu với tâm lý an vui nhưng biết ý thức sâu lắng về các giới điều Phật dạy, về giá trị siêu việt của giới. Vì *“Giới chính là bước thang đầu của đạo quả Giáo Ngộ, là nền tảng của thiền định trí tuệ, là ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân, là phao nổi để đưa người qua biển khổ sanh tử, là kho tàng vô lượng công đức”*. Ngoài ra, những gút mắc về giới luật trong đời sống tu tập của chúng Tăng, được Thầy tháo gỡ và giải quyết đầy đủ cả lý lẫn tình. Thầy thường dạy: *“Phật Pháp bất định pháp”*. Thế nên, chúng ta phải biết vận dụng một cách uyển chuyển, không nên cứng ngắt và cố chấp.

Thầy như người cha nghiêm khắc nhưng đầy lòng yêu thương và tha thứ. Thầy như những chuyến đò chuyên chở biết bao người qua sông và cứu vớt bao người trôi nổi nơi dòng đời chày xiết-trong đó có tôi.

Tôi vẫn còn giữ quyển tập đầu tiên, khi mới chập chững dịch thuật cách đây tám năm. Thầy chứng nghĩa và sửa những lỗi sai nơi bản dịch, sau đó Thầy bao bì quyển tập cẩn thận bằng miếng giấy gói quà hơi cũ rồi trao lại cho tôi. Đến quyển tập thứ hai, Thầy lại tự tay điền vào khung nhãn được in sẵn: trường, lớp, tập và học tên cho tôi bằng nét chữ nghiêng nghiêng. Thật bình dị, mộc mạc nhưng xúc cảm biết bao! Khi Thầy tóc bạc lại ngồi cặm cụi bao tập, ghi nhãn cho học trò. Có lẽ Thầy đã hiểu rõ tính trò hơn cả trò hiểu chính mình. Và không chỉ riêng tôi mà tất cả những ai được gần Thầy, điều được Thầy san sẻ cho vị ngọt của giáo Pháp, bằng quá trình tu tập và kinh nghiệm tự thân mà không cần một điều kiện đối đãi nào.

Có lần bất chợt Thầy đọc lại một bản kinh tôi dịch đã được kiểm tra rồi. Bản kinh bị dịch thiếu đến 22 dòng trong Đại Tạng. Thầy gọi tôi đến bảo: “*Lâu nay tưởng chú mày có tính cẩn thận đáng tin, chút ai ngờ... mất uy tín quá*”. Thầy cười độ lượng, còn tôi thì xấu hổ cười mếu! Khi tôi xao lãng việc dịch thuật, Thầy hỏi và tôi trình bày lý do. Thầy không rầy nhưng phán một câu chắc nịch: “*Bá nghệ bá tri thị vi bá láp*”.

Thầy thường tuyên bố: “*Còn nhỏ học chết bỏ, lớn lên làm việc chết bỏ, về già tu chết bỏ*”. Thật ra (theo tôi nghĩ) Thầy nói vậy để khuyến khích những Tăng Ni trẻ, chứ riêng Thầy có lẽ ba phân đoạn thời gian ấy là một. Bằng chứng là bây giờ đã “*cổ lai hy*” rồi mà Thầy vẫn chẳng còn ngồi làm việc hằng giờ bên án thư đó sao? Thầy mãi mãi là ông lái đò đưa người qua sông không bao giờ than mỏi mệt. Thầy có nhiều chức danh lớn trong cuộc sống đời thường, song không là gì cả đối với Thầy, bằng cuộc sống luôn đạm bạc giản đơn trong phạm hạnh, giản đơn đến độ hơn 20 năm Thầy chưa từng thay một đôi dép mới.

Biết dùng ngôn từ nào cho đủ để chuyển chở nỗi lòng Thầy thao thức cho đàn con mai sau trong ngôi nhà đạo pháp? Đàn hậu tấn chúng tôi biết nói sao cho cùng, bởi ý tưởng quá ít ỏi nghèo nàn mà cuộc đời tu tập và hành đạo của Thầy lại quá minh mông. Riêng tôi, chỉ một tiếng Thầy cũng đủ nói lên tất cả, dấu không thể diễn đạt bằng lời.

Phúc Châu (Kim Quang)

TÂM TÌNH CHIM SẾ

PHÚC CHÂU

Như thường lệ, đàn chim sế mỗi sáng bay sà xuống sân chùa để mổ những mẩu bánh vụn hay gạo, do một vị Sư già vãi cho. Có lẽ vị Sư này già lắm—sế nghỉ. Hàng chân mày Sư rất dài nhưng bạc trắng, lưng hơi còng với dáng đi chậm. Dầu vậy, Sư có đôi mắt sáng và nụ cười phúc hậu, nên đàn sế không sợ bị Sư xua đuổi.

Đàn sế ăn no, bay lên mấy cây hoa sứ trước sân hay mấy khóm trúc sau hiên chùa ríu ra, ríu rít vừa lúc mặt trời lên cao. Có một chim sế nhóc nhất đàn—chỉ bằng quả cau nho nhỏ—là không nhập bọn cùng các bạn. Sế bay vòng qua hết mấy khóm trúc xanh, đậu trên mái hiên chùa, chiếc đầu nhỏ nghiêng qua nghiêng lại. Chẳng phải sế kiếm mồi mà sế đang nhìn một vị Sư hơi giống vị Sư già thường cho bọn sế ăn, có điều vị Sư già này mặc đồ vàng và trông có vẻ khỏe mạnh hơn.

Ngày qua ngày, dầu mưa hay nắng, những khi mưa, đàn sế không bay ra trời mà đứng co ro dưới mái ngói hiên chùa. Cứ sau thời chuông sáng một lúc là sẽ thấy vị Sư áo vàng này hai tay buông thõng, thông thả đi bộ một vòng lên Kim Thân, rồi

vòng qua chùa trở về ngồi uống trà, đàm đạo cùng các Sư. Sau đó, Sư ngồi vào bàn cùng những trang kinh trước mặt.

Ngày nào cũng vậy, đều đặn, đúng giờ không thay đổi, vị Sư miệt mài bên trang chữ. Và, nếu có một chút nghỉ ngơi, sẽ lại thấy Sư tay lần chuỗi hạt trên chiếc xích đu cũ kỹ.

Đàn sẽ quen tiếng chuông chùa, quen tiếng mõ kệ kinh, quen với những thức ăn của vị Sư già ban cho. Riêng sẽ nhóc còn có thói quen là đứng nhìn Sư áo vàng bên hiên chùa đọc sách, niệm Phật. Đôi chân bé xíu nhẹ nhàng của sẽ nhảy qua lại trên sân gần chỗ Sư ngồi, hay đậu trên giá xích đu lúc Sư niệm Phật—Trông Sư bình thản giữa bốn ba xao động chung quanh—Sư chỉ chăm lo phận sự của Sư đối với đức Phật, với những gì cần thiết của con người.

Rồi một hôm, sẽ không thấy vị Sư áo vàng ngồi xem Kinh nữa—Sư bệnh rồi.

Vị Sư già chống gậy qua thăm và có rất nhiều Sư đến thăm Sư nữa. Có hôm vị Sư già ngồi suy tư gì lung lăm quên cho sẽ thức ăn, sẽ nhóc và các bạn phải bay vòng vòng để kiếm mồi.

Đêm qua, sẽ nghe tiếng niệm Phật vang lên khắp cả một góc trời. Thì ra vị Sư đọc sách của sẽ đã ra đi không trở lại—sẽ nghe nói vậy.

Buổi chiều tiễn Sư vào quan, trời bỗng đổ mưa giữa lúc thời tiết nắng nóng, làm sẽ bị ướt lạnh run trong lúc đứng ngẩn ngơ nhìn mọi người đang khóc tiếc thương Sư.

Hai ngày nay, sẽ nhóc thần thờ đôi chân nhảy từ chái hiên chùa qua hồ nước, đậu trên giá đu, trên chiếc bàn gỗ sồi Sư

vẫn thường ngồi. Sư già không còn chống gậy qua đây đàm đạo cùng Sư nữa. Vậy là Sư đã đi thật rồi! Sư đi mãi như hôm sếp mẹ của sếp nhóc nằm im bên gốc dương khô không động đậy. Buồn quá, sếp lên bay vào phòng của Sư. Căn phòng trống trơn, chỉ có chiếc giường gỗ đơn sơ chấp vá bốn chân, chiếc bàn nhỏ, chiếc võng gai lạnh ngắt và đôi dép cao su cũ kỹ của Sư mang từ kiếp nào nằm chờ vợ dưới gầm bàn.

Bàn thờ của Sư không có hình đức Phật mà chỉ có một chữ “Xả” thật lớn. Có một vị Sư trẻ, đáng gầy, đang thông thả niệm mỗi tiếng Phật thỉnh một tiếng chuông và lạy một lạy. Sếp không ngủ, đứng nhìn vị Sư trẻ lạy, lạy mãi cho đến lúc bình minh ló dạng. Sư lặng lẽ đi pha một tách trà đặt lên bàn và thắp một nén hương thơm. Sếp chỉ thấy bức ảnh vị Sư áo vàng đang cười thật tươi nhưng Sư không uống nước. Tách nước vẫn còn nguyên, sẽ thấy đôi mắt vị Sư trẻ buồn rười rượi. Sếp tự hỏi: “*Sư đi đâu? Sư về đâu?*”. Tiếng chuông khuya vừa dứt, trời hừng sáng, ánh nắng mai còn mỏng như dải lụa vàng quện trong tiếng niệm Phật trầm bổng, bao bọc cả núi đồi Trại Thủy. Đôi chân sếp nhóc khựng lại, tim nhói đau, khi nhìn thấy trước mắt sếp là ba chữ “*Hàng Nhẫn Nhục*” và đối diện là “*Thường Tinh Tấn*” đang tỏa sáng, sáng hơn cả ánh nắng bên ngoài. Sếp nhóc nghĩ: “*Sư ra đi mà chẳng để lại gì. Nhưng trên tất cả những gì Sư để lại, đó là đời sống Chuyên Trì Giới Luật–Khắc Kỷ Vị Tha của Sư*”.

Sếp nhóc lặng lẽ bay ra khỏi phòng, đậu trên gác chuông lắng tai nghe chú Tiểu ngâm nga: “*Nguyện thủ chung thỉnh siêu pháp giới...*”, sếp nhóc cầu nguyện tiếng chuông này sẽ mang thông điệp Từ, Bi, Hỷ, Xả, Tinh Tấn, Nhẫn Nhục của Sư cũng bay xa khắp cả thế giới Ta Bà, để tất cả cùng thực hành theo lời Phật

dạy như Sư đã thực hành.

Phúc Châu (Kim Quang)

Nha Trang, chiều 14.05. Ất Dậu.



CÁNH HẠC BAY XA

HOÀNG TRÍ

Nhận được tin thầy Tâm Nhân báo Ôn tịch, như một tiếng sét đánh ngang tai, tâm trí tôi cảm thấy choáng váng, dường như cả vũ trụ càn khôn bị đảo lộn.

Sau khi tốt nghiệp Đại học, cầm tờ giấy giới thiệu của Bốn Sư, tôi đơn thân độc cước từ cao nguyên bốn mùa sương phủ xuống xứ Trầm Hương duyên hải miền trung để thỉnh giáo vị Luật Sư long tượng mà trước đây tôi đã từng văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình. Nơi đến đã đến, người cầu được gặp. Tôi đánh lễ Hòa Thượng và xin Ôn từ mẫn cho tham gia Ban phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam do Ôn phụ trách để bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn, đào luyện thêm nếp sống đạo hạnh của người tu Phật. Được Ôn hoan hỷ chấp thuận, tôi tiếp tục đánh lễ Hòa Thượng trụ trì xin có chỗ ở ổn định để thực hiện tâm nguyện và hoài bảo bấy lâu nay tôi hằng mong ước. Cơ duyên được tiếp xúc Kinh Điển Hán Tạng bắt đầu từ đây. Trong sáu tháng tu học tại Long Sơn-Nha Trang, tôi như người có duyên lành được điểm phúc tắm gội bởi tình thương và bể trí của quý Ôn. Ngày đầu tiên nhận tập Hán văn để dịch,

tôi thực sự ngại ngùng và mất tự tin bởi vốn liếng Hán văn của tôi có hạn nhưng thay vào đó bằng lời an ủi động viên của quý Ôn, quý Thầy: “*Nghề dạy nghề, rồi dần dần sẽ quen mà!*” Những lúc gặp từ ngữ khó hiểu, Phật lý khó thông, tôi mạnh dạn chạy lên lầu để nhờ Ôn cứu giúp. Dần dần, cảm thức ngôn ngữ của tôi có phần giảm thiểu những rối ren khi tiếp xúc với văn bản kinh điển Hán ngữ.

Cứ mỗi buổi sáng sau khi điểm tâm, hoặc mỗi chiều sau bữa được thực, tôi thỉnh thoảng ngồi hầu chuyện bên Ôn. Một bậc Thầy đức độ bao dung, tự tại luôn ngồi trên ghế đu với tràng hạt đen tuyền và chiếc quạt màu vàng lúc nào cũng phe phẩy trên tay. Hình tướng ấy đã tuổi tằm thêm hạt giống từ bi ẩn khuất trong tôi hàng bao nhiêu kiếp. Thế rồi, tôi ngồi khoanh chân bên cạnh chiếc ghế đu nghe Ôn kể chuyện. Bao nhiêu lý đời lẽ đạo được Ôn lần lượt dẫn ra. Tôi ngồi đó nhưng cảm thấy quá non dại bên cạnh gốc cổ tùng cổ già với trí tuệ và tình thương được Ôn vun bồi cho đời sống phạm hạnh của mình từ rất sớm. Ôn kể chuyện vừa duyên dáng lại vừa thiên vị cộng thêm nụ cười chúm chim trên đôi môi Ôn, làm cho câu chuyện càng thêm hấp dẫn. Khi đó, lòng tôi như mở toang hết mọi cánh cửa để cho nhịp đập con tim chậm lại mới có thể đón nhận hết những vị ngọt cam lộ từ lòng Ôn tuổi tằm. Hạnh nguyện và việc tu tập của quý vị Hòa Thượng tiền bối bậc Thầy cũng được Ôn nhiều lần nhắc đến. Trang sử quá khứ làm tổn thương cho Phật giáo được Ôn điểm qua từng chi tiết một, những điều mà Ôn đã chứng kiến về thời cuộc lúc bấy giờ tại Việt Nam. Tôi học được rất nhiều điều thú vị từ hệ quả của thời cuộc cũng như đức hạnh tu hành của lịch đại Tổ Sư nên

tôi cảm thấy, mình cần phải tinh tấn hơn nữa để xứng đáng là bậc “*thượng bất Thánh, hạ bất phàm*” mà Ôn đã từng dạy đối với người xuất gia.

Kính lạy Giác linh Ôn!

Giờ này, cánh hạc đã bay cao khuất sâu vào bóng núi xa xăm giữa nghìn trùng hư không chẳng còn lưu vết, nhưng âm thanh của đôi cánh lợi tha ấy vẫn còn vang vọng mãi trong tâm khảm đàm hậu học chúng con. Làm sao con quên được hình bóng Ôn trong những bữa cơm chiều tại trai đường khi Ôn mang từng chiếc bánh, đĩa rau đến cho con! Ghế đu ngừng đưa, quạt mo ngừng phẩy, Ôn đã mãi mãi ra đi vào cõi chân như trạm tịch. Chúng con ở lại cõi sinh diệt hữu tướng này không sao tránh khỏi ngậm ngùi nuối lệ để tưởng nhớ bậc Thầy suốt đời hiến dâng cho Đạo pháp. Con chỉ biết lặng người quỳ trước di ảnh Ôn để hoài niệm hạnh nguyện hành đạo của một bậc xuất trần thượng sĩ mà con còn nhân duyên được theo học Ôn vào những năm tháng cuối đời.

Hoàng Trí

Nha Trang, 19-06-2005



Trường Trung Cấp Phật Học Nha Trang

TIN ÔN VẮNG BÓNG

THÍCH ĐẠO KHÁ

Sáng hôm ấy, con nghe một tin mà đáng lẽ ra con không nên nghe và không muốn nghe chút nào: “Coi sắp xếp về gấp, Ôn Đồng sắp đi rồi”. Lòng con như rối bời, từ lúc đó con liên lạc về Nha Trang thăm hỏi sự tình thật hư, vì con chưa tin đó là sự thật. Đúng là như vậy, Ôn đã quá yếu, ngày ấy Sài Gòn lại đổ mưa, mang đến một nỗi buồn mênh mang đầy tiếc nuối. Trời mưa hay lòng mình đang mưa nhỉ! Con cứ tiếc nuối: Ôn đi sao nhanh quá!

Ngồi trên xe mà lòng cứ nôn nóng, xe chạy nhanh mà như chậm lại, con ước mình có phép thuật cao, bay về đây để kịp gặp Ôn lần cuối để thưa: Bạch Ôn! Sao Ôn đi quá vội. Nhưng hồi oi đã không kịp nữa rồi, con chỉ nhìn thấy Ôn trông lặng lẽ. Con ước gì Ôn mở được đôi mắt, nhìn con cười và khuyên con gắng tu!

Con nghĩ lại mà ân hận rất nhiều, vì con đã không được hầu Ôn hôm ấy, và trong những tháng ngày cuối cùng con lại xa Ôn thật. Vì trước đó con có thưa Ôn là đánh xong bộ kinh Đại Bát Nhã do Hòa Thượng Thích Trí Nghiêm Việt dịch thì con

đi học tiếp. Con đâu biết ngày con ra đi là ngày Ôn yếu nhất, chỉ chừng một tháng mà Ôn đã Tiêu Dao. Bạch Ôn, sao Ôn đi nhanh quá!

Hồi đó, Ôn dạy rất nhiều, trong một ngày phải học 10 chữ Hán, đọc Luật 2 giờ đồng hồ; rồi cái gì là khai-giá-trì-phạm, rồi nào là chỉ trì-tác phạm, rồi lại chỉ phạm-tác trì búa sua... Nhiều lần Ôn kể chuyện ngày xưa rất vui, hồi đó Ôn là tu sĩ học lái xe 4 bánh đầu tiên, học Hóa chất và lập hãng Xi dầu, nhiều và nhiều lắm.

Kính bạch Ôn! Lời lẽ nào nói hết oai nghiêm, giấy bút nào chứa thâm bao giới đức. Ôn là một bậc chân nhân mẫu mực, một Long tượng trong chốn Tông Lâm, một tàng cây tỏa bóng mát, một ngọn đèn tỏa khắp muôn phương, một con đò đưa chúng con qua bến thiện. Giờ Ôn ra đi con dường như hụt hẫng, đâu là nơi con nương nhờ hôm sớm, đâu là nguồn suối mát cho con và bao người con thơ dại. Đầu tàu phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam nay còn đâu!

Giờ đây quỳ trước Linh đài, lòng chạnh lòng bao xót xa thương tiếc, Ôn ra đi bỏ đàn con thơ ở lại, sống nheo nhóc như khát sữa thềm cơm, mất phương hướng và mất luôn lập trường đã định hướng, ai là người rầy la khi con hư hỏng, và giải thích những chỗ Kinh Luật con chưa thông. Kính bạch Ôn! Ôn có biết cho lòng con và bao nhiêu người đang đau nhói.

Ôn qua Phương Tây diện kiến Phật Di Đà và vãng du nơi đất Phật, chúng con ngưỡng mong Ôn sớm trở lại Ta-bà, để dìu dắt chở che đàn con dại.

Nơi Long Sơn con xin đốt ba nén nhang lòng, đi nhiễu ba

vòng quanh Kim quan... cầu xin Ôn thù từ chúng giám.

Kính Bái

Đệ tử Thích Đạo Khả

AN NHIÊN THỊ TỊCH

LÊ NGỌC

*(Tuồng niệm cố Hòa Thượng, thượng Đồng hạ Minh,
nhân tuần thứ hai)*

Thời gian thật nhanh, con mới thăm Ôn đó, mà nay Ôn đã cao đăng Phật quốc đã xa chúng con! Để thương để tiếc cho quý Ôn, quý Thầy cùng mọi người trong đó có chúng con. Thế mà đã tuần thứ hai! Con có được hai điểm phúc, được đánh lễ lúc ôn thị tịch và, được nghe Thượng tọa Trú trì chùa Già Lam giảng giữa Đạo tràng Bát quan trai về giây phút từ giả cõi đời ra đi của Ôn là một trạng thái làm chủ được cái chết theo ý mình mà Ôn đã thể hiện đúng với cụm từ An nhiên thị tịch.

Vâng, đến mãi hôm nay con mới hiểu được một cách sâu sắc và trân trọng câu An nhiên thị tịch. Ngày mừng mười tháng năm, sau khi Thượng tọa Thích Nguyên Giác Trú trì chùa Già Lam nghe Thượng tọa Thích Đức Thắng phone cho biết hiện tình sức khỏe của Ôn càng ngày càng yếu dần, và mạch đập của tim không còn bình thường nữa do độc tố đã công vào tim theo lời bác sĩ cho biết. Thượng tọa Thích Nguyên Giác đã vội vàng

ra Nha Trang và, 2 giờ 30 sáng ngày 11 thì đến chùa Long Sơn. Sau khi nghỉ ngơi xong, đúng 6 giờ sáng Thầy được diện kiến và hầu chuyện với Ôn. Và cũng theo Thượng tọa cho biết thì đến khoảng gần 3 giờ chiều Ôn có vẻ mệt nhiều. Thông thường người đời thường trước giờ phút lâm chung hay quần quai đau đớn, hốt hoảng về cả thân và tâm. Nhưng cũng theo Thầy trong trường hợp của Ôn thật là hy hữu có một không hai. Ôn mắc bệnh khá nặng và thường giờ phút chót sẽ đau đớn không chịu nổi với chứng bệnh nan y này. Bác sĩ chăm sóc bệnh tình Ôn bảo rằng, phải có máy trợ tim giúp Ôn thở, để tim khỏi mệt. Vì khi độc tố vào tim làm nhịp tim hỗn loạn; nhưng Ôn không cho và bảo cứ để tự nhiên. Bác sĩ lại bảo Ôn sẽ bị hôn mê ít nhất là hai ngày trước khi Ôn ra đi, vì độc tố từ tim lên não làm cho hôn mê. Thế mà Ôn vẫn bình thường nằm êm ả, nằm nghiêng bên tay phải theo thế “kiết tường” thế nằm của Phật lúc nhập diệt. Hơi thở không dồn dập hay thở từng hồi mà người ta nói là thở cá. Ôn vẫn thở bình thường, có điều hơi thở chỉ yếu đi mà thôi chứ không có bất cứ triệu chứng nào gọi là khó khăn trong lúc thở. Đến 6 giờ hơn Ôn tỏ vẻ muốn uống nước và các Thầy thị giả đặt Ôn nằm ngửa một tí để dùng nước xong lại trả lại vị thế kiết tường nằm nghiêng phía tay phải như cũ. Đúng 6 giờ 20 Thầy Nguyên Giác đã nắm tay Ôn để theo dõi sự biến chuyển nhịp đập của tim Ôn, Thầy theo dõi với nhất tâm chí thành tạo thành một niềm giao cảm theo từng nhịp đập và, lúc này nhịp đập càng lúc càng yếu dần đi và chậm hơn lúc bình thường. Thầy có linh cảm như giữa Ôn và Thầy có một niềm giao cảm sâu đậm nào đó trong lúc này, vì theo Thầy, lúc vào Phật học viện Trung Phần Nha trang hành Thiền,

Thầy được Ôn hướng dẫn. Đức độ và đạo hạnh của Ôn đã làm cho Thầy quý mến Ôn ngay từ lúc còn nhỏ.

Thầy giảng cho chúng con nghe về Ôn bằng giọng nói xúc động và trân trọng thương mến rằng: *“Hòa Thượng rất có công trong việc nuôi dưỡng và đào tạo Tăng tài, từ Huế cho đến Sài Gòn. Các nơi nào có đào tạo chư Tăng Ni đều được Ôn hỗ trợ từ vật chất đến tinh thần. Ngoài việc nuôi dưỡng đào tạo Tăng tài ra Ôn còn dịch và giảng dạy Giới Luật cho chư Tăng Ni. Đức độ của Ôn lớn lao không kể xiết được. Đức hạnh của Ôn sáng trong như băng tuyết nhờ cuộc sống phạm hạnh thanh tịnh, cho nên khi Ôn ra đi thật nhẹ nhàng thanh thản mà chúng ta thường nghe quý Ôn quý Thầy thường nói là: ‘An nhiên thị tịch.’ Chính là hình ảnh cao đẹp này”*.

Thầy Nguyên Giác còn nói thêm trong phòng nghỉ của Ôn, trên tường hai bên đầu võng, Ôn treo một bên câu Hàng nhĩ nhục, một bên treo Thường tinh tấn và nơi thờ kính của Ôn thiết trí chữ XÁ.

Trong lúc Thầy nắm tay Ôn, Thầy nghĩ đến đạo hạnh đức độ của Ôn nhất là hạnh tu “XÁ” và Thầy cũng quán chữ xá và mong rằng Ôn cũng xả bỏ báo thân một cách nhẹ nhàng để về đất Phật. Và như vậy đúng vào lúc 6 giờ 35 phút ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu tức ngày 17 tháng 6 năm 2005 Ôn đã xả bỏ báo thân sau khi hắt nhẹ hơi thở cuối cùng.

Ôn luôn luôn thể hiện đức từ, bi, hỷ, xả đối với những người chung quanh khi tiếp xúc với họ, lúc nào cũng vui vẻ đối với mọi người. Hạnh của Ôn là hạnh Phật hoan hỷ và Ôn là hoan hỷ của Như lai, cho nên ai gặp Ôn rồi đều không thể quên và mãi mãi nhớ Ôn.

Cuộc đời là vô thường, cho nên ngay cả đức Phật cũng phải nhập Diệt để chúng sanh hiểu được chân lý “Sinh-lão-bệnh-tử” mà tu. Tuy chúng con biết thế, nhưng khi hay tin Ôn qua đời chúng con cũng bàng hoàng nuối tiếc, chúng con đã mất đi một vị Thầy chân tu khả kính và Phật pháp cũng mất đi một nhân tài đạo đức. Chính sự ra đi của Ôn cũng đã dạy cho chúng con được ý nghĩa về vô thường, và nhất là chúng con hiểu được thấm thía thế nào mới được gọi là An nhiên thị tịch cho đúng.

Cảm động và quý mến Ôn, Hòa Thượng Thích Trí Quang ở Tu viện Quảng Hương Già Lam Sài Gòn đã làm bốn câu kệ gởi ra Nha Trang viếng Ôn và ca ngợi Ôn như sau:

Phụng cúng chúng Trung Tôn

Thiện thuận giải thoát giới

Bệnh tử bất khổ thân

Thị thắng Dị thực tướng.

Một lần nữa con hướng về ngôi bảo tháp Ôn để đánh lễ và tưởng nhớ Ôn.

Nam mô Tiếp dẫn Đạo sư A-di-đà Phật.

Sài Gòn ngày thứ năm Tuần thứ hai cúng Ôn.

Lê Ngọc



MÂY TRẮNG VẪN BAY

THÍCH THIỆN ĐẠO

Kính lạy Giác linh Thầy!

Ngày xưa, con là một học Tăng bé nhỏ, ngu ngơ dưới mái trường Phật học viện Hải Đức-Nha Trang. Cũng như bao anh em học Tăng khác, chúng con đã nhận được ân đức giáo dưỡng của Thầy bằng sự hy sinh thầm lặng cao cả. Thầy đã không quản thành bại, không ngại khen chê, đã quyết tâm dẫn thân vào con đường kinh tế tài chánh để có điều kiện nuôi dưỡng chúng con. Bằng pháp môn phương tiện, Thầy đã trưởng dưỡng tâm hồn chúng con bằng hương vị của “Xì Dầu Lá Bồ-đề”, bằng sự trong sạch của “Thuốc Tẩy Phiền Não”, bằng ánh sáng của “Đèn Giác Ngộ”, bằng sự thanh khiết của “Hương Trầm Giải Thoát”.

Ngay từ buổi ban đầu, Thầy đã khai tâm chúng con bằng pháp môn bất nhị. Chân không ngoài huyền, thật nằm sâu trong giả, phiền não nuôi lớn Bồ-đề, chúng sanh là thiện tri thức của ba đời chư Phật. Thầy không chỉ dạy chúng con bằng ngôn ngữ, mà sâu sắc hơn nữa, Thầy đã dạy chúng con bằng thân giáo và hạnh giáo. Trí Thầy sáng tựa trăng rằm dịu ngọt,

tâm Thầy bao la như bầu thái hư và nguyện lực của Thầy sắt son như kim cương bất hoại. Thầy không màng danh vị, nhưng chỗ đứng của Thầy rất cao trong lòng chúng con. Đối với anh em học Tăng, Thầy vừa là Thầy, vừa là Đồng sự, là bạn, là anh, là cha, là người luôn luôn có mặt với anh em trong mọi cảnh ngộ vui buồn thuận nghịch.

Rồi cuộc thế nhiều khô, dòng đời biến đổi, Thầy cũng lên đèn theo ghềnh thác vô thường. Và cũng từ đó, thân Thầy là thân kim sắc, trí Thầy trí kim cương, tâm hồn Thầy sâu thẳm như đại dương và lung linh tựa ngàn sao lấp lánh. Thầy thường nhắc nhở chúng con trong khi chuyện trò thư giãn: *“Vạn pháp đều vô thường biến dịch, nhưng chỉ có luật bất dịch thì không bao giờ thay đổi.”* Bây giờ, định luật khắc nghiệt đó đã chứng nghiệm trên sắc thân tứ đại của Thầy. Thật oái oăm thay!

Thế rồi, cái gì đến đã đến. Tám thân chớ pháp đã mỏi mòn, Thầy đã an nhiên thị tịch trong tư thế Niết-bàn của chư Phật ba đời, và nụ cười hoan hỷ luôn rạng rỡ, trên môi của bậc Xuất Trần Thượng Sĩ. *“Diệt mà không diệt, đi mà không mất, chết mà vẫn sống mãi...”* Đó là những gì Thầy đã thể chứng, đã thể hiện giữa sắc và không, giữa còn và mất, giữa khứ lai nhậm vận.

Kính bạch Thầy!

Có người nói: *“Giờ phút xả báo thân là giờ phút vinh quang nhất của một bậc Xuất Trần Thượng Sĩ.”*

Con xin mượn nói trên đây để cung kính dâng lên vị Tôn Sư vô vàn Tôn kính, nhưng cũng vô vàn gần gũi trong tâm hồn ngu ngơ của con trước giờ phút ngàn trùng này.

Kính mong Thầy thù từ ai chúng!

“Rồi chợt tâm hồn con xót xa

Người đi về cõi Phật Di Đà

Hoa sen rộ nở mừng vô thượng

Quả chúng, Thiền Tăng hát đạo ca.”

Pháp Tử Thích Thiện Đạo

NGƯỜI THỪA HÀNH DI CHÚC

THÍCH NHƯ GIÁO

Đêm hôm ấy, cảnh vật ở thị trấn Câu-thi-la tại xứ Ấn Độ hoàn toàn tĩnh mịch, trong rừng Sa-la song thọ bóng tối đang lặng lẽ buông thả một trò chơi nào đó như xưa đuổi mọi âm thanh của ban ngày, chỉ còn nghe tiếng trùng đế nỉ non, tiếng cựa mình của hoa cỏ, và tiếng của Người xa ta: *“Này các Tỳ-kheo, sau khi Ta diệt độ, các thầy phải trân trọng tôn kính tịnh giới, như mù tối mà được mắt sáng, nghèo nàn mà được vàng ngọc. Phải biết tịnh giới là đức thầy cao cả của các thầy. Nếu Ta ở đời cũng không khác gì tịnh giới ấy.”* Lời dạy của người Cha già ba cõi dần dần chìm khuất vào cõi vô cùng.

Rồi Hoàn vũ cứ xoay vòng, vạn vật sinh thành lại suy hủy theo một nguyên lý trật tự hữu hình thì hữu hoại. Song, những gì vô hình vẫn tồn tại trong một thế giới tịch nhiên bất động; lời lẽ kia lại xuyên chấp thời gian, vang vọng đâu đó từ trang tôn kinh, do những tâm hồn chí thiện tụng đọc nơi Pháp đường Già-lam cổ tự, nơi chánh điện ngôi Phạm vũ rực rỡ của thời đại, bằng ngôn ngữ phương Bắc, phương Nam, trong ngày

Trường tịnh không trắng với sự hòa hợp và thanh tịnh của Tăng- già. Nhưng rồi cũng băng đi vào những ngày thường nhật.

Song, lời dạy kia không còn văng vẳng bằng ngôn ngữ văn từ nữa mà nó định hình hiện thể qua hành động, nếu ai đó bắt gặp dáng dấp một nhà Sư khoác chiếc y theo truyền thống nguyên thủy, hành cước với đôi dép cao su trên ba mươi năm, sinh hoạt trong căn phòng đơn sơ: chiếc giường cao không quá tám tấc, cái bàn gỗ mộc mạc là phương tiện với ngày hai buổi phiên dịch kinh luật, tại Thiện xứ Long Sơn Nha Trang.

Động lòng trắc ẩn trước sự đi xuống của con người, giếng mối Tăng-già lung lay đến tận gốc rễ, xã hội tập tục thay đổi biến chất, Sư đã thừa hành di chúc Như lai: *“treo mặt trời giới giữa hư không, dựng lại chánh pháp trong thời mạt vận”*, tùy duyên linh hoạt “khai”, “giá” sao cho đời mình không đánh mất phẩm cách của Tỳ-kheo như “liên hoa bất trước thủy”, tạo thành trì bảo vệ cộng đồng Tăng lữ; tinh chuyên chuyển ngữ Tạng luật, ngộ hầu cho hậu thế nghiên tầm giới học, để gìn giữ đời sống bản thể Bí-sô Tăng.

Một đời Sư tận tụy vun trồng những hạt giống Thánh chủng, lập giới trường tuyển người làm Phật. Và biết bản hoài của đức Thích Tôn tâm truyền mình đã thực thi được phần nào nên nhẹ nhàng ra đi, để lại một nụ cười trong cõi vô thường.

Khế thủ kính bút, ngưỡng mong Giác linh Ôn chứng giám

Tỳ Kheo Thích Như Giáo

Nha Trang-Long Sơn tự

THEO DÒNG TUỞNG NHỚ

BẢO QUANG

Con không chính thức lạy Thầy làm Y Chí Sư, nhưng trong thâm tâm con đã tôn Thầy làm Y Chí Sư ngay trong những năm đầu gặp gỡ, không một lạy bên ngoài cho Thầy thấy, nhưng vạn lần tôn kính trong tâm.

Khi được biết thầy lâm bệnh hiểm nghèo đã đến giai đoạn 3, con cảm thấy chới với. Con mong rằng bác sĩ đã chẩn đoán sai, dụng cụ y khoa thiếu chuẩn xác. Trường hợp này rất có thể xảy ra, vì nước Mỹ là nước tiên tiến nhất thế giới mà vẫn có những ca chẩn đoán sai hướng là Việt Nam mình! Tại sao đến giai đoạn 3 mới phát hiện? Nhưng rồi “cái gì cũng có thể xảy ra” đúng như lời thầy thường dạy. Căn bệnh của thầy đã đến giai đoạn 3 thật sự rồi. Sức khỏe của thầy mỗi ngày mỗi giảm sút, con vô cùng lo âu, liệu thầy có đủ định lực để tự chủ vượt thắng cơn đau đớn quần quại trong những giờ phút chót khi căn bệnh quái ác này (ung thư gan đa ổ) phát tác hay không. Con không có cơ duyên như những anh em khác của con là được hầu cận chăm sóc thầy trong những ngày thầy ngộ bệnh, con chỉ biết cầu nguyện trong những buổi công phu và khi nhớ

nghĩ đến thầy.

Khi con biết nghĩ đến đạo pháp, con luôn mong ước khát khao được gặp một chân tăng thần tượng để quay về nương tựa. Con đã từng sống và học tập với nhiều vị thầy. Con đã từng nghe tiếng tăm của những bậc chân tăng thạch đức, có những vị học vị tột đỉnh, bằng cấp đầy rương. Nhưng đối với những vị ấy quá cao, quá xa con không với tới được, đành “kính nhi viễn chi”.

Khi vào đến Nha Trang năm 1964 theo kế hoạch luân chuyển PHV, con được gặp thầy, và những tháng năm được thầy dẫn dắt tu học, công tác, rèn luyện thân thể, con nhận ra ở thầy một phong cách đặc biệt, một mẫu thầy tu lý tưởng. Thầy có nhiều tài năng, có đa phương tiện từ cách điều chúng tu học, giảng dạy, kể chuyện cho đến sản xuất kinh doanh. Thầy đầy lòng bi mẫn, nhiệt tâm, tận tình, mẫu mực, giản dị, nghiêm túc, uyển chuyển, hài hòa, nghiêm minh, kiên quyết, tâm lý, hoan hỷ, (có cả độc đoán nữa)... Tất cả những đức tánh đó, nếu ở một vị thầy nào khác thì chúng sẽ phát triển một chiều theo nhóm cùng tính chất, nhưng ở thầy thì chúng lại kết hợp nhuần nhuyễn, rồi tùy theo trường hợp, đối tượng, thời gian mà thầy xử lý việc nào ra việc đó rành mạch phân minh, nhờ nương vào uy lực của thầy mà ban lãnh chúng thời đó, thời điểm mà số tăng sinh lên mấy trăm, điều hành công việc nhẹ nhàng một cách trôi chảy. Con vô cùng kính ngưỡng tôn thầy lên hàng chân tăng thần tượng.

Hồi đó tăng sinh đủ mọi thành phần, đủ mọi trình độ, đủ mọi nơi chốn tựu về và hầu hết là ở lứa tuổi tràn đầy sức sống, ưa

quậy phá, nổi chướng, bướng bỉnh nói chung là các chứng bệnh về tâm, sinh lý. Thầy có rất nhiều phương thang trị liệu rất công hiệu, trừ một số bệnh trầm kha, tiêm nhiễm quá nặng như con sau này.

Bệnh của con thì mới phát về sau, khi thầy bị quản phế nên thiếu thầy chạy chữa. Khi thầy được tự do thì bệnh con đã nhập tim rồi, không còn cơ hội cứu khỏi, tuy nhiên, thầy vẫn đổ cho con liều thuốc hồi sinh cuối cùng, mà oái oăm thay, khi đó con ưa “chết” hơn là thích “sống”. Nên con lắc đầu, ngậm miệng, thầy đành thúc thủ. Con xin sám hối vì đã phụ tình thầy lúc đó.

Thầy kể chuyện rất hấp dẫn, cũng chỉ nhằm mục đích trị liệu. Những mẩu chuyện thầy kể ngắn gọn, sinh động thầy rút ra từ luật tạng. Từ trong kinh nghiệm đời sống đạo, từ những mẩu đối thoại luận bàn của các vị cao tăng đương thời. Thầy lồng ghép, kết nối vào trong những bài giáo khoa mà thầy đang dạy, làm cho bài học dễ hiểu dễ ghi nhớ.

Thầy còn có tài điều hành sản xuất kinh doanh. Thuở đó, một ông thầy tu mà đi làm việc kinh doanh thì quả là hiếm có! hiếm có trong ý nghĩa công khai minh bạch, đối mặt với thương trường thực sự, chứ không phải kinh doanh gián tiếp như ta thường thấy bây giờ. Với một thị trường tự do, cạnh tranh không khoan nhượng, trải bao hiểm nguy, có lúc đe dọa đến tính mạng, thế mà thầy khéo léo léo lái cơ sở sản xuất đứng vững, ngày càng phát triển, duy trì nguồn tài chánh chủ yếu nuôi tăng chúng tu học, hoàn toàn không thủ lợi. Đây là điểm son đậm nét trong cuộc đời tu hành xả kỷ vị tha của thầy. Thầy

nắm tài chính trong tay, có quyền chi dụng để cải thiện đời sống cá nhân, hưởng thụ những tiện nghi vật chất. Nhưng thầy không làm chuyện đó, vẫn sống đơn giản như bao thầy tu đơn giản khác. Cho đến khi rời nhiệm sở, bàn tay thầy vẫn sạch, không sờ hữu bất cứ tài sản nào hết dù là rất nhỏ. Rất hiếm người làm được chuyện đó!

Thầy còn có một khả năng đặc biệt là cùng một thời gian mà đảm nhận nhiều chức vụ trọng đại, không phải là chức vụ tượng trưng, không phải là gán vào từ cấp trên cho có vẻ có tổ chức, có bề thế, đủ bàn ghế, chén đĩa, mà thực sự làm việc theo chương trình kế hoạch hẳn hoi. Đó là giám đốc cơ sở sản xuất Vị trai lá Bồ-đề, giám học PHV trung phần Hải Đức Nha Trang (sau là Phó viện trưởng Viện cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang). Vụ trưởng Vụ Phật học GHPGVNTN, Phó đại diện GHPGVNTN miền Khuông Việt mà nói theo cách nói bây giờ thì nhiệm vụ nào cũng hoàn thành xuất sắc.

Riêng đối với con, tuy con đã phụ lòng thầy khi từ chối liều thuốc hồi sinh sau cùng của thầy, nhưng thầy vẫn còn quan tâm, thỉnh thoảng cho người đến khuyên con uống thuốc. Có một lần, không biết có phải là sứ giả của thầy hay không, có một nữ Phật tử đến gõ cửa nhà con. Con hơi ngỡ ngàng, bởi vì trông cô ta quen quen, thoát đầu, nhớ là không gặp ở đâu. Hồi lâu mới nhớ là gặp cô ta trên PHV Hải Đức một vài lần gì đó. Một hôm nọ, khi con còn ở trên viện nhân ghé xuống nhà bếp uống nước, định đi vòng lên ngã chánh điện về phòng, khi đi ngang qua phòng ăn ở gần nhà bếp thì con thấy một người đàn bà còn trẻ mang kính ngồi đó. Theo phép lịch sự, con chấp tay chào, rồi hỏi? “Cô cần gặp ai”, cô ta nói “con muốn hỏi đạo”.

Con hơi lúng túng, nhưng sức nhớ ra thầy Nhuận Thông–Nam Dược (hồi đó thầy Nhuận Thông ngoài việc tìm thuốc nam chữa bệnh cho nhiều người, còn có biệt tài Thuyết Pháp “bỏ túi” cho Phật Tử). Con yên tâm mời cô ta ngồi đợi và hứa sẽ có người đến tiếp cô. Con đi tìm thầy Nhuận Thông và đưa đến giới thiệu với cô ta. Tới đây là con hết trách nhiệm, và từ đó về sau cũng có lần gặp lại cô ta nhưng chào thoáng qua rồi thôi chứ chưa một lần tiếp chuyện. Từ khi gặp cô ta trên viện cho đến lúc gặp lại ở nhà, thời gian trên 10 năm. Lần này thì cô không hỏi đạo nữa mà cô hỏi mượn kinh Kim Cang. Con không có bản việt dịch mà chỉ có bản kinh Ngọc do Phạm Thiên Thư thi hóa. Con cho cô ta mượn quyển đó, khoảng một tuần lễ sau, cô ta đến trả kinh và tặng cho con một lần bốn bài thơ sáng tác trong vòng một tuần, có đề ngày tháng hẳn hoi. Bốn bài thơ này con đã đọc cho thầy nghe. Thầy bảo con chép ra và đeo vào nơi cổ để ghi nhớ. Con không làm chuyện đó mà thỉnh thoảng có đem ra đọc lại. Nhân đây con xin chép bài tiêu biểu, bài số 1 để cảm tạ ơn thầy và vị sứ giả của thầy:

NHẪN NHÚ

*Tôi xin hoàn lại quyển kinh thơ,
Xin nhủ đôi lời chớ bỏ lơ,
Cõi tạm tự mình gây khổ lụy,
Mong thầy mau giải nghiệp trần nhơ!*

Những đứa con phàm dễ tạo thay
Làm nên con Phật mới là hay,
Đã mang triền phược nào ai biết,
Lăn lộn luân trầm cảnh thật gay!

Muối mặn gừng cay chẳng biết sao,
Không tin ai nói thử nếm vào,
Ăn rồi mới nhận—à ra thế!!!
Chẳng ngọt ngào chi, tiền trả cao!

Trả đâu một lúc đã là xong!
Vừa trả vừa ăn, đâu trả không!
Như vậy nợ hoài không rảnh dạng,
Đừng ăn không trả mới là thông!
(HUYỀN PHƯƠNG ANH 23. OCT. 1985)

Con nhớ một lần, khi chứng nghĩa bản dịch Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa, tới đoạn nói về phá chấp, thầy dừng lại bảo con, khi nào thông thả viết một bài về tinh thần phá chấp. Con thưa thầy là con viết không nổi, bởi vì con quá nhiều vướng mắc, nên thay vì viết bài phá chấp, con sẽ đọc cho thầy nghe một bài thơ ngắn về vướng mắc. Sau khi chứng nghĩa xong, thầy bảo con đọc. (Thường thường thì con cùng đi chứng nghĩa với thầy Giác Tuệ, vì hai người cùng dịch lại Bộ Bát Nhã, dựa vào bản dịch của Hòa Thượng Trí Nghiêm như thầy đã chỉ định. Nhưng hôm đó thầy Giác Tuệ bận không đi). Con thưa với thầy là trước khi đọc, con xin được trình bày lý do sáng tác, thầy đồng ý.

Con kể: Con có quen với một nữ Phật tử, khi được tin cô ta nhập viện, con vào thăm. Đúng ngày lúc con đến nơi thì cô ta đang lên cơn sốt mà người chăm sóc bệnh thì đi đâu không thấy. Con quỳnh quáng không biết xử lý thế nào cả. Con nhìn những người xung quanh như kêu cứu, nhưng ai cũng đưa mắt nhìn con như thách đố, như diễu cợt. Con đành ngồi cầu nguyện. Một lát sau thì cảm thấy mình thừa thãi, vô dụng nên

con lẳng lẳng ra về. Nhân đó, con làm bài thơ này:

VƯƠNG MẮC

Người sốt li bì nằm co mình bất động,
 Tôi nóng lòng thấp thỏm lo âu,
 Một khoảng không gian trong gang tấc,
 Một bức tường dư luận quá dày cao,
 Tôi lạng sức mình yếu đuối biết làm sao,
 Vượt qua được để chăm sóc người thân trong cơn đau vất vả,
 Từ bi đâu? Phương tiện đâu? Ôi! những danh từ cao cả,
 Kẻ phàm này đành thúc thủ chịu thua,
 Những nụ cười, những ánh mắt bói xoi,
 Đang mai mỉa, đang rập rình sẵn đó,
 Phật thì biết tấm lòng con sáng tỏ,
 Còn thế nhân, ai là người biết gạt đục khơi trong,
 Đành ra về mà chua xót trong lòng,
 Bỏ mặc đó một người thân đang lên cơn sốt!

Dạ, bạch thầy, hết! Thầy mỉm cười nhẹ nhàng bảo: “Bảo Quang chỉ cần đặt tay lên trán người bệnh, kéo chăn đắp lại và nếu cần, gọi y tá rồi ra về. Đừng làm thơ!”, “dạ, bạch thầy khó quá!” thầy lại cười. Con chỉ bắt kịp ở thầy làm thơ dễ dãi, không mài giũa, trau chuốt, không ẩn ngữ trừu tượng... Nên con có làm bài thơ nào cũng chỉ đọc cho thầy nghe. Vì nếu đọc cho người khác nghe sợ họ chê là thơ “con cóc”.

Lại một hôm, con đến xin thầy nghỉ dạy tại Trường trung cấp Phật học để vào Sài Gòn làm một công tác phật sự khác thích hợp hơn. Thầy hoan hỷ chấp thuận. Thầy dạy: “Đã là Phật sự thì làm ở đâu cũng được. Chỗ nào cần thì đến.” Rồi bất chợt thầy

hỏi: “Tại sao Bảo Quang không thích dạy nữa?” – “Dạ, bạch thầy, thứ nhất là lớp lớn tuổi phải nhường chỗ cho tuổi trẻ để họ có thể tự phát huy khả năng của mình. Tài trẻ Khánh Hòa rất nhiều. Thứ hai là con đã nói khá nhiều rồi mà bản thân chưa làm được gì hết, đó là một lỗ hổng lớn. Con cần có thời gian để soát xét lại mình, bồi dưỡng nội lực. Thứ ba là con muốn làm một việc chuyên biệt hợp với sở thích. Con không có khả năng làm nhiều việc.” Nghỉ một lát con thưa tiếp: Bạch thầy, để làm sáng tỏ thêm việc con vừa trình bày với thầy, con xin được hầu thầy một bài thơ con làm khi con mới vào lại chùa Cát. Duyên khởi thế này: Một hôm có người ăn xin vào chùa xin ăn. Nhầm lúc chùa đã dùng trưa xong, cửa nhà bếp đã chốt lại. Ông ta gặp con và ngửa tay xin tiền. Con thọc tay vào túi lục lạo nhưng toàn là giấy vụn linh tinh, không còn đồng nào. Như vậy là cả hai người, người định cho và kẻ hi vọng nhận được, đều thất vọng. Nhân đó con nghĩ mình và ông ta, về phương diện xin ăn thì chẳng khác gì nhau. Con không có gì để cho ông ta vì cả hai cũng đều là ăn xin. Nếu con có sẵn vài ba nghìn đồng trong túi, móc đưa cho ông ta, đó cũng chỉ là cử chỉ san sẻ giữa người ăn xin được nhiều hơn và người ăn xin còn thiếu mà thôi. Vì vậy, con làm bài thơ này:

TÔI LÀ AI

Tôi là kẻ ăn xin truyền thống,
Không ngửa tay và chẳng mở lời,
Tôi âm thầm nhận của khắp nơi,
Từ thành thị đến chốn bùn lầy nước đọng,
Tôi sống nhờ vào mồ hôi lao động,
Tôi sống nhờ vào trí óc nhọc nhằn,
Tôi sống nhờ vào cả những sự khó khăn,

Của những kẻ buôn bưng bán gánh,
 Vậy có gì đâu mà tôi sanh kiêu hãnh,
 Có gì đâu mà tôi phô vẻ giàu sang,
 Tôi quên mình một kiếp sống lang thang,
 Không nhà cửa không bạc tiền dính túi,
 Đáng lẽ phải ẩn mình nơi đầu non góc núi,
 Lại phây phây sống giữa thị thành,
 Còn đặt bày lăm chuyện chấp tranh,
 Ôm bản ngã phô trương thanh thế,
 Tội của tôi chất chồng không xiết kể,
 Mà đừng đừng tưởng là chuyện tự nhiên,
 Tôi ba hoa giảng dạy đạo Thánh hiền,
 Mà thực chất chưa từng thực tập,
 Chuyện của tôi hằng ngày tràn ngập,
 Hết đàm thiên đến luận địa oang oang,
 Tôi là ai đang sống giữa trần gian,
 Là kẻ ăn xin quên đi cội gốc!

Bạch thầy hết! thầy gục gặc đầu, không phát biểu.

Một thời gian ngắn sau khi thỉnh ý thầy và đọc bài thơ đó cho thầy nghe thì con rời Nha Trang. Khi đó có một vài anh em hiểu lầm con, nhưng không sao vì đã có thầy chứng tri rồi.

Tối 11 tháng 5/ Ất Dậu, con đi về Nha Trang dự định thăm thầy lần cuối và xin sám hối những điều mà con đã làm cho thầy không hài lòng. Có những việc con làm, con linh cảm là thầy không vui mà thầy không nói với con, con cũng không thưa với thầy vì sao con phải làm như vậy. Chắc thầy thông cảm nên bỏ qua, lại có việc con trình thầy, tuy thầy không

đồng ý vì thầy lo cho con có thể phạm sai lầm, nhưng để chúng tỏ mình (bản ngã, tự ái) con đã không nghe lời thầy. Con không về kịp để dâng lên thầy lời sám hối, vì lúc thầy tịch thì con mới lên xe, con rất hối tiếc là con không có phúc duyên được ngồi bên thầy cùng với anh em hộ niệm, cung tiễn thầy lúc thầy ra đi. Vì đó là giây phút thiêng liêng nhất, quan trọng nhất. Còn tất cả những thủ tục truyền thống sau đó chỉ mang tính chất hình thức nghi lễ mà thôi. Được anh em thuật lại tình trạng tinh thần của thầy trong những ngày giờ cuối, con vô cùng phấn chấn, vui mừng. Thầy chủ động chuẩn bị chuyển đi “qua bờ kia” vô cùng tỉnh táo, không có một động thái nào tỏ ra đau đớn khó chịu. Tắm rửa, thay đồ, dọn dọn hậu sự, rồi nằm theo dáng đứ Phật Niết-bàn, an tường ra đi.

Thầy đã làm sáng tỏ ý nghĩa lời dạy trong luận Đại Trí Độ: *“Người trì giới khi lâm chung, dù có gió đao cắt thân, gân mật đoạn tuyệt, tự biết mình trì giới thanh tịnh thì tâm không sợ hãi, như kệ nói:*

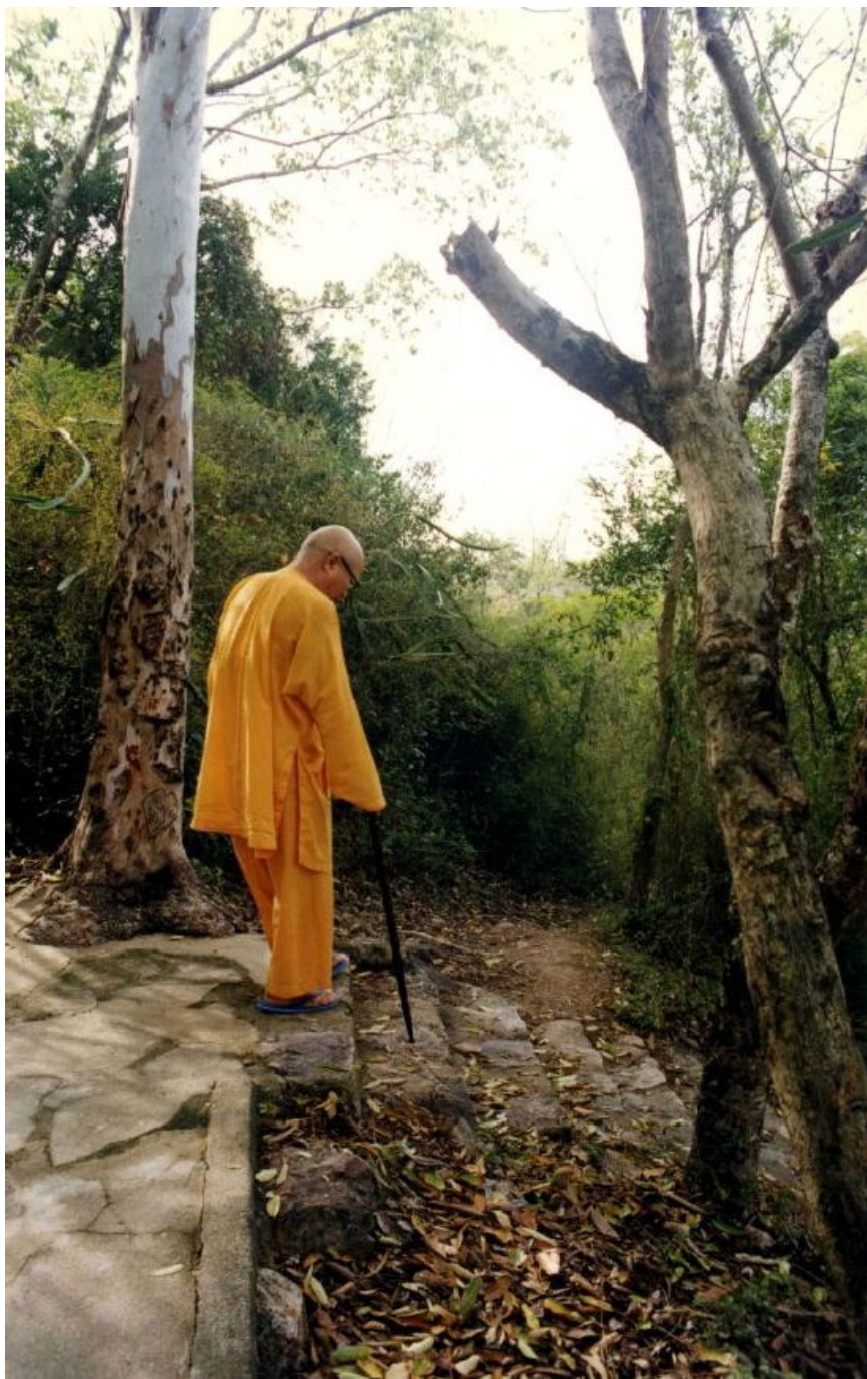
Trong bệnh rất dữ, Giới là thuốc hay Trong sợ hãi lớn Giới là bảo hộ Trong chết tối tăm Giới là đèn sáng Trong chỗ đường ác Giới là cầu đò

Trong nước biển chết Giới là thuyền lớn.”

(Luận Đại Trí Độ chương 21, quyển 13, Hòa Thượng. Thích Thiện Siêu dịch)

Kính Lạy Bạc Chân Tăng Trọn Đời Quy Ngưỡng

Con, Bảo Quang



BÀI HỌC VỠ LÒNG

NGUYỄN AN

Vào những ngày cuối của tháng Ca-đê năm 2003, khi trời mát mẻ, sau một chuyến du ngoạn trở về, tôi gặp thầy Minh Thông tại sân trường TCPH Khánh Hòa. Sau khi tôi chào Thầy xong, Thầy hỏi tôi:

- Ông Sư (bí danh của tôi), ông có thể làm thị giả cho Ôn được không? Tôi đáp:

- Dạ được, nhưng con không biết Ôn có chịu không? Thầy nói:

- Ôn chấm ông rồi. Ôn bảo tôi hỏi thử xem Nguyễn An có chịu không?

- Nam Mô Phật, bạch Thầy! Diễm phúc cho con quá đi chớ.

Sau khi hàn huyên tâm sự với thầy xong, tôi liền vào hầu chuyện với Ôn. Nằm trên võng đong đưa, tay lần tràng hạt, nghe tiếng dép sột soạt, Ôn liền hỏi:

- Ai đó? Tôi đáp:

- Nam mô Phật, dạ con.

Đường như Ôn biết mà vẫn hỏi:

- Nguyên An vô đây có chuyện gì không?

- Dạ có.

- Chuyện gì?

- Dạ, con nghe thầy Minh Thông nói là Ôn kêu con vào đây ở để phụ giúp việc cho Ôn, có phải vậy không?

Ôn đáp:

- Ủ, ở đây phụ giúp tôi làm một vài công việc lặt vặt... , nghỉ một chút rồi Ôn lại nói: Nhưng nhớ là “giờ nào việc nấy, vật nào chỗ ấy!”, bằng một giọng điệu nhẹ nhàng nhưng không kém phần cứng rắn.

Nghe Ôn dạy xong, lòng tôi cảm thấy sung sướng nhưng hơi run một chút, vì tánh tôi thì hay cầu thả, không biết mình có làm được như lời Ôn dạy hay không, tôi vẫn liều đáp:

- Dạ! Con sẽ vô phụ giúp Ôn.

Sau đó một tuần, tôi dọn đồ vào trong một căn phòng cạnh phòng Ôn. Ở với Ôn tôi mới biết: Ôn nói sao là làm vậy, không bao giờ Ôn làm trái với thời khóa biểu của mình đã đề ra.

Làm việc chung với Ôn, mấy huynh đệ chúng tôi còn nuốm mùi quan liêu, nên thường hay đến trễ để Ôn chờ. Trong những lúc như vậy, Ôn chỉ la nhẹ nhưng rất đau:

- Giờ nào thì phải việc nấy, trước một phút không phải là giờ, mà sau một phút cũng không phải là giờ, phải tập cho quen...

Hôm ấy, trời lất phất mưa, thấy Ôn vui vui, tôi mới ba hoa chích chòe:

- Mô Phật bạch Ôn! Ôn sống quá khắc với chính mình như thế này, nếu lỡ chiến tranh xảy ra lần nữa, con nghĩ chắc Ôn

sống không được quá!

Nghe tôi nói vậy, ngồi trên chiếc xích đu, đưa tới đưa lui, Ôn mỉm cười nói:

- Tuỳ duyên! Phải tự khắc với chính mình.

Vừa lúc đó, có mấy Phật tử ở dưới phố lên thăm Ôn. Đứng sau chiếc xích đu của Ôn, tôi lại được nghe Ôn dạy cho mấy Phật tử, tuy ngắn gọn song rất hàm súc:

“*Quý Phật tử là những vị hộ pháp, mình hộ trì Tam Bảo bên ngoài, song không được quên hộ trì Tam Bảo bên trong chính mình.*

Ôn chưa kịp nói tiếp, thì có một Phật tử nóng lòng liền hỏi:

- A Di Đà Phật, bạch Ôn! Chúng con phải hộ trì Tam Bảo bên trong chính mình như thế nào?

- Tay phe phẩy quạt, Ôn đáp:

- Khi hít vào thì nhớ niệm Nam Mô, mà thở ra thì niệm A Di Đà Phật; hoặc khi bước đi thì mỗi bước chân niệm mỗi chữ, như bước chân phải thì niệm Nam, bước chân trái kế tiếp thì niệm Mô... với tâm nhẹ nhàng thoải mái, ghi nhận rõ ràng, đừng cho xao lãng. Mình còn thở giờ nào thì phải niệm Phật giờ đó, già chết nó đến liền liền, cố gắng hoà nhịp hơi thở theo câu niệm Phật. Đang khi quý bác niệm Phật với tâm chân thật, định tĩnh, sáng suốt như vậy, thì tự thân của quý bác tự nhiên thành tựu đầy đủ Tam học (giới-định-tuệ), thân tâm thư thái, nhẹ nhàn an lành. Đây là cách hộ trì tự tánh Tam Bảo của chính mình, và cũng là nhân sanh Tịnh Độ.”

Nghe Ôn dạy xong, mấy Phật tử bái chào Ôn ra về, trong lòng dường như vô cùng vui sướng. Lúc đó, nhất là tôi, tôi sung sướng còn hơn kẻ đang chết khát vớ được một ngụm nước suối trong mát, thật không sao diễn tả được.

Trên đây là bài học đầu tiên mà tôi đã nghe được từ Ôn, thật là ấn tượng, không sao tôi quên được. Song, cho đến bây giờ, tôi vẫn chưa làm được trọn vẹn như lời Ôn dạy. Ôn thì tùy duyên, còn tôi thì tùy nghiệp.

Long Sơn, ngày Trưởng tịnh Kính lạy giác linh Ôn thùy từ gia hộ

Kẻ Cùng Tử Nguyên An

CHUYỆN PHIẾM GIỮA GIỜ

QUẢNG HẠNH

Cứ giữa giờ giải lao việc đọc kinh, chứng nghĩa của Ôn và chúng tôi là có chương trình thời sự cập nhật trong tuần được kể ra. Còn không thì ai có chuyện tiểu lâm nào có tính cách giáo dục hay biếm nhẽ cũng kể ra cho vui...

Trong lòng tôi đang chờ thì Ôn cầm cái quạt phe phẩy vài cái rồi chỉ về phía tôi nói: Ông!

- Tui nghe Ông có nhiều chuyện hấp dẫn lắm phải không? Hãy thử kể nghe coi Vậy là Ôn đã rà trúng đài. Ôn vừa nói xong, cộng thêm các anh em cùng làm chung việc đúp lô vào nên tôi liền thưa:

- Thưa Ôn! Con là tay hay nhiều chuyện, chuyện của con hơi trần tục một tí. Tôi định tiếp thì Ôn cắt ngang, nói:

- Vậy chớ Ông không nghe câu: “Y nghĩa bất y ngữ” hay sao?! Tôi thưa:

- Dạ, con có nghe chứ Ôn.

- Đã nghe sao không kể. Ôn nói.

Thế là tôi bắt đầu kể. Chuyện tôi kể có tựa đề *Tránh dẫu cho*

khởi năng.

“Với lòng nhiệt huyết với tâm nguyện muốn báo ân đã được nuôi dưỡng từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, nên khi vừa mới tốt nghiệp xong, thầy Huệ Chơn liền xin đảm trách một Phật sự tương đối quan trọng. Bất cứ công việc nào, thầy đều hoàn thành với tinh thần hỷ xả. Điều đặc biệt ở nơi thầy là đối với bạn bè hay những đàn em, thầy luôn luôn cố tìm cách hòa đồng, vui vẻ, không phân biệt.

Vừa mới nhập cuộc mà thấy công việc Phật sự suông sẻ và trôi chảy như thế, thầy mừng thầm... Nào ngờ đâu, sau lưng sự suông sẻ đó, nó giấu giấu bao nhiêu điều thị phi, ngờ vực, ganh tỵ, bao phủ lên tâm nguyện năng nổ non trẻ của thầy.

Cũng từ hôm ấy, mặt thầy mất đi mùa xuân, lộ ra những sắc thái tâm lý phiền não bần khoản, bó hó, câu có, khó chịu.

Hình như đó là bước đường cùng đang giữ sổ trong tâm trí thầy...

Thế là thầy mang đẩy vào rừng sâu để khởi phải bận lòng bởi những thị phi đang quần buộc...

Cảnh núi rừng bao la cây cối sầm uất, chim chóc hót líu lo, suối nước chảy rầm rì róc rách bên khe đá như muốn chia sẻ điều gì nơi người lữ khách. Với những cảnh tượng đó, lòng thầy như trút đi bao nỗi khổ tâm, thay vào đó là một tâm lý thoải mái, hòa quyện vào khói đá hơi nước, tạo thành một tư tưởng phóng khoáng vĩ đại. dưới suối thỉnh thoảng có vài con cá ngoi lên đớp mồi, những chiếc lá rơi nhẹ trên mặt nước lờ đờ, trôi đi như những chiếc xuống con không người lái, đang

trôi dạt về một nơi nào đó không bến đậu.

Ngồi trên tảng đá, dưới những tàn cây tươi mát cạnh bờ suối, thầy nghĩ rằng: ‘Thế là từ đây, ta đã thoát cảnh hồng trần, không còn phải chịu cảnh thị phi nữa’. Vừa nghĩ xong thầy cời tung cả xiêm y, để lộ một thân hình trời cho. Hai chân thọc ngay xuống nước, thầy đưa hai tay vốc từng bùm nước lên vai kỳ cọ thoải mái; nước mát làm tan biến đi bao phiền muộn nặng trĩu trong tâm hồn và cái oi bức của nắng hè. Lúc này tâm hồn thầy như đang bị cuốn hút bởi không gian nơi đây, thì bất chợt trên cành cây bên kia suối, một chú cu cườm nãy giờ đang dõi theo từng hành động của thầy, liền cất tiếng gáy: *Cục u... u... u! Cục u... u... u... !*

Tiếng gáy của chú cu cườm làm mặt thầy sầm lại và thốt rằng:
- Khốn nạn! lên tới đây rồi mà không tránh khỏi sự dòm ngó.

Tiếng trách của thầy khơi dậy tánh tò mò của nhái xanh đang nằm trong khe đá dưới chân thầy. Nó liền thò đầu ra và thấy rõ nhất. Thấy thế nào mà nó cố phùng cổ kêu: *Deep... deep... deep... !*

Thầy chưa kịp chuyển tư thế để che bớt cái phù trần căn thì chú quạ bay qua truong cổ kêu: *To quaa... to quaa... to quaa... !*

Bay phía trên quạ là chú chèo béo, nghe quạ nói thế, nó nhìn xuống, thấy chẳng lớn bao nhiêu mà quạ lại khuếch đại nên bèn đính chính: *Có chút béo mà chọt-chọt, có chút béo mà chọt-chọt!*

Cái cảnh bàn tán dị nghị của quạ và chèo béo làm cho chú cu lửa không ngủ được, nó đành phải cất tiếng gáy dàn xếp: *Mày-coi-được-thì-nó-coi-được, mày-coi-được-thì-nó-coi-được!*

Từ xa, anh bìm bịp tức dùm cho thầy, mới cất giọng nhắc

nhờ: *Biết... biết... biết... !*

Đến lúc này, thầy chịu không nổi nữa mới lội xuống sâu hơn để tránh tai mắt những kẻ dòm ngó. Khi lội ra chỗ nước hơi sâu, thầy kỳ cọ chà rửa mạnh hơn để trút cơn bực tức bởi những kẻ nhiều chuyện kia. Nào ngờ “*tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dưa*” chú chích chòe đứng trên mõm đá rĩa lông hót: *Chàà... tốt... ! Chàà... tốt... !*

Thầy đang tức điên ruột thì chú dòng dục đang ấp trứng trong ổ trên cành cây phía đối diện cũng thò cổ ra nói đỡ cho thầy vài tiếng: *Hể thấy-là-chọc-chọc, hể thấy-là-chọc-chọc!*

Coi bộ không xong, thầy lên bờ khoác áo vào. Trong bụng cây chú tắc kè nghe hết mọi chuyện mới cố gắng bò lên xem thử ra sao. Nhưng vì quá già, chậm chạp nên vừa lên tới miệng cây thì thầy đã mặc đồ xong, nó đành tiếc, buộc miệng kêu: *Tức-gheê... ! Tức-gheê... !*

... Những cảnh tượng êm ả, sâu kín đó tưởng như chẳng có gì nhưng lại có tất cả, tốt có xấu có, dù bất cứ nơi đâu. Tốt xấu hay thị phi là chuyện bên ngoài. Sống trong một thị trường đối đãi, không sao tránh khỏi chuyện tương đối, nhất là lại người tu như chúng ta làm dâu trăm họ. Sống sao cho vừa lòng họ được, chi bằng hãy nhìn lại chính mình làm những việc gì nên làm, nghĩ những gì nên nghĩ, nói những gì nên nói, miễn sao hợp với chánh pháp là được. Sau dòng tư tưởng đó, thầy đồng đặc hét vang giữa núi rừng:

Chẳng thị cũng chẳng phi

Phân biệt để làm gì

Nếu cố gắng tu trì

Làm gì có thị phi.”

Tôi vừa kể xong là Ôn cười sặc sụa, tay càng quạt mạnh hơn và nói: “Ông viết chuyện này ra cho tui ghen!” Tôi dạ. Rất tiếc là tôi hứa với Ôn nhưng chưa viết được. Bởi vì năm đó, thầy tôi đi nước ngoài nên kêu tôi về coi chùa. Sau đó, cứ mỗi lần vô dạy, tôi đều ghé thăm Ôn. Mỗi lần như thế, Ôn đều nhắc.

... Tôi chưa kịp viết thì Ôn đã về Tây rồi. Thôi thì đành viết vào đây vậy.

Quảng Hạnh

Cuối Hạ 2005

GHI LẠI CUỘC NÓI CHUYỆN GIỮA THẦY VỚI ĐỆ TỬ

THÍCH PHƯỚC THẮNG

Cách đây hơn một năm, tôi–Phước Thắng–về hầu thăm Thầy tôi. Có nhiều vấn đề tôi hỏi Thầy; và Thầy cho phép thâu băng. Tôi rất tiếc chất lượng thâu rất kém nên có nhiều chỗ băng không ghi vì sử dụng băng cũ. Nên trong bài, chỗ nào có dấu chấm lửng(...) là chỗ không có tiếng Thầy. Vì quá dài nên tôi chỉ ghi lại ra đây một vài đoạn để quý Phật tử đọc mà nhớ lại ngôn ngữ mộc mạc của Thầy.

Về Rằm Tháng Bảy có bài thơ:

Cuối tháng Bảy vía Ngài Địa Tạng(...)

Hỏi rằng địa ngục trần gian

Tại sao vắng bóng oai quang của Ngài

Nhưng nghĩ lại có hai đáp số

Nước Việt Nam(...)

Tuy nhiên đương sự thấy cần

Quan Âm cứu khổ xa gần có ngay

Kìa sự thật nháy đây trên vách

Tên Mẹ hiền hiển hách Quan Âm
Chắc rằng có kẻ thành tâm
Được Ngài ứng hộ âm thầm khắc ghi
Nghĩ như thế không chi thắc mắc
Trái lại còn tấm tắc khen rằng
Các Ngài thật khéo phân công
Nguyện nào hạnh nấy cộng đồng độ sanh.

Ông Mục sư thách Ông Chùa làm Vè Con Muỗi. Ông Chùa
vè rằng:

Nghe vè nghe vè
Nghe vè con muỗi
Tánh tình lười thủi
Có máu ba lăm
Ý muốn ăn nằm
Vớ cùng con ráy
Cho nên táy máy
Bay tới bay lui
Mặc ai đuổi xua
Vẫn quay trở lại
Thế rồi lãi nhãi
Suốt cả ngày đêm
Không bớt không thêm
Vo ve muôn thuở.

Bài thơ **Nấu Chè**:

Sẵn có nước sôi nấu bữa chè
Bẻ hai bánh trắng bỏ vô nê
Chờ cho bánh chín đường nhiên hậu

Nấm tới nấm lui ngon quá hè.

Về việc hăng xì dầu của Phật học viện năm 1957:

Hãng Xi dầu thành lập năm 1957, lý do thành lập hãng là hồi đó trường không có quỹ, ai đưa điều tới thì tự túc, còn điều nào trường nuôi thì phục vụ cho trường, cuối cùng trường nuôi không được bao nhiêu, hầu hết các chùa tự túc. Tui nghĩ đến việc chung cho trường, khi đó, Tổng Trị Sự xổ số Tombola được 500 ngàn, chi cho Phật học viện này 400 ngàn. Tôi nhớ đại khái như thế... , mở hãng là dụng ý tự túc. Chuyện dong dài, tôi nhớ đại khái làm kinh tài cho Phật học viện, giao cho Thầy Thiện Minh chủ trương. Hồi đó, mình lập hãng rồi, thì có chủ hãng xì dầu Con Mèo nghe mình lập hãng nên trực tiếp ra đòi mua nhãn hiệu và mua lại hãng. Họ mua lại và bảo đảm sử dụng nhân công của mình. Hồi đó, mình một tháng chỉ cần 1700 đồng, mà nó đòi trả mua cho mình 60. 000 đồng một tháng, nó mua luôn nhãn hiệu, mua luôn cái hãng, mua luôn chỗ đất mình, hàng tháng nó trả tiền thuê, công nhân mình nó dùng hết. Quý Thầy gần hết là Đồng ý để cho Con Mèo, riêng Thầy Thiện Minh thì không, nói để xem lại. Sau nghiên cứu lại, Thầy nói cái này thuộc quyền của Tổng Trị Sự chứ không thuộc quyền của Phật học viện, Tổng Trị Sự không đồng ý bán cho Con Mèo. Khi đó, Con Mèo nói rằng hãng này sống không quá 2 năm, trước khi nó chào ra về, nó nói như vậy. Nhưng sau đó 3 năm mấy, bốn năm, hãng càng phát triển thì chính vợ chồng chủ hãng Con Mèo và kỹ sư của nó ra thăm lại. Nó nói trước đây hai năm, tôi có nói cái hãng này không sống quá hai năm, nhưng nay nói rằng cái hãng này sống với không gian và

thời gian của đất nước này. Cho đến nay, mặc dầu hăng xì dầu này không còn nhưng ở Huế còn, Sài Gòn còn và một vài nước trên thế giới còn sử dụng nhãn hiệu Lá Bò-đề này.

Có một ông Tàu, chủ hăng mì ăn liền tới xin Tui lấy nhãn hiệu Lá Bò-đề, và trả tiền huê hồng cho Tui, Tui hỏi vì sao ông lấy nhãn hiệu Bò-đề, ông ta nói vì nó nổi tiếng và uy tín quá, Tui nói chắc ông cũng là con nhà Phật, ông đem gieo rắc nhãn hiệu Bò-đề được rồi, vậy Tui không lấy tiền gì hết. Đến nay đã trên 40 năm rồi, hăng mì ăn liền với nhãn hiệu Lá Bò-đề vẫn còn, trên thị trường vẫn còn, không biết hiện ai làm chủ? Hồi đó, làm ra hăng xì dầu khổ sở kinh khủng lắm, bàn tay của Hòa Thượng. Thiện Minh dữ dội lắm. Có những khi cả đêm, Thầy xuống ép, nấu, thấy khổ sở lắm. Nói về mặt kinh Tế, Thầy Thiện Minh không kém ai, con người đáng sợ đáng kính...

Hồi mình ký hợp đồng với ông Tàu, ký quỹ 60. 000 đồng để ông ta sản xuất, mình phát hành. Sau đó, mình bán chạy quá, ổng bán ngổ sau, ổng đưa mình không đủ bán. Khi đó, Thầy Thiện Minh nói: “Bác làm không đủ bán, thôi thì chỉ lại cho mấy chú họ làm.” Ông nói nếu ổng phải chỉ thì ổng khỏi phải trả lại 60. 000 đồng. Hồi đó, ký quỹ 60 ngàn là dữ dội lắm.

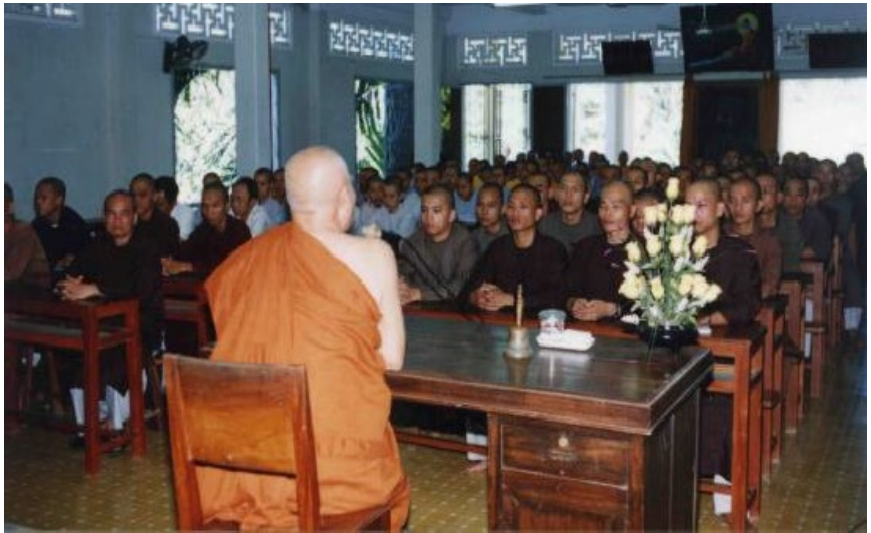
Sau bữa đó, Tết Tui (ở Sài Gòn) về ăn Tết ở đây, nghe Thầy Thiện Minh nói vậy. Tui nói: *“Thôi để ăn Tết xong, con mang chai xì dầu vô lại, nhờ ông Lâm Văn Quảng coi thử sao”*. Tết xong, Tui mang $\frac{1}{4}$ chai xì dầu vào cho kỹ sư Lâm Văn Quảng xem. Ông nói: *“Ừa, cái này ông Sư học rồi sao còn hỏi?”* Khi đó, Tui nói tài liệu Tui học rồi Tui bỏ ở Phan Rang rồi, nhờ kỹ sư chỉ lại dùm. Ông nói, đưa mấy Thầy vô đây ổng chỉ lại cho, ít bữa nữa

ổng đi châu Âu rồi. Tui nói Giác Đức, Đức Trạm, Đồng Thiện tới đó, ông Lâm Văn Quảng hướng dẫn cho. Lâm Hoàng Viên nó dạy, dạy mười bữa, nửa tháng đem về nấu trên chùa Giác Quang. Mấy ông Bắc ổng thích quá trời quá đất, đòi mua công thức đó. Bên nay nói không, học về để mà tự túc cho Phật học viện. Rồi ba ông Giác Đức, Đức Trạm và Đồng Thiện nấu, nấu sau 2,3 tháng bị hư, lỗ. Lỗ hết một trăm mấy chục ngàn bầm dập. Lúc đó, Thầy Thiện Minh nói: *“Thôi, Đồng Minh vô phòng thí nghiệm mân mê thử sao? Nếu được thì mình giữ làm, bằng không bán cho ông Tàu”*. Sau đó, Tui mân mê mười bữa gì đó, Tui trả lời được. Bên Tổng Trị sự đồng ý không bán cho ông Tàu. Lúc đó, Tui mới bắt tay vô làm. Mới thấy óc của mấy ông Tàu thật ghê gớm. Lúc mà mình chỉ cần 1. 700 đồng một tháng mà nó đã dám trả cho mình 60. 000 đồng 1 tháng, mà ông Thiện Minh thì còn ghê hơn nữa. Lúc đó, quý Thầy ai cũng đồng ý bán cho ông Tàu, vì hàng tháng, nó trả cho mình 60. 000 đồng, tiền đất tiền hăng nó trả lại cho mình, nhân công mình nó dùng hết, vậy mình có lỗ là gì đâu, lời kinh khủng. Vậy mà Ôn Thiện Minh thì không. Sau 3-4 năm, mình mới thấy, hàng tháng mình thu vô cả triệu. Mới thấy óc ông Thiện Minh dễ sợ, óc của mấy ông Tàu dễ sợ, không đơn giản. Khi Tui bắt đầu nắm hăng, bữa đó, sáng Tui qua dạy Anh Văn bên Hải Đức. Anh em chưa tới, ổng (Thiện Minh) ngồi nói chuyện với Tui, trước đây mấy Thầy khi học xong, Thầy nào về cũng nắm một cơ sở kinh tế như nhà in, sở trà, cà phê, cơ sở nào cũng được 2 năm thì mất cả vốn, nay Đồng Minh cũng mần học rồi, giờ nắm hăng xì dầu không biết sẽ ra sao. Tui trả lời, *“con bây giờ cũng không dám nói làm sao hết, cứ để thời gian trả lời.”* Sau 3-4 năm

công việc phát triển, ôn Thiện Siêu nói lại: “*Làm quân tử đâu phải khó, tài thượng phân minh là trượng phu, Tui thấy mấy năm nay, Đồng Minh nắm cơ sở kinh tài như thế, dựa vào các lời của các Ngài dạy, Thánh hiền dạy e cũng mang tiếng, cho nên cũng dễ sợ lắm. Khi nắm kinh tế của Phật học viện, Tui dứt khoát thể rằng, xưa nay người ta cầm dầu ‘dấy’ tay, mình làm thế nào cầm dầu đừng ‘dấy’ tay. Qua mấy năm làm việc với hăng, làm việc với Phật học viện, Tui dám hãnh diện điều đó*”.

Phước Thắng

ghi lại từ băng từ



QUẬY-MỘT KỶ NIỆM KHÓ QUÊN

NGUYỄN AN

Mùa Đông năm 1994, học tăng khóa II chúng tôi còn ở trên chùa Linh Sơn cầu dừa, cứ mỗi buổi chiều, vào lúc 15 giờ là cả đại chúng phải lên chánh điện để ngồi thiền, trừ những người bị bệnh và công tác đột xuất ra thì được miễn.

Tại chùa Linh Sơn, theo truyền thống, hễ lên chánh điện làm lễ là phải buộc ống quần. Chiều hôm đó, như thường lệ, 14 giờ 45, thầy Báo chúng đánh ba tiếng chuông báo hiệu giờ ngồi thiền sắp đến. Nghe tiếng chuông, ai nấy cũng vội vàng đi vệ sinh, buộc ống quần để lên chánh điện ngồi thiền. Lúc đó, bạn tôi tìm dây thun để buộc ống quần không có, nên đành liều mạng không buộc ống quần mà vẫn lên chánh điện. Vừa mới bước chân lên đến nhà tổ, thầy quản chúng kêu lại hỏi:

- Tiểu đệ! Sao không buộc ống quần? Bạn tôi nheo nheo mắt, cười đáp:

- Thưa sư huynh! Chú Tổ dạy buộc ống quần là nhằm nhắc nhở mình phải luôn buộc tâm; hơn nữa, buộc ống quần kiểu này thì đệ

ngồi kiết già không được. Huynh thông cảm nhen!

Nghe anh ta trả lời bằng giọng ọ ẹ, chúng tôi đứa nào cũng tím tím cười. Thầy quản chúng nghe vậy cũng hoan hỉ, không nói gì.

Qua sáng hôm sau là ngày Bối-tát, huynh đệ chúng tôi cùng nhau đi xuống chùa Long Sơn để Bối-tát. Trên đường đi, tôi chợt nảy ra ý nghĩ: *“Minh xuống quây Ôn, thử xem Ôn phản ứng như thế nào.”* (Vì lúc bấy giờ, tôi vào chùa mới được hai năm, chỉ nghe tiếng Ôn, chứ chưa được phước hầu chuyện với Ôn lần nào. Có lần, tôi nghe mấy thầy kể: Ôn Đồng là người nghiêm khắc lắm, nổi tiếng là người đánh điệu, vì Ôn chủ trương đánh điệu là để cúng dường chư Phật).

Đến chùa Long Sơn, sau khi mặc y hậu xong, vừa bước chân lên chánh điện, tôi đã thoáng thấy chiếc y màu vàng cam phất phơ sau tượng đức Bổn Sư, nơi Ôn thường đi tới đi lui trước giờ làm lễ, mà cũng là để cho bọn nhóc con chúng tôi có chuyện gì cũng dễ dàng thỉnh vấn. Trong lòng vừa mừng mà cũng lại vừa run, vì giáp mặt với Ôn, dường như ai cũng sợ; hơn nữa, đây là lần đầu tiên tôi đến quây Ôn, nên tôi rủ thêm vài người bạn nữa cùng đến để cho khỏi sợ. Sau khi tiến lại gần Ôn, chúng tôi vái chào, rồi xin phép hỏi:

- Nam mô Phật, bạch Ôn! Con thấy mấy thầy lên chánh điện làm lễ là phải buộc ống quần, sao Ôn không buộc?

Đang phe phẩy quạt, Ôn vỗ nhẹ lên đầu tôi, rồi vừa cười vừa nói:

- Ông quây tôi à! Tôi buộc ống quần thì sao đi được!

Nghe Ôn nói vậy, tôi mới đem câu chuyện hồi chiều hôm qua

ở trên chùa Linh Sơn kể Ôn nghe cho vui, Ôn liền cười nói:

- Ủ, cái chính là phải buộc tâm mình, phải chánh niệm tỉnh giác, còn buộc ống quần là để tăng thêm oai nghi, nhưng mấy chú không buộc ống quần thì không được. Tùy theo hoàn cảnh, tôi đây mà buộc ống quần thì sao đi được.

Sau đó Ôn hỏi tôi tên gì, tu ở chùa nào... Lần đầu tiên được tiếp chuyện với Ôn, tôi thấy sao Ôn hiền hòa dễ gần gũi, chẳng giống như lời mấy thầy lớn kể chút nào cả, hay là bây giờ Ôn đã đổi khác, trong đầu tôi nó nghĩ như vậy.

Nghe Ôn dạy xong, chúng tôi rất khoái chí. Vừa lúc ấy, boong, boong, boong... một hồi chuông báo hiệu đến giờ Bố-tát, Ôn sửa lại y, rồi đi xuống nhà Tổ, bọn nhóc chúng tôi leo đèo theo sau cười khúc khích.

Long Sơn, ngày Trường tịnh Kính lạy giác linh Ôn thầy từ gia họ

Kẻ cùng tử Nguyễn An

MỘT NGÀY HẦU THĂM THẦY

PHƯỚC THẮNG

Sáng ngày 29. 04. 2005, tôi vào bệnh viện Chợ Rẫy hầu thăm Thầy. Nhìn sắc diện, ai cũng có thể đoán biết tình trạng sức khoẻ của Thầy suy sụp nghiêm trọng. Tôi đứng bên, Thầy đang ngồi trên giường như đang tìm chút thư giãn sau một đêm khó ngủ vì lạ chỗ. Không một chút phiền lo, nét mặt vẫn tươi tỉnh, nhưng cũng không thể xóa được màu da vàng do di chứng của căn bệnh đã hiện ra khắp cơ thể Thầy, trong đó khuôn mặt màu vàng như đậm hơn. Thầy không nói được nhiều. Trong nhiều vấn đề tôi thưa hỏi, có vấn đề tài chánh, Thầy khẽ bảo: *“Đầy đủ, chu đáo. Các giáo sư, bác sĩ tận tình chạy chữa”*.

Quý Thầy thị giả diu Thầy đến bàn ăn. Đôi chân Thầy đã yếu lắm rồi, không còn làm chủ trong việc đi lại. Ăn xong, Thầy vẫn uống một chút nước chanh vắt như thường lệ. Rất có đồng Thầy quây quanh, nhiều chuyện vui trong việc này việc nọ làm Thầy trò cười vui vẻ. Lúc ấy, gần tám giờ sáng, y tá đẩy xe thuốc đến, thị giả đưa Thầy về lại giường nằm để chuyển serum.

Ra phía trước bệnh viện, tôi hỏi thầy Nguyên An rồi thầy Đức Thắng. Thầy Đức Thắng nói rõ cho tôi biết: Gan Thầy ung thư đa ổ, đợi kết quả xét nghiệm lần cuối rồi đưa Thầy về. Trước sự thật này, tôi nhớ cách đây một tháng, khi nghe thầy Tâm Nhân báo Thầy yếu, tôi về hầu thăm Thầy. Quả thật, sức khoẻ Thầy đã bắt đầu tuột dốc. Thầy nói với tôi: Tôi đã bị mười lăm năm tiểu đường, chữa trị chừng ấy là vừa, mọi việc không cần thiết nữa. Điều này đã hé mở cho tôi biết, ý nguyện của Thầy là không muốn sống nữa, nhất là không muốn tuổi đúng tám mươi để ngang bằng tuổi thọ của đức Phật. Phải chăng, Thầy muốn noi theo gương của Ngài Hộ Nhẫn ở Huế.

Được bác sĩ đồng ý, 4 giờ chiều, Thầy ra viện về Già Lam. Không nói ra, song trong thâm tâm, Thầy muốn về thăm Già Lam lần cuối; trong đó, cái đích thăm Ôn Trí Quang là chủ yếu. Thầy ngồi trên chiếc ghế dưới hiên trai đường đối diện phía trước gian thất của Ôn Trí Quang. Theo lời Thầy, Thầy Nguyên Giác lên thưa với Ôn Trí Quang, nhưng vào lúc bấy giờ Ôn đang đi toilet, Ôn có báo với Thầy Nguyên Giác nói lại với Thầy Đồng Minh tí nữa Ôn sẽ lên thăm. Sau đó các Thầy thị giả đưa Thầy lên phương trượng.

Gần sắp tối, Ôn Trí Quang lên phòng khách bên gian thờ Tổ gặp Thầy Đồng Minh. Tôi tránh không lên đứng hầu nghe, nên không rõ hai vị bàn nói việc gì trong hơn cả tiếng đồng hồ. Sau đó Ôn Trí Quang về lại thất, tôi nghe một Thầy nói lại, hai vị chỉ nói chuyện linh tinh, chuyện vui là chủ yếu. Rất hiếm Ôn Trí Quang đến thăm ai như vậy, song điều hiếm này đã xảy ra đủ nói lên tấm lòng thương tưởng một người học trò ưu việt của Đạo sắp già từ cuộc đời này là lớn lắm.

Tối hôm đó, trước khi về Đà Lạt, tôi lên hầu thăm và chào Thầy để ra xe. Lúc ấy, có Tịnh Minh chuyên nói chuyện tếu bên chiếc võng Thầy đang nằm được hai thị giả Nguyễn An và Huệ Đắc xoa dầu, đấm bóp tay chân. Qua chuyện tếu của Tịnh Minh, Thầy trò cười vui vẻ, tưởng chừng chẳng có bệnh tật gì xảy ra nghiêm trọng trước sự vô thường này. Tôi không rõ Tăng chúng Già Lam có đánh chuông trống Bát nhã tiễn đưa Thầy về lại Nha Trang vào lúc 4 giờ 30 phút sáng ngày mai như đã bàn bạc trong bữa ăn chiều hôm trước hay không. Hiện tại ngọn lửa mạng sống của Thầy đã trở nên khá mong manh trước cơn gió vô thường biến dịch vây quanh.

Phước Thắng

CẦN KIỂM LÀ BẢN CHẤT VÀ TẬP QUÁN CỦA TA ĐÓ

TỊNH MINH

Kính bạch giác linh Hòa Thượng thượng Đẳng hạ Minh,
đưỡng dục ân sư,

Sau khi đọc lại hai bức thư của Ôn gửi cho con, một đề ngày 9/6/1994, viết trên một mảnh giấy học trò, ngang 10 cm, dài 15 cm. (xin được đính kèm). Và một với đầu đề: PL. 2547. Nha Trang, ngày 19/11 Giáp Thân, viết trên hai mặt của một tờ giấy học trò, được cắt xén vuông vức, trong đó có đoạn: “... nhận được cuốn *Từng Giọt Nắng Hồng* cách nay bốn ngày. Tôi đọc 12 tiếng đồng hồ mỗi ngày, vừa xong lúc 12 giờ trưa hôm nay. Tôi quyết định in nó để cúng dường Ôn Trí Thủ.”

Lần đầu xem thư Ôn đến dòng chữ “Tôi đọc 12 tiếng đồng hồ mỗi ngày” thì con bàng hoàng, ngồi im lặng khá lâu mới đọc tiếp được. Trời ơi!... Sức khỏe Ôn đang trên đà cạn kiệt, vậy mà Ôn đã dành ba ngày rưỡi, 48 giờ định tâm xét duyệt để đi đến quyết định tối hậu. Hôm nay đọc lại thư Ôn, con lại nghĩ đến ngài Nigama Tissa trong ấn phẩm trên.

Sa-môn Tissa suốt đời cần kiệm, tri túc, thanh tịnh, quyết tâm tu hành, và cũng chính nhờ những phẩm hạnh đó mà Sư trở thành biểu tượng cao đẹp cho toàn thị trấn cách thành Xá Vệ không xa.

Sáng nào cũng thế, Sư đi thiền hành khát thực một vòng quanh làng, nơi bà con thân tộc của Sư cư ngụ. Thấy vậy, các Sa-môn thưa với Đức Bốn Sư:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tissa hay bận bịu, vướng víu với bà con thân tộc, chưa hề lên Xá Vệ khát thực, cho dù trường giả Cấp Cô Độc và quốc vương Ba Tư Nặc cúng dường rất nhiều lễ vật, không đâu sánh bằng.

Nghe vậy, Thế Tôn cho mời Tissa đến, hỏi:

- Nghe nói thầy ngày ngày quanh quẩn với bà con xóm làng, không bao giờ lên thành hóa duyên truyền đạo, có đúng vậy không?

- Bạch Thế Tôn, không phải con nặng lòng với bà con thân tộc. Con chỉ nhận vật thực của họ vừa đủ mỗi ngày một bữa cho con. Dù ngon hay dở, con vẫn nhiếp tâm thọ dụng, tán thán và chú nguyện công đức của đàn na thí chủ. Bạch Thế Tôn, con nghĩ như vậy là đủ lắm rồi. Mình chẳng lao động sản xuất ra của cải vật chất mà ngửa tay đón nhận lễ vật cúng dường quá nhiều thì e rằng không hợp, con sợ lắm!

Biết rõ tánh hạnh của Tissa, Đức Thế Tôn mỉm cười ca ngợi:

- Lành thay, lành thay, Sa-môn! Ta rất vui là có được một đệ tử như vậy. Nay Tissa, cần kiệm là bản chất và tập quán của ta đó.

Các thầy có mặt đều cúi đầu im lặng, rồi đánh lễ Thế Tôn và vái chào Tissa. Kính lạy giác linh Ôn, Ôn chuyên dịch Luật tạng và là Trưởng ban phiên dịch Pháp Tạng Phật Giáo Việt

Nam, giấy trắng chất cả phòng, vậy mà Ôn viết thư cho con trên mảnh giấy chỉ vón vện bằng bàn tay. Không phải, con nghĩ, Ôn hà tiện, hay xem thường thằng học trò “trật rơ” này, mà chính vì “cần kiệm là bản chất và tập quán” của Thế Tôn và môn đệ Ngài. Ngay trong thời Ôn được mệnh danh là ông Thầy “xì-dầu” tỷ phú, thì Ôn cũng chỉ có “tam y cụ túc” với xâu chuỗi Bồ-đề trên tay. Đúng là *“Tiền rừng bạc biển cho dù, trên tay Thầy một chuỗi xâu Bồ-đề, nay Thầy già biệt sơn khê, Long Sơn Hải Đức vọng về Pháp âm”*.

Con ghi lại những dòng này với thâm tâm thành kính tri ân và lưu giữ nét bút ân tình mà Ôn đã dành cho con qua bao năm tháng.

Tịnh Minh



VIỄN LY ĐẠI MỘNG

Sớm nhìn sương tan liễu ngộ trần gian mộng ảo
Chiều nghe chuông đổ dẫn bước lộ trình viễn ly
Mấy mươi năm lặng lẽ hạnh sâu
Trụ tích một phương hóa mọi miền
Hải-Đức lưu hình trăng vô ảnh
Long-Sơn tàng-hiển bóng rỗng thiêng
Đồng triệt bán-tâm tứ-quả tam-thừa qui nhất
Minh linh chơn-tánh lục-độ vạn-hạnh tức không
Nói, như chưa từng nói
Im, như chưa từng im
Mà ba cõi dội vang tiếng gấm sư-tử
Đến: không gợn sóng hồ im
Đi: chẳng xao khung trời lặng
Mà ta-bà sáng ngời dấu ấn tượng-vương
Bốn chúng nghiêng mình
Đất trời chuyển rung
Tiễn biệt bước chân đại hùng.

Kính dâng Thầy, Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh
Chùa Long Sơn Nha Trang

Đệ tử Vĩnh Hào
từ phương ngoại vọng bái

TỊNH HÓA NHIỆM MẪU

Thành kính tưởng niệm

Giác linh Hòa Thượng. Luật sư Thượng ĐỒNG hạ MINH

Trưởng ban phiên dịch Pháp Tạng PGVN

HOÀ đời hoà đạo ngát hương bay

THƯỢNG đức thượng tâm tỏa trí tài

ĐỒNG hóa trần gian tươi ánh đạo

MINH minh rạng rỡ pháp Nha Lai!

LUẬT giới trọn đời nghiêm túc hạnh

SƯ thường tinh tấn tứ uy nghi

CHỦ tâm “Nhất dạ hiền” miên mật

TRÌ tụng “Duy Ma...” nhập đại bi!

PHIÊN bản tùy cơ... nhân vạn bản

DỊCH từ ngữ nghĩa chuyển thiên thi

PHÁP âm Chư Phật ngân vang mãi...

TẶNG tích Bồ đề-Đạo bất di.

NIẾT thị Kim Cang... như thị chứng

BÀN quy thể tánh sáng thanh quy

CHON thân vi diệu hồi quang chiếu,

TỊNH hóa nhiệm mẫu-Tự tại phi!

Lễ tuần Chung thất, 30/6 ÂL/Ất Dậu (2005)

Trần Quê Hương

CẢM XÚC TRƯỚC SỰ RA ĐI CỦA ÔN

Cho con!

Bất ngờ trong buổi lễ.

Ngưỡng lên Phật từ bi!

Con gặp lại, ánh mắt!

Của Thầy lúc ra đi...

Ta Bà chiều biệt ly.

Trời người đều vương lệ.

Hạ buông cuốn nắng về

Trong! Lặng! Đến tái tê!

Cái nhìn sắp rời xa!

Veo veo, không ngấn lệ.

Biển Pháp di lại thế.

Dẫn lối con quay về...

Kính đặt đầu sát đất.

Nguyện giữ gìn “mắt trong”

Ngày tháng chốn bụi hồng.

Con đi trong biển pháp.

Thành kính đánh lễ Giác Linh Ôn

Con, Diệu Tịnh

TƯỜNG NIỆM THẦY

Ngày tiễn thầy ra đi
Hoa héo sầu dưới nắng
Long Sơn thêm trống vắng
Đường tỉnh lặng buồn tênh.

Trong không gian mông mênh
Hải triều cứ thét ghenh
Con quỳ bên mộ tháp
Khói hương lời cầu kinh

Con cúi xuống lạy thầy
Kim quan vẫn còn đây
Âm dung sao ly biệt
Chuông Phật đường nhẹ bay

Sáng Nha Trang trầm lắng
Mây giăng sầu hạ trắng
Từng búp nhủ chồi non
Rớt rơi ngàn giọt đắng

Thầy nay đã đi rồi
Chùa hoang vắng lẻ loi
Ôi gương lành hiền sĩ
Con mất thầy—đơn côi.

Bên cát bụi mộ phần
Lòng con cứ trào dâng
Đời hợp tan quạnh quẽ
Cõi vô thường băng khuâng.

Nhớ lời thầy chỉ dạy
Sống lợi đạo ích đời
Tạc lòng son suy nghĩ
Lời thầy con khắc ghi.

Con đốt nén tâm hương
Khấn nguyện đến ngàn phương
Linh thiêng thầy ân chứng
Đạo con nguyện soi đường.

Thanh Vũ

TRẦM HƯƠNG TIỄN BIỆT

Thầy đi về cõi mây ngàn
Còn con ở lại châu trần chạn sa
Long Sơn đường đổ mưa hoa
Mười phương-Nam Bắc gần xa hội về
Hoa sầu ươm nắng hương quê
Trầm hương tiễn biệt tái tê tâm hồn
Đánh lễ thầy-tạc lòng son
Lời kinh pháp tự vẫn còn vấn vương
Địa đàn gọi nhớ gọi thương
Thầy đi trong cõi diệu thường chân tâm
Vỗ về cánh hạc xa xăm
Mây ngàn gió bạc thăng trầm bao phen
Nay-con một bóng một đèn
Đôi tay chắp chặt búp sen nguyện cầu
Cầu xin Phật lực nhiệm màu
Giác Linh thấy được về mau Niết Bàn.

Thanh Vũ

KÍNH BÁI TIỀN THẦY VỀ TRANG NGHIÊM ĐỘ

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Kính bạch Thầy,

Cả cuộc đời của Thầy là tấm gương trong sáng, phản ánh trọn đầy:

nào giới, nào định, nào tuệ;

nào trí, nào dũng, nào bi;

đối với hàng hậu sinh, phủ trùm trọng ân pháp nhũ.

Hôm nay cúi hết lửa tắt,

Thầy xả báo thân, về nơi không tịch.

Nhưng không phải như thế gian nói lời vĩnh biệt,

mà trong không lường hạnh nguyện độ sinh,

Thầy trị vẫn mãi mãi Đồng hành.

Chúng con thành kính bái tiễn Thầy về Trang-nghiêm độ.

Hải ngoại, ngày 18 - 06 - 2005

Pháp Đệ - Tịnh Cơ



CUNG TIỀN THẦY

Giữa mùa Hạ tiết trời gay gắt
Sao trở nên vui tắt trong tôi
Bốn phương Phật tử bồi hồi
Chắp tay niệm Phật tiễn Thầy về Tây

Miền cát trắng từ đây vắng bóng
Bạc chân tu trọn sống cho đời
Tấm gương đức hạnh tuyệt vời
Việc đời hạnh đạo đầy vui trọn tình

Đê đầu lạy giác linh Hòa Thượng
Cung tiễn Ngài trực hướng Tây quy
Trần gian lắm kẻ mê si
Mong Ngài thương xót hồi quy Ta-bà

Với đức tánh vị tha xả kỷ
Độ quần sanh nộ hỷ ghét thương
Thấy đều chứng ngộ chơn thường
Không còn tranh đoạt, vẫn vương cõi trần.

Kính lạy Ôn

Pháp từ Huệ Đắc

BÁI BIỆT N SU

Thành kính đánh lễ Giác Linh Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh

Con đang lật trang Luật Kinh Ngài viết

Để hiểu sâu nghĩa Y áo Cà sa

Đọc dang dở, con hay tin bi thiết

Người mãi duyên, vừa ra khỏi Ta Bà !

Hỡi ôi !

Bài con viết về Sa Môn Tăng Sĩ

Đang chờ Người duyệt chứng nghĩa cho con.

Viết chưa xong, Người thấu thần an nghỉ

Cầm bản văn lòng se thắt, héo hon.

Nhớ Giác Linh xưa:

Tại Nhơn Khánh, An Nhơn, Bình Định

Xứ anh hùng, nơi đất Tổ sinh thân.

Hai anh em đều lập chí xuất trần

Mười ba tuổi vừa đồng chơn nhập Đạo.

Nhờ Cha Mẹ đã tin sâu Tam bảo

Nên sanh con bực Thánh Chứng Thiệu Long

Đời Bốn Mươi Hai Lâm Tế Môn Phong

Sư Chơn Quang ban “Đồng Minh” Đạo hiệu.

Chùa Khánh Vân tu ba năm, làm điệu
Khánh Vân xưa khai mở nghiệp Lý Triều
Khánh Vân nay dưỡng Thạc Đức cao siêu
Tuổi mười sáu thọ Sa Di giới pháp.

Nhiều danh Tăng xét căn ưa, duyên hạp
Dem về trao hết sở học, sở hành
Qua Thiên Hưng rồi chuyển đến Thiền Lâm
Ngài Trí Thắng, Ngài Huyền Tân dạy Đạo.

Mười chín tuổi được Thập Sư giám khảo
Và Quốc Sư cũng đặc cách cho truyền
Quý hóa thay! Thật hy hữu nhân duyên
Tại Thiên Đức, Người đăng đàn thọ giới.

Rồi tiếp tục tại Nha Trang Trung Việt
Trải bốn năm Người mài miệt học tu
Mãn Học Đường, Người thâm hậu công phu
Năm “Năm Tư” (54) vào Sài Gòn học Được.

Là chân Tăng, Ngài thương dân, yêu nước
Nên dời trau nhiều phương chúc độ sinh
Từ Công Xảo đến Y Phương Minh
Gồm thấu thấy nơi mình bao phương tiện.

Rồi sau đó với nhu cầu tu tiến
Vượt đường xa ra xứ Huế tầm Thầy
Đủ phước duyên như Rồng được gặp mây
Ngài tham học những Danh Tăng Thượng Thủ.

Tại Từ Quang, Ngài hai năm lưu trú

Cấp chuyên sâu, Ngài học đủ sách kinh
Phật Pháp như hải tạng chứa vào mình
Kể từ đó lo độ sinh, độ chúng.

Năm Năm Bảy (57) nhiều khó khăn nghèo túng
Làm Vị Trai, mở hăng “Lá Bồ Đề”
Ngài phân công, tổ chức đủ mọi bề
Việc bào chế vốn là nghề lão luyện.

Thế mới hay thuật tùy cơ ứng biến
Ngài triển khai nhiều phương tiện tuyệt vời
Nương đức Ngài, Tăng chúng được thanh thoi
Bồi Tuệ Trí cho đèn Thiền tỏ rạng.

Đến Sáu Ba (63) khi gặp cơn pháp nạn
Lòng vị tha với vô hạn Tâm Từ
Tâm vẫn hằng an trụ cõi chơn như
Thân lẫn xả vào đấu tranh phản đối.

Rồi sau đó khi tình hình an ổn
Giáo hội cần lo chỉnh đốn lớp trường
Vụ Giáo Dục, Ngài - Vụ Trưởng - thừa đương
Rồi Giám Học Phật Học Đường Hải Đức.

Cao Đẳng mở, Ngài chung tay góp sức
Lo điều hành, chăm sóc mọi Tăng sinh
Bắp cải, chén tương thật thấm thía ân tình
Nuôi bao lớp Tăng tài cho Đạo Pháp.

Ngài từng chịu bao nhiêu năm khổ cực
Cũng bởi vì thời thế với chướng ma
Nhưng lửa sao thiêu hủy được vàng già

Ngọc càng giũa, càng xát chà, càng sáng.

Từ Tám Hai (82) vẫn kiên trì không nản
Dạy Luật và Tuyên Luật khắp Đạo tràng
Cho Pháp âm vẫn còn mãi ngân vang
Cho bảy chúng được cơ duyên tế độ.

Những năm sau không ngại già, ngại khó
Ngài đứng ra lo việc dịch Luật–Kinh
Sau bao năm đã để lại công trình
Thật đồ sộ làm giàu cho Tạng Việt.

Ơn đức Ngài kể làm sao cho xiết
Hiện giờ đây còn bao việc dở dang
Thế mà Ngài đã mãn hóa trần gian
Khiến tứ chúng dạ bàng hoàng thương tiếc.

Khi sinh tiền dù lo toan trăm việc
Ngài vẫn thường thăm Bình Định Tỉnh nhà
Thầy và Ngài cùng đàm Đạo uống trà
Con hầu cạnh như bên Cha, bên Chú.

Dù ít ỏi, hiếm hoi nhưng cũng đủ
Động trong con sâu sắc những ân tình
Giờ này đây Ngài cất bước đăng trình
Con nhìn lại di hình bao thốn thức.

Đời hiếm có bậc Cao Tăng Thạc Đức
Nay còn đâu “Sư tử của miền Trung”
Phong thái an nhiên đỉnh đặc ung dung
Các loài thú đều hãi hùng kính nể!

*Phương trời xa con ngậm ngùi rơi lệ
Nén tâm hương xin kính tiễn Ân Sư
Hết đạo chơi trong cuộc thế huyễn hư
Nguyện Người nhập thể nhất như tịch diệt.*

Nam Mô Tụ Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhị Thế, Khánh
Vân đường thượng, Long Sơn trụ trì, húy Thị Khai, tự Hạnh
Huệ, hiệu Đồng Minh Hòa Thượng Giác Linh thùy từ chứng
giám.

*Chùa Lục Hòa, Boston, Hoa Kỳ, ngày 17 tháng 06 năm 2005
(Ngày 11 tháng 05 Ất Dậu)*

Khế Thủ Thích Đồng Trí

NỤ CƯỜI NHƯ THỊ

(Viết sau khi đánh lễ Ôn sáng 13-5-ất Dậu)

Sáng nay, khi mặt trời vừa thức
Vươn lên cao soi sáng áng mây lành,
Dáng từ giữa chốn u linh
Toát lên rực rỡ muôn vầng hào quang.
Trong phương tiện địa đàng
Triệu con tim bàng hoàng xúc động
Ta-bà huyễn mộng
Cánh hạc vàng chuyển bóng đặng trình.
Thầy đến rực ánh bình minh
Thầy đi cõi thế giạt mình tối tăm,
Ánh trăng rằm
Như không buồn thấp cho trần gian giọt sáng
Mây trôi lãng đãng
Sợ giạt mình muôn vạn niềm thương.
Giờ đây trong cõi Chơn Thường
Linh mình an trú.
Trước linh đài, đàn con phủ thủ
Trên tòa sen, Thầy mỉm nụ an nhiên
Vầng từ quang rực sáng mọi miền
Lắng dịu xuống những đảo điên ngôn ngữ,
Bời chúng con từng quá đại khờ
Ngã nhân bi thủ.
Khi dừng lại mới biết rằng hiện hữu
Trong nguồn tâm một nụ cười như thị tinh khôi.

Nhưng, lũ khách vừa hồi đầu nhìn lại
 Bóng từng xưa đã khép mãi dòng sinh.
 Dẫu biết rằng sinh diệt, diệt sinh
 Đến và đi như trần tình tự tán,
 Con có buồn đâu những ngày tháng đã qua
 Vì thương mình mà cảm thấy xót xa.
 Nụ cười Thầy bỗng nhòa đi trong khoảnh khắc
 Thì ra giọt lệ tràn khóe mắt tự bao giờ.
 Đàn con một dạ ngẩn ngơ
 Thầm tiếc nuôi mình hững hờ quá đổi,
 Phù vân ngẩn ngui
 Nhật nguyệt ta đà
 Lơ lảo mãi với trần sa chiết bóng
 Bỏ quên đi một hiện sinh tiềm động
 Rờ rở uyên nguyên.
 Vẫn đâu đây một nụ cười thiền,
 Đang thể nhập vào vô biên chân ảnh.
 Trăng Linh Thâu chiếu miền Lạc cảnh
 Gió Từ Bi phát phương chốn Ta-bà.
 Khi nào ta nhận ra ta
 Hạc Tùng nào có cách xa mấy trần.
 Dù cho tuế nguyệt xoay vần
 Trong ta thấm đượm bao lần pháp âm.
 Thầy giờ Thượng phẩm đăng lâm,
 Nụ an nhiên ấy trong ngần như như.

Đệ tử Đạo Quang

khẩu

thủ

BÓNG AI ĐẸP SẮC VÀNG

Một thời ra sức kinh tài,
Bóng dù lặng lẽ sớm mai xế chiều.
Con đường trước mặt liêu xiêu
Mối lo hậu thế còn nhiều vấn vương;
Chuyện đèn sách, chuyện rau tương,
Lòng Thầy nghiêm phụ tình thương vô cùng.
Nụ cười hoan hỉ bao dung,
Năm ngôi đi đứng chẳng dừng oai nghi.
Đốc lòng sách tấn Tăng Ni,
Giảng sư–Giám luật nghiêm trì tinh thông.
Ngoài hàng long tượng thiền môn,
Nêu gương phạm hạnh thiền phong sáng ngời.
Chén trà đạo vị thánh thời,
Vui cùng pháp lý, giọng cười âm ba.
Biết thân bệnh tật tuổi già,
Vô thường hơi thở vào ra vô thường;
Một câu chánh niệm không buông,
Xả thân giả hợp lên đường hóa sanh.
Long Sơn nắng hạ trong lành,
Mùa an cư lại trở thành cư tang.
Bóng ai đẹp sắc y vàng,
Tay phe phẩy quạt gió ngàn bay lên.

11-05-Ất Dậu (17-06-2005)

Thành kính đánh lễ

Đệ tử Tâm Chơn Tôn Nữ Thanh Yên

LỄ VÔ THƯỜNG

Như sao sáng giữa trời tăm tối
Suốt cuộc đời hành hóa lợi tha
Ra công xây đắp nhà Phật pháp
Soi đèn trí tuệ khắp muôn nơi.

Bổn đau con vô thường ập đến
Như mây đen sấm chớp ủa về
Lũ chúng con làm sao kể xiết
Nỗi bàng hoàng lo sợ vay quanh.

Thầy vẫn vậy an nhiên tĩnh tọa
Giữa vô thường bệnh tật bủa vây
Như chẳng có chút gì đau đớn
Cao cả thay định lực của Thầy.

Rồi một đêm duyên lành mỹ mãn
Bỏ lại thân giả tạm vô thường
Thầy an nhiên về miền cực lạc
Ngộ lẽ vô thường, lý sắc không.

Nguyễn Tấn

THƯỜNG TÀI

Ai đã xếp tàn y chưa nhỉ!
Mà nghe nhớ gió thoảng đượm mùi hương
Chiều đã về trên non quạnh quẽ
Người đi đâu để lá rũ buồn thương
Bước chân lẩn dò mộng mị,
Lập lờ đom đóm dậm trường
Mù mịt khói sương
Côn trùng rên rĩ
Rừng sâu ánh đuốc soi đường
Lâu rồi ngàn ngàn thế kỷ
Đến Đi một nẻo kim cương
Đâu là biên cương,
Đâu là vóc thể
Trăng lung linh soi lời đại thế
Tâm như như nhập nội vô thường
Hồng trần đau có mà vương
Vào ra thực mộng một chương không lời
Nhìn trăng già trẻ đầy vơi
Ôm trăng già trẻ đầy vơi vô nghi
Long Sơn nào xếp tàn y
Đạo tràng nào có chuyển di bao giờ.

Pháp đệ Hạnh Cơ

Kính bái

CON THUYỀN NHẹ TÊNҺ

Một chiếc thuyền con hướng về bờ kia
Điểm khởi hành đã xa không còn nhớ rõ
Tới đâu có gì hay đó
Hành trang mang theo đã rơi rớt hết dọc đường
Trời thương
Đất thương
Nhưng có ích gì dù với ngàn dây kéo
Nếu tự mình không ra sức bơi chèo
Đôi mắt nhìn vào hải đảo
Vầng sáng tỏ trên đầu đọt chuối
Ồi xinh đẹp tuyệt kỳ
Toàn thân cây chuối lóng lánh kim cương
Trời là đâu
Đất là đâu
Mười phương sáu nẻo là đâu
Trong chiếc thuyền con ngọn đèn vừa thấp sáng
Hòa nhập vầng sáng trên đầu đọt chuối
Con thuyền nhẹ tênһ.

Kính dâng Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh

Pháp đệ Hạnh Cơ

Kính bái

NHỚ LỜI ÔN DẠY

Ngày đau Ôn chữa ở Sài Gòn
Đang nằm Ôn ngồi dậy khuyên con:
“Nên tu đừng chạy theo ồn náo”
Ngày ấy, lời hay, nay vẫn còn.

VỀ THĂM ÔN

Nha Trang con đến đã khuya rồi
Một mình thăm bước quá chơi vơi
Trong tâm gọi nhớ và điều ước
Hỏi được ngồi an dưới chân Người.

LẠY ÔN

Con quỳ lạy sát dưới chân Người,
Tâm thành nhưng dạ tiếc khôn nguôi.
Ánh trắng màu nhạt trên màu lá
Cỏ hoa im bật tiếng reo cười.

Thích Quảng Thanh

CỘI TÙNG NGÃ BÓNG

Rừng tùng thưa thớt từ nay
Cội tùng ngã bóng về Tây xa vời
Thầy đi để lại cho đời
Giới đức nghiêm tịnh người người kính thương
An nhiên trong thế Kiết tường
Nhẹ nhàng xả báo lên đường về Tây
Tâm hương một nén dâng Thầy
Thành tâm bái biệt tiễn Thầy về ngôi.

LẠY THẦY

Tường bọc lưu cuốn mắt
Cuốn luôn cả ân thâm xuống ngục A-tỳ
Hôm nay con từ địa ngục về đây
Có bàn tay Thầy cứu vớt
Hai cột mốc con ghi vào tàng thức
Trên chuyến tàu xa xưa ấy
Thầy đưa con vào Tu viện Và giờ đây...
Lần cuối con lạy Thầy!

Phước Thắng

TRÁI DÒNG TÂM THỨC

Cung tiễn Tôn sư an bảo sở
Tâm thành đánh lễ Tôn sư
Trái dòng tâm thức, thực hư đâu là
Vô thường ai chẳng bước qua
Sao nghe lệ thấm, nhạt nhòa lòng con
Bây giờ Thầy trở về non
Cửa không, trăng tỏ, lối mòn thiên thu
Trời cao, đất rộng mệnh mông
Một vầng Tuệ nhật, Thái không như là
Lời Thầy, bao nỗi thiết tha
Tâm Thầy, chở cả sơn hà trăng sao
Nguyện Thầy, đá nát vàng phai
Hạnh Thầy, thoang thoang hoa lài nhẹ hương
Thống tay đạo khắp phố phường
Sắc không, chữ cũng tiếng cười thình không
An nhiên bên cõi trời hồng
Khứ lai nhậm vận, Chân thân suối nguồn
“Ai vui sanh tử lộn quanh
Thầy chơi Hoa Tạng, gối đầu không môn.”

Đệ tử Thích Thiện Đạo

NỖI BUỒN TIỀN BIỆT ÔN

Chốn hồng trần hiện thân
Đại sĩ Tám mươi năm hiện hữu tùy duyên
Năm chín Hạ thao lược luật thiên
Công thành quả mãn nhập vô vi.
Cúi đầu qui kính lễ Ôn!
Chân tu: uyên bác, ôn tồn, vị tha.
Qua rồi bao nhĩ mùa thu,
Độc hành đôi dép cao su rách sòn,
Nâu sông bình dị giản đơn,
Ba y, một chuỗi nào sòn chí cao.
Tuổi cao chí cũng vươn cao,
Dịch kinh, chứng nghĩa... phút nào nghỉ ngơi,
Càng già càng hạ quyết tâm,
Công phu tu tập, nghiên tẩm sử kinh...
Suốt đời bình dị thanh cao,
Tán dương khen tụng làm sao cho cùng.
Tâm thành con nguyện kính cung,
Dâng lên cảm nghĩ không cùng về Ôn.
Ôn về cảnh giới vô phiền,
Chúng con ở lại tùy duyên tu hành.
Tâm thành kính lễ Giác linh Ôn

Phật tử Nguyễn Thị Hoàng Yến

ÂN SÂU LẮNG ĐỘNG

Kính lạy Giác linh Thầy,
Được tin Thầy xả báo thân
Tai nghe lảng đãng như gần như xa
Không tin. Nước mắt nhạt nhòa
Bàng hoàng. Để tuột tách trà khỏi tay
Tình riêng, sâu thẳm ai hay
Tình chung, nay gọi bằng “Thầy”.
Phạm sao! Nào ai, ai biết cho nào?
Năm mươi năm trước biết nhau.
Đã Thầy Nhớ ngày Hải Đức sum vầy
Thầy lo kinh tế đủ đầy quanh năm
“Dép Bình Trị” – “mũ khu năm”
Miệt mài năm, lại qua năm miệt mài!
Bước đi vẫn nét khoan thai,
Nghiêm trang, vẫn giữ nét hài trên môi.
Hỏi han, vẫn nở nụ cười
Cúi chào nghiêm nghị, nét tươi chân tình
Vui cùng tuổi trẻ tăng sinh
Biết bao lớp lớp trưởng thành bay cao
Xuất ngoại nào, đại học nào
Giảng sư hiệu trưởng... tương chao.
Ôn Thầy “Thân cò” một thuở hao gầy
“Lặn lội” đêm ngày, nuôi lớn cò con
Công Ôn giáo dưỡng vuông tròn
Nghiêm tằm Kinh Luật điểm son rạng ngời

Tấm gương đạo hạnh soi đời
Bể Thích vắng Người mây phủ mưa giăng
Đếm bàn tay được mấy trăng
Mười sáu, trăng rằm sao vội khuất non
Voi đi ánh ngọc trăng tròn
Núi rừng, cây cỏ, nước con cũng sầu
Hướng ai vượn chút tình sâu
Ơn giáo dưỡng, nghĩa nhiệm mầu lắm thay
Bát cơm Phiếu mẫu độ ngày,
Mà người thọ nhận sánh tày biển non.
Báo thân xá, pháp thân còn
Bóng Thầy vẫn mãi sắc son với đời,
Đêm nay, trăng mười bốn rạng lưng đôi
Ngày mai, Thầy già biệt. Ánh trăng ngời. Tròn xoe.
Long Sơn, đêm 14 tháng 05 năm Ất Dậu.

Phước Hải

KHÓC ÔN !

Thấy con gầy
Ôn vừa cười vừa nói
Trông đáng Thấy
E đi trước tôi!
Lời nói ấy
Hôm nào còn đó
Với nụ cười
Ánh mắt từ bi.
Sao chiều nay
Ôn lại ra đi!
Trong tư thế
Kiết tường như Phật.
Miệng mỉm cười
Thân thần thị tịch
Giữa trời chiều,
Khuất bóng hoàng hôn.
Ôi! Còn đâu nữa!
Còn đâu nữa!
Cội tùng già đã ngã về Tây.
Xứ Trầm Hương phảng phất bi thương
Hương Giới đức của bậc Long tượng.
Tùng thượng chí hạ
Khấp như thiên tuôn lệ bi ai*

* Trước giờ thỉnh nhục thân Ôn xuống quan tại nhà Tây thì trời đổ mưa.

Khóc tiếc thương bậc Đại Sĩ xuất trần
Che mát cả muôn ngàn thế giới.
Hỡi ơi!
Sao mà chóng thế! Sao mà chóng thế!
Để lại cho đời bao sự tiếc thương.
Đúng như lời Ôn từng răn chúng:
“Hãy sống sao cho đáng sống Khi ta chào đời
Mọi người cười, ta khóc;
Khi ta nhắm mắt
Mọi người khóc, ta cười.”
Sống được như vậy thì nên sống.
Thị giả Ôn,
Nguyễn An
Kính khắp bái

ĐẠI TẠNG KINH LỜI VÀNG ĐỨC PHẬT

Đến kinh Đại Tạng yên nguyên
Lời vàng Đức Phật lưu truyền thế gian
Chúng tu Phật tử Việt Nam
Tụng kinh tiếng Việt mới mang hiệu kinh
Thông tâm nghĩa lý giạt mình
Gìn thân giữ ý uy nghi tịnh tường
Lời vàng Phật dạy đúng đường
Thông qua các pháp, cúng dường Pháp môn
Là môn tối thắng không lường
Bồ đề lưu chuyển con đường tối cao
Ta bà bể khổ chẳng vào
Trí tâm sáng suốt gọi chào mừng ta
Di Đà hiển hiện Phật Đà
Đường về giải thoát thiên ca tuyệt vời
Giữ tâm gìn ý không rời
Rèn thân dưỡng tánh đạo đời song tu
Thấy Đồng Minh chí đại từ
Đến kinh Đại Tạng tu tu hộ trì
Cảm niệm Thầy Đồng Minh

Hồ Hương Lộc

California, Mỹ quốc, 17. 6. 2005

LÁ BỒ ĐỀ RƠI

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Chúng con Tăng Ni Phật Tử Chùa Hải Ấn tại tiểu bang Connecticut, Hoa Kỳ thành tâm đánh lễ Giác Linh n Sư Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh cao đẳng Phật quốc, ngưỡng nguyện Hòa Thượng từ bi hồi nhập Ta Bà cứu độ chúng sinh.

*Lá Bồ Đề rơi,
Sân Chùa chợt hoang vắng.
Hải Đức, Già Lam,
Phổ Đà, Báo Quốc..
Gót hài lối cũ còn lưu dấu,
Pháp thân hiển hiện vẫn còn đây.*

*Chiếc dầy năm xưa,
Trầu nặng trên vai.
Bụi hồng khuất néo,
Tăng bào nhuộm sương.
n Thầy trái khắp mười phương,
Bát cơm Phiếu mẫu nấu nương bao đời.
Cánh cò lặn lội khắp nơi,
Gian nan chẳng quản, đầy vơi không màng.*

**Nhất bát thiên gia phạn,
Cô thân vạn lý du.
Kỳ vi sanh tử sự,
Giáo hóa độ xuân thu.**

Dịch nghĩa:
**Bình bát cơm ngàn nhà,
Binh bát cơm ngàn nhà,**

Đơn thân trên đường xa.

Nguyện cứu đời thoát khổ,

Giáo hóa khắp Ta Bà.

Mặc cho chiến cuộc,

Thế sự xoay vần.

Trong cõi u minh,

Sáng lòng Bồ-tát

Long Sơn đá vọng lời kinh

Nha Trang vang tiếng Hải Triều hôm mai.

Tấm lòng muôn thuở không lay,

Lá rơi về cõi, xanh cây Bồ-đề.

Nam Mô Tự Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhị Thế, Long Sơn đường thượng, húy thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh Hòa Thượng Giác Linh thùy từ chứng giám.

Phật lịch 2549, ngày 19 tháng 6 năm 2005

Thích Trí Hoàng (tăng sinh Già Lam 1968)

cùng Tăng Ni Phật Tử đồng khắp bái.

Chùa Hải Ấn 255 Cherry Street

New Britain, Connecticut 06051 - USA

BÙN KHÔNG NHUỐM ĐƯỢC

Thành kính dâng Ôn

*Đi trước thế nhân
Bụi trần không dính mắc
Xả sạch buộc ràng, về cõi Lạc bang
Như thể loài hoa
Ở bùn
Bùn không nhuộm được
Duyên chuyển sinh mầm, lá rộng bung xanh
Với bùn
Chắt lọc tinh anh
Thơm nức Hạ
Vươn mình mím búp
Rạng rỡ tươi hoa nụ cười đồng lúc
Thức dậy quanh thấy biết mấy là hoa
Thấy là hoa
Đứng trước muôn hoa
Hoa sen trắng thơm nhuần đức hạnh
Đánh lễ thầy
Con nhìn di ảnh chiêm ngưỡng nụ cười, an lạc vây quanh.
Sau chung thất Ôn Cuối Hạ - PL. 2549*

Quảng Thế Nguyễn Hoàng Phiệt

THIÊN THU MỘT BÓNG HÌNH

(Tuồng niệm Hòa Thượng. Giáo thọ Đồng Minh)

Đôi Hải Đúc trời cao gió lộng
Biển Nha Trang nước thẳm sóng dồi
Than ôi! Long tượng đi rồi
Liên trì thanh tịnh, đến hồi khai hoa.

Chốn trần thế gần xa thương nhớ
Cõi Tây phương Phật tổ hân hoan
Tiếp Thầy chư Phật sẵn sàng
Hoa sen thơm nở, gió ngàn tiến chân.

Thương hậu thế bần khổn bao nỗi
Quyết thâm thần thị tịch ung dung
Hiển bày tự chủ tử sinh
Tự tại, giải thoát vô minh soi đường.

Đời đau khổ, si mê lầm lạc
Giọt cam lồ ban trái mười phương
Pháp âm chỉ nẻo chân thường
Khai thị ngộ nhập mở đường vô sinh.

Hạnh Bồ-tát một đời lam lũ
Cứu quần mê thống khổ lầm than
Tự tha hạnh nguyện thành toàn
Báo ân lưu lại cung đàn pháp âm.

Ánh dương hiện vô minh tan rã
Trăng sao bày, gió mát trời trong
Nhớ Thầy, nhớ hạnh nguyện thâm
Thương Thầy thương cả pháp âm vang truyền.

Bồ-tát như trăng ngàn gió lộng
Đến đi tự tại néo tam thiên
Mãn duyên phong thái thần tiên
Về nơi cố quốc nối truyền tuệ xưa.

Miền cực lạc pháp âm vang vọng
Chốn tử sinh pháp vũ hương bay
Trăng tròn trăng khuyết vui đầy
Đêm trường soi sáng trời mây chân thường.

Hồng trần cõi phong ba bão táp
Chúng sinh mê danh lợi phù du
Đạo tâm trong đám mây mù
Thổi mây gió tuệ ngàn thu ơn Thầy.

5/07/2005

Tâm Thanh

NGẬM NGÙI

Con về đến Nha Trang
trời chợt tối
Mưa ngoài trời
và mưa cả trong tim.
Đỉnh Long Sơn
vẫn cao vời vợi
Biển Nha thành
vẫn dòn dập sóng êm.
Tiếng chuông ngân dịu dặt
nhạc vô thường.

Con trở lại
sao bỗng đứng thiếu vắng.
Bước thẩn thờ
đau thấu buốt tâm can.
Không phải khóc
mà nước mắt tràn mi ướt
Con tưởng rằng những hạt
sương khuya.
Con không than
sao tiếng ghen ngào ủa vỡ
Từ tim óc
làm nhức nhối cả con người.

Con đã về
nhưng Ôn không còn nữa.
Ôn đã ra đi

đến chốn vĩnh hằng.

Ôi! Con người

Bao dung và từ ái

Đã chở che và bao bọc

biết bao người

Người đi xa

nhưng hương thơm còn đó

Tỏa muôn phương

và ngát cả trời cao.

Kính đánh lễ

xin Người chứng giám

Con về thăm

nhưng đã muộn mất rồi.

Kỷ niệm đến Ôn Nhân ngày 21/8/ Ất Dậu.

(Một trăm ngày)

Lê Ngọc

TRĂNG TỎA HƯƠNG

Trượng thất Long sơn vắng bóng Thầy,
Trăng dòm song cửa lạnh lò hương
Mùi thơm giới đức còn quanh quẩn
Gió thoảng vô thường vắng tiếng chuông!

Chốn Tổ Thiên Lâm lá rụng đầy
Gót hài ký ức nệm xanh rêu
Ánh chìm long vị Người không thấy
Chim lạc đường mây khản tiếng kêu!

Hải đức Già lam hoa lá lay
Nguyệt tà hương quyện gió đưa sang
Mùi hương đạo hạnh như còn mãi
Thiền thất lạnh lùng trăng tỏa hương.

KHÓC THẦY

Thôi rồi Thầy đã ra đi
Nghìn trùng xa cách đầy mi đoạn trường
Tượng về hoa lạc cố hương
Một phương cố quốc còn vương dấu hài
Nghìn sau còn một chút này
Gửi hương gió thoảng những ngày cầu mang
Con quỳ lạy khắp ba ngàn
Thầy đi còn để ngày vang bóng chiều.

Thích Đức Thắng

HẠNH NGUYỆN

*Tỳ-ni trụ thì thân Người vẫn trụ
Huyết mạch Người trong huyết mạch tăng ni
Người dẫu đi nhưng tâm nguyện đại bi
Lưu ở mãi với chân thân vĩnh cửu.*

Huyền Chi Hậu Huyền

MỘT ÁNH SAO SA

Đêm nay ngồi ngắm sao trời
Ý kinh bừng sáng từ nơi rộn ràng
Mực đen giấy trắng bàng hoàng
Vút bay tro khói ngút ngàn hư không
Sương sa nội cỏ mừng
Ngắm sâu hòn sỏi mệnh mông thiên hà
Bỗng lờ một ánh sao sa
Ứng vào sinh tử hiện ra luân hồi.

Pháp đệ Hạnh Cơ



Lễ dâng y Cathina tại Quảng Hương Già Lam rằm tháng Bảy, năm 1983



Lễ phát thưởng cho các điệu tại Già Lam, sau lễ dâng y Cathina năm 1983



Hòa thượng làm Tả bạch Đại trai đàn chẩn tế tại tu viện Quảng Hương Già Lam ngày 15.7 năm Nhâm Tuất (1982) do Hòa thượng Thích Trí Thủ chứng minh, chủ sám. | Ảnh của Phật tử Nguyên Ý (Bá Hùng)



Tuyên Luật Sư - Giới đàn 2003 - Tỉnh Khánh Hòa



Lớp Tình Thương, Ni viện Kim Sơn - Nha Trang



Gửi Bình,

Tôi là anh trai của anh
quyền sách tình anh gửi cho, xin
cảm ơn. Tôi cũng là anh
danh "dịch giả" biên tập Lê
Hải. May anh họ Trúc Liên,
họ có lời khen, "Sách giả" cũng
xin chuyển lời từ "dịch giả".

Thân ái chào anh và anh.

4-6-44.

Trang Minh
Thích Hồng Minh

Long Sơn, Nha Trang

ngày 17. 6 2005

THƯA HẠNH DI CHỨC

Tôi là Nguyễn Khoa Thích, Chủ Tín, trụ trì chùa Long Sơn, Nha Trang - Khánh Hòa; theo lời rầy thạc của Hòa Thượng Thích Đồng Minh, lo về hậu sự sau khi Hòa Thượng Viên Giác:

1 - Lễ tang đơn giản, thời gian trong vòng 36 tiếng đồng hồ.

2 - Tôi cùng chủ Tăng chùa Long Sơn và Môn đồ pháp phái tôn quyết định tang lễ theo lối di huyệt của Hòa Thượng.

3 - Không xây tháp, dựng tịnh tại này để an táng kinh sách.

Theo lời Hòa Thượng, tôi lập tờ di chúc này có sự đồng ý và ấn chứng của Hòa Thượng.

Long Sơn, ngày 17-6-2005



Hòa Thượng Thích Đồng Minh

Hòa Thượng Thích Chi,

CÁO PHÓ

Đệ tử chúng con kính báo đến chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa Đại đức Tăng, Ni và đồng bào Phật tử trong và ngoài nước:

Thầy chúng con là Hòa thượng thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ hiệu Đồng Minh, sanh năm Đinh Mão (1927), nguyên quán Bình Định, đã viên tịch vào lúc 18h35 ngày 17-06-2005 (nhằm ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu).

Hòa thượng nguyên là:

- Phó đại diện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất miền Khuông Việt.

- Vụ Trưởng Phật Học Vụ thuộc Tổng vụ Giáo dục Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

- Phó Viện Trưởng điều hành Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang - Khánh Hòa.

- Giám học Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang - Khánh Hòa.

- Trưởng Ban phiên dịch “Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam” Nha Trang - Khánh Hòa.

Lễ nhập Kim quan vào lúc 15h ngày 18 - 06 - 2005 (ngày 12 tháng 5 năm Ất Dậu).

Lễ nhập tháp vào lúc 6h30 ngày 21 - 06 - 2005 (ngày 15 tháng 5 năm Ất Dậu).

Đệ tử chúng con cung thủ kính báo

Thay mặt hàng đệ tử

Đồng Huệ - Thích Đức Thắng

TƯỜNG NIỆM GIÁC LINH HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG MINH

Điều văn của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
Trước khi cử hành lễ cung tống kim quan Hòa thượng nhập bảo tháp, nơi an nghỉ ngàn thu của trần thế, chúng tôi xin được thay mặt Hội đồng Chứng Minh, Hội Đồng Trị Sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam và Tăng Ni, Phật tử Việt Nam có đôi lời tưởng niệm:

Kính bạch Giác linh Hoà thượng,

Từ vùng đất địa linh, nhân kiệt, lịch sử hào hùng vua Quan Trung dấy nghiệp thuở nào, nước sông Côn thao thao dòng diệu sử, xứ An Nhơn gió quện mây từ, Hoà thượng đã hiện thân Đại sĩ, giữa hồng trần không nhiễm hồng trần, tuổi ấu niên đã quyết tâm đầu Phật, chùa Khánh Vân xả tục cầu chân nêu cao chí cả, bỏ ngoài vạn dặm lòng tham dục, để lẽ huyền vi còn mãi trong tâm. Năm 20 tuổi đăng đàn thọ giới, ngôi Tam bảo tam tôn kế vị, giới thân tuệ mạng trang nghiêm, thuận lý

chân thường, xuôi dòng bản thể, chốn Thiền Lâm hoa lòng chớm nở.

Hòa thượng đã thấp sáng đèn thiền “chúc Thánh”, “tục Phật tuệ đăng”, nối dòng thánh, chùa Hải Đức – Nha Trang, Báo Quốc, Xuân Linh, nghiên tầm nghĩa lý, đêm ngày nấu sủ sôi kinh, thấu lẽ huyền vi, đạo tâm trác thế; trí tuệ khai thông, tâm hoa khai phát, suối nghĩa rạt rào. Quả thật: *“Hương thiền gió lồng tỏa ngàn phương, trăng sáng năm xưa ngập dặm đường, hương lòng quyện tỏa từ độ ấy, mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương.”*

Bằng tinh thần phụng sự Đạo pháp, kế vãng khai lai, báo Phật ân đức, hơn 60 năm đóng vai Long tượng trong Phật pháp, mô phạm chốn rừng thiền, Hòa thượng đã nỗ lực hoàng dương Chánh pháp, kế thừa đạo mạch, mở trường Phật học đào tạo Tăng Ni tài đức cho Giáo hội, dịch kinh viết sách, quán thông Tam tạng, làm cho Tổ ấn trùng quang, đạo vàng xán lạn, xứng đáng con nhà họ Thích ngàn đời.

Với tinh thần giới đức trang nghiêm, thanh tịnh thân giáo, khẩu giáo, ý giáo thâm nghiêm, Hoà thượng đã hiện thân của giới luật, là thọ mạng của Phật pháp. Trên cương vị Luật sư, giới sư của các giới đàn, Hoà thượng đã khai thông giới thân tuệ mạng cho nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử. Qua đó, từng lớp, từng đàn giới tử, giới thể châu viên trang nghiêm dòng diệu thể, trở thành pháp khí Đại thừa truyền trì mạng mạch Phật pháp, Trưởng tử Như lai, tiến tu giải thoát, lợi lạc hữu tình, tốt Đời đẹp Đạo, đã không ngừng đóng góp cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh, trang nghiêm, hưng thịnh, huy hoàng trong lòng dân tộc, để rồi hoa Đạo

pháp nở rộ trong vườn hoa xã hội và đạo đời mãi mãi dung thông.

Thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau là những người thừa hưởng sự nghiệp, gia tài văn hoá quý báu của Hòa thượng, cũng như đóng góp lớn lao trong sự nghiệp xây dựng, giáo dục, đào tạo Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam mà Hòa thượng đã thể hiện bằng sự sống, và bằng hành động, bằng ý chí của mình hơn nửa thế kỷ qua.

Bằng hạnh nguyện khước lại vô ngại, tự tại tùy duyên làm Phật sự như không hoa, độ chúng sinh như huyễn hóa, vô tâm hành đạo. Hạnh nguyện Hòa thượng thật tuyệt vời và vô tướng, vô tâm. Quả thật: *“Nước chảy theo khe nào có ý, mây tuôn đỉnh núi vẫn vô tâm”*. Song sự ra đi vĩnh viễn của Hòa thượng, dù rằng như bóng trăng in đáy nước, cánh nhạn giữa trời không nhưng làm sao tránh khỏi sự buồn ngùi, luyến tiếc. Quả thật, *“Trăm năm trước ta chưa có, trăm năm sau có cũng hoàn không. cuộc đời sắc sắc không, chỉ còn lưu lại tấm lòng từ bi.”*

Hôm nay, giờ phút nghìn thu vĩnh biệt này, cố Hòa thượng hóa duyên đã mãn, trong pháp giới vô biên, Hòa thượng đã ngao du tự tại, vận thần thông đoan ngự cứu liên đài, xả báo thân, chứng nhập Pháp thân, siêu tịnh độ không rời uế độ. Giờ đây, trước giác linh Hòa thượng, chúng tôi trong Hội đồng chứng minh, Hội đồng trị sự, Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hòa là những người bạn đồng hành, đồng sự pháp Đại thừa trong Chánh pháp, xin nguyện lòng hòa hợp cùng nhau, chung lưng đấu cật quyết thực hiện hoàn tất đoạn đường Phật sự mà Hòa thượng còn bỏ dở, đồng thời tiếp tục xây dựng và phát triển

ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tỉnh hội Phật giáo Khánh Hoà ngày càng vững mạnh trang nghiêm trong lòng dân tộc.

Giờ đây, nơi thế giới Niết-bàn vô tung bất diệt, Giác linh Hoà thượng hãy ngao du tự tại. Nơi bảo tháp tại Tổ đình Long Sơn, nhục thân Hoà thượng hãy an nghỉ để ngàn thu in bóng, mảnh hình hài lồng lộng tựa hư không, sẽ sống mãi trong lòng Pháp lữ, trong tư duy cùng Pháp giới Chân như.

Xin bái biệt Hoà thượng!

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhị Thế, Húy thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh Đại lão Hoà thượng Giác Linh.

TƯỜNG NIỆM GIÁC LINH HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG MINH

Điều văn của Giáo Hội Phật Giáo tỉnh Khánh Hòa

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Tây Thiên Đông Độ Việt Nam Truyền Giáo,
Truyền Giới Lịch Đại Tổ Sư.

Ngưỡng bạch Từ Lâm Tế Chánh Tông húy thượng Thị hạ Khai, tự Hạnh Huệ, hiệu Đồng Minh Hòa thượng Giác Linh thùy từ chứng giám!

Than ôi!

Thành Bình Định lung linh ánh nguyệt

Nước Sông Côn tiếp mạch Tào Khê

Phan Rang đón bước chân về

Khánh Hòa đưa tiễn bốn bề lệ rơi!

Nhớ phong thái xưa: Dung nghi đỉnh đạc, ý chí kiên cường;
bước chân đi như long tượng lên đường, ngồi lẫn hạt như kim
Sơn thạch động. Ngày đêm kính cẩn, giới luật nghiêm trì; ít

quan tâm đến ẩm thực tiện nghi, dốc toàn lực cho kinh văn giáo điển.

Báo thân ứng hiện, giữa cõi hồng trần; nay xông pha trên lãnh địa Thanh Văn, mai quyết liệt giữa thiền lâm Độc Giác. Thâm ân báo đáp, tuệ nghiệp trao truyền; suốt đời người giản dị tinh chuyên, nên quĩ phạm cho môn đồ hậu bối.

Nội lực thâm hậu, hạo khí đường đường; trái bao phen gặp cảnh nhiều nhương, tâm Bồ-tát dung thông nhiếp hoá. Không thần thông phép lạ, chẳng mật ngữ linh phù, chỉ nhất tâm khổ hạnh công phu, bốn chúng thấy trang nghiêm khế thủ.

Để báo đáp kim ân pháp nhũ, để hoằng khai hiển giáo Tam thừa, sẵn sàng đi trong giông tố gió mưa, thiết lập hẳn nền kinh tế tự túc. Nguy nguy hạnh đức hách hách tinh thần; Tăng ni Phật tử xa gần bao năm nhớ giọt thâm ân Bồ-đề, nay Ôn già biệt Sơn khô, Long Sơn Hải Đức vọng về pháp âm. Ấm ứng thân, hiện pháp thân, tông lâm pháp vũ thơm ngát giới hương.

Kính bạch giác linh Hoà thượng,

Nhớ những năm xưa, vào Nam ra Huế; khi ngược đèo lên Cao nguyên thường lệ, lúc xuôi dòng về tới bến Hậu Giang, chẳng nệ gian nan, xem thường nghịch cảnh; thiết lập Phật trường phạm hạnh, gieo mầm tuệ giác vô biên, Tăng Ni tu học mọi miền, đều thừa hưởng cam lộ pháp vũ.

Nâng cấp trình độ giáo vụ, phát huy mạng lưới Bồ-đề, đào tạo chuyên nghiệp tay nghề, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Có thể nói Hoà thượng là bậc tiền phong lỗi lạc trong lãnh vực kinh tế tự túc thiền môn. Hoà thượng đã chăm lo y phục, sách đèn, nhà

cửa, thuốc thang cho biết bao Tăng Ni thành tựu đạo nghiệp; vậy mà, thân tứ đại ba y làm đủ, ngày hai thời tịnh chỉ công phu, tiền rừng bạc biển cho dù, trên tay Thầy chỉ chuỗi xâu Bồ-đề!

Kính bạch giác linh Hoà thượng,

Chúng tôi thường trộm nghĩ, Hoà thượng tuổi cao sức yếu, chướng duyên thừa dịp dấy lên; vậy mà, sá gì thành trụ hoại vong tuy hỉ vô thường lão bệnh. Hoà thượng đã thiết lập được đạo trường thanh tịnh, chuyên tâm phiên dịch kinh văn. Đúng là: *“Long thiên thánh chúng đồng từ hộ, bách thiên tam muội đồn huân tu.”* Nay Hoà thượng đã già từ nghiên bút, quai không tâm vào tam-muội vĩnh hằng, thế giới ba ngàn, phút chốc giá băng, niệm danh hiệu đức từ bi bi vô lượng...

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nha Trang, ngày 19 - 06 – 2005

TƯỢNG NIỆM GIÁC LINH HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG MINH

*Điếu văn của cựu Tăng Ni Phật Học Viện Trung Phần
Hải Đức - Nha Trang,
Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức - Nha Trang*

NAM MÔ LÂM TẾ CHÁNH TÔNG TỨ THẬP NHỊ THẾ,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO TRUNG PHẦN PHẬT HỌC
VIỆN HẢI ĐỨC GIÁM HỌC, CAO ĐẲNG PHẬT HỌC
VIỆN VIỆN PHÓ HÚY THƯỢNG THỊ HẠ KHAI TỰ HUỆ
HẠNH HIỆU ĐỒNG MINH HÒA THƯỢNG TÔN SƯ

Kính bạch Giác Linh Hòa thượng Tôn sư.

Chúng con cựu Tăng-Ni Phật học viện Trung Phần Hải Đức
Nha Trang, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang
thành kính khấu đầu đánh lễ giác linh Thầy và xin dâng lên
Thầy đôi dòng tưởng niệm.

Kính bạch Giác linh Thầy.

Tuổi bảy mươi chín, Thầy thông dong bước qua biển nghiệp.

Tình mấy chục năm, chúng con còn ứa lệ sầu vương.

Nhớ Giác linh xưa:

Gậy chống lưng đôi Trại Thủy, chấn Viện, chỉnh Tăng, một
thuở lược thao, long tượng hùng tâm thi chí cả.

Thân còng giữa hăng vị Trai, tô Tài, bồi Đức, nhất thời ngang
đọc, chân Tăng dũng khí mở đại tâm.

Với thế hệ Tăng – Ni sinh chúng con thuở đó thì:

Thầy là Thầy dạy dỗ

Thầy là cha dưỡng nuôi

Thầy là anh dẫn dắt

Thầy là tướng chỉ huy

Thầy là đèn soi sáng

Thầy là bóng cây che

Thầy là anh tài số một

Thầy là long tượng không hai:

Bóng dáng uy nghi ngời thân giáo

Nghiêm trì giới luật sáng gương soi

Nuôi Tăng dạy chúng hành nguyện lớn

Sản xuất kinh tài hiện chí cao.

Thầy không chạy theo trào lưu nâng cao học vị

Thầy chỉ học lấy bằng bào chế hóa chất bậc trung

Đảm nhận giám đốc hăng vị trai là Bồ – đề.

Sản xuất nuôi chúng Tăng tu học
Chuốc lấy phần thua thiệt, bắc cầu cho đàn hậu tấn vươn lên
Hứng chịu bao hiểm nguy, lót đường cho lớp người sau tiến
bước

Đường bình minh mưa dầm, nắng dãi, dốc đá gập ghềnh,
đâu ngăn được bước đi điều chúng, thúc liễm công phu
Hã nước chấm hóa chất hơi xông, mái tôn nóng bức,
khó sồn lòng sản xuất nuôi Tăng, tương lai gầy dựng
Thương trường lắm thủ đoạn, cạnh tranh nghiệt ngã,
Thầy khéo léo vượt qua.

Giáo hội nhiều Phật sự, thử thách cam go, Thầy vững vàng
bước tới.

Trên tiếp cận chư Tôn giáo phẩm cấp cao, noi theo chí cả
Dưới thân gần bốn chúng Tăng-Ni non trẻ, cận kề chỉ bày
Nung đúc chí hướng học tu, với lời giảng dạy tha thiết
Câu văn phát tâm Bồ-đề, trái bày tim óc, khôn ngăn dòng lệ
cảm thương

Phát huy tinh thần trì giới, với giọng trùng tuyên chí thành
Luật tạng tỷ kheo Bồ-tát, giới đức nêu cao, khó nén nổi tâm
cơ xúc động.

Chí nguyện Thầy bao la lồng lộng
Bước chân Thầy chấn động viện Tăng

Công đức Thầy bàng bạc núi sông
Lời nói Thầy nhiếp thấu bốn chúng.
Một bậc chân Tăng mẫu mực, đạo lực cao dày,
Thế mà khi vận nước đổi thay, trở thành người có tội,
Tội bất thành văn “*Tội nuôi Tăng, dạy chúng*”!
Thầy bị sa vào vòng lao lý, chịu bao nỗi oan khiên
Âu cũng là do nhân tâm thấp kém, thế sự đảo điên
Ma đạo hoành hành, bày ra lắm trò trái thượng nghịch lý
Cốt là làm cho Thầy nhụt đi ý chí, làm cho Thầy thối thất đại
tâm
Nhưng tâm Bồ-đề Thầy vẫn sáng trong,
Hạnh Bồ-tát vẫn không hề suy suyển.
Ra tù rồi Thầy vẫn tiếp tục, đốc thúc việc sản xuất nuôi Tăng,
Cải tiến nhiều mặt hàng thị trường thích hợp.
Ngành công nghiệp phải cử người đến học,
Chuyên viên kinh tế phải ngã nón cúi chào.
Về sau, lập trường niên cao, Thầy đóng cửa chuyên sâu Luật
tạng
Nghiên tầm phiên dịch,
giảng dạy cho khắp giới Tăng-Ni những điều cốt lõi.
Tiếp theo, chúng nghĩa Tạng kinh, sửa lại chỗ sai, bổ sung
chỗ thiếu,

ròng rã xấp xỉ mười năm, đúng giờ đúng giấc không bỏ bữa nào, cho đến lúc việc phiên dịch Tạng Kinh hoàn tất.

Thầy lại đứng ra thành lập Ban Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam. Công việc đang tiến hành được ba năm thì Thầy ngộa bệnh.

Kính bạch giác linh Thầy!

Trong dòng sống luân chuyển vô tận, Việt Nam mình chỉ là trạm dừng chân. Cùng có duyên với cõi hồng trần, Thầy đến trước, bây giờ Thầy đi trước.

Chúng con hiện sắp hàng sau trước, theo gót Thầy sẽ lần lượt ra đi.

Uớc mong trong kiếp lai sanh, gặp lại Thầy trong một y, chánh trang nghiêm hơn nữa.

Và sẽ được Thầy dìu dắt chỉ bày như kiếp sống hiện nay.

Nam Mô Lâm Tế Chánh Tông, Tứ Thập Nhị Thế, Việt Nam Phật Giáo Trung Phần Phật học viện Hải Đức Giám Học, Cao Đẳng Phật học viện, Viện Phó hựu thượng Thị hạ Khai Đại Lão Hòa thượng Chứng Giám.

TƯỜNG NIỆM
GIÁC LINH HÒA THƯỢNG
THÍCH ĐỒNG MINH

*Điều văn của cựu Tăng Ni sinh khóa I,
Trường Phật học Khánh Hòa*

NAM MÔ LONG SƠN ĐƯỜNG THƯỢNG, TỪ LÂM
TẾ CHÁNH TÔNG, TỨ THẬP NHỊ THỂ, HÚY
THƯỢNG THỊ HẠ KHAI TỰ HẠNH HUỆ HIỆU ĐỒNG
MINH HÒA THƯỢNG GIÁC LINH

Chúng con - Toàn thể Học Tăng, học Ni tỉnh Khánh Hòa
thành kính khấu đầu đánh lễ Giác linh Hòa thượng Ân sư.

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Trong giờ phút mạch tim Thầy thôi đập, hơi thở Thầy tàn lụi
giữa chốn không màu, cũng là lúc cả càn khôn như ngưng đọng
lại vì âu sầu thương tiếc. Khoảnh khắc tịnh nhiên với cảnh đèn
thiền lụn tắt, ánh “trăng Lãng-già” cô tịch huyền vi, hương tinh
anh giới tuệ tỏa quanh như hộ trì nhục thân Thầy an nghỉ,
chốn Long Sơn thành linh cảnh lâm tuyền; toàn thể đệ tử
chúng con ngậm ngùi thành kính đê đầu khắp lệ, hầu trước

linh đài vọng bái Ân sư.

Than ôi! Nỗi lòng sao cứ trỗi dậy bao cảm xúc sùi mẩn tiếc, dạ xót xa trước di ảnh khả kính Đạo nghi. Phải chăng ôi! Nỗi đau tột cùng của lòng dạ nã nề này, là nghịch lý hình thành từ tinh túy đạo tình mà cả cuộc đời Thầy đã nhiệt tâm thông truyền trong huyết mạch bao thế hệ Tăng Ni trẻ chúng con.

Kính lạy Giác linh Hòa thượng,

Phước duyên lành chúng con được triêm hưởng ân cao, từ nơi Thầy mà trường sinh giới tuệ thanh tao của đạo phong họ Thích. “*Tổ ấn trùng quang*” một đời Thầy nêu cao hạnh nguyện. “Thượng sĩ xuất trần” chí dũng mãnh Thầy trọn dẫn thân. Dù có trải qua trăm kiếp chốn hồng trần, bậc Minh sư thế ấy chúng con thật khó tìm khó gặp. Càng nghĩ thế, lòng chúng con lại càng u hoài vọng nhớ. Dáng Thầy xưa như vẫn uy ngự chốn giảng đường. Từng huyết mạch, cả tâm tư Thầy gói vào lời dạy. Thế mới hay, mới dễ hiểu lạ kỳ. Lời giản dị, nhưng lại đều là chân lý. Vận “*ngôn giản*” mà diễn lý thật tận cùng. Có uyên thâm đạo mầu, tất thế nơi Thầy mới dựng thành như thế, đâu dễ gì chặt chiu môi lưỡi mà nên. Lời giản dị, đời lại càng dung dị. Dáng uy nghiêm mang đậm nét thiền từ, tựa chiếc áo nâu sống nguyên thủy Thầy mang. Chí đại sĩ non sâu, Thầy hiện thân giữa trần làm cao Tăng bản si. Đôi dép cao su, suốt 30 năm Thầy không rời bỏ, vì ân nó nâng chân Thầy nhẹ gót, để thong dong giữa thế cuộc thăng trầm. Quạt nang tre mang gió nhẹ theo Thầy lên bục giảng. Tràng hạt gỗ là phương tiện tình thức mãi bên Thầy. Trì tịnh giới, Thầy “*khắc kỉ nghiêm thân*”. Kỉ

cương ấy Thầy ân cần truyền trao cho hậu Học. Bài học sơ cơ “*tam trùng lâu dụ*”, là ý nghĩa Thầy dựng xây cho Tăng Ni trẻ lẽ đạo Học vững bền. Dầu sơ cơ tân học lẫn cựu trào, Thầy đều truyền trao cả một nguồn nghĩa lý, không chỉ bằng sách vở mà còn bằng cả Đạo phong cao tột nơi Thầy. Với học trò Thầy luôn khuyên “*học nhi bất yếm*”, còn với Thầy thì “*giáo nhi bất quyện*” là trọng trách phải nên. “*Chỗ nào vật ấy, giờ nào việc nấy*”, học trò Thầy ai không tỏ châm ngôn. “Học - làm

- tu chết bỏ nhỏ - lớn - già”, là phương châm cả đời Thầy vận dụng. Phô trương hình thức Thầy không hề thích, vì chính tự nơi Thầy đã sẵn ẩn tố chất tinh anh.

Gần 80 năm, Thầy hiện thân trong cõi trần bằng chính tâm hồn của bậc Chân nhân đại sĩ, mang ánh từ quang chấn hưng tổ ấn. Thầy là đóa “Hoa Đàm” tô đẹp chốn Thiền lâm. Giới tuệ Thầy tỏa hương ngát bao giới trường tuyến Phật. Thế mới hay hạnh nguyện Thầy đã mãn. Vượt mây hồng, Thầy cuối Hạc qui Tây. Thầy đến đi trong thông dong tự tại, “*Bát-nhã từ hàng*”, Thầy lái vượt bến mê.

Kính lạy Giác linh Hòa thượng,

Chúng con vẫn biết: “*Chư hành vô thường, thị sanh diệt pháp; sanh diệt diệt di, tịch diệt vi lạc*”, song lòng vẫn thấy ngậm ngùi đau buốt tâm can. Thấy ra đi đâu đơn thuần chỉ khuất dạng một dáng hình, mà cả Tông lâm phải mất đi một bóng tàng đại thụ. Thầy nhẹ chân vào hành trình tịch mặc, để đằng sau bao môn sinh còn chấp chững trong pháp hải mệnh mông.

Chúng con thầm nhủ, dù xác thân Thầy có yên nghỉ trong lòng đất lạnh, nhưng có đâu trắng lặn về non không trở lại trời

Đông.

Huynh đệ chúng con giờ chỉ còn biết đề đầu, trước nghe đài Di ảnh, khấu bái tiễn biệt Thầy về an trụ cảnh Liên Trì.

Theo chân Thầy, chúng con nguyện in dấu lợi sanh, để Chân lý mà suốt đời Thầy tâm huyết truyền trao được sáng tỏ mãi giữa thế gian này.

NAM MÔ LONG SƠN ĐƯỜNG THƯỢNG, TỪ LÂM TẾ
CHÁNH TÔNG, TỬ THẬP NHỊ THẾ, HÚY THƯỢNG THỊ
HẠ KHAI TỰ HẠNH HUỆ HIỆU ĐỒNG MINH HÒA
THƯỢNG GIÁC LINH THUYỀN TỬ CHÚNG GIÁM.

ĐẠI DIỆN TĂNG NI KHÓA I - TRƯỜNG PHKH THÍCH
TÂM TÔN

KHẤU BÁI

TƯỜNG NIỆM
GIÁC LINH HÒA THƯỢNG
THÍCH ĐỒNG MINH

*Điếu văn của Ban Bảo Trợ
Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam*

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Thầy,

Chúng con là đàn hậu sinh từng được Thầy thương yêu diu dặt,

nhưng vì phước mỏng nên đã không được thân cận bên Thầy dài lâu;

thậm chí còn phải linh lạc tứ phương, trôi dòng tục lụy.

Dù vậy, Thầy vẫn mở lòng từ, khởi xướng Phật sự, giao phó trách nhiệm,

tạo duyên cho chúng con qui tụ, phụng sự Phật pháp,

để cho thiện căn vẫn được tiếp tục bồi đắp,

hạt giống bồ đề không bị hư mất.

Ôi, chúng con hân hoan xiết bao khi được Thầy đưa tay vẫy gọi!

Những tưởng Thầy trò mình
 (dù không được cận thân, nhưng mãi mãi cận tâm),
 tháng năm đồng sự đường dài;
 nhưng mới hơn 3 năm mà Thầy đã xả báo thân
 trong lúc nhiều Phật sự đang còn dang dở,
 bỏ chúng con ở lại bơ vơ, rồi biết nương cậy vào đâu!
 Chúng con cũng biết cuộc thế là vô thường,
 ba cõi đều trong vòng sinh tử,
 nhưng đối với sự ra đi đột ngột của Thầy,
 chúng con không thể nào giữ được bình tâm
 để không khỏi tiếc đau xúc động!
 Hôm nay Thầy về cõi Phật,
 nhưng chúng con biết nơi đó hay nơi này,
 thân tâm và hạnh nguyện của Thầy vẫn không gì sai khác.
 Từ phương xa thấp nén tâm hương hướng về quê hương vọng
 bái,
 chúng con xin ghi khắc công ơn sâu dày của Thầy,
 nguyện noi gương đạo hạnh cao vời của Thầy,
 và thành kính dâng lên Thầy lời chúc tán của chúng con:
 CÔNG VIÊN TUỆ ĐỒNG SIÊU TAM GIỚI
 HẠNH MÃN TỪ MINH BIẾN THẬP PHƯƠNG

Toàn thể chúng con trong Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Nam

(các cư sĩ Từ Mẫn, Chánh Huệ, Nguyên Đạt, Quảng Thành,
 Đức Hạnh, Nguyên Thần, Nguyên Phương, Nguyên Thuận,
 Tâm Huy, Tâm Quang, Chơn Quang, Hải Tuệ, Tâm Phú,
 Đồng Hóa, Nguyên Lượng, Hạnh Cơ, Tịnh Kiên)

đồng kính lạy và cung tiễn Thầy về cõi Phật. Nam Mô Đấng
Bảo Tọa Bồ Tát Ma Ha Tát

Hải ngoại, ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu (17.6.2005)

ĐIỆN THƯ

Kính gửi:

Ban Tang lễ cố Hoà Thượng luật sư chùa Long Sơn, Khánh Hoà.

Ngưỡng vọng đánh lễ và cầu nguyện Giác linh

Cao Đăng Phật quốc

*Hòa thượng Phước Đường
Trúc Lâm Thiền Viện Pari – Pháp*

Kính gửi:
Ban tổ chức Tang lễ
cố Hoà Thượng Thích Đồng Minh, chùa Long Sơn
Nhị vị Ni Trưởng và Ni chúng chùa Từ Thiện,
quận Bình Thạnh, TP. HCM

Đồng kính bái.

Nhị vị Ni Trưởng
Chùa Từ Thuyền, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

Kính gửi:

Chùa Long Sơn, Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hoà

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Ban Tổ chức Tang lễ

Hoà Thượng thượng Đồng hạ Minh,

Kính lễ Giác linh Hoà Thượng,

Ni Trưởng viện chủ cùng toàn thể chư Ni Tổ đình Từ Nghiêm

chúng con vô cùng xúc động khi hay tin

Hoà Thượng thượng Đồng hạ Minh

xả báo thân, hoàn qui chơn cảnh.

Chúng con thành kính phân ưu Giáo Hội Tỉnh Khánh Hoà

cùng môn đồ pháp quyến đạo tràng Long Sơn.

Kính niệm Giác linh cố Hoà Thượng

Cao Đăng Phật quốc, hành đại bi nguyện,

hội nhập ta bà, hóa độ quần sanh.

Nam Mô A-di-đà Phật.

Viện chủ Tổ đình Từ Nghiêm, Q10. TP. HCM Ni Trưởng TN

Như Hoa

Nam mô A-di-dà Phật!

Kính bạch Giác Linh Hoà Thượng – Vị Tôn sư muôn đời khả kính.

Chúng con vô cùng kính tiếc khi hay tin Ôn thân thần thị tịch. Ôn già từ chúng con quá sớm. Nhưng cuộc đời Ôn là vì sao tỏa sáng mãi mãi soi đường cho hàng hậu học chúng con. Dù biết rằng giờ đây Ôn đã tịch diệt như thường lệ của ba đời chư Phật, nhưng chúng con vẫn tin tưởng rằng Ôn sẽ hồi nhập Ta bà để tiếp tục hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sanh.

Từ phương xa hướng vọng về, chúng con thành kính đốt nén tâm hương đê đầu đánh lễ Giác linh Ôn.

**Kính nguyện Giác linh Ôn Cao Đăng Phật Quốc,
khứ lai tự tại.**

Ni sinh chúng con

Tịnh Ý, Viên Mỹ, Viên Phương, Viên Huệ
Chùa Viên Ân, Mỹ quốc

Ngưỡng Bạch Giác Linh Tôn Sư Đạo Thọ Cao Hiển,

Từ Mỹ quốc, chúng con được tin Hoà Thượng Tuyên Luật Sư, Phó Viện Trưởng Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang, vừa thâu thần thị tịch lúc 18 giờ 35 phút ngày 17 tháng 6 năm 2005, nhằm ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu, tại chùa Long Sơn tỉnh Hội Khánh Hoà. Chúng con vô cùng đau đớn đã mất đi một bậc Thầy cao cả – đức hạnh sáng ngời, giới luật tinh nghiêm, thanh khiết vẹn toàn, suốt đời đã tận tụy hy sinh nuôi dưỡng, dạy dỗ cho bao thế hệ Tăng Ni sinh.

Trước ân đức vô cùng, lòng vị tha vô tận của Hòa thượng đã tài bồi, tác thành cho chúng con có được ngày hôm nay, chúng con thành kính đề đầu đánh lễ Giác Linh Hoà Thượng Tôn Sư Thượng Phẩm Thượng Sanh, sớm hồi nhập Ta bà và hóa độ chúng sanh, vượt thoát bến mê, quay về bờ giác.

Ngưỡng vọng Giác Linh Hoà Thượng Tôn Sư Thù Từ Chứng Giám.

San Diego, ngày 18 - 6 - 2005

Hậu Duệ Thích Nguyên Siêu

CHÙA PHẬT ĐÀ - TU VIỆN PHÁP VƯƠNG

4333 30th St., San Diego Ca. 92104 - USA

Tel: (619)283 - 7655

Khấp Nguyễn,

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ

Cố Hòa thượng Thích Đồng Minh Kính thưa Chư vị,

Chúng tôi được tin Hòa thượng Thích Đồng Minh mới viên tịch
vào chiều ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu (2005),
trụ thế Bát Thập Niên, Chúng tôi vô cùng mến tiếc
về Phật sự Pháp Tạng đang dở dang của Ngài.

Kính nguyện Giác Linh Đại Lão Hòa thượng

Tảo Đăng Phật Quốc.

Thành kính phân ưu cùng môn đồ pháp quyến.

Kính Viếng

Trụ Trì Chùa Giác Hoàng Washington D.C USA

Sa-môn: Thích Thanh Đàm

Kính Gởi:
Chư Tôn Đức Ban Tổ Chức Tang Lễ Cố Đại Lão
Luật Sư Hòa thượng thượng Đồng hạ Minh

Kính Bạch Quý Ngài,

Chúng con là học Ni hiện cư ngụ tại Mỹ Quốc vô cùng xúc động được tin Hòa thượng Giáo Thọ, Tuyên Luật Sư của chúng con đã thuận thế vô thường viên tịch ngày 11 tháng 5 năm Ất Dậu (2005), trụ thế 79 năm. Cố Hòa thượng là một bậc Thầy vô cùng quý kính của chúng con. Người ra đi đã lưu lại cho hậu thế một nếp sống Đạo Đức, Giới Hạnh sáng ngời, vô cùng quý hiếm vào thời điểm mặt Pháp này. Từ nơi xa xôi, chúng con thành kính ngưỡng vọng đề đầu đánh lễ Giác Linh Hòa thượng, kính nguyện cầu Hòa thượng Cao Đăng Phật Quốc, sớm hội nhập Ta Bà tiếp nối con đường Pháp Tạng và dẫn dắt đàn hậu học chúng con.

Kính Thành Đánh Lễ

Học Ni: Thích Nữ Huệ Ân Quan Âm Phổ Chiếu Ni Viện Maryland USA

A-di-đà Phật,

Phật tử Hạt Nắng Lê Thụy Thùy Trang xin được phân ưu cùng quý Thầy, quý Ni và quý Phật tử. Với sự ra đi của Hoà Thượng Thích Đồng Minh là sự mất mát to lớn cho Phật tử và giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất. Phật tử Hạt Nắng Lê Thụy Thùy Trang xin đánh lễ tiễn đưa

Giác linh Hoà Thượng Thích Đồng Minh

CAO ĐẰNG PHẬT QUỐC!

Nam Mô A-di-đà Phật.

Phật tử Hạt Nắng Lê Thụy Thùy Trang Kính bái

*Kính bạch Thượng tọa Tổng thư ký
Văn phòng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN*

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Từ phương ngoại con nhận được tin Bốn sư của Thượng tọa, Hòa thượng Thích Đồng Minh viên tịch tại Nha Trang – Việt Nam. Con xin hương về giác linh Hòa thượng chí thành đánh lễ Tôn sư tam bái, nguyện cầu giác linh Hòa thượng cao đăng Phật quốc, hồi nhập Ta Bà, độ nhứt thiết chúng sanh, mãn bồ đề nguyện.

Con xin thành kính phân ưu cùng Thượng tọa và môn đồ pháp quyến, cầu nguyện chư Phật thù từ gia hộ Thượng tọa cùng môn đồ pháp quyến thân an, tâm lạc, và chúc nguyện tang lễ cố Hòa thượng trang nghiêm, thập phần viên mãn.

**NAM MÔ TỪ LÂM TẾ CHÁNH TÔNG TƯ THẬP NHỊ
THẾ, HUY THƯỢNG THỊ HẠ KHAI, TỰ HẠNH HUỆ,
HIỆU ĐỒNG MINH ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG GIÁC
LINH CHỨNG MINH**

Đệ tử khấu thủ kính bái Tỳ kheo Thích Nhật Trí

Thầy kính,

Từ phương xa, con thành kính vọng về đánh lễ Giác linh cố Hòa thượng Thích Đồng Minh vừa ra khỏi chốn Ta Bà hư huyễn.

Dù biết rằng vô thường đến trên từng sát na hơi thở, nhưng bước chân của bậc Đạo Sư đã để lại dấu ấn khó phai cho quãng đời tu học của bao nhiêu người.

Con dù chưa gặp Ngài bao giờ nhưng cũng đã có lần trình chiếu nhiều hình ảnh của Ngài khi tiếp chuyện và tặng bộ y đầu tiên cho thầy Tuệ Sỹ vừa thoát khỏi cảnh ngục tù trên đường xuôi Nam.

Nhớ lại hình ảnh và nụ cười từ ái của Người năm xưa, lòng hơi se thắt...

Con xin thành kính phân ưu cùng TT. Thích Đức Thắng và chư môn đồ pháp quyến. Nguyên cầu giác linh Cố Hòa thượng

Cao đẳng Phật quốc.

Ngọc Hân

Ban Việt Ngữ đài SBS Radio Australia

VÒNG HOA KÍNH VIẾNG

- Thường Trục VP1, VP2 TUGH PGVN.
- Ban Tăng sự, Ban Văn Hóa, Ban Hướng Dẫn Phật tử, Ban Nghi Lễ, Ban Hoàng Pháp, Ban Giáo Dục Tăng Ni, Ban Kinh tế Tài Chánh, Ban Từ Thiện Xã Hội và các Ban Ngành, Viện trực thuộc TUGH PGVN.
- Ban Trị Sự Thành Hội PG Tp.HCM, Tổ in ấn Thành hội PG Tp.HCM, các Ban Ngành Trực thuộc thành hội PG Thành phố.
- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Ban Trị Sự Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo Khánh Hoà và các Ban Ngành trực thuộc Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hoà
- Tân, cựu Tăng Ni sinh các Khóa Học viện Phật Giáo Việt Nam
- Phái đoàn Chi Phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Tp.HCM và tỉnh Quảng Nam.
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Phú Yên.
- Tăng Ni Tỉnh Bình Định .
- Tăng chúng Chùa Vĩnh Minh - Tỉnh Lâm Đồng.
- Ni Trưởng Tịnh Nguyễn và Ni chúng chùa Phước Hải Q.10 – TP - HCM.

- Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Tổ Đình Thiền Tôn tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Chùa Từ Đàm tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Chúng Công Đức Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa
- Chư Tăng Ni hệ phái Khất sĩ thành phố Nha Trang
- Hòa thượng Đức Phương chùa Lam Sơn tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Chúng Dược Vương, TP. HCM.
- Chư Ni chùa Vạn Thiện Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Ni Chúng Ni viện Đàm Hương
- Trường Măng Non Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa
- Chư Ni Tịnh xá Ngọc Phước tỉnh Bình Phước
- Ban Đại Diện Phật Giáo Trường Hạ Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
- Chúng Đệ tử Mai Hoàng
- GDPT chùa Long Sơn, Nha Trang
- Ban Đại Diện Phật Giáo Huyện Ninh Hoà, Tăng Ni sinh Khóa 1,2 sơ cấp Phật Học Ninh Hoà
- Chư Tăng Ni Phật tử Ninh Hoà
- Chư Tăng và Phật tử chùa Vĩnh Long Sài Gòn.
- Chư Ni chùa Từ Thuyền Sài Gòn
- Hòa Thượng Thích Minh Tuệ, TP. HCM
- Chùa Linh Sơn Pháp Bảo, Nha Trang
- Chùa Pháp Vân Canada.
- Ni chúng chùa Liên Trì, TP. HCM.
- Ni trưởng, Ni chúng Tổ đình Linh Sơn Nha Trang
- Học Ni Thích Nữ Huệ Ân - USA.

-
- Chùa Diệu Quang Nam – Bắc California, USA
 - Chùa Hoàng Pháp thành phố Hồ Chí Minh
 - Phật tử Thiền thất Viên Thông Nha Trang
 - Đoàn Cựu Huynh trưởng GDPT chùa Kỳ Viên Nha Trang .
 - Gia đình ông bà Nguyễn Thiện
 - Ni chúng chùa Liên Trì thành phố Hồ Chí Minh
 - Đạo Tràng Pháp Hoa Ni Viện Diệu Quang thành phố Nha Trang
 - Gia đình Tuệ Uyển An Lạc Hạnh Tp Nha Trang
 - Tăng Ni sinh du học Ấn Độ
 - Ni chúng chùa Diệu Giác Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
 - Ni Chúng chùa Tuệ Uyển quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
 - Tăng Ni sinh Trường Phật Học Khánh Hoà
 - Công An tỉnh Khánh Hòa
 - Chùa Phước Viên Biên Hòa
 - Chùa Khuê Bắc, chùa Quán Thế Âm, chùa Thái Bình (Đà Nẵng)
 - Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Khánh Hoà .
 - Đoàn Công An Tỉnh Khánh Hoà
 - Chúng Từ Ân Huế - Thích Quán Chơn.
 - Phật tử Huệ Phước - Minh Đức
 - Chùa Vạn Đức - Vạn Ninh.
 - Tổ đình Linh Sơn - Vạn Ninh.
 - Ban Lãnh đạo phường Phương Sơn, Nha Trang .
 - Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo tỉnh Bình Thuận.
 - Trường Trung Cấp Phật Học tỉnh Bình Thuận.

- Chùa Hải Quan, Mũi Né, Phan thiết, Bình Thuận.
- Tăng sinh Thích Quảng Ba, Thích Đồng Từ tại Úc.
- Trường Mẫu Giáo Phước Huệ, Tp. Nha Trang



PHỤNG CÚNG CHÚNG TRUNG TÔN
THIỆN THUẬN GIẢI THOÁT GIỚI
BỊNH TỬ BẤT KHỔ THÂN
THỊ THẮNG DỊ THỰC TƯỚNG
Tỳ-kheo Tri Quang tiến tụng



CAO ĐẲNG PHẬT QUỐC

Hòa thượng Thích Mãn Giác,

Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt nam, Mỹ quốc

hộ niệm



TÙY TÙNG PHẬT HẬU
Hòa thượng Thích Minh Châu,
Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, Sài Gòn
cùng chư Tăng đồng phúng diếu



TÀI TÙNG CHÍ CHÁNH NHẠM TRIỀU SƯƠNG

Trung Phần Phật học viện - Quảng Hương Già Lam

Viện chủ, Trụ trì, Học chúng tịnh dân việt chúng đẳng đồng khế thủ

DANH SÁCH CÁC PHÁI ĐOÀN KÍNH VIẾNG

- Chư Tôn Giáo phẩm HĐCM - HĐTS GHPGVN.
- Thường Trực VP1, VP2 TUGH PGVN.
- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Ban Tăng sự, Ban Văn Hóa, Ban Hướng Dẫn Phật tử, Ban Nghi Lễ, Ban Hoàng Pháp, Ban Giáo Dục Tăng Ni, Ban Kinh tế Tài Chánh, Ban Từ Thiện Xã Hội và các Ban Ngành, Viện trực thuộc TUGH PGVN
- Ban Trị Sự Thành Hội PG Tp.HCM, Tổ in ấn Thành hội PG Tp.HCM, các Ban Ngành Trực thuộc thành hội PG Thành phố
- Ban Trị Sự Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo Khánh Hòa và các Ban Ngành trực thuộc Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa.
- Tân, cựu Tăng Ni sinh các Khóa Học viện Phật Giáo Việt Nam.
- Phái đoàn Chi Phái Lâm Tế Chúc Thánh, tại Tp.HCM và tỉnh Quảng Nam.
- Môn phong Tổ Đình Từ Lâm (Quảng Ngãi), Thiền Lâm

Tp.HCM.

- Tổ Đình Ấn Quang, Quận 10 Tp.HCM
- Tổ Đình Hưng Long, quận 10, Tp.HCM
- Tổ Đình Từ Nghiêm (Ni bộ Bắc Tông) Tp.HCM
- Chùa Pháp Hoa, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
- Chùa Phổ Đà, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Tu viện Vĩnh Đức Tp. HCM
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Phú Yên
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Bình Định
- Chùa Giác Nguyên, Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh
- Ni Chúng Chùa Phước Hải, Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Đại diện Phật Giáo và Tăng Ni, Phật tử huyện Vạn Ninh
- Tu Viện Vĩnh Minh tỉnh Lâm Đồng
- Chùa Thiên Quang và chùa Thiên Long thành phố Hồ Chí Minh.
- Tu viện Quảng Đức Australia
- Chùa Tịnh Đức Nha Trang
- Đoàn Thanh niên Phật tử Thiện Hạnh
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Hội Đồng điều hành và Tăng Ni sinh Học viện PGVN tại Huế
- Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Ni bộ Bắc Tông tỉnh Thừa Thiên – Huế
- Tổ đình Báo Quốc tỉnh Thừa Thiên - Huế
- Chùa Vương Xá thành phố Nha Trang

-
- Chùa Kỳ Viên thành phố Nha Trang
 - Chúng Giải Thoát và chúng Bát Quan Trai chùa Long Sơn
 - Chùa Giác Hải thành phố Nha Trang
 - Chúng Bát Quan trai Ni Viện Diệu Quang, Tp. Nha Trang
 - Ban Bảo trợ Gia Đình Phật tử tỉnh Khánh Hoà
 - Lớp học Phật Cư sĩ Áo lam II thành phố Nha Trang
 - Ban Đại Diện Phật Giáo Huyện Diên Khánh
 - Nhà Trẻ Mẫu giáo Măng Non
 - Tịnh xá Ngọc Phước tỉnh Bình Phước
 - Tu Viện Đàm Hương
 - Tăng Ni hệ phái Khất sĩ thành phố Nha Trang
 - Chùa Khuông Việt thành phố Hồ Chí Minh
 - Chùa Thiên Phú thành phố Nha Trang
 - Chúng Công Đức Ban Trị Sự Phật Giáo Khánh Hòa
 - Chùa Linh Thụ thành phố Nha Trang
 - Ban Nghi Lễ Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hòa
 - Ban Từ Thiện Xã Hội Phật Giáo Tỉnh Khánh Hòa
 - Tổ Đình Sắc Tứ Hội Phước thành phố Nha Trang
 - Chùa Di Đà, Úc Đại Lợi
 - Chúng Dược Vương, Nha Trang
 - Chùa Bình Quang, Phan Thiết
 - Ban Đại diện Phật Giáo huyện Xuân lộc, Đồng Nai.
 - Niệm Phật Đường A Dục Vương, Nha Trang
 - Công Ty Mai Hoàng
 - GDPT. Long Sơn, Nha Trang
 - Ban Đại Diện Phật Giáo Huyện Ninh Hoà
 - Chùa Linh Sơn Pháp Bảo, Nha Trang
 - Chùa Pháp Vân, Canada.

- Chùa Phổ Tịnh, Nha Trang
- Chùa Bửu Quang, Diên Khánh.
- Ban Đại Diện Tin Lành, Nha Trang
- Ni chúng và Phật tử chùa Thiên Hoà, Nha Trang
- Gia đình Phật tử Trần Tú Hoà
- Phật tử chùa Lâm Tỳ Ni, Nha Trang
- Chùa Vạn Phước, TP. HCM.
- Chùa Hải Quang, TP. HCM
- Chùa Liên Trì, TP. HCM
- Bếp ăn Từ thiện bệnh nhân nghèo bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Khánh Hoà
- Phái đoàn Phật tử Vạn Giã, Vạn Ninh.
- Ban Hoằng Pháp Tỉnh Hội Phật Giáo Khánh Hoà
- Lớp học Cư sĩ Áo Lam 1, 2 Tp. Nha Trang
- Chùa Hoa Quang, Nha Trang
- Chùa Thiên Xá, Nha Trang
- Chư Tăng và Gia đình Phật tử chùa Ngô Phước, Nha Trang
- Ni trưởng Linh Sơn và chư Ni các Tự viện thuộc tổ đình Linh Sơn
- Nhóm lớp Học Cư sĩ Áo Lam 2 và chúng Giải Thoát
- Phật tử chùa Vĩnh Thọ thành phố Nha Trang
- Chùa Bảo Đàm thành phố Hồ Chí Minh
- Chùa Diệu Quang Nam – Bắc California USA
- Chùa Hoằng Pháp thành phố Hồ Chí Minh
- Tổ Đình Huệ Lâm thành phố Hồ Chí Minh
- Chùa Kim Quang thành phố Nha Trang
- Chùa Kim Sơn thành phố Nha Trang
- Niệm Phật Đường, Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

-
- Chùa Vạn Đức thành phố Nha Trang
 - Đoàn Cựu Huynh trưởng GDPT chùa Kỳ Viên
 - Phật tử Thiền thất Viên Thông, Nha Trang
 - Gia đình ông bà Nguyễn Thiện
 - Ni chúng chùa Liên Trì thành phố Hồ Chí Minh
 - Đạo Tràng Pháp Hoa Ni Viện Diệu Quang thành phố Nha Trang
 - Cựu học Tăng Trường Trung Cấp Phật Học Khánh Hòa
 - Đoàn Phật tử Tâm Minh, TP. HCM.
 - Đoàn Du học Tăng Ấn Độ
 - Chùa Cấp Cô Độc, Nha Trang
 - Ni Chúng của cố Ni Sư Trí Hải và Tịnh Thất Tuệ Uyển, TP. HCM
 - Hoà Thượng Thích Minh Châu, Thiền viện Vạn Hạnh, TP.HCM,
 - Ni sư Thích Nữ Như Minh, Thích Nữ Hải Liên - Thừa Thiên Huế.
 - Chùa Diệu Giác, Tp. HCM
 - Gia đình Tuệ Uyển, An Lạc Hạnh, Nha Trang
 - Chùa Sắc tứ Liên Hoa, Nha Trang
 - Chùa Nghĩa Hoà, Nha Trang
 - Hoà Thượng Thích Trí Quang chùa Già Lam, Tp.HCM
 - Ban Nghi Lễ Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo Khánh Hoà
 - Ban Chúc Sự Trường hạ Chùa tổ Đình Vĩnh Nghiêm và Tăng Ni Phật tử hệ phái tổ đình Vĩnh Nghiêm TP. HCM
 - Tăng Ni Phật tử hệ phái Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Tp.HCM
 - Chùa Vĩnh Phước Quận 12, Tp.HCM
 - Chùa An Lạc, Quận 1, Tp.HCM.

- Ban Văn Hoá Trung Ương GHPGVN
- Tăng Ni Phật tử môn phong Nghĩa Phương và Hải Đức Nha Trang
- Trung Tâm Phật Giáo Chùa Việt Nam Houston - Mỹ.
- Chùa Thuyền Tôn, Huế (đệ tử Huệ Phước, Minh Đức)
- Chùa Thanh Sơn, Thuỷ Triều, Cam Ranh
- Chùa Long Quang, Vĩnh Thọ, Nha Trang
- Ni Viện Diệu Quang, Nha Trang
- Tổ đình Linh Phong, Đà Lạt
- Chùa Tâm Ấn, Đà Lạt
- Chùa Thiền Lâm, Đà Lạt
- Chùa Quán Thế Âm, Chùa Khuê Bắc, Chùa Thái Bình - Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng.
- Chùa Đông Độ, Nha Trang
- Sở Công An tỉnh Khánh Hòa
- Ban Giám Đốc Bệnh Viện Đa Khoa tỉnh Khánh Hoà
- Lãnh đạo Ban Dân Vận Tỉnh uỷ Khánh Hoà
- Chùa Phi Lai - Biên Hòa, Đồng Nai.
- Chùa Phi Lai - Tuy Hoà, Phú Yên.
- Chùa Phước Viên - Biên Hòa, Đồng Nai
- Chùa Từ Tôn - Biên Hoà, Đồng Nai.
- Đảng Ủy, Hội Đồng Nhân Dân, Ủy Ban Nhân Dân, Ủy Ban Mặt Trận các Ban Ngành Đoàn thể phường Phương Sơn.
- Chùa Tổ Đình Linh Sơn Vạn Ninh.
- Chùa Vạn Đức, Vạn Ninh
- Chùa Tân Long, Vạn Ninh.
- Ban Trị Sự Ban Giám Hiệu, Ban Giáo Thọ, Ni Bộ, Tổ Đình Diệu Ấn, Tổ Đình Long Quang Tỉnh Ninh Thuận.

- Thành Ủy, Hội Đồng Nhân Dân, Ủy Ban Nhân Dân, Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Tp. Nha Trang .
- Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Bình Thuận, Ban Đại Diện Phật Giáo Tỉnh Bình Thuận, Trường Trung Cấp Phật Học, Ni Bộ Tỉnh Bình Thuận.
- Tăng Ni Tu viện Hương Nghiêm - Đại Ninh - Đà Lạt.
- Chùa Bảo Quốc, chùa Châu Lâm - Thừa Thiên Huế
- Tăng Đoàn Làng Mai - Pháp Quốc
- Chùa Từ Đức - Quảng Đức.
- Tịnh xá Trung Tâm - TP. HCM
- Ban Trị Sự Phật Giáo Tỉnh Quảng Nam.
- Lãnh đạo Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hoà .
- Chúng pháp Hoa chùa Long Sơn, Nha Trang .
- Chùa Bửu Lâm, chùa Phật Ân – Long Thành, Đồng Nai.
- Lãnh đạo Tỉnh Ủy, Hội Đồng Nhân Dân, Ủy Ban Nhân Dân, Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam Tỉnh Khánh Hoà .
- Lớp hán văn Phật Học nâng cao Viện nghiên Cứu Phật Học Tp.HCM.
- Tăng Ni sinh lớp Luật Học Gia Giáo.
- Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Trị
- Quý Thầy và Phật tử chùa Diên Thọ.
- Ban Tôn Giáo Tp. HCM, Ban Tôn Giáo tỉnh Khánh Hoà.
- Chùa Chánh Quang - Hùng Vương, Nha Trang .
- Chùa Liên Trì - Quận 2, TP. HCM.
- Chùa Long Thọ, Tp. Nha Trang
- Chùa Lộc Sơn, Tp. Nha Trang
- Thiền viện Linh Chiếu, Huệ Chiếu, Hương Hải, Viên

Chiếu - Long Thành, Đồng Nai.

- Chùa Phật Giáo Tu Bông, Vạn Ninh.
- Chùa Vạn Thạnh Tp. Nha Trang
- Chùa Từ Nghiêm, Tp. HCM
- Chùa Dược Sư, Tp. HCM
- Chùa Thanh Quang, Tp. Nha Trang
- Chùa Diệu Pháp, Tp. Nha Trang
- Chùa Hưng Sơn Tự, Tp. Nha Trang
- Tăng sinh Thích Quảng Ba, Thích Đồng Từ tại Úc.
- Trường Mẫu Giáo Phước Huệ, Tp. Nha Trang
- Tịnh Tăng Chúng và Phật tử chùa Viên Giác - Tp. Hannover tại Đức Quốc
- Chùa Phước Long, Tp. Nha Trang
- Ban hộ tự chùa Phong Lộc
- Chùa Minh Phước, Diên Khánh.
- Chùa Pháp Bảo Thủ đức Tp. HCM
- Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới, ban phiên dịch Linh Sơn Pháp bảo đại tạng kinh chùa Pháp Bảo Thủ Đức.
- Ni chúng và Phật tử chùa An Tường Tp. Nha Trang
- Ban Trị Sự Tỉnh Hội PG Quảng Ngãi.
- Ban Trị Sự PG Tỉnh Komtum
- Chư tăng Ni Đồng hương Bình Định
- Ban Trị Sự Tỉnh hội PG lâm Đồng
- Chùa Tăng Phúc, Long Biên - Hà Nội
- Chùa Phúc Diên Đông Anh, Hà Nội
- Chư Tăng Phật học viện Huệ Nghiêm Tp. HCM
- Chùa Đa Bảo, Tp. HCM
- Chùa Long Thành, Tp. HCM

- Chùa Từ Hiếu, Tp. HCM
- Chùa Long Viên, Tp. HCM
- Chùa Thiền Tĩnh, Tp. HCM
- Chùa Phước Thành, Tp. HCM
- Chùa Từ Ân, Tp. HCM
- Tập Thể Trung Tâm Xúc Tiến Du Lịch Thương Mại, Tp. Nha Trang
- Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên Nha Trang
- Trường Trung Học Cơ sở Phan Sào Nam Nha Trang
- Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo Tỉnh Đồng Nai.
- Ban Đại Diện Phật Giáo Thị xã Long Khánh.
- Đại Diện Chư Tăng Và Phật Tử Tu Viện Giác Hải Vạn Ninh.
- Đoàn Phật tử Tuy Hoà Phú yên.
- Tu Viện Quảng Hương Già Lam, Tp. HCM
- Hoà Thượng Mãn Giác chùa Việt Nam - Mỹ quốc
- Chùa từ Tân, quận Tân Bình, Tp. HCM
- Hăng vị trai lá bồ đề, Nha Trang.

